

TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG TP. HỒ CHÍ MINH



HỘI THẢO KHOA HỌC

**“GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG
ĐÀO TẠO, NĂNG LỰC QUẢN LÝ ĐÁP ỨNG
YÊU CẦU CỦA DOANH NGHIỆP TRONG
BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ HIỆN TẠI”**

KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ
TRUNG TÂM THƯ VIỆN



BÁO CÁO ĐỀ DẪN HỘI THẢO KHOA HỌC “GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO, NĂNG LỰC QUẢN LÝ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA DOANH NGHIỆP TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ HIỆN NAY.”

Khoa Lý Luận Chính Trị và Trung Tâm thư viện.

Kính thưa Quý vị đại biểu, các Nhà giáo, nhà Khoa học, nhà Quản lý!

Trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc hiện nay, lĩnh vực giáo dục đang trải qua những chuyển biến mạnh mẽ và tích cực, góp phần quan trọng vào sự phát triển bền vững của đất nước. Đất nước ta đang chứng kiến một sự chuyển mình mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực. Từ kinh tế đến văn hóa, giáo dục, y tế... Đất nước đang nỗ lực hiện thực hóa khát vọng trở thành một quốc gia phát triển, thịnh vượng. Sự chuyển mình này không chỉ thể hiện qua việc tăng trưởng kinh tế ấn tượng mà còn qua sự đổi mới trong tư duy, trong đó có sự thay đổi tư duy trong công tác giáo dục ở các trường đại học, cao đẳng hiện nay, trong cách tiếp cận và ứng dụng công nghệ hiện đại.

Trong điều kiện cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay, giáo dục sẽ thay đổi sâu rộng để có thể bù đắp sự thiếu hụt lao động trình độ chuyên môn, kỹ năng lao động cao do yêu cầu thực tiễn đặt ra. Vì thế, chuyển đổi số trong giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học được xác định là khâu đột phá, nhiệm vụ quan trọng được thực hiện ở các mô hình tổ chức, cơ chế quản lý, nội dung chương trình, phương pháp đào tạo để kích hoạt năng lượng sáng tạo của cả người quản lý, người dạy và người học. Làm tốt chuyển đổi số không chỉ giúp nâng cao chất lượng giáo dục mà quan trọng hơn là góp phần nâng cao năng suất lao động, có thể tiếp cận những tri thức khoa học do cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư mang lại, tạo cơ hội lớn để hội nhập quốc tế. Vì vậy, các bài viết hội thảo tập trung làm rõ vai trò của chuyển đổi số trong giáo dục đại ở nhà trường, từ đó, đưa ra những giải pháp nhằm định hướng chuyển đổi số trở thành công cụ hữu hiệu, phát huy được thế mạnh của mình trong việc giảng dạy. Được sự quan tâm và chỉ đạo sâu sát của Ban giám hiệu, trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh cũng đang ngày càng phát triển thành trường thông minh chất lượng cao của Thành phố Hồ Chí Minh. Chính vì vậy đội ngũ giảng viên khoa Lý luận Chính trị và Trung tâm Thư viện của trường cũng phải ngày càng phát triển để đáp ứng được yêu cầu đó trong những năm tới.

Nhiệm vụ của khoa Lý luận chính trị là Giảng dạy các môn Giáo dục chính trị, Pháp luật cho sinh viên các hệ đào tạo trong toàn trường nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức Giáo dục chính trị mà nội dung cụ thể về chủ nghĩa Mác - Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh, Quan điểm, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và môn Pháp luật với những nội dung cơ bản về pháp luật Việt Nam nhằm từng bước hình thành thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận khoa học, xây dựng niềm tin, lý tưởng, phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, ý thức tổ chức kỷ luật, ý thức chấp hành pháp luật, yêu nghề nghiệp của mỗi sinh viên từ đó góp phần tích cực vào việc thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Trung tâm Thư viện đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ giảng dạy, học tập và nghiên cứu, đồng thời là đầu mối thúc đẩy chuyển đổi số và nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên thông tin. Những nhiệm vụ này không chỉ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục mà còn thúc đẩy sự phát triển toàn diện của nhà trường trong bối cảnh cách mạng công nghệ 4.0

Dựa trên những thành tựu của quá trình số hóa từ cơ sở hạ tầng, kết nối dữ liệu, cho đến việc trang bị kiến thức công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên thì đòi hỏi đội ngũ giảng viên của Khoa và đội ngũ cán bộ, nhân viên của Trung tâm thư viện phải không ngừng nâng cao phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn và nghiệp vụ tương xứng với vị trí việc làm, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

Với những vấn đề cấp thiết nêu trên, trong buổi hội thảo khoa học hôm nay, chúng tôi mong muốn cùng nhau tập trung làm rõ các vấn đề:

Thứ nhất: Nghiên cứu, thảo luận về giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, năng lực quản lý đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay

Thứ hai: Đề xuất, kiến nghị các giải pháp cụ thể trong hoạt động dạy và học các môn Lịch sử, Giáo dục Chính trị, Pháp luật đáp ứng yêu cầu chuyển đổi mô hình đào tạo, chất lượng cao tại trường CĐ Lý Tự Trọng TP Hồ Chí Minh; cơ hội và thách thức.

Thứ ba: Đề xuất, kiến nghị giúp cho công tác quản lý chung, quản lý hồ sơ, tra cứu thông tin tại Trung tâm thư viện đáp ứng yêu cầu chuyển đổi mô hình đào tạo chất lượng cao, thư viện số tại trường có tính khả thi và hiệu quả.

Thứ tư: Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp, cách thức thực hiện để áp dụng các phương pháp, quản lý giảng dạy mới phù hợp với thực tiễn tại khoa trung tâm và tại Trường.

Thứ tư: Nâng cao năng lực và chất lượng đội ngũ giảng viên, nhân viên tại Khoa và Trung tâm Thư viện trong mô hình quản trị nhà đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số tại trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. Hồ Chí Minh.

Thứ năm: Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, tăng cường trao đổi kiến thức, phương pháp, kinh nghiệm giảng dạy, quản lý hồ sơ, tra cứu thông tin giữa các giảng viên trong khoa, trung tâm thư viện.

Ban tổ chức hội thảo: “Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, năng lực quản lý đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.”

Hy vọng rằng, tại buổi hội thảo đầy ý nghĩa này, những vấn đề thiết thực, cấp bách trong việc nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên tại khoa sẽ được trao đổi thẳng thắn, trên tinh thần xây dựng, góp ý nhằm góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên tại khoa nói riêng và đội ngũ giảng viên giảng dạy tại các cơ sở giáo dục nói chung.

Kính chúc Quý vị đại biểu, các nhà giáo, nhà khoa học, nhà quản lý thật nhiều sức khỏe!

Xin trân trọng cảm ơn!

MỤC LỤC

1.BÁO CÁO ĐỀ DẪN HỘI THẢO KHOA HỌC.....	2
2.NÂNG CAO NĂNG LỰC SỐ CHO SINH VIÊN TRƯỜNG CĐ LÝ TỰ TRỌNG TP HỒ CHÍ MINH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO TRONG THỜI ĐẠI SỐ THÔNG QUA VIỆC DẠY MÔN GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ.....	5
3.ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ GOOGLE WORKSPACE TRONG QUẢN LÝ THƯ VIỆN TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG TP. HCM.....	14
4.ỨNG DỤNG CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN CỦA TỔ TẠI KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ	24
5.CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN VỐN TÀI LIỆU TẠI THƯ VIỆN TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG THỜI ĐẠI SỐ	33
6.CÁC GIẢI PHÁP GẮN KẾT NHÀ TRƯỜNG VÀ DOANH NGHIỆP TRONG ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC.....	41
7.GIẢNG VIÊN GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ TRONG KỶ NGUYÊN TRÍ TUỆ NHÂN TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ	47
8.VẬN DỤNG KỸ THUẬT MẢNH GHÉP TRONG GIẢNG DẠY MÔN GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ NHẪM PHÁT TRIỂN MỘT SỐ KỸ NĂNG MỀM CHO SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG TP. HCM.....	54
9.NÂNG CAO HIỆU QUẢ VẬN DỤNG HỌC TẬP TRẢI NGHIỆM TRONG DẠY HỌC GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ NHẪM KẾT NỐI NHÀ TRƯỜNG, DOANH NGHIỆP VÀ SINH VIÊN TRONG THỜI ĐẠI SỐ.....	61
10.NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN TRONG ỨNG DỤNG AI DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	68
11.CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC TRONG VIỆC ỨNG DỤNG SÁNG TẠO CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀO GIẢNG DẠY CÁC MÔN LỊCH SỬ, GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ, PHÁP LUẬT TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG TP.HCM.....	75
12.GIẢI PHÁP TRONG LIÊN KẾT ĐÀO TẠO VỚI DOANH NGHIỆP TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG TP. HỒ CHÍ MINH	82
13.CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC MÔN GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP HIỆN NAY	91
14.LỒNG GHÉP GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP VÀO BÀI GIẢNG GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ NHẪM CHUẨN BỊ HÀNH TRANG CHO SINH VIÊN TRONG MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG SỐ	99

NÂNG CAO NĂNG LỰC SỐ CHO SINH VIÊN TRƯỜNG CĐ LÝ TỰ TRỌNG TP HỒ CHÍ MINH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO TRONG THỜI ĐẠI SỐ THÔNG QUA VIỆC DẠY MÔN GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ

IMPROVING DIGITAL COMPETENCY FOR STUDENTS OF LY TU TRONG COLLEGE, HO CHI MINH CITY TO MEET THE DEMAND FOR HIGH-QUALITY HUMAN RESOURCES IN THE DIGITAL AGE THROUGH TEACHING POLITICAL EDUCATION

Nguyễn Ngọc Quỳnh

Phạm Thị Vinh

¹Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. Hồ Chí Minh

Email: nguyenngocquynh@lttc.edu.vn

phamthivinh@lttc.edu.vn

Keywords:

Digital skills, Political education, Digital transformation,

TÓM TẮT:

Bối cảnh: Năng lực số là yếu tố quan trọng hàng đầu đối với việc duy trì học tập, cũng như kết quả học tập đầu ra của sinh viên trong môi trường học tập hiện nay, phát triển năng lực số cho sinh viên là rất cần thiết để gia tăng động lực học tập cho sinh viên.

Kết quả: Nâng cao hiệu quả giảng dạy môn giáo dục chính trị khi góp phần hình thành năng lực số cho sinh viên.

Bàn luận: Đề xuất các giải pháp nào để có thể triển khai giảng dạy môn Giáo dục chính trị theo hướng nâng cao năng lực số cho sinh viên ?

ABSTRACT:

Context: Digital competence is a key factor for student retention and learning outcomes in today's learning environment. Developing digital competence for students is essential to increase student motivation to learn.

Result: Improve the effectiveness of teaching political education by contributing to the formation of digital capacity for students.

Discussion: What solutions are proposed to implement teaching of Political Education in the direction of improving digital capacity for students?

1. Mở đầu

Quyết định số 2222/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong GDNH đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đặt một số

mục tiêu về phát triển kỹ năng số, kỹ năng công nghệ thông tin tin gồm: phần đầu 50% đến năm 2025 và 100% đến năm 2030 nhà giáo và cán bộ quản lý được đào tạo bổ sung nâng cao năng lực số, kỹ năng, phương pháp sư phạm phù hợp để triển khai đào tạo trên môi trường số. Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số, năng lực số đã trở thành một yếu tố then chốt, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. Việc trang bị năng lực số không chỉ giúp người học thực hiện học tập hiệu quả suốt đời mà còn thích nghi với những thay đổi nhanh chóng của thị trường lao động mà còn mở ra nhiều cơ hội phát triển sự nghiệp.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm năng lực số

Năng lực được xác định là một tập hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ mà sinh viên cần có để thực hiện một hoạt động, giải quyết một vấn đề trong bối cảnh cụ thể để đạt được các mục tiêu trong học tập và làm việc.

Khái niệm năng lực số được hiểu là một tập hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ mà sinh viên cần có khi sử dụng các phương tiện kỹ thuật số và công nghệ thông tin để giải quyết vấn đề, giao tiếp, quản lý thông tin, cộng tác, tạo lập, chia sẻ nội dung, và hình thành kiến thức một cách hiệu quả, có chọn lọc, đầy đủ, linh hoạt, sáng tạo, có đạo đức và hợp lý để thực hiện các nhiệm vụ học tập và nghiên cứu, cũng như giải trí và tham gia vào xã hội.

UNESCO định nghĩa năng lực số là khả năng truy cập, quản lý, hiểu, kết hợp, giao tiếp, đánh giá và sáng tạo thông tin một cách an toàn và phù hợp thông qua công nghệ số để phục vụ cho các công việc từ đơn giản đến phức tạp cũng như khởi nghiệp.

Năng lực số được thừa nhận rộng rãi bao gồm kiến thức và kỹ năng nhưng lại có những góc nhìn khác nhau đối với yêu cầu về thái độ hay năng lực tự chịu trách nhiệm. Năng lực số của mỗi cá nhân được phát triển dựa trên các nền tảng của năng lực thấu cảm, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, sáng tạo và đổi mới. Năng lực số của người học không chỉ là năng lực sử dụng máy tính mà còn bao gồm các kỹ năng cần thiết khác cho cuộc sống và công việc của họ trong môi trường số.

Khung năng lực số được chia thành 5 lĩnh vực chính:

1. Thông tin và dữ liệu: Khả năng tìm kiếm, đánh giá, quản lý và chia sẻ thông tin kỹ thuật số.
2. Truyền thông và cộng tác: Khả năng giao tiếp, chia sẻ thông tin và hợp tác trực tuyến.
3. Tạo lập nội dung số: Khả năng tạo, chỉnh sửa, và chia sẻ nội dung kỹ thuật số.
4. An toàn:
Khả năng bảo vệ thiết bị, dữ liệu và quyền riêng tư khi sử dụng công nghệ số.
5. Giải quyết vấn đề: Khả năng sử dụng công nghệ số để giải quyết các vấn đề và đáp ứng nhu cầu cá nhân, học tập và làm việc.

2.2. Tầm quan trọng của năng lực số đối với sinh viên

Năng lực số, được xem là yếu tố sống còn để đạt đến thành công trong học tập, nghiên cứu và phát triển sự nghiệp trong tương lai, đa phần mọi vị trí việc làm sẽ được số hóa, khả năng sử dụng công nghệ số là đòi hỏi của hầu hết mọi ngành nghề, các ngành công nghiệp số

trở thành nhân tố then chốt của nền kinh tế, tại các cơ sở giáo dục giảng viên và sinh viên phải là những người tận dụng được các lợi ích của công nghệ số, đồng thời hỗ trợ cộng đồng và thúc đẩy khả năng đổi mới, sáng tạo của các thể hệ kế tiếp.

Năng lực số là yếu tố quan trọng hàng đầu đối với việc duy trì học tập, cũng như kết quả học tập đầu ra của sinh viên trong môi trường học tập hiện nay, phát triển năng lực số cho sinh viên là rất cần thiết để gia tăng động lực học tập cho sinh viên

Phát triển năng lực số là giúp sinh viên có được năng lực cần thiết để sống, học tập và làm việc và tham gia giao tiếp xã hội một cách chủ động, tích cực và an toàn trong môi trường số.

Phát triển năng lực số cho sinh viên là để hỗ trợ quá trình học tập của sinh viên bởi vì năng lực số giúp nâng cao kỹ năng của sinh viên trong việc sử dụng các công cụ hỗ trợ cho quá trình học tập, gia tăng khả năng tiếp cận các nguồn tài nguyên số, biết cách tích hợp các công cụ và nguồn tài nguyên số vào quá trình học tập, từ đó nâng cao chất lượng học tập. Mục tiêu phát triển năng lực số nhằm gia tăng khả năng ứng dụng các năng lực này vào học tập, giúp nâng cao hiệu quả và chất lượng học tập của sinh viên.

Ngoài ra năng lực số hiện nay đã trở thành một trong các yêu cầu thiết yếu đối với hầu hết các vị trí việc làm. Việc thiếu hụt năng lực số dẫn đến người lao động không đáp ứng đầy đủ yêu cầu công việc, dễ bị mất việc và gặp khó khăn khi cần dịch chuyển vị trí làm việc.

2.3. Những yếu tố hình thành năng lực số

Năng lực số của sinh viên Việt Nam chịu tác động từ yếu tố cá nhân, giáo dục-đào tạo, và xã hội-môi trường.

1. Yếu tố cá nhân

Nhận thức và thái độ: Quyết định sự chủ động học hỏi, ứng dụng công nghệ.

Kỹ năng tự học và thích nghi: Thiết yếu để làm chủ công cụ số trong môi trường biến đổi.

Trình độ nền tảng CNTT: Tạo lợi thế ban đầu trong việc tiếp thu kiến thức mới.

2. Yếu tố giáo dục và đào tạo

Chính sách giáo dục: Định hướng phát triển năng lực số là chuẩn đầu ra.

Chương trình đào tạo: Cần tích hợp năng lực số vào môn học, cập nhật phương pháp giảng dạy và đánh giá khoa học.

Năng lực giảng viên: Giảng viên cần có năng lực số vững vàng để hướng dẫn.

Cơ sở vật chất và hạ tầng: Đảm bảo đủ thiết bị và mạng internet để thực hành.

Môi trường học tập: Khuyến khích đổi mới, hợp tác và ứng dụng công nghệ.

3. Yếu tố xã hội và môi trường

Phát triển công nghệ và chuyển đổi số: Tạo nhu cầu và cung cấp công cụ học tập.

Yêu cầu thị trường lao động: Thúc đẩy sinh viên tự trang bị năng lực số để cạnh tranh.

Phổ biến thiết bị và nền tảng số: Góp phần hình thành năng lực số qua sử dụng hàng ngày.

Kết hợp các yếu tố này giúp sinh viên phát triển năng lực số toàn diện, sẵn sàng cho giai đoạn hiện nay.

3. Thực trạng năng lực số của sinh viên hiện nay

Các nghiên cứu về năng lực số của sinh viên hiện nay cho thấy thực trạng năng lực số của sinh viên nói chung hiện ở mức trung bình, trong đó năng lực đạt cao nhất là năng lực “Giải quyết các vấn đề kỹ thuật” và năng lực thấp nhất là năng lực “Bản quyền và giấy phép” và các chỉ số năng lực khác chỉ ở mức cơ bản. Trong đó có thể thấy thành tố “Sáng tạo nội dung số” sinh viên đạt kết quả thấp, tiếp đó là “Năng lực thông tin và dữ liệu” và “Giao tiếp và cộng tác”. Thực trạng phát triển năng lực số cho sinh viên về nhận thức chung: kiến thức về năng lực số đối với giảng viên và sinh viên là còn khá mới mẻ, rất nhiều sinh viên chia sẻ lần đầu biết về năng lực số khi tham gia bài khảo sát, ngoài ra một số giảng viên chưa biết về tầm quan trọng của việc phát triển năng lực số cho sinh viên, cũng như mục tiêu phát triển năng lực số cho sinh viên.

Về nội dung phát triển năng lực số cho sinh viên: Ở hầu hết các lĩnh vực năng lực số, các nội dung sinh viên đều chưa được hướng dẫn. Kết quả nghiên cứu thực trạng cho thấy, năng lực số của sinh viên có xu hướng đạt mức cao hơn ở những năng lực mà sinh viên nhận được sự hướng dẫn từ giảng viên. Kết quả này khá tương đồng với nhận định từ các nghiên cứu cho rằng sinh viên cần giảng viên hỗ trợ để phát triển năng lực số một cách hiệu quả hơn.

Về cách thức phát triển năng lực số cho sinh viên, còn nhiều giảng viên chưa tham gia thiết kế các module đào tạo riêng để phát triển năng lực số cho sinh viên. Có giảng viên không tích hợp các nội dung phát triển năng lực số cho sinh viên vào các học phần mà giảng viên đảm nhiệm. Về các phương thức phát triển năng lực số cho sinh viên cho thấy hầu như giảng viên chưa chú trọng vào các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cụ thể để phát triển năng lực số cho sinh viên, mặc dù hơn 50% giảng viên cho rằng rất thường xuyên và thường xuyên sử dụng các chiến lược dạy học số và phương pháp sư phạm mới để nâng cao hiệu quả dạy học. Về đánh giá kết quả hoạt động phát triển năng lực số cho sinh viên: các hoạt động đánh giá kết quả hoạt động phát triển năng lực số cho sinh viên hầu như chưa được thực hiện. Nhiều yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động phát triển năng lực số cho sinh viên đều chưa được hỗ trợ và chưa đáp ứng. Từ thực trạng trên cho thấy sinh viên cần được hỗ trợ hơn nữa bởi giảng viên trong việc nâng cao năng lực số, việc này mỗi giảng viên có thể nghiên cứu áp dụng vào quá trình dạy học của mình để góp phần nâng cao năng lực số của sinh viên.

4. Giải pháp nâng cao năng lực số cho sinh viên trường cao đẳng Lý Tự Trọng thông qua dạy môn Giáo dục chính trị.

4.1. Về phía nhà trường:

Nhà trường cần chỉ đạo xây dựng hạ tầng, đầu tư công nghệ, trang thiết bị công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và đảm bảo hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hoạt động nhanh và ổn định (đường truyền internet, máy chủ, hệ thống bảo mật, bộ máy vận hành hệ thống công nghệ thông tin).

Nhà trường chỉ đạo xây dựng hệ thống đào tạo trực tuyến bao gồm việc học tập trực tuyến (e-learning), hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS - Learning Management System),

hệ thống quản lý nội dung học tập (LCMS - Learning Content Management System) để thông qua hệ thống này giảng viên có thể đưa tài liệu học tập, giảng dạy, bài tập, bài giảng đến với sinh viên còn sinh viên thì dễ dàng tiếp cận, truy cập những thông tin mà giảng viên gửi ở mọi lúc mọi nơi.

Nhà trường cũng cần hoàn thiện các văn bản quy định liên quan các giảng viên đẩy mạnh chuyển đổi số trong giảng dạy.

Bên cạnh đó nhà trường cần tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật năng lực số bao gồm các kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số cho đội ngũ giảng viên, đây là một nhiệm vụ quan trọng và có tính quyết định thành công chuyển đổi số trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo sẽ góp phần tăng cường số lượng được đào tạo so với cách làm truyền thống thông qua các lớp tập huấn đồng thời nâng cao ý thức và khả năng tự học nói chung, tự học trực tuyến nói riêng của đội ngũ này. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số, bao gồm các kiến thức, kỹ năng sư phạm số và các năng lực chuyên môn khác cũng như phổ biến và tập huấn các văn bản quản lý nhà nước mới cho đội ngũ giảng viên

Đổi mới việc dạy và học môn tin học theo hướng trang bị năng lực số cơ bản cho sinh viên tất cả các ngành nghề với nội dung phải được cập nhật thường xuyên để phản ánh sự phát triển nhanh chóng của công nghệ (AI, Big Data, IoT, Blockchain...), trên cơ sở đó sinh viên có thể dễ dàng vận dụng đáp ứng mục tiêu đào tạo của trường và nhu cầu của doanh nghiệp.

Nhà trường cũng cần xác định được khung năng lực số phù hợp với từng nhóm đối tượng người học, đánh giá thực trạng và xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng năng lực số cho từng nhóm đối tượng người học thông qua các hoạt động nghiên cứu, khảo sát, đánh giá; xây dựng khung năng lực số cho người học trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm xây dựng khung năng lực số đã được xây dựng trên thế giới.

4.2. Đối với giảng viên giảng dạy môn Giáo dục chính trị:

Giáo dục chính trị là môn học về Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối chủ trương của Đảng, để giảng dạy môn học hiệu quả ngoài việc nắm vững chuyên môn, phương pháp giảng dạy thì trong bối cảnh hiện nay giảng viên cần nâng cao nhận thức, kỹ năng về việc góp phần nâng cao năng lực số cho sinh viên thông qua môn học mà mình dạy bằng cách không ngừng học hỏi (học về trí tuệ nhân tạo AI, các công cụ số, ứng dụng số cần thiết cho dạy học...) tiếp thu những thành tựu của chuyển đổi số để áp dụng vào hoạt động dạy học của mình cho hiệu quả. Cụ thể là:

(1) Giảng viên Cần Thực hiện để số hóa tài liệu giảng dạy môn Giáo dục chính trị của mình với các bước cơ bản như sau:

+ Lập Kế hoạch và Chuẩn bị

- **Đánh giá tài liệu hiện có:** Rà soát toàn bộ tài liệu giảng dạy hiện tại (giáo trình, bài giảng, slide, đề thi, bài tập, tài liệu tham khảo). Xác định tài liệu nào cần được số hóa, ưu tiên những tài liệu cốt lõi, thường xuyên sử dụng, hoặc cần được chia sẻ rộng rãi.

- **Xác định mục tiêu số hóa:** Bạn muốn số hóa để làm gì? (ví dụ: tạo kho học liệu trực tuyến, dễ dàng chỉnh sửa, chia sẻ với sinh viên, tích hợp vào hệ thống LMS, tăng tính tương tác, giảm in ấn). Mục tiêu rõ ràng sẽ định hướng cho các bước tiếp theo.

- **Lựa chọn định dạng và công cụ phù hợp:**

- **Văn bản:** Chuyển từ Word/PowerPoint sang PDF (để bảo toàn định dạng), hoặc định dạng có thể chỉnh sửa như Google Docs, LaTeX (cho công thức phức tạp).

- **Hình ảnh/Đồ họa:** Sử dụng định dạng JPEG, PNG, sinh viênG.

- **Video/Âm thanh:** MP4, WMV, MP3.

- **Công cụ:** Microsoft Office 365, Google Workspace, phần mềm biên tập video (Camtasia, OBS Studio), công cụ tạo mindmap/infographic, phần mềm tạo bài giảng tương tác (Articulate Storyline, iSpring Suite), hoặc đơn giản là các công cụ ghi màn hình (Screen Recorder).

- **Kiểm tra bản quyền:** Đảm bảo bạn có quyền sử dụng hoặc đã xin phép đối với các tài liệu, hình ảnh, video không phải của mình.

+ **Số hóa Tài liệu**

- **Chuyển đổi định dạng:**

- **Quét (Scan):** Đối với tài liệu giấy, sử dụng máy scan hoặc ứng dụng quét trên điện thoại (CamScanner, Google Drive Scan) để chuyển sang PDF hoặc hình ảnh.

- **Gỡ lại/Chỉnh sửa:** Đối với tài liệu không thể quét rõ ràng hoặc cần cập nhật nội dung, bạn có thể gỡ lại hoặc chỉnh sửa trực tiếp trên máy tính.

- **Biên tập và chuẩn hóa:**

- **Đồng bộ hóa định dạng:** Đảm bảo phong chữ, cỡ chữ, màu sắc, bố cục thống nhất trên toàn bộ tài liệu.

- **Chèn hình ảnh, video, âm thanh:** Tích hợp các yếu tố đa phương tiện để bài giảng thêm sinh động và dễ hiểu.

- **Tạo siêu liên kết (Hyperlinks):** Liên kết đến các nguồn tài liệu, video, website hữu ích khác.

- **Sử dụng công cụ tương tác (nếu có):** Nếu dùng các phần mềm chuyên dụng, hãy thêm câu hỏi tương tác, hoạt động kéo thả, trò chơi để tăng cường sự tham gia của sinh viên.

- **Tạo cấu trúc logic:** Sắp xếp nội dung theo từng chủ đề, bài học một cách rõ ràng, có mục lục và đánh số trang khoa học.

- **Hệ thống thư mục rõ ràng:** Tạo cấu trúc thư mục logic trên máy tính hoặc nền tảng lưu trữ đám mây (Google Drive, OneDrive, Dropbox) để dễ dàng tìm kiếm và quản lý.

- **Sử dụng hệ thống quản lý học tập (LMS):** Tải tài liệu lên LMS của trường (ví dụ: Moodle, Canvas, Google Classroom). LMS giúp tổ chức bài giảng theo tuần/chủ đề, giao bài tập, theo dõi tiến độ học tập và giao tiếp với sinh viên hiệu quả.

- **Sao lưu dữ liệu định kỳ:** Luôn sao lưu tài liệu số hóa vào nhiều nơi khác nhau (ổ cứng ngoài, đám mây) để tránh mất mát dữ liệu.

(2) Giảng viên tích hợp các nội dung phát triển năng lực số cho sinh viên vào các học phần đang giảng dạy Giáo dục chính trị trong chương trình đào tạo.

Điều kiện thực hiện giảng viên trước hết cần có hiểu biết về tầm quan trọng và mục tiêu, nội dung phát triển năng lực số cho sinh viên, bản thân giảng viên cần có năng lực số đủ để thiết kế và tổ chức dạy học nhằm phát triển năng lực số cho người học, tích cực tham gia vào quá trình hỗ trợ sinh viên phát triển năng lực số. Ngoài việc thực hiện tốt các phương pháp kỹ năng về dạy trực tuyến môn Giáo dục chính trị như đã triển khai ở trường trong thời gian vừa qua, thì giảng viên cần:

- Để phát triển “Năng lực thông tin và dữ liệu” cho sinh viên, cụ thể là hướng dẫn sinh viên cách thức tìm kiếm thông tin, đánh giá thông tin và chọn lựa các thông tin phù hợp để trình bày trong báo cáo cuối học phần môn Giáo dục chính trị. Trên cơ sở xác định nhu cầu thông tin và đề xuất chiến lược tìm kiếm, sinh viên sẽ học cách xác định thông tin cần thiết và xây dựng kế hoạch tìm kiếm hiệu quả từ các nguồn đáng tin cậy, ví dụ như tìm kiếm tài liệu về các chính sách, chủ trương của Đảng và Nhà nước, các tài liệu lịch sử.

Ngoài ra giảng viên cũng cần phải hướng dẫn sinh viên cách lưu trữ dữ liệu và sử dụng phù hợp và sinh viên sẽ học cách tổ chức, lưu trữ và khai thác dữ liệu thông tin một cách có hệ thống, chẳng hạn như cách sắp xếp tài liệu học tập, bài học, các văn bản pháp luật, hay báo cáo về các sự kiện chính trị... được lưu trữ an toàn và dễ dàng truy xuất khi cần thiết thông qua các ứng dụng Google driver, One driver, Cloud,,

Giảng viên triển khai nội dung phát triển “Năng lực thông tin và dữ liệu” cho sinh viên, giảng viên chia sẻ lên LMS đã được nhà trường xây dựng của học phần môn Giáo dục chính trị các nội dung 3 chủ đề với các hoạt động tương ứng nhằm phát triển 3 thành tố của nhóm năng lực này gồm: (1) Tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và các nội dung số, (2) Đánh giá dữ liệu, thông tin và các nội dung số và (3) Quản lý dữ liệu, thông tin và các nội dung số. Cụ thể là giảng viên dạy học trực tuyến môn Giáo dục chính trị và làm mẫu cho sinh viên thông qua phương tiện Google Meet, MS Team, Zoom và các công cụ hỗ trợ khác còn sinh viên thực hiện các thao tác dạy học trực tuyến trên thiết bị số và vận dụng kiến thức vào thực hiện các yêu cầu của học phần, tìm kiếm, lên ý tưởng, trình bày trình tự thực hiện và các kết quả trong báo cáo cuối học phần. Ngoài ra vào đầu học kỳ, giảng viên cho sinh viên cả lớp đối chứng và thực hiện bài đánh giá năng lực số để biết mức độ năng lực số hiện tại của sinh viên ở thành tố: Năng lực thông tin và dữ liệu. Để đánh giá sự phát triển năng lực số của sinh viên ở thành tố năng lực trên.

Để nâng cao năng lực số cho sinh viên trong môn Giáo dục Chính trị, với năng lực Sáng tạo nội dung số. giảng viên sẽ trao đổi với sinh viên để lồng ghép các nội dung phù hợp vào môn học Giáo dục chính trị. Giảng viên sẽ hướng dẫn sinh viên soạn thảo các tài liệu số (word, powerpoint, canvas...), thiết kế, quay và xuất bản video để mô tả quá trình thực hiện nghiên cứu, báo cáo, thảo luận, thuyết trình đến nội dung môn học. Theo đó, ngoài việc báo cáo thảo luận trên lớp như phương pháp truyền thống, giảng viên có thể yêu cầu sinh viên quay video quá trình làm việc, video báo cáo thảo luận của nhóm, đây vừa là minh chứng để giảng viên

giám sát, đánh giá quá trình làm việc của nhóm, đồng thời cũng là quá trình giảng viên phát triển năng lực sáng tạo nội dung số cho sinh viên. Để làm được như vậy giảng viên hướng dẫn trước cho các em các bước thực hiện cần thiết:

Quay và xuất bản video: Kỹ thuật cơ bản trong sản xuất video.

- **Tích hợp và tái tạo nội dung số:** chọn lọc nội dung bài học, triển khai ý tưởng, cách sử dụng và biến đổi các nội dung số có sẵn vào sản phẩm của mình.

- **Bản quyền và giấy phép:** giảng viên hướng dẫn các em các bước cần thiết để đảm bảo tuân thủ các quy định về sở hữu trí tuệ trong quá trình sáng tạo nội dung số.

Cụ thể là giảng viên có thể giao cho các nhóm làm video (với các công cụ Capcut, Windows Movie Maker, Adobe Premiere Pro, Camtasia) hay xây dựng trang facebook, youtube về các nội dung liên quan đến bài học: một số nội dung môn giáo dục Chính trị có thể giao cho sinh viên làm video: Phong trào yêu nước chống thực dân Pháp xâm lược cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ 20 ở nước ta, Quá trình Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước, Thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược....đồng thời giảng viên cũng phải kiểm tra giám sát, hướng dẫn, góp ý để đảm bảo sản phẩm nội dung số của các em có nội dung đúng với nội dung của môn học, tránh bị lệch lạc nội dung, sai quan điểm.

- **Quay và xuất bản video.** sinh viên sẽ thực hành quay các video ngắn để trình bày quan điểm, phân tích một vấn đề thời sự hoặc giới thiệu về một chủ đề chính trị, sau đó học cách biên tập và xuất bản chúng trên các nền tảng phù hợp.

- **Tạo bản đồ câu chuyện (Story map).** sinh viên sẽ học cách kết hợp các loại nội dung số khác nhau (văn bản, hình ảnh, video, bản đồ...) để tạo ra một câu chuyện trực quan và hấp dẫn, ví dụ như xây dựng Story map để trình bày quá trình hình thành và phát triển của một tổ chức chính trị - xã hội, hay sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam...

- **Bảo vệ bản quyền các nội dung số.** Giảng viên sẽ giới thiệu sinh viên sẽ tìm hiểu về luật bản quyền và hướng dẫn sinh viên cách sử dụng tài liệu có bản quyền một cách hợp pháp và bảo vệ quyền sở hữu đối với các sản phẩm số do mình tạo ra, đặc biệt khi sử dụng hình ảnh, âm thanh trong các sản phẩm liên quan đến tuyên truyền, giáo dục, đúng với quan điểm, đường lối của Đảng, pháp luật của nhà nước.

Việc tích hợp những hoạt động này vào môn Giáo dục Chính trị sẽ giúp sinh viên không chỉ nắm vững kiến thức mà còn trang bị năng lực số toàn diện, sẵn sàng cho công việc và cuộc sống trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ.

Ngoài sự hỗ trợ của Nhà trường với các chính sách phù hợp và sự hướng dẫn, giảng dạy của giảng viên thì để nâng cao năng lực số mỗi sinh viên cũng cần phải chủ động trang bị cho mình những kiến thức và kỹ năng cần thiết trong môi trường số trên cơ sở: Học tập chủ động, tự tìm hiểu và tham gia các khóa học trực tuyến về các kỹ năng số cơ bản đến nâng cao, thường xuyên áp dụng kiến thức vào thực tế, làm việc nhóm, Sử dụng công cụ số hiệu quả, thành thạo các phần mềm văn phòng, công cụ giao tiếp trực tuyến, và các ứng dụng chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực học, biết cập nhật xu hướng công nghệ mới nổi (AI, Blockchain, IoT, Big Data, v.v.) và cách chúng ảnh hưởng đến ngành nghề của mình, gia nhập các câu lạc bộ, nhóm

nghiên cứu, hoặc sự kiện công nghệ để mở rộng mạng lưới và học hỏi kinh nghiệm từ người khác.

5. Kết luận

Vai trò của giảng viên Giáo dục Chính trị trong việc phát triển năng lực số cho sinh viên cao đẳng là vô cùng quan trọng trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục hiện nay. Giảng viên không chỉ truyền đạt kiến thức mà còn là người hướng dẫn, tạo môi trường rèn luyện các kỹ năng số thiết yếu, thiết kế và đổi mới nội dung học tập, hướng dẫn và cố vấn kỹ năng số, đánh giá và kiểm định năng lực số, truyền cảm hứng và định hướng tư tưởng, có như vậy mới đáp ứng được yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và yêu cầu nghề nghiệp trong giai đoạn hiện nay, đồng thời giúp các em có thể thực hiện học tập suốt đời. Đặc biệt trong môn Giáo dục chính trị, giảng viên cần định hướng sinh viên sử dụng năng lực số một cách có trách nhiệm. Họ phải nâng cao ý thức chính trị bằng cách hướng dẫn sinh viên tiếp cận thông tin chính thống, nhận diện tin sai lệch, và tham gia truyền thông tích cực. Đồng thời, giảng viên cần phát triển tư duy phản biện để sinh viên phân tích vấn đề chính trị – xã hội một cách khách quan, tránh bị lôi kéo bởi các quan điểm xuyên tạc. Tóm lại, giảng viên Giáo dục chính trị không chỉ là dạy lý thuyết, lý luận mà còn cần phải là người thầy về kỹ năng số, và người định hướng tư tưởng, giúp sinh viên phát triển toàn diện trong thời đại số, để làm tốt vai trò đó thì bản thân mỗi giảng viên cũng phải không ngừng nâng cao và hoàn thiện năng lực số của mình.

Tài liệu tham khảo

Đỗ Văn Hùng (Chủ biên), Trần Đức Hòa, Nguyễn Thị Kim Dung, Bùi Thanh Thủy, Nguyễn Thị Kim Lân, Đào Minh Quân, Đồng Đức Hùng, Bùi Thị Ánh Tuyết, Bùi Thị Thanh Huyền, Trần Thị Thanh Vân, Trịnh Khánh Vân, Khung Năng Lực Số Dành Cho Sinh Viên, 2021.

Jana Stofkova, Adela Poliakova , Katarina Repkova Stofkova, Peter Malega, Matej Krejnos, Vladimira Binasova and Naqibullah Daneshjo, Digital Skills as a Significant Factor of Human Resources Development, Sustainability 2022, 14, 13117, Sustainability 2022, 14, 13117

Bộ Lao Động – Thương Binh Và Xã Hội, Đề Án Phát Triển Kỹ Năng Ứng Dụng Công Nghệ Thông Tin Cho Lực Lượng Lao Động, Hà Nội, năm 2023

Mai Anh Thơ, Phát Triển Năng Lực Số Cho Sinh Viên Đại Học, Tp. Hồ Chí Minh - năm 2023

Ramon Rahangmetan, Enhancing Digital Skills, November 14, 2023

Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Tài liệu tham khảo hướng dẫn chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp, NXB Dân trí, 2023.

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ GOOGLE WORKSPACE TRONG QUẢN LÝ THƯ VIỆN TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG TP. HCM

APPLICATION OF GOOGLE WORKSPACE TECHNOLOGY IN LIBRARY MANAGEMENT AT LY TU TRONG COLLEGE, HO CHI MINH CITY

Hồ Ngọc Chi

Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM;
Email: hongochi@lttc.edu.vn

Keywords:

Google Workspace,
Library Management,
Automation, Digital
Transformation, Educational
Resources

Từ khóa:

Google Workspace, quản
lý thư viện, tự động hóa,
chuyển đổi số, tài nguyên giáo
dục

TÓM TẮT:

Bối cảnh: Trước đây, hoạt động quản lý thư viện tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM chủ yếu dựa trên phương pháp thủ công, gây mất thời gian và thiếu hiệu quả. Nghiên cứu này tập trung vào việc ứng dụng các công cụ miễn phí của Google Workspace như Google Drive, Google Form, Google Sheet và Google Calendar để cải tiến quy trình quản lý.

Kết quả: Nghiên cứu đã giúp chuẩn hóa 100% văn thư điện tử, tự động hóa quy trình quản lý nhân sự, ca trực, nghỉ phép và bổ sung tài liệu. Thời gian xử lý công việc giảm 50%, tăng tính minh bạch, tiết kiệm chi phí in ấn và lưu trữ giấy tờ.

Bàn luận: Việc ứng dụng Google Workspace không chỉ mang lại hiệu quả cao trong quản lý thư viện mà còn mở ra cơ hội để áp dụng cho các bộ phận khác trong trường học, góp phần chuyển đổi số toàn diện.

ABSTRACT:

Context: Previously, library management activities at Ly Tu Trong College in Ho Chi Minh City primarily relied on manual methods, leading to inefficiencies and time-consuming processes. This study focuses on the application of free tools from Google Workspace, such as Google Drive, Google Forms, Google Sheets, and Google Calendar, to improve management processes.

Result: The study successfully standardized 100% of electronic documentation, automated processes for personnel management, shift scheduling, leave requests, and document supplementation. Processing time was reduced by 50%, enhancing transparency, and saving costs on printing and paper storage.

Discussion: The initiative has standardized 100% of electronic documentation, automated processes for personnel management, work shifts, leave requests, and document supplementation. Task processing time has been reduced by 50%, improving transparency and saving costs on printing and paper storage.

1. MỞ ĐẦU

1.1. Bối cảnh và tầm quan trọng của quản lý thư viện trong giáo dục

Trong hệ thống giáo dục, thư viện đóng vai trò là trung tâm lưu trữ và cung cấp tài liệu học tập, nghiên cứu cho giảng viên, sinh viên và các nhà nghiên cứu. Đây không chỉ là nơi cung cấp tài liệu tham khảo mà còn là môi trường thúc đẩy văn hóa đọc, tư duy sáng tạo và phát triển kiến thức. Đặc biệt, đối với các cơ sở giáo dục như Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM, thư viện là một phần không thể thiếu trong việc hỗ trợ giảng dạy và học tập.

Tuy nhiên, sự gia tăng nhanh chóng về số lượng tài liệu, sự đa dạng của các loại hình học liệu (sách, báo, tài liệu số) và nhu cầu ngày càng cao của người dùng đã đặt ra nhiều thách thức cho công tác quản lý thư viện. Những thách

thức này không chỉ ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của thư viện mà còn làm giảm khả năng đáp ứng nhu cầu của giảng viên và sinh viên.

1.2. Thực trạng quản lý thư viện trước khi áp dụng công nghệ

Trước khi triển khai nghiên cứu ứng dụng Google Workspace, hoạt động quản lý thư viện tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM chủ yếu dựa trên phương pháp thủ công và các công cụ quản lý truyền thống. Điều này dẫn đến một số hạn chế lớn:

- **Thiếu sự đồng bộ trong lưu trữ tài liệu:** Tài liệu được lưu trữ dưới dạng giấy hoặc trên các hệ thống nội bộ không liên kết, gây khó khăn trong việc truy xuất và kiểm tra thông tin.
- **Quy trình xử lý phức tạp:** Các bước từ tiếp nhận yêu cầu, kiểm tra, phê duyệt đến lưu trữ tài liệu đều được thực hiện thủ công, dẫn đến thời gian xử lý kéo dài và dễ xảy ra sai sót.
- **Chi phí cao:** Việc sử dụng giấy tờ và tài liệu in ấn không chỉ gây tốn kém mà còn làm tăng khối lượng công việc lưu trữ và bảo quản.
- **Khả năng đáp ứng hạn chế:** Với số lượng nhân sự và cơ sở vật chất có hạn, thư viện gặp khó khăn trong việc đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của giảng viên và sinh viên.

Những vấn đề trên không chỉ ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của thư viện mà còn làm giảm sự hài lòng và trải nghiệm của người dùng.

1.3. Xu hướng chuyển đổi số trong quản lý thư viện

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu, các cơ sở giáo dục cũng phải đổi mới với áp lực đổi mới để nâng cao chất lượng dịch vụ và tối ưu hóa quy trình hoạt động. Quản lý thư viện là một trong những lĩnh vực cần thiết phải chuyển đổi số để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dùng.

Chuyển đổi số trong quản lý thư viện không chỉ dừng lại ở việc số hóa tài liệu mà còn bao gồm:

- **Tích hợp các công cụ công nghệ:** Sử dụng các nền tảng và phần mềm để tự động hóa quy trình quản lý, giảm thiểu công việc thủ công và tăng cường hiệu quả hoạt động.
- **Xây dựng hệ thống quản lý tập trung:** Tạo ra một hệ thống đồng bộ cho phép truy cập và quản lý tài liệu dễ dàng, nhanh chóng.
- **Nâng cao trải nghiệm người dùng:** Cung cấp các dịch vụ trực tuyến như tìm kiếm tài liệu, đăng ký mượn sách và hỗ trợ học tập, giúp người dùng tiết kiệm thời gian và công sức.

1.4. Lý do lựa chọn Google Workspace

Google Workspace là một bộ công cụ miễn phí và dễ sử dụng, phù hợp với các cơ sở giáo dục có nguồn lực hạn chế như Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM. Các công cụ như Google Drive, Google Form, Google Sheet và Google Calendar không chỉ giúp tối ưu hóa quy trình quản lý mà còn mang lại nhiều lợi ích đáng kể: Hiện tại GG hỗ trợ trường 100T cho toàn bộ tên miền, phân mỗi user 100G/1 user, nếu cần nhiều hơn thì báo QT tăng thêm (Tương tự đối với Microsoft)

- **Tiết kiệm chi phí:** Google Workspace cung cấp các dịch vụ miễn phí hoặc chi phí thấp, phù hợp với ngân sách của trường học.
- **Dễ triển khai:** Các công cụ của Google Workspace có giao diện thân thiện, dễ sử dụng, không yêu cầu nhiều kỹ năng công nghệ.
- **Tích hợp linh hoạt:** Các công cụ có thể được tích hợp với nhau để xây dựng hệ thống quản lý tập trung, đáp ứng nhiều nhu cầu khác nhau.
- **Hỗ trợ làm việc từ xa:** Với Google Workspace, nhân viên thư viện có thể làm việc từ bất kỳ đâu, giúp tăng cường khả năng linh hoạt và hiệu quả.

1.5. Mục tiêu của nghiên cứu

Nghiên cứu "Ứng dụng công nghệ Google Workspace trong quản lý thư viện tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM" được triển khai với các mục tiêu chính sau:

- **Chuẩn hóa quy trình quản lý thư viện:** Xây dựng hệ thống quản lý tập trung, đồng bộ và minh bạch.
- **Tự động hóa các quy trình:** Giảm thiểu công việc thủ công, tăng cường hiệu quả hoạt động và tiết kiệm thời gian.
- **Nâng cao chất lượng dịch vụ:** Cải thiện trải nghiệm của người dùng thông qua các dịch vụ trực tuyến và tài liệu chất lượng cao.

- d. **Tiết kiệm chi phí:** Giảm thiểu chi phí in ấn và lưu trữ giấy tờ, tối ưu hóa nguồn lực của thư viện.
- e. **Hỗ trợ chuyển đổi số toàn diện:** Góp phần thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong giáo dục, tạo tiền đề cho việc áp dụng công nghệ vào các lĩnh vực khác.

1.6. Phạm vi và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được triển khai tại thư viện Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM, với phạm vi nghiên cứu bao gồm:

- **Đánh giá thực trạng:** Phân tích các vấn đề hiện tại trong quản lý thư viện.
- **Triển khai công nghệ:** Áp dụng các công cụ của Google Workspace vào các quy trình quản lý.
- **Đánh giá hiệu quả:** Đo lường tác động của nghiên cứu đối với hiệu quả hoạt động của thư viện.

Phương pháp nghiên cứu bao gồm:

- **Thu thập dữ liệu:** Sử dụng phiếu khảo sát, phỏng vấn và quan sát trực tiếp để thu thập thông tin về thực trạng và nhu cầu của thư viện.
- **Phân tích dữ liệu:** Sử dụng Google Sheet để phân tích dữ liệu và đánh giá hiệu quả của các công cụ được áp dụng.
- **Thử nghiệm và cải tiến:** Triển khai thử nghiệm các công cụ, đánh giá kết quả và điều chỉnh để đạt được hiệu quả tối ưu.

Đứng trước những thách thức này, tôi đã chọn đề tài " **Ứng dụng công nghệ Google Workspace trong quản lý thư viện tại trường cao đẳng Lý Tự Trọng Tp. HCM** " để nghiên cứu và triển khai nhằm cải tiến toàn diện quy trình quản lý các công tác trong thư viện. Các công cụ của Google Workspace bao gồm Google Drive, Google Form, Google Sheet và Google Calendar đã được tận dụng để xây dựng hệ thống quản lý tập trung, tự động hóa các quy trình và nâng cao hiệu quả hoạt động.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Chuẩn hóa 100% văn thư điện tử

2.1.1. Thực trạng trước khi chuẩn hóa

Trước khi áp dụng hệ thống văn thư điện tử, thư viện và các đơn vị liên quan gặp phải nhiều vấn đề:

- a. **Quản lý thủ công:**
 - Văn bản hành chính chủ yếu được lưu trữ dưới dạng giấy hoặc trên các phần mềm nội bộ không đồng bộ.
 - Ví dụ: Hồ sơ nhân sự, biên bản họp, quyết định và các tài liệu hành chính khác thường được lưu riêng lẻ, gây khó khăn trong việc truy xuất.
- b. **Rủi ro thất lạc:**
 - Tài liệu giấy dễ bị hư hỏng hoặc mất mát do môi trường (âm, ẩm mốc) hoặc do sai sót trong quá trình lưu trữ.
- c. **Chi phí cao:**
 - Việc in ấn và lưu trữ giấy tờ đòi hỏi ngân sách lớn, đồng thời làm tăng khối lượng công việc cho nhân viên.
- d. **Khó khăn trong truy xuất:**
 - Tìm kiếm tài liệu mất nhiều thời gian do không có cấu trúc lưu trữ khoa học.

2.1.2. Giải pháp chuẩn hóa văn thư điện tử

Để khắc phục các vấn đề trên, hệ thống văn thư điện tử dựa trên nền tảng Google Workspace đã được triển khai. Hệ thống này bao gồm các giải pháp chính:

2.1.2.1. Số hóa tài liệu

Toàn bộ tài liệu giấy đã được quét và lưu trữ dưới dạng tệp điện tử (PDF, Word).

Quy trình số hóa:

- **Quét tài liệu:**
 - Sử dụng máy quét để chuyển đổi tài liệu giấy thành tệp PDF.
 - Ví dụ: Biên bản họp, hợp đồng lao động và các quyết định hành chính đều được số hóa.
- **Lưu trữ tập trung:**
 - Tài liệu số hóa được lưu trữ trên Google Drive theo cấu trúc thư mục khoa học.
 - Ví dụ:
 - Thư mục "Hồ sơ nhân sự" chứa hợp đồng lao động, lịch sử làm việc và giấy tờ liên quan.
 - Thư mục "Biên bản họp" lưu trữ biên bản theo ngày tháng và chủ đề.

2.1.2.2. Cấu trúc thư mục khoa học

Hệ thống thư mục trên Google Drive được thiết kế để đảm bảo tính khoa học và dễ dàng truy xuất.

Cách phân loại:

- **Theo lĩnh vực:**
 - Giáo trình, tài liệu tham khảo, văn bản hành chính, hồ sơ nhân sự.
- **Theo thời gian:**
 - Các tài liệu được phân loại theo năm, tháng để dễ dàng theo dõi.

Ví dụ minh họa:

Thư mục "VAN BAN HANH CHINH" được tổ chức như sau:

- Google Drive \ VAN BAN HANH CHINH \ 2025 \ BIEN BAN HOP \ "2025_BienBanHop_Thang7.pdf"

"

2.1.2.3. Quy tắc đặt tên file

Tên file được chuẩn hóa để đảm bảo tính nhất quán và dễ dàng tìm kiếm.

Quy tắc đặt tên:

- **Cấu trúc:** [Năm]/[Loại tài liệu]/[Tên cụ thể].
- **Ví dụ:**
 - "2025_BienBanHop_Thang7.pdf"
 - "2025_HoSoNhanSu_NguyenVanA.pdf"

2.1.2.4. Phân quyền truy cập

Google Drive cung cấp tính năng phân quyền truy cập, đảm bảo chỉ những người được ủy quyền mới có thể xem hoặc chỉnh sửa tài liệu.

Cách phân quyền:

- **Quyền xem:** Dành cho nhân viên hoặc các bên liên quan cần tham khảo tài liệu.
- **Quyền chỉnh sửa:** Dành cho quản lý hoặc nhân viên phụ trách lưu trữ.

2.1.3. Triển khai hệ thống văn thư điện tử

2.1.3.1. Đào tạo nhân viên

Nhân viên thư viện được đào tạo về:

- **Sử dụng Google Drive:** Cách tạo thư mục, tải lên tài liệu và phân quyền truy cập.
- **Quy trình số hóa:** Cách quét tài liệu giấy và lưu trữ vào hệ thống.
- **Quy tắc đặt tên:** Đảm bảo tính nhất quán trong việc đặt tên file.

2.1.3.2. Tích hợp Google Workspace

Google Workspace được tích hợp để đồng bộ hóa các công cụ:

- **Google Drive:** Lưu trữ và quản lý tài liệu.
- **Google Sheet:** Theo dõi danh sách tài liệu đã số hóa.
- **Google Calendar:** Lập lịch kiểm tra và cập nhật tài liệu định kỳ.

2.1.3.3. Kiểm tra và nghiệm thu

Tài liệu sau khi được số hóa sẽ trải qua bước kiểm tra:

- **Kiểm tra nội dung:** Đảm bảo tài liệu đầy đủ và không có lỗi.
- **Kiểm tra hình thức:** Đảm bảo định dạng tài liệu rõ ràng và dễ đọc.

2.1.4. Kết quả đạt được

- **Tiết kiệm thời gian:** Thời gian tìm kiếm tài liệu giảm từ vài giờ xuống chỉ còn vài phút nhờ cấu trúc lưu trữ khoa học và tính năng tìm kiếm thông minh của Google Drive.

Ví dụ:

Trước đây, việc tìm kiếm biên bản họp có thể mất 30 phút. Hiện tại, nhân viên chỉ cần nhập từ khóa "2025_BienBanHop_Thang7" trên Google Drive để truy xuất tài liệu trong vài giây.

- **Giảm chi phí:** Chi phí in ấn và lưu trữ giấy tờ giảm 70%, đồng thời không cần đầu tư vào không gian lưu trữ giấy tờ.

- **Bảo mật cao:** Google Drive cung cấp tính năng phân quyền truy cập, đảm bảo chỉ những người được ủy quyền mới có thể xem hoặc chỉnh sửa tài liệu.

- **Tăng tính minh bạch:** Hệ thống văn thư điện tử cho phép các bên liên quan kiểm tra trạng thái tài liệu và lịch sử chỉnh sửa, đảm bảo tính minh bạch trong quản lý.

2.1.5. Lợi ích lâu dài

- Tối ưu hóa quy trình làm việc: Hệ thống văn thư điện tử giúp giảm tải công việc cho nhân viên thư viện, tạo điều kiện tập trung vào các nhiệm vụ quan trọng hơn.
- Dễ dàng mở rộng: Hệ thống có khả năng mở rộng để lưu trữ thêm tài liệu và tích hợp với các công cụ khác trong tương lai.
- Hỗ trợ ra quyết định: Dữ liệu lưu trữ tập trung giúp ban quản lý dễ dàng truy xuất thông tin để đưa ra các quyết định chiến lược.

2.2. Tự động hóa quản lý ca trực, nghỉ phép và quản lý cơ sở vật chất

Thực trạng trước khi triển khai:

Quản lý nhân sự tại thư viện trước đây chủ yếu dựa vào giấy tờ hoặc trao đổi trực tiếp, dẫn đến:

- **Sai sót trong việc ghi nhận thông tin:** Lịch trực và nghỉ phép của nhân viên thường bị nhầm lẫn hoặc không được cập nhật kịp thời.
- **Thiếu minh bạch:** Nhân viên không có công cụ để kiểm tra trạng thái nghỉ phép hoặc lịch trực của mình.
- **Xử lý sự cố chậm trễ:** Các vấn đề liên quan đến thiết bị và cơ sở vật chất thường bị bỏ sót hoặc xử lý không hiệu quả do thiếu hệ thống báo cáo tập trung.

Giải pháp triển khai:

Google Form và Google Sheet đã được sử dụng để xây dựng hệ thống quản lý tự động, với các tính năng chính:

- **Đăng ký ca trực và nghỉ phép:**

Nhân viên thư viện có thể đăng ký trực tuyến qua Google Form, thông tin này được tự động cập nhật vào Google Sheet. Ví dụ:

- Biểu mẫu đăng ký nghỉ phép yêu cầu nhân viên điền thông tin về ngày nghỉ, lý do và người thay thế.
- Lịch trực được cập nhật tự động lên Google Calendar, giúp nhân viên dễ dàng theo dõi.

- **Theo dõi tiến độ:**

Quản lý có thể kiểm tra trạng thái nghỉ phép và lịch trực của nhân viên thông qua Google Sheet, với các cột thông tin rõ ràng như:

- Tên nhân viên
- Ngày nghỉ
- Lý do nghỉ
- Trạng thái phê duyệt

- **Xử lý sự cố cơ sở vật chất:**

Các sự cố liên quan đến thiết bị (máy in, máy tính) hoặc cơ sở vật chất (bàn ghế, đèn chiếu sáng) được báo cáo qua biểu mẫu trực tuyến, giúp bộ phận phụ trách xử lý nhanh chóng.

Kết quả đạt được:

- **Tăng hiệu quả:** Thời gian xử lý yêu cầu nghỉ phép và đăng ký ca trực giảm từ 3 ngày xuống còn 1 ngày.
- **Minh bạch hơn:** Nhân viên có thể kiểm tra trạng thái nghỉ phép và lịch trực của mình bất cứ lúc nào.
- **Giảm sai sót:** Hệ thống tự động hóa giúp giảm thiểu các lỗi liên quan đến việc ghi nhận thông tin.
- **Xử lý sự cố nhanh chóng:** Các vấn đề về cơ sở vật chất được giải quyết trong vòng 24 giờ, thay vì kéo dài nhiều ngày như trước đây.

2.3. Quy trình bổ sung tài liệu tập trung và minh bạch

2.3.1. Thực trạng trước khi triển khai

Trước khi áp dụng Google Workspace, quy trình bổ sung tài liệu tại thư viện gặp phải nhiều vấn đề như:

- **Thiếu hệ thống tập trung:** Yêu cầu bổ sung tài liệu thường được gửi qua email hoặc trao đổi trực tiếp, dẫn đến việc khó kiểm soát và theo dõi.
 - Ví dụ: Thư viện gửi yêu cầu bổ sung tài liệu qua email cá nhân nhưng email này dễ bị thất lạc hoặc không được xử lý kịp thời.
- **Thời gian xử lý kéo dài:** Việc kiểm tra và phê duyệt tài liệu mất nhiều thời gian do thiếu quy trình rõ ràng.
 - Ví dụ: Một tài liệu cần bổ sung có thể mất từ 10 đến 20 ngày để được phê duyệt và đưa vào sử dụng.
- **Chất lượng tài liệu không đồng đều:** Một số tài liệu không đáp ứng tiêu chuẩn về nội dung và hình thức, gây khó khăn trong việc sử dụng.

▪ Ví dụ: Tài liệu bổ sung có lỗi chính tả hoặc không phù hợp với chương trình đào tạo và chuẩn TT 03, dẫn đến việc phải chỉnh sửa nhiều lần.

2.3.2. Xây dựng hệ thống quy trình bổ sung tài liệu và quản lý giáo trình

2.3.2.1. Mục tiêu quy trình

- Đảm bảo việc bổ sung tài liệu và giáo trình được thực hiện một cách khoa học, minh bạch và phù hợp với các tiêu chuẩn hiện hành (ví dụ: Thông tư 03).
- Tăng cường sự phối hợp giữa các khoa, thư viện và phòng đào tạo để đảm bảo chất lượng tài liệu giảng dạy.
- Quản lý giáo trình nội sinh hiệu quả, đồng thời hỗ trợ tính quyền lợi cho giảng viên tham gia biên soạn giáo trình.

2.3.2.2. Quy trình chi tiết

a. Khoa cung cấp thông tin ngành nghề và các môn học vào Google Form do thư viện chuyển xuống

- **Thư viện tạo Google Form:**
 - Form bao gồm các trường thông tin:
 - Tên khoa.
 - Tên ngành đào tạo.
 - Danh sách môn học thuộc ngành.
 - Người phụ trách (tên, email, số điện thoại).
 - Mục đích: Thu thập thông tin từ các khoa để xây dựng danh sách ngành và môn học chính xác.
- **Các khoa điền thông tin:**
 - Mỗi khoa nhận đường dẫn Google Form từ thư viện.
 - Điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.
 - Gửi lại form trước thời hạn quy định.

b. Thư viện đối chiếu với phòng đào tạo để xác nhận ngành và môn học đang vận hành

- **Thư viện kiểm tra danh sách ngành và môn học:**
 - Đối chiếu thông tin từ Google Form với chương trình đào tạo hiện hành của trường (do phòng đào tạo cung cấp).
 - Loại bỏ các ngành và môn học không còn vận hành.
- **Thư viện gửi danh sách đã xác nhận:**
 - Sau khi đối chiếu, thư viện gửi danh sách ngành và môn học đã được xác nhận về các khoa để tiếp tục quy trình bổ sung tài liệu.

c. Các khoa nhập liệu vào Google Sheet do thư viện tạo

- **Thư viện thiết lập Google Sheet:**
 - Google Sheet được thiết kế với các cột thông tin sau:
 - **GV nhập:** Tên giảng viên hoặc người phụ trách nhập liệu.
 - **Tên môn:** Tên môn học thuộc ngành đào tạo.
 - **Tên giáo trình:** Tên giáo trình sử dụng cho môn học.
 - **Link của file giáo trình:** Đường dẫn đến file giáo trình được lưu trên Google Drive.
 - **Giáo trình đã theo chuẩn Thông tư 03 hay chưa:**
 - Giá trị: "Đạt chuẩn" hoặc "Chưa đạt chuẩn".
 - Nếu chưa đạt chuẩn, cần ghi chú lý do hoặc yêu cầu chỉnh sửa.
 - **Các tài liệu tham khảo:** Danh sách tài liệu tham khảo liên quan đến môn học (bao gồm tên tài liệu, tác giả, năm xuất bản).
- **Các khoa nhập liệu:**
 - Mỗi khoa nhận đường dẫn Google Sheet từ thư viện.
 - Giảng viên hoặc người phụ trách điền đầy đủ thông tin vào các cột theo yêu cầu.
 - Hoàn thành trước thời hạn quy định.

d. Sau khi thư viện kiểm dò, giáo trình đáp ứng được mọi yêu cầu chuẩn sẽ gửi báo cáo bằng Google Doc về khoa

- **Thư viện kiểm tra giáo trình:**
 - Đối chiếu với các tiêu chuẩn hiện hành (ví dụ: Thông tư 03).
 - Kiểm tra nội dung giáo trình, tài liệu tham khảo và đường dẫn file giáo trình.
 - Lập danh sách giáo trình đạt chuẩn và chưa đạt chuẩn.
- **Lập báo cáo:**

- Báo cáo được thực hiện trên Google Docs, bao gồm:
 - **Danh sách giáo trình đã đạt chuẩn.**
 - **Những giáo trình chưa đạt chuẩn (nếu có) và lý do.**
 - Các tài liệu cần bổ sung hoặc chỉnh sửa.
 - Báo cáo được gửi về khoa để khoa kiểm tra và xác nhận.
- e. Khoa kiểm tra lần cuối và xác nhận vào biên bản nghiệm thu gửi về thư viện**
- **Khoa kiểm tra:**
 - Xem xét báo cáo từ thư viện.
 - Kiểm tra lần cuối các giáo trình, tài liệu tham khảo và trạng thái đạt chuẩn.
 - **Xác nhận nghiệm thu:**
 - Khoa xác nhận vào biên bản nghiệm thu (theo mẫu biên bản do thư viện cung cấp).
 - Gửi biên bản nghiệm thu về thư viện để hoàn tất quy trình.
- f. Thư viện gửi đề nghị tính quyền lợi giảng viên theo kế hoạch đã được duyệt**
- **Thư viện tổng hợp thông tin:**
 - Danh sách giảng viên tham gia biên soạn giáo trình.
 - Thông tin về giáo trình đã được nghiệm thu.
 - **Lập đề nghị:**
 - Thư viện gửi đề nghị tính quyền lợi giảng viên theo kế hoạch đã được duyệt (ví dụ: tính thi đua tháng...).
 - Gửi đề nghị đến phòng ban liên quan để thực hiện các bước tiếp theo.

2.3.2.3. Quản lý giáo trình trên Google Drive

a. Tạo thư mục FILE GT GIANG DAY CHINH (NOI SINH)

- **Thư mục chính:**
 - Tên thư mục: " FILE GT GIANG DAY CHINH (NOI SINH)
- **Thư mục con:**
 - Phân chia theo từng khoa. Ví dụ:
 - Khoa Công nghệ thông tin.
 - Khoa Động Lực.
 - Khoa Cơ khí.
 - Khoa Điện-Điện tử
 -

b. Lưu trữ file giáo trình

- **Tên file:**
 - Tên giáo trình + Tên môn học + Năm xuất bản. Ví dụ: "Giáo trình Lập trình Python - Kỹ thuật phần mềm - 2025.pdf".
- **Thông tin mô tả:**
 - File Pdf đi kèm ghi rõ:
 - Nguồn gốc, tác giả, nội dung.

c. Phân quyền truy cập

- **Trưởng, phó khoa, trưởng bộ môn:** Được quyền xem, cập nhật và tải về giáo trình thuộc khoa của mình.
- **Thư viện:** Được quyền chỉnh sửa, cập nhật và quản lý toàn bộ thư mục.

2.3.2.4. Lợi ích của việc lưu trữ trên Google Drive

- **Đễ dàng truy cập:** CBQL khoa và thư viện có thể truy cập tài liệu từ bất kỳ đâu, chỉ cần có kết nối internet.
- **Tiết kiệm không gian lưu trữ:** Không cần lưu trữ tài liệu trên giấy hoặc máy chủ nội bộ.
- **Tìm kiếm nhanh chóng:** Google Drive cho phép tìm kiếm tài liệu theo từ khóa, giúp tiết kiệm thời gian.
- **Quản lý tập trung:** Toàn bộ giáo trình nội sinh được lưu trữ tập trung, dễ dàng kiểm tra và cập nhật.

2.4. Lợi ích của quy trình bổ sung tài liệu

Tiết kiệm thời gian:

Quy trình tập trung giúp giảm thời gian xử lý yêu cầu bổ sung tài liệu từ 7 ngày xuống còn 3 ngày.

- **Trước đây:** Dữ liệu không thống nhất, thư viện lưu giữ rất ít giáo trình của khoa, mất nhiều thời gian trong việc kiểm tra và nghiệm thu.

- **Hiện tại:** Tất cả các bước từ tiếp nhận yêu cầu đến nghiệm thu đều được thực hiện trên Google Workspace, giúp giảm thiểu thời gian xử lý.

Tăng tính minh bạch:

Tất cả các bước trong quy trình đều được ghi nhận trên hệ thống Google Sheet, giúp các bên liên quan dễ dàng kiểm tra và theo dõi.

- **Ví dụ:** CB được phân công bổ sung tài liệu có thể kiểm tra trạng thái yêu cầu của mình (đã xử lý, đang chờ phê duyệt, cần chỉnh sửa) thông qua Google Sheet.

Đảm bảo chất lượng:

Tài liệu trước khi đưa vào sử dụng đều được kiểm tra kỹ lưỡng, đáp ứng tiêu chuẩn về nội dung và hình thức.

- **Ví dụ:** Các tài liệu giáo trình phải đảm bảo đầy đủ nội dung, không có lỗi chính tả và phù hợp với chương trình đào tạo, đúng theo chuẩn thông tư 03.

Quản lý tập trung: Toàn bộ giáo trình nội sinh được lưu trữ tập trung, dễ dàng kiểm tra và cập nhật. Thống nhất được giáo trình sử dụng cho toàn khoa.

Hỗ trợ giảng dạy và học tập:

Tài liệu được bổ sung kịp thời và chất lượng, góp phần nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập.

- **Ví dụ:** CB QL khoa có thể truy cập tài liệu tham khảo trên Google Drive để chuẩn bị cho các môn học và các công tác nghiên cứu.

Kết quả nghiên cứu đã chứng minh rằng việc ứng dụng Google Workspace không chỉ giúp cải thiện hiệu quả quản lý thư viện mà còn mang lại những lợi ích thiết thực như:

- Tiết kiệm thời gian và chi phí.
- Tăng tính minh bạch và chính xác trong quản lý.
- Đảm bảo chất lượng tài liệu và hỗ trợ tốt hơn cho hoạt động giảng dạy.

3. KẾT LUẬN

3.1. Tổng kết hiệu quả của nghiên cứu

Nghiên cứu "Ứng dụng công nghệ miễn phí Google Workspace" đã mang lại những hiệu quả rõ rệt trong việc cải tiến toàn diện quy trình quản lý thư viện tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM. Các kết quả đạt được không chỉ dừng lại ở việc tối ưu hóa các quy trình nội bộ mà còn tạo ra những giá trị lớn hơn cho toàn bộ hệ thống giáo dục của nhà trường.

- **Tiết kiệm thời gian:**

Một trong những lợi ích lớn nhất mà nghiên cứu mang lại là tiết kiệm thời gian xử lý công việc. Trước đây, các quy trình như lưu trữ tài liệu, bổ sung tài liệu và quản lý nhân sự thường mất hàng giờ hoặc thậm chí hàng ngày để hoàn thành. Với hệ thống tự động hóa dựa trên Google Workspace, thời gian xử lý đã giảm xuống chỉ còn một nửa, giúp các nhân viên thư viện tập trung hơn vào các nhiệm vụ chuyên môn thay vì công việc hành chính.

- **Tăng tính minh bạch:**

Tính minh bạch trong quản lý là yếu tố quan trọng để đảm bảo sự tin tưởng và hợp tác giữa các bên liên quan. Hệ thống Google Sheet và Google Form đã giúp ghi nhận mọi bước trong quy trình, từ việc tiếp nhận yêu cầu bổ sung tài liệu đến phê duyệt và nghiệm thu. Điều này không chỉ giúp quản lý dễ dàng kiểm tra và giám sát mà còn tạo sự minh bạch đối với giảng viên và sinh viên, đảm bảo rằng mọi tài liệu đều được xử lý công bằng và đúng tiêu chuẩn.

- **Giảm chi phí:**

Việc số hóa tài liệu và chuyển đổi từ hệ thống giấy tờ sang hệ thống điện tử đã giúp giảm đáng kể chi phí in ấn, lưu trữ và bảo trì cơ sở vật chất. Các tài liệu không còn phải được in ra và lưu trữ trong các thư mục vật lý, mà thay vào đó được lưu trữ trên Google Drive với dung lượng lớn và tính năng tìm kiếm thông minh.

- **Hỗ trợ giảng dạy và học tập:**

Tài liệu được bổ sung kịp thời và chất lượng đã trực tiếp hỗ trợ quá trình giảng dạy của giảng viên và học tập của sinh viên. Các tài liệu tham khảo, giáo trình và tài liệu hỗ trợ được lưu trữ tập trung và dễ dàng truy cập, giúp nâng cao hiệu quả nghiên cứu và học tập.

3.2. Bài học kinh nghiệm

Quá trình triển khai nghiên cứu cũng mang lại nhiều bài học quý giá:

- **Tầm quan trọng của đào tạo:**

Việc triển khai công nghệ mới đòi hỏi sự chuẩn bị kỹ lưỡng về mặt đào tạo. Đội ngũ nhân viên thư viện cần được hướng dẫn cụ thể về cách sử dụng các công cụ của Google Workspace, từ việc tạo và quản lý Google Form đến việc lưu trữ và chia sẻ tài liệu trên Google Drive.

- **Cần sự đồng thuận:**

Một hệ thống quản lý mới chỉ có thể hoạt động hiệu quả khi nhận được sự đồng thuận từ tất cả các bên liên quan. Trong quá trình triển khai, nhà trường đã tổ chức các buổi họp để giải thích mục tiêu và lợi ích của nghiên cứu, đồng thời lắng nghe ý kiến đóng góp từ giảng viên và nhân viên.

- **Tích hợp công nghệ với quy trình hiện có:**

Một trong những thách thức lớn nhất là tích hợp công nghệ mới vào các quy trình hiện có mà không làm gián đoạn hoạt động của thư viện. Điều này đòi hỏi sự linh hoạt trong thiết kế hệ thống và sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận.

3.3. Đề xuất và hướng phát triển

Dựa trên kết quả đạt được, nghiên cứu có thể được mở rộng và phát triển theo các hướng sau:

- **Mở rộng phạm vi ứng dụng:**

Các công cụ của Google Workspace có thể được áp dụng cho các bộ phận khác trong nhà trường, chẳng hạn như quản lý hành chính, quản lý đào tạo và quản lý học sinh - sinh viên. Điều này sẽ tạo nên một hệ thống quản lý đồng bộ và toàn diện.

- **Tích hợp các công cụ nâng cao:**

Ngoài các công cụ miễn phí của Google Workspace, nhà trường có thể xem xét tích hợp thêm các công cụ nâng cao như Google Data Studio để phân tích dữ liệu, Google Sites để tạo trang web nội bộ và Google Chat để cải thiện giao tiếp giữa các bộ phận.

- **Xây dựng hệ thống đánh giá:**

Một hệ thống đánh giá hiệu quả hoạt động của thư viện có thể được xây dựng dựa trên Google Forms và Google Sheets, giúp nhà trường theo dõi các chỉ số như mức độ hài lòng của giảng viên và sinh viên, số lượng tài liệu được bổ sung và thời gian xử lý yêu cầu.

- **Tăng cường bảo mật:**

Mặc dù Google Workspace đã cung cấp các tính năng bảo mật mạnh mẽ, nhà trường cần thường xuyên kiểm tra và nâng cấp hệ thống để đảm bảo rằng tài liệu và dữ liệu được bảo vệ trước các rủi ro về an ninh mạng.

3.4. Kết luận cuối cùng

Nghiên cứu Ứng dụng công nghệ Google Workspace không chỉ là một giải pháp công nghệ mà còn là một bước tiến lớn trong việc đổi mới quản lý thư viện tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM. Những kết quả đạt được đã chứng minh rằng công nghệ có thể đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động, tiết kiệm chi phí và hỗ trợ giảng dạy và học tập.

Trong tương lai, việc tiếp tục mở rộng và phát triển nghiên cứu này sẽ không chỉ mang lại lợi ích cho thư viện mà còn góp phần vào sự phát triển toàn diện của nhà trường, hướng tới mục tiêu trở thành một cơ sở giáo dục hiện đại, chất lượng và cạnh tranh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Thu Hiền (2020), “*Lưu trữ số, thư viện số: Nền tảng xây dựng Nhân văn số thức*”, *Phát triển mô hình trung tâm tri thức số cho các thư viện ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.422.
2. Cox, R. J. (2006). *Managing Records as Evidence and Information*. Quorum Books.
(Nội dung: Hướng dẫn quản lý tài liệu và hồ sơ trong môi trường số hóa, đảm bảo tính minh bạch và bảo mật)
3. Google Workspace. (2023). *Best practices for digital document management*. Retrieved from <https://workspace.google.com/blog>
(Nội dung: Hướng dẫn sử dụng Google Workspace để quản lý tài liệu điện tử và tối ưu hóa quy trình làm việc)
4. International Organization for Standardization (ISO). (2020). *ISO 15489-1: Information and documentation – Records management*. Retrieved from <https://www.iso.org/standard/62542.html>
(Nội dung: Tiêu chuẩn quốc tế về quản lý tài liệu và hồ sơ trong môi trường số hóa)

5. Đỗ Thu Hiền. (2022). *Số hóa và tổ chức khai thác, sử dụng tài liệu số hóa tại các lưu trữ lịch sử đáp ứng yêu cầu phát triển nhân văn số ở Việt Nam*. Luận văn tiến sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại Học Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn

6. Số hóa tài liệu, văn bản & Số hóa dữ liệu: Bước đầu của chuyển đổi số:

- <https://lacviet.vn/so-hoa-du-lieu/?locale=vi>
- <https://sohoatailieu.com/so-hoa-tai-lieu-luu-tru-la-gi-12463/?locale=vi>

ỨNG DỤNG CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN CỦA TỔ TẠI KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

APPLICATION OF DIGITAL TRANSFORMATION IN THE MANAGEMENT OF PROFESSIONAL ACTIVITIES OF THE TEAM AT THE FACULTY OF POLITICAL THEORY

Phan Thị Thùy Trang¹

¹Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM

Email: phanthithuytrang@lttc.edu.vn.

Keywords:

Digital transformation, management, Subject Group, Faculty of Political Theory

TÓM TẮT:

Bối cảnh: Đây mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu bối cảnh quốc tế hiện nay.

Kết quả: Trên cơ sở phân tích thực trạng hoạt động của tổ bộ môn, đưa ra một số giải pháp giúp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong hoạt động của tổ. Giúp cho công tác quản lý toàn bộ hoạt động của tổ được thuận lợi, dễ dàng và hiệu quả. Giảng viên tiếp cận được thông tin nhanh chóng, tạo cơ hội để giảng viên có hệ sinh thái để cùng nhau trao đổi, học tập và thảo luận.

Bàn luận: Một số giải pháp nhằm góp phần đẩy mạnh hoạt động ứng dụng chuyển đổi số trong tổ bộ môn được hiệu quả.

ABSTRACT:

Context: Promoting the application of digital transformation in vocational education institutions aims to improve the quality of high-quality human resources to meet the requirements of the current international context.

Result: Based on the analysis of the current status of the department's activities, some solutions are proposed to promote the application of digital technology in the department's activities. Helping to manage all activities of the department conveniently, easily and effectively. Lecturers can access information quickly, creating opportunities for lecturers to have an ecosystem to exchange, learn and discuss together.

Discussion: Some solutions to contribute to promoting effective digital transformation application activities in the department.

1. Mở đầu

Đề hướng tới mục tiêu trở thành Trường Chất lượng cao của Quốc gia và đạt chuẩn Asian, trong những năm qua, Trường đã tăng cường đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số (CDS) trong mọi hoạt động của nhà trường và đã đạt được nhiều thành tựu to lớn. Việc ứng dụng công nghệ số trong các hoạt động từ quản lý, giảng dạy, kiểm tra, đánh giá cho tới các hoạt động nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế đã và đang dần dần đi vào chiều sâu. Để đạt được những thành tích như trên, không những đó là sự đồng lòng, thống nhất từ đội ngũ các nhà giáo, cán bộ, nhân viên mà còn có sự đóng góp hết mình đến từ phía phụ huynh và sinh viên trong nhà trường. Khoa Lý luận Chính trị cũng không nằm ngoài chiến lược trên. Đội ngũ giảng viên (GV) tại Khoa không ngừng nỗ lực và tích cực trong giảng dạy (GD) và nghiên cứu. Tăng cường ứng dụng công nghệ số, xây dựng hệ sinh thái phục vụ cho việc dạy và học các môn lý luận chính trị. Do đó, với tư cách là trưởng bộ môn, tác giả dựa trên tình hình thực tiễn tại khoa, tình hình hoạt động của tổ đã lựa chọn chủ đề: “Ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý hoạt động chuyên môn của Tổ tại Khoa Lý luận chính trị” nhằm đề xuất và gợi ý một số giải pháp góp phần đẩy mạnh hoạt động CDS tại Khoa nói riêng và Trường nói chung.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Lý luận về chuyển đổi số trong công tác quản lý tổ bộ môn

2.1.1. Khái niệm

Chuyển đổi số trong công tác quản lý bộ môn là việc ứng dụng công nghệ số và các giải pháp kỹ thuật số để thay đổi, cải thiện và tối ưu hóa các hoạt động quản lý, giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học trong bộ môn. Mục tiêu là nâng cao hiệu quả, chất lượng và trải nghiệm của người học, người dạy, cũng như tối ưu hóa quá trình quản lý của bộ môn.

2.1.2. Ứng dụng công nghệ số trong quản lý tổ bộ môn được thực hiện dưới những nội dung sau:

- Quản lý và triển khai các loại văn bản, thông tư, quyết định phục vụ cho các kế hoạch, công việc, nhiệm vụ hoạt động của Tổ
- Quản lý học liệu của bộ môn bao gồm: kế hoạch giảng dạy, giáo án, bài giảng điện tử, tài liệu giảng dạy, giáo trình, tài liệu tham khảo, câu hỏi ôn tập, bài kiểm tra.
- Quản lý các công việc, kế hoạch, nhiệm vụ của tổ bộ môn: kế hoạch dự giờ, thao giảng, kiểm tra hồ sơ chuyên môn, xếp thời khóa biểu, xét điều kiện dự thi...
- Quản lý thông tin, dữ liệu của giảng viên, của tổ
- Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học, hội thảo, thao giảng, sinh hoạt chuyên đề, báo cáo.
- Quản lý phong trào, hoạt động ngoài giờ của tổ

2.1.3. Lợi ích của việc ứng dụng công nghệ số (CNS) trong quản lý tổ bộ môn

- Ứng dụng chuyển đổi số vào quản lý chuyên môn giảng viên giúp hiện đại hóa các hoạt động, tối ưu hóa quy trình và tăng cường hiệu quả công việc. Chuyển đổi số mang lại nhiều lợi ích như nâng cao chất lượng giảng dạy, quản lý thông tin hiệu quả, và tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển nghề nghiệp của giảng viên. Ứng dụng các công cụ số như phần mềm quản lý hồ sơ, và các nền tảng giao tiếp trực tuyến giúp tổ bộ môn số hóa quy trình, lưu trữ tài liệu, và tương tác với các thành viên hiệu quả hơn.
- Sử dụng công cụ số trong quản lý thông tin bộ môn giúp nâng cao hiệu quả quản lý, tăng cường tính minh bạch, và tạo sự gắn kết trong bộ môn, giúp cải thiện hiệu quả làm việc nhóm, tạo điều kiện trao đổi thông tin nhanh chóng, dễ dàng và tiết kiệm thời gian.
- Tạo dựng được kênh làm việc chung trên không gian mạng cho các thành viên trong tổ, từ đó giúp GV có thể dễ dàng theo dõi tiến độ công việc và các kế hoạch của tổ bộ môn trong tuần, tháng, học kỳ và năm học.
- Việc số hóa hồ sơ, sổ sách bao gồm: kế hoạch giảng dạy, giáo án, sổ tay, bảng điểm vừa giúp GV và tổ bộ môn có thể quản lý, lưu trữ được đầy đủ các hồ sơ, sổ sách của GV, của bộ môn mà còn giúp dễ dàng nắm được đầy đủ thông tin về hoạt động giảng dạy của GV trong từng học kỳ, năm học. Ngoài ra, việc số hóa hồ sơ chuyên môn còn tạo thuận lợi cho việc kiểm tra hồ sơ của lãnh đạo phòng, Sở, nhà trường và của tổ bộ môn được diễn ra mọi lúc và mọi nơi. Dễ dàng kiểm soát các chương trình, kế hoạch thực hiện công tác dạy và học, quản lý kết quả kiểm tra, đánh giá, xếp loại.
- GV giảm bớt gánh nặng, tiết kiệm thời gian để tập trung nhiều hơn vào chuyên môn. Số hóa hồ sơ, sổ sách không chỉ góp phần đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục, mà còn tiết kiệm kinh phí, giảm bớt công sức lao động cho GV và giảm thủ tục không cần thiết, giúp đội ngũ tập trung làm tốt công việc chuyên môn.
- Giúp trưởng bộ môn có thể nắm và quản lý được đầy đủ thông tin của các thành viên trong tổ, bao gồm: thông tin cá nhân, năng lực chuyên môn, quá trình công tác, thâm niên giảng dạy... để từ đó có thể tìm kiếm và lọc thông tin dễ dàng, nhanh chóng. Thuận tiện hơn cho việc hỗ trợ, chia sẻ những khó khăn của đồng nghiệp trong công việc và cuộc sống.
- Việc sử dụng các công cụ quản lý công việc trực tuyến tạo thuận lợi hơn trong việc phân công nhiệm vụ, theo dõi tiến độ và đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ của tổ bộ môn. Giúp các thành viên phối hợp công việc một cách nhịp nhàng, theo dõi tiến độ và đảm bảo các công việc được hoàn thành đúng thời hạn.
- Tạo cơ hội để GV có thể tương tác, chia sẻ những phương pháp, kỹ thuật dạy học mới. Giúp các thành viên trong bộ môn giao tiếp hiệu quả hơn, nhanh chóng hơn và giảm thiểu sự mâu thuẫn, xung đột trong tập thể.

2.2. Thực trạng hoạt động của Tổ bộ môn Giáo dục Chính trị tại Khoa Lý luận Chính trị

2.2.1. Tình hình hoạt động chung của Tổ GDCT

Khoa Lý luận Chính trị của trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Quyết định số 1311/QĐ-LTT-TC ngày 12 tháng 09 năm 2013 của Hiệu trưởng nhà trường, trên cơ sở tổ bộ môn Lý luận Chính trị được tách ra từ khoa Khoa học Cơ bản. Hiện tại, khoa Lý luận chính trị gồm có 02 tổ bộ môn (gồm tổ bộ môn Giáo dục chính trị và tổ bộ môn Pháp luật) với 14 giảng viên. Nhiệm vụ của khoa Lý luận chính trị là giảng dạy các môn Giáo dục chính trị, Pháp luật cho sinh viên các hệ đào tạo trong toàn trường.

Hiện nay, tổ Giáo dục chính trị có 13 giảng viên cơ bản đáp ứng được yêu cầu về trình độ chuyên môn, đa phần đều từ trình độ thạc sĩ trở lên, có năng lực sư phạm, có kinh nghiệm giảng dạy trên 15 năm do đó, chuyên môn vững vàng. Hầu hết đội ngũ giảng viên tích cực học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đổi mới sáng tạo, vận dụng các phương pháp giảng dạy mới theo hướng chuẩn hóa để tổ chức các hoạt động giáo dục ngày càng thiết thực, hiệu quả. Cụ thể:

STT	Trình độ chuyên môn	Số lượng	Tỉ lệ phần trăm
1	Trình độ Tiến sĩ	1	7,7%
2	Trình độ Nghiên cứu sinh	4	30,7%
3	Trình độ Thạc sĩ	12	92,3%
4	Trình độ Cử nhân	1	7,7%
5	Đạt chuẩn chuyên môn nghiệp vụ GV giáo dục nghề nghiệp	13	100%
6	Số giảng viên có khả năng dạy trên các nền tảng công nghệ	13	100%

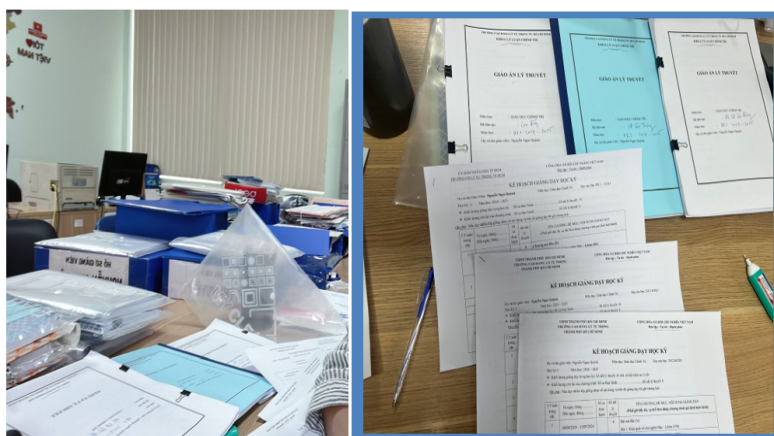
(Nguồn: Báo cáo khoa Lý luận chính trị 2024 - 2025)

2.2.2. Thực trạng ứng dụng công nghệ số, kỹ thuật số vào quản lý hoạt động của Tổ bộ môn

Hưởng ứng chủ trương và kế hoạch đẩy mạnh ứng dụng CNS và phương tiện kỹ thuật số vào các hoạt động chung của Nhà trường, trong những năm qua, tổ GDCT vẫn tăng cường và tích cực trong việc ứng dụng các phương tiện, công cụ kỹ thuật số vào trong hoạt động chung của tổ cũng như việc quản lý các hoạt động của Tổ bộ môn. Cụ thể, Tổ cũng tích cực triển khai cập nhật các thông tư, quyết định qua kênh Egov đến các thành viên trong tổ, lập kênh làm việc chung qua Zalo, Facebook để trao đổi và chia sẻ các thông tin đến GV. Phục vụ cho việc giảng dạy trực tuyến, các học liệu bao gồm: bài giảng điện tử, giáo án, kế hoạch giảng dạy trường bộ môn sẽ thông qua ứng dụng Google.drive để các thành viên có thể nộp tài liệu và hồ sơ giảng dạy theo từng học kỳ và từng năm học. GV có thể dễ dàng tải và cập nhật hồ sơ mọi lúc và cũng để phục vụ cho công tác kiểm tra hàng năm của nhà trường và của tổ được thuận tiện.

Tuy nhiên, đánh giá chung thì việc quản lý toàn bộ hoạt động của Tổ vẫn chủ yếu dựa trên các công cụ thủ công, trực tiếp.

+ Về quản lý hồ sơ giảng dạy:
Hầu hết các hồ sơ giảng dạy, GV vẫn phải ghi chép thủ công, in ấn và nộp lại file cứng cho tổ trưởng và được lưu trữ tại khoa cũng như tổ theo cách truyền thống từ trước đến nay. Do đó, khi có công văn kiểm tra đột xuất của Sở, Nhà trường thì việc trích lục và tìm kiếm gặp nhiều khó khăn và hạn chế. Ngoài ra, việc bảo quản các hồ sơ cũng được xem là vấn đề khó khăn, do số lượng GV đông, khối lượng hồ sơ nhiều nên thường sau 5 năm, GV sẽ tự bảo quản, do đó dễ dẫn đến việc mất hoặc bị hư hỏng.



+ *Về triển khai các công việc, nhiệm vụ của Tổ:* Hầu hết các kế hoạch, công việc, nhiệm vụ của Tổ và của thành viên thì trường bộ môn chỉ sử dụng kênh Zalo hoặc Egov để thông báo hoặc thông báo tại bảng cứng trên khoa. Đối với kênh Egov, các thông tin gửi đến GV đều mang tính riêng lẻ, điều này dẫn đến sự bất cập trong việc theo dõi tiến độ thực hiện các công việc của GV nói riêng và của tổ nói chung. Do không nắm bắt được tiến độ thực hiện các công việc của nhau, GV sẽ khó khăn trong việc hỗ trợ đồng nghiệp khi cần.

+ *Quản lý các hoạt động học thuật, nghiên cứu khoa học, sinh hoạt chuyên đề, hội họp:* Việc tổ chức các buổi sinh hoạt và báo cáo chuyên đề là hoạt động định kỳ thường niên của các tổ bộ môn nhằm mục đích tạo cơ hội để GV chia sẻ, trao đổi những kinh nghiệm, những phương pháp giảng dạy mới trong môn học. Tuy nhiên thực tế tại tổ việc tổ chức sinh hoạt chuyên đề thường lồng ghép vào các buổi họp tổ hàng tháng. Điều đó làm cho GV không thấy được tầm quan trọng của các buổi sinh hoạt hay báo cáo chuyên đề của tổ. Nguyên nhân của vấn đề trên là do Tổ bộ môn hiện tại chưa xây dựng phương tiện hoặc kênh làm việc chung để GV có cơ hội được trao đổi, được chia sẻ và thảo luận với nhau. Tại một số trường hiện nay, các tổ đều xây dựng một hệ sinh thái chung để các GV có cơ hội tìm kiếm thông tin nội dung trong các bài báo, các bài báo cáo, hội thảo bất cứ lúc nào, qua đó vừa giúp GV có thể tiếp cận được đầy đủ các thông tin đa chiều vừa giúp GV nâng cao được năng lực nghề nghiệp của mình.

+ *Quản lý nhân sự trong Tổ bộ môn:* Các dữ liệu thông tin của từng GV như trình độ chuyên môn, năng lực nghề nghiệp, thâm niên giảng dạy thông thường tổ trưởng đều phải nắm rõ để có thể phân công những nhiệm vụ, công việc cho phù hợp với năng lực và sở trường mỗi người. Tuy nhiên, do số lượng thành viên tổ hiện tại đến 13GV, cộng với việc trường bộ môn phải thực hiện rất nhiều công việc, do đó, việc cập nhật các thông tin qua mỗi năm sẽ có phần hạn chế. Ngoài ra, các thành viên trong tổ cũng không phải nắm hết được các dữ liệu, thông tin của GV khác trong tổ mình. Điều đó phần nào cũng ảnh hưởng đến việc xây dựng một tinh thần làm việc nhóm hiệu quả, sự cộng hưởng, gắn kết giữa các thành viên cũng vì đó bị hạn chế nhiều.

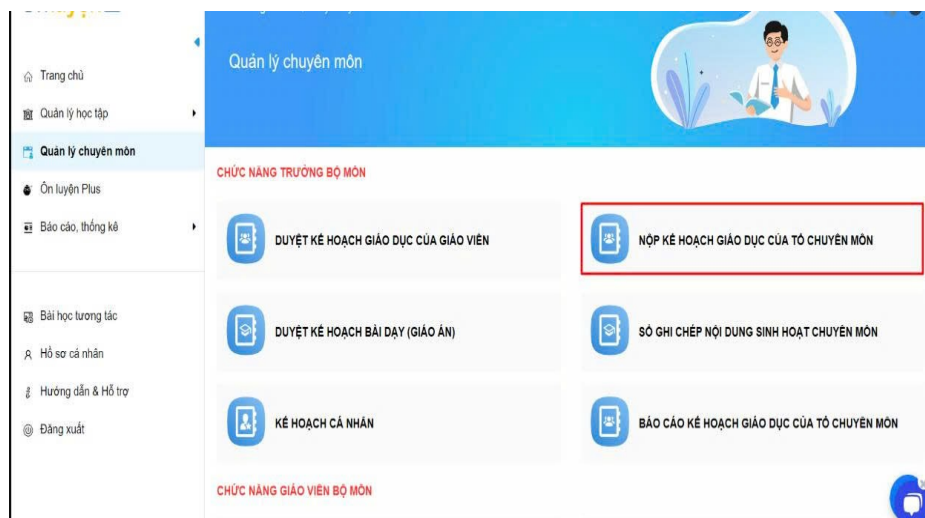
2.3. Giải pháp ứng dụng CNS vào quản lý hoạt động của tổ bộ môn

2.3.1. Xây dựng cổng thông tin điện tử cho Tổ bộ môn

Cổng thông tin điện tử được sử dụng như là kênh làm việc chung để các thành viên trong tổ thực hiện các hoạt động giảng dạy, trao đổi, chia sẻ. Có thể nộp, tải và tiếp nhận các thông tin liên quan đến công việc của tổ bộ môn và của GV. Trang được xây dựng và phân thành nhiều kênh với các nội dung bao gồm:

- Tổng quan chung về Tổ: quá trình thành lập, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, số lượng giảng viên, thành tích khoa qua các năm.
- Danh mục giảng viên của Tổ: Số lượng GV biên chế, thành giảng, trình độ chuyên môn, số năm công tác, những thành tích đạt được của từng GV.
- Danh mục các công văn, thông tư, quyết định liên quan đến hoạt động của môn học, quy định về việc dạy và học, kiểm tra và đánh giá cũng như các văn bản về chế độ, chính sách của người lao động.
- Danh mục các tài liệu phục vụ cho việc giảng dạy của GV: Giáo trình, tài liệu học tập, tài liệu tham khảo, giáo án, bài giảng điện tử, kế hoạch giảng dạy, sổ tay, bảng điểm...
- Danh mục các công việc của tổ trong từng học kỳ, năm học: kế hoạch dự giờ, xếp thời khóa biểu, kiểm tra hồ sơ chuyên môn, hội họp, thời gian nhập học và kết thúc, nhập điểm, xét điều kiện dự thi...
- Danh mục hoạt động nghiên cứu khoa học: hội thảo khoa học, sinh hoạt chuyên đề, tọa đàm, các bài viết, ấn phẩm.
- Danh mục các hoạt động khác: các hoạt động do Tổ bộ môn tổ chức, thao giảng, các lớp tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, hoạt động học thuật cho GV và sinh viên

- Góc thảo luận, chia sẻ của GV.



Nguồn: <http://cryotechvietnam.com.vn>

Việc xây dựng kênh điện tử của bộ môn sẽ do trưởng bộ môn làm tờ trình gửi Khoa, và Khoa sẽ tiến hành mời bộ phận kỹ thuật của trung tâm dữ liệu nhà Trường thực hiện.

2.3.2. Tổ chức buổi báo cáo sinh hoạt chuyên đề hướng dẫn sử dụng trang điện tử chung của Tổ

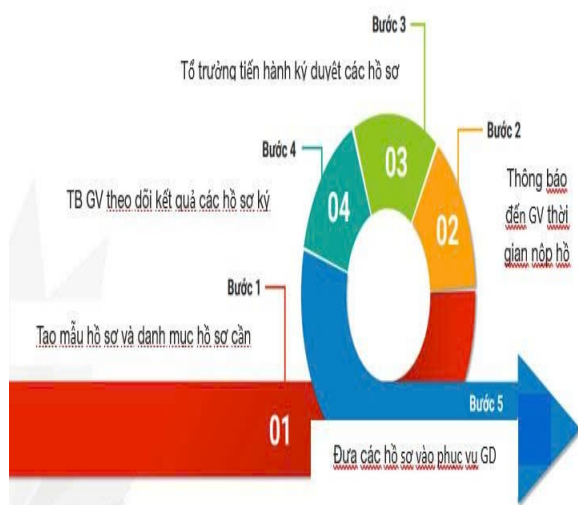
Việc tổ chức buổi sinh hoạt chuyên đề nhằm mục đích tập huấn và hướng dẫn GV sử dụng trang web điện tử chung của tổ đồng thời giúp thay đổi từ mô hình hoạt động của Tổ bộ môn từ truyền thống sang mô hình hoạt động dựa trên quá trình số hóa. Buổi sinh hoạt chuyên môn sẽ mời nhân viên công nghệ thông tin của nhà trường, khách mời đến từ các trường đã vận hành mô hình quản lý hồ sơ điện tử. Nội dung buổi sinh hoạt sẽ chia thành nhiều phần, bao gồm:

- Phần 1: Trưởng bộ môn sẽ giới thiệu đến GV, khách mời trang web điện tử chung của Tổ mới xây dựng
- Phần 2: Nhân viên IT sẽ tập huấn và hướng dẫn GV cách sử dụng trang web, cụ thể:
 - + Hướng dẫn GV cách đăng nhập, sử dụng và các quy định về bảo mật của trang web, cũng như bảo mật các hồ sơ tài liệu của Tổ và của thành viên.
 - + Hướng dẫn về quy trình đăng, tải các tài liệu và theo dõi cập nhật các tài liệu.
 - + Hướng dẫn lại cài đặt và cách sử dụng chữ ký số
 - + Giới thiệu một số công cụ, phương tiện kỹ thuật cũng như phương pháp để triển khai thực hiện quá trình số hóa toàn bộ hoạt động của Tổ.
- Phần 3: Khách mời chia sẻ những kinh nghiệm

Chia sẻ của khách mời nhằm trao đổi những kinh nghiệm về mô hình hoạt động và quản lý tổ dựa trên số hóa. Tháo gỡ những khó khăn GV sẽ gặp trong quá trình chuyển từ mô hình hoạt động trong tổ theo cách truyền thống sang mô hình số hóa. Giới thiệu các công nghệ mới, phương tiện, kỹ thuật mới nhằm thay đổi phương thức quản lý, điều hành, quy trình làm việc và văn hóa cộng đồng cũng như làm thay đổi nhận thức, thói quen và đổi mới tư duy của GV trong tổ.

2.3.3. Xây dựng quy trình hướng dẫn đưa hồ sơ điện tử lên trang web Tổ

Hồ sơ mà GV đưa lên trên trang web chung là các loại hồ sơ, tài liệu phục vụ cho việc dạy và học bộ môn GDCT, bao gồm: Kế hoạch giảng dạy, giáo án lý thuyết, giáo trình, bài giảng điện tử, tài liệu học tập, bảng điểm, sổ tay và những tài liệu mà GV sử dụng cho việc giảng dạy của mình. Việc đưa các hồ sơ sẽ được thực hiện theo quy trình 5 bước. Cụ thể như sau:



Bước 1: Tạo mẫu số để lưu trữ, phân loại các hồ sơ sổ sách. Thiết lập thành các kênh thư mục, bao gồm:

- + Mẫu hồ sơ giảng dạy: Tất cả các hồ sơ đều chuẩn hóa và thống nhất theo mẫu chung quy định của Tổ
- + Kênh thời gian lưu trữ: tháng, học kỳ, năm
- + Kênh hệ đào tạo: trung cấp, Cao đẳng và CĐ liên thông, GD thường xuyên
- + Kênh hồ sơ GD: Kế hoạch GD, giáo án, giáo trình..
- + Các tài liệu phục vụ GD khác: phương tiện, công cụ kỹ thuật sử dụng trong từng bài.

Bước 2: Thông báo đến GV trong tổ thời gian nộp các hồ sơ điện tử trong học kỳ.

Việc nộp hồ sơ GD sẽ được thực hiện trước ngày dạy 1 tuần. Tất cả các file tài liệu của GV đều phải thực hiện ký chữ ký số rồi mới gửi tổ trưởng duyệt.

Bước 3: Tổ trưởng tiến hành ký duyệt các hồ sơ:

Tổ trưởng kiểm tra các hồ sơ giảng dạy của GV, nếu hồ sơ nào thực hiện đúng yêu cầu, tổ trưởng sẽ tiến hành

ký bằng chữ ký số. Đối với các hồ sơ chưa đáp ứng về nội dung, hình thức và thiếu chữ ký số của GV, tổ trưởng thông báo đến GV.

Bước 4: GV theo dõi kết quả kiểm tra và ký duyệt các hồ sơ của mình, GV nào chưa hoàn chỉnh thì sửa chữa, bổ sung và nộp lại trên hệ thống. GV phải kiểm tra các hồ sơ của mình đã có đầy đủ chữ ký số của trưởng bộ môn chưa và phải thông báo đến tổ trưởng để hoàn chỉnh chữ ký. Hồ sơ giảng dạy hoàn chỉnh và hợp lệ là hồ sơ đúng theo mẫu quy định trong Tổ, có đủ chữ ký số của GV và trưởng bộ môn.



Mẫu Dashboard của một trường học đang áp dụng về quản lý hồ sơ điện tử

Bên trên là mẫu bảng biểu của một trường trung học hiện nay nhằm để GV và tổ trưởng có thể theo dõi toàn bộ quá trình ký duyệt các hồ sơ giảng dạy.

Bước 5: Sau khi các hồ sơ giảng dạy đã được ký duyệt, GV tải về và phục vụ cho việc giảng dạy của mình.

2.3.4. Tiến hành thực nghiệm mô hình số hóa trong hoạt động của Tổ

Việc chuyển từ mô hình hoạt động của tổ từ truyền thống sang vận hành theo quy trình số hóa được thực hiện qua các nội dung sau:

- *Triển khai các hồ sơ, văn bản, thông tư phục vụ cho các kế hoạch, công việc, nhiệm vụ hoạt động của Tổ.* Triển khai và quản lý các công việc, kế hoạch, nhiệm vụ của tổ bộ môn trong từng tháng, học kỳ và năm học.

Việc triển khai theo cách thông thường như trước giờ tổ trưởng sẽ thông báo qua Zalo hoặc qua Egov đến GV. Khi chuyển sang hoạt động theo mô hình số hóa thì toàn bộ văn bản, thông tư, nghị quyết sẽ được trưởng bộ môn cập nhật lên trang điện tử của tổ. Khi GV cập nhật vào trang web sẽ hiển thị thông báo đồng thời trong hộp thư cá

nhân cũng sẽ gửi đến GV có thông báo cần đọc, giao diện sẽ hiển thị các thông tin liên quan đến việc cập nhật thông báo cần triển khai như sau:

- + Nội dung thông báo cần triển khai: Văn bản, thông tư, kế hoạch, nhiệm vụ...
- + Thời gian đọc và phản hồi: 1 tuần từ khi trưởng bộ môn cập nhật thông báo lên web
- + Yêu cầu: Phải đọc TB trong thời hạn đã đính kèm
- + Hiển thị: Các mốc thời gian bình thường, sắp trễ và trễ hạn để nhắc nhở GV cần thực hiện
- + GV đã thực hiện: sẽ cập nhật GV nào đã đọc và GV nào chưa thực hiện công việc trên.

Như vậy, với cách thực hiện trên, toàn bộ các công việc của Tổ cũng như những văn bản mà tổ trưởng cần triển khai đều được thông tin đến các thành viên. Trưởng bộ môn cũng như các thành viên của tổ có thể theo dõi và nắm được tình hình GV nào chưa đọc hoặc đã đọc thông tin. Cách làm này sẽ yêu cầu các GV đều phải thực hiện và đều phải nắm được toàn bộ thông tin các nhiệm vụ, kế hoạch triển khai.



- *Triển khai các công việc định kỳ của tổ bộ môn:* Các công việc như kế hoạch dự giờ, kiểm tra hồ sơ chuyên môn, duyệt đề thi, thực hiện bảng đánh giá thi đua và tính khối lượng... cũng sẽ được Tổ trưởng cập nhật trên thư mục công việc của Tổ.

Ví dụ về triển khai kế hoạch dự giờ: Tổ trưởng sẽ triển khai qua link, GV đăng ký thời gian và nội dung dự giờ vào link tổ trưởng đã cập nhật trong kế hoạch. Dashboard dự giờ của từng GV sẽ được hiển thị trực tiếp trên trang web tổ. Thao tác này sẽ giúp các GV dễ dàng cập nhật được thông tin dự giờ của từng GV, GV nào có nhu cầu muốn dự giờ GV khác, hoặc muốn dự nội dung nào, thời gian nào cũng có thể chọn lựa phù hợp. Việc hiển thị Dashboard sẽ vừa giúp Tổ trưởng quản lý được GV nào đã dự, GV nào chưa thực hiện từ đó có thể nhắc nhở GV thực hiện đúng tiến độ.

Các công việc được triển khai dưới hình thức số hóa vừa giúp GV nắm bắt được tiến độ các công việc cần làm, vừa giúp cho các nhiệm vụ của GV, của tổ bộ môn diễn ra đúng thời gian và hiệu quả.

- *Quản lý hệ sinh thái học liệu số của Tổ bộ môn*

Việc tạo được kênh học liệu số của môn học nhằm phục vụ giảng dạy trực tuyến đa nền tảng, hỗ trợ toàn diện hoạt động quản lý, giảng dạy, kiểm tra, đánh giá từ các cấp như Sở GD&ĐT, Nhà trường, cho đến đơn vị.

Các tài liệu phục vụ cho việc giảng dạy sẽ được chuyển sang số hóa, không còn tình trạng sử dụng các tệp hồ sơ giảng dạy như trước đây, GV không cần in ấn từ kế hoạch GD, giáo án hay sổ tay. Việc lưu trữ các tài liệu trên vừa gây ra sự hạn chế trong công tác lưu trữ, bảo quản của GV vừa khó khăn trong công tác kiểm tra, đánh giá của đơn vị. Do đó, khi xây dựng kênh học liệu số của tổ bộ môn, tất cả hồ sơ giảng dạy sẽ được chuyển sang file mềm. Trưởng bộ môn cũng như GV có thể quản lý hồ sơ GD của mình qua các năm, vừa có thể theo dõi được tình hình cập nhật cũng như thực hiện nộp các tài liệu của GV.

- *Quản lý thông tin, dữ liệu của giảng viên của tổ*

Thông tin, dữ liệu của GV cũng như và tình hình giảng dạy của GV sẽ lưu trữ thông qua công cụ trực tuyến. Trưởng bộ môn công khai minh bạch những thông tin liên quan đến hoạt động giảng dạy và đề chế độ riêng tư các thông tin cá nhân của GV. Tổ trưởng cũng sẽ cập nhật các thay đổi về trình độ chuyên môn, các thành tích cá nhân đạt được trong từng năm học đến các thành viên. Đồng thời, việc thực hiện khen thưởng, nêu gương hoặc phê bình cá nhân sẽ được công khai trên trang web. Bảng tin điện tử sẽ chạy thông báo trong 1 tuần về những thành tích, khen thưởng hoặc phê bình, nhận xét GV.

- *Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học, hội thảo, thao giảng và các hoạt động khác của Tổ*

Sử dụng một thư mục riêng để quản lý các hoạt động của Tổ, các hoạt động có thể diễn ra định kỳ hàng tháng hoặc thường niên. Trưởng bộ môn sẽ quản lý các hoạt động và cập nhật các hoạt động bao gồm nội dung, hình ảnh, video và số liệu. Sắp xếp các hoạt động theo từng thư mục cho phù hợp bao gồm sinh hoạt chuyên môn, báo cáo chuyên đề, hội thảo, thao giảng, cuộc thi học thuật và phong trào do tổ thực hiện. Việc quản lý và cập nhật các hoạt động trên phải công khai để GV có thể dễ dàng đọc và tải dữ liệu khi cần thiết.

2.3.5. Đề xuất giải pháp về phía Khoa và Giảng viên

- Về phía Khoa Lý luận Chính trị

Nâng cao nhận thức của đội ngũ GV khoa về tầm quan trọng của việc ứng dụng CNTT trong toàn bộ hoạt động từ giảng dạy, kiểm tra, đánh giá và các hoạt động liên quan khác của tổ, Khoa.

Khuyến khích và có chế độ khen thưởng GV có những thành tích nổi bật trong các hoạt động đi đầu và ứng dụng công cụ, kỹ thuật và các phương pháp mới, hiện đại trong giảng dạy cũng như các hoạt động khác của Khoa.

Vận động GV tham gia các lớp học tập huấn, bồi dưỡng và ứng dụng công nghệ mới vào hoạt động GD

Hỗ trợ các tổ bộ môn trong việc tổ chức các buổi sinh hoạt, báo cáo chuyên đề. Gợi ý và mời các chuyên gia kỹ thuật cũng như các khách mời đến từ các trường học thông minh đến tham gia và báo cáo.

- Về phía Giảng viên

Thay đổi thói quen, lối tư duy hoạt động theo phương thức truyền thống sang hoạt động theo cách thức số hóa. Việc thay đổi có thể được thực hiện từ từ theo từng hoạt động. Thay đổi thói quen sử dụng các đường link, ứng dụng, phần mềm trong các hoạt động, bao gồm: cập nhật tài liệu giảng dạy trên các ứng dụng, thực hiện kiểm tra, đánh giá bằng các công cụ kỹ thuật số, sử dụng các phương tiện kỹ thuật số trong giảng dạy và các hoạt động khác.

Tích cực tham gia viết các bài hội thảo của nhà trường và các trường học trong cả nước, qua đó nhằm trau dồi thêm các kỹ năng, học thêm các phương pháp, phương tiện, công cụ số mới vào trong các hoạt động của bản thân.

Năng động và tự tin hơn trong các kênh giao tiếp số, không ngại chia sẻ những khó khăn, trở ngại của bản thân trong việc tiếp cận và ứng dụng các công cụ mới, kỹ thuật mới vào trong giảng dạy và các hoạt động khác.

3. Kết luận kiến nghị

Thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục nói chung và tại các trường đào tạo nghề nói riêng không phải là quá trình đơn giản được thực hiện trong một giai đoạn nhất định mà đó là cả một quá trình dài. Sự thay đổi phải được thực hiện trên tất cả các nội dung, hình thức, từ quy mô nhỏ hẹp mở rộng sang quy mô rộng lớn, đa dạng hơn. Đó là sự thống nhất, đồng bộ nhiều bộ phận, nhiều đơn vị và nhiều tập thể đến từ bộ phận BGH, phòng ban, Khoa và Tổ.

Giải pháp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số vào quản lý hoạt động của tổ bộ môn không những giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp mà còn góp phần giúp đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số trong giáo dục, nâng cao chất lượng đào tạo của Trường cao đẳng Lý Tự Trọng TP Hồ Chí Minh trong thời kỳ số hiện nay. Do vậy, để thực hiện hiệu quả quá trình chuyển đổi mô hình hoạt động của Tổ bộ môn từ truyền thống sang mô hình hoạt động dựa trên số hóa cần có sự hỗ trợ nhiều phía đến từ nhà trường, phòng ban và đơn vị Khoa và các từ phía các giảng viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập II, Nxb CTQG-ST, H.2021, tr.335, tr.128.

Chuyển đổi số trong quản lý hồ sơ chuyên môn giáo dục: Thay đổi tích cực. (2023). Báo điện tử chính phủ.

<https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn/chuyen-doi-so-trong-quan-ly-ho-so-chuyen-mon-giao-duc-thay-doi-tich-cuc-119230522163115499.htm>

Thu Hoài. (2024). Ứng dụng ChatGPT trong dạy và học các môn lý luận chính trị, Tạp chí Sài Gòn Giải phóng Online. <https://www.sggp.org.vn>.

TS Phạm Thị Thu Hương. (2024). Chuyển đổi số - vấn đề đặt ra đối với đội ngũ giảng viên đại học hiện nay, Tạp chí Nhà nước và lao động. <https://tcnn.vn/news/detail/66065/Chuyen-doi-so---van-de-dat-ra-doi-voi-doi-ngu-giang-vien-dai-hoc-hien-nay.html>

Nguyen, L. T., & Tuamsuk, K. (2022). Digital learning ecosystem at educational institutions: A content analysis of scholarly discourse. Cogent Education, 9(1). <https://doi.org/10.1080/2331186x.2022.2111033>

Ts Nguyễn Văn Sĩ. (2025). Chuyển đổi số để nâng cao chất lượng giảng dạy lý luận chính trị ở các trường chính trị tỉnh, thành phố hiện nay, Tạp chí lý luận chính trị.

Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020, của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, tr.15.

CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN VỐN TÀI LIỆU TẠI THƯ VIỆN TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG THỜI ĐẠI SỐ

DEVELOPING DOCUMENTS AT LY TU TRONG COLLEGE LIBRARY, HO CHI MINH CITY IN THE DIGITAL AGE

Nguyễn Thị Trang

Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM;

Email: nguyenthitrang@lttc.edu.vn

TỪ KHÓA:

Vốn tài liệu, Bổ sung vốn tài liệu, Thư viện, Thời đại số

KEY WORDS:

Documentary capital, Additional capital documents, Library, Digital age

TÓM TẮT:

Bối cảnh: Nêu rõ vai trò cũng như tầm quan trọng của Công tác phát triển vốn tài liệu tại Thư viện trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh. Mô tả thực trạng công tác phát triển vốn tài liệu tại Thư viện. Phân tích và đánh giá những ưu điểm, hạn chế trong công tác phát triển vốn tài liệu tại Thư viện.

Kết quả: Đưa ra các giải pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác phát triển vốn tài liệu tại Thư viện trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh.

Bàn luận: Xem xét tính khả thi của các giải pháp đã đề xuất.

ABSTRACT:

Context: Clearly state the role and importance of the work of developing document capital at the Library of Ly Tu Trong College, Ho Chi Minh City. Describe the current status of the work of developing document capital at the Library. Analyze and evaluate the advantages and limitations in the work of developing document capital at the Library

Result: Proposing solutions to contribute to improving the effectiveness of document development work at Ly Tu Trong College Library, Ho Chi Minh City.

Discussion: Consider the feasibility of proposed solutions.

1. MỞ ĐẦU

Thư viện là một phần không thể thiếu trong hệ thống giáo dục của bất kỳ quốc gia nào. Nó không chỉ đơn thuần là nơi lưu trữ và cung cấp tài liệu, mà còn là một không gian học tập hiệu quả và cầu nối giữa lý thuyết và thực tiễn. Trong thời đại số, ngoài những chức năng của một thư viện truyền thống thì thư viện còn là trung tâm thông tin đa phương tiện, kết hợp giữa tài liệu truyền thống và tài liệu số. Thư viện số hóa tài liệu, cung cấp dịch vụ truy cập trực tuyến, và trở thành không gian học tập, nghiên cứu, và giao lưu văn hóa mở rộng cho cộng đồng. Chính sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin đã tác động sâu sắc đến nhu cầu sử dụng tài liệu của người đọc. Bên cạnh những tài liệu truyền thống như sách, báo, tạp chí thì hiện nay những trang sách điện tử, sách nói đã và đang hình thành, phát triển. Các nguồn tài nguyên thông tin mới này đang chiếm nhiều ưu thế về khả năng chia sẻ, lưu giữ, trao đổi thông tin, thu hút lượng lớn người sử dụng, từ đó hình thành thói quen mới cho người đọc hiện đại. Đối với Thư viện Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. Hồ Chí Minh thì đối tượng phục vụ chính là cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên trong toàn trường. Chính các hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của người đọc đòi hỏi phải sử dụng nguồn thông tin lớn và mang tính cập nhật liên tục. Vì vậy, Thư viện cần phải cung cấp nguồn tài liệu đầy đủ đáp ứng được tính mới, tính kịp thời và phù hợp với từng nhu cầu của người đọc. Xây dựng và phát triển nguồn lực thông tin phù hợp với nhu cầu của người đọc là một việc làm quan trọng và cấp thiết, công tác phát triển vốn tài liệu tại thư viện cần phải được quan tâm và đầu tư. Trước các thách thức trên, thư viện cần phải thay đổi, bên cạnh phát triển các nguồn tài liệu truyền thống thì thư viện cần đầu tư thêm các nguồn tài nguyên dạng số, cung cấp cơ sở dữ liệu số và tài liệu điện tử phong phú, cho phép bạn đọc tra cứu và tiếp cận tri thức mọi lúc, mọi nơi. Thông

qua bài viết này, tôi muốn trình bày về các phương pháp và chiến lược để phát triển vốn tài liệu thư viện trong thời đại số.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Các khái niệm liên quan

Thời đại số (Digital Age) là kỷ nguyên mà công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin và kỹ thuật số, phát triển vượt bậc, tạo ra một thế giới kết nối toàn cầu và dựa trên dữ liệu. Đây là giai đoạn mà internet, kết nối vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), tự động hóa và trí tuệ nhân tạo (AI) đóng vai trò trung tâm, làm thay đổi mọi mặt của đời sống xã hội và kinh tế.

Còn theo Wikipedia thì định nghĩa như sau: “Thời đại Thông tin (còn gọi là Thời đại Máy tính, Thời đại Số hoặc Thời đại Truyền thông mới) là một giai đoạn trong lịch sử nhân loại với sự chuyển đổi từ ngành công nghiệp truyền thống mà cuộc cách mạng Công nghiệp đã mang lại thông qua quá trình công nghiệp hóa, sang nền kinh tế dựa trên số hóa”.

Trong Pháp lệnh thư viện – Điều 3 mục 2 định nghĩa về vốn tài liệu như sau:

“Vốn tài liệu thư viện là những tài liệu được sưu tầm, tập hợp theo nhiều chủ đề, nội dung nhất định, được xử lý theo qui tắc, qui trình khoa học của nghiệp vụ thư viện, để tổ chức phục vụ người đọc đạt được hiệu quả cao và được bảo quản.”

Khái niệm về vốn tài liệu cũng có thể hiểu như sau: Vốn tài liệu thư viện là tập hợp các tài liệu, bao gồm sách, báo, tạp chí, tài liệu nghe nhìn, và các dạng tài liệu khác, được thu thập, xử lý, và tổ chức theo một hệ thống nhất định để phục vụ nhu cầu thông tin, nghiên cứu, học tập và giải trí của người sử dụng thư viện.

2.2. Vai trò của công tác phát triển vốn tài liệu trong hoạt động thư viện

Trong hoạt động của thư viện vốn tài liệu là tài sản vô giá, là nền tảng cho mọi hoạt động và là yếu tố thu hút bạn đọc. Vốn tài liệu đa dạng, phong phú đáp ứng nhu cầu thông tin, học tập, nghiên cứu và giải trí, đồng thời phản ánh giá trị văn hóa của cộng đồng. Trong thời đại số như hiện nay, vốn tài liệu lại đóng vai trò then chốt trong việc bảo tồn di sản, thúc đẩy nghiên cứu, giáo dục và cung cấp thông tin. Nó không chỉ là tài sản văn hóa mà còn là nền tảng cho sự phát triển kinh tế, xã hội, và văn hóa của một quốc gia. Nói như vậy có thể thấy, vốn tài liệu có vai trò rất quan trọng trong hoạt động của thư viện, đảm bảo cung cấp nguồn tài nguyên thông tin đa dạng và phong phú, đáp ứng nhu cầu của người dùng và góp phần nâng cao chất lượng hoạt động thư viện. Cụ thể như sau:

- Đảm bảo nguồn tài nguyên thông tin đa dạng và phong phú
- Nâng cao chất lượng phục vụ bạn đọc
- Góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo
- Là cơ sở để bảo quản và khai thác tài liệu hiệu quả
- Góp phần xây dựng và phát triển văn hóa đọc

Tóm lại, công tác phát triển vốn tài liệu là một hoạt động thiết yếu, có ý nghĩa then chốt trong việc xây dựng và phát triển thư viện, đảm bảo thư viện thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ của mình và đóng góp vào sự nghiệp đổi mới giáo dục và đào tạo của nhà trường.

2.3. Thực trạng công tác phát triển vốn tài liệu tại thư viện

2.3.1. Thực trạng về vốn tài liệu tại thư viện

Cốt lõi của đổi mới giáo dục là đổi mới phương pháp, nâng cao khả năng tự học, tự cập nhật kiến thức của người dạy và người học. Bên cạnh việc nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, chương trình đào tạo thì việc xây dựng thư viện trở thành trung tâm tri thức có thể đáp ứng nhu cầu tự học, tự nghiên cứu của giảng viên và sinh viên là điều rất cần thiết, trong đó nguồn tư liệu từ thư viện của cơ sở đào tạo đóng vai trò tích cực và quan trọng.

2.3.1.1. Về loại hình của vốn tài liệu:

Căn cứ theo loại hình vật mang tin thì tài liệu được chia thành 2 nhóm chính đó là: tài liệu truyền thống và tài liệu điện tử.

- Tài liệu truyền thống (sách in, sách giấy):

Ngay từ những ngày đầu thành lập, mặc dù cơ sở vật chất, máy móc thiết bị chưa được hiện đại nhưng công tác bổ sung vốn tài liệu luôn được thư viện quan tâm chú trọng. Hiện nay, vốn tài liệu hiện có của thư viện là khoảng 33.311 bản sách gồm các sách tham khảo, sách ngoại văn, giáo trình – bài giảng, luận văn, luận án, ... phù hợp với chương trình đào tạo của nhà Trường. Cụ thể như sau:

+ Về loại hình tài liệu:

STT	LOẠI HÌNH	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Sách tham khảo	27.994	

2	Sách giáo trình	5030	
3	Sách ngoại văn	179	
4	Luận văn, luận án	108	
	Tổng	33.311	

Bảng 1: Thống kê tài liệu truyền thống theo loại hình tại Thư viện

Theo dữ liệu thống kê ở bảng trên có thể thấy, số lượng sách tham khảo chiếm tỷ lệ nhiều nhất, đây là những tài liệu thuộc nhiều chuyên ngành khác nhau mang tính chất bổ trợ cho quá trình giảng dạy và học tập của CB-GV-NV và SV trong trường. Sách giáo trình chiếm tỉ lệ thứ 2, đây là những tài liệu do chính giảng viên các khoa biên soạn chủ yếu phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập của từng môn học. Sách ngoại văn chiếm tỷ lệ thấp, vì chủ yếu là những tài liệu được các cá nhân, tổ chức tặng cho thư viện. Luận văn, luận án được coi là nguồn tài liệu “xám” của thư viện. Đây là công trình nghiên cứu khoa học của CB-GV-NV trong toàn trường, những tài liệu này phục vụ hữu ích cho bạn đọc tham khảo để làm tiền đề cho các công trình nghiên cứu khoa học hoặc định hướng, ứng dụng cho các sáng kiến, dự án.

+ Về tính cập nhật của tài liệu:

STT	NĂM XUẤT BẢN	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Trước 1995	900	
2	Từ 1996 - 2000	3.354	
3	Từ 2001 - 2010	24.155	
4	Từ 2011 - 2020	3.852	
5	Từ 2021 - nay	757	

Bảng 2: Thống kê tài liệu truyền thống theo năm xuất bản

Ngày nay, công nghệ thông tin phát triển, chính vì thế thông tin phải được cập nhật nhanh chóng, kịp thời, người đọc đòi hỏi các tài liệu phải mới, đặc biệt là các sách tham khảo về chuyên ngành. Nhìn vào bảng thống kê có thể thấy các tài liệu có xuất bản từ năm 2001 đến năm 2010 chiếm tỷ lệ nhiều nhất. Tài liệu từ năm 2011 đến năm 2020 chiếm tỷ lệ ít hơn với 3.354 tài liệu và tài liệu từ năm 2021 đến nay chiếm tỷ lệ rất ít với 757 tài liệu.

+ Về ngôn ngữ của tài liệu truyền thống:

STT	NGÔN NGỮ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Tiếng Việt	32.204	
2	Tiếng Anh	1107	

Bảng 3: Thống kê tài liệu truyền thống theo ngôn ngữ

Từ bảng thống kê trên cho thấy, ngôn ngữ Tiếng Việt vẫn chiếm một khối lượng lớn trong toàn bộ nguồn lực thông tin của thư viện. Hiện tài liệu tiếng Việt có khoảng hơn 32.000 bản sách, bởi nhu cầu sử dụng tiếng Việt vẫn được bạn đọc ưu tiên sử dụng bởi nhiều lý do. Nhưng hiện nay, thời đại chuyển đổi số, quá trình hội nhập phát triển, các tài liệu ngoại văn chuyên ngành khoa học kỹ thuật nên được ưu tiên bổ sung để đáp ứng nhu cầu của bạn đọc trong việc nghiên cứu và giảng dạy. Bên cạnh đó, trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Tp. Hồ Chí Minh còn đào tạo các ngành tiếng Nhật và Hàn, vì thế Thư viện cần chú trọng bổ sung thêm các nguồn tài liệu thuộc dạng này để phục vụ tốt hơn cho bạn đọc.

- Tài liệu điện tử:

Công nghệ của internet đã mở ra xu hướng tiếp cận nguồn tài liệu học thuật của người sử dụng trong hoạt động học tập, nghiên cứu. Họ dễ dàng tìm được thông tin trên internet hoàn toàn miễn phí. Chính vì thế, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của bạn đọc trong thời đại số như hiện nay thì bên cạnh nguồn tài liệu truyền thống, thư viện cần chú trọng bổ sung thêm các tài liệu điện tử bằng cách mua các CSDL, xây dựng nguồn tài liệu truy cập mở, liên kết với các thư viện khác hoặc số hoá nguồn tài liệu hiện có trong thư viện. Nguồn tài liệu điện tử có trong thư viện hiện này là:

STT	LOẠI HÌNH	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	CSDL thư mục do thư viện xây dựng	245 biểu ghi	Đã upload lên thư viện số
2	CSDL môn học thư viện đang xây dựng	Gần 5.000 biểu ghi	Số hoá nguồn tài liệu trong kho sách

Bảng 4: Thống kê tài liệu điện tử tại Thư viện

Trong thời đại chuyển đổi số, với mục tiêu trở thành thư viện thông minh, là nơi lưu trữ, truy xuất, chia sẻ và tìm kiếm thông tin nhanh chóng, dễ dàng. Các tài liệu điện tử cần phải được chú trọng đầu tư thì thư viện mới theo kịp được thời đại. Tuy nhiên, với nguồn kinh phí eo hẹp thì không phải thư viện nào cũng có khả năng sở hữu các CSDL hiện đại. Với số lượng tài liệu điện tử hạn chế như trên, thì thư viện cần đầu tư và quan tâm hơn nữa để phát triển loại tài liệu này, từ đó mới đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo trong giai đoạn chuyển đổi số như hiện nay.

2.3.1.2. Mức độ đáp ứng nhu cầu tin của vốn tài liệu

+ Nội dung tài liệu: nhìn chung vốn tài liệu của thư viện mới chỉ đáp ứng được một phần nhu cầu sử dụng tin của bạn đọc do các năm gần đây công tác bổ sung vốn tài liệu cho thư viện rất hạn chế, chủ yếu là sách được biếu tặng thuộc lĩnh vực kỹ năng sống. Còn sách chuyên ngành hiện nay có trong thư viện chủ yếu là các sách được xuất bản cũ nên không đáp ứng được nhu cầu của bạn đọc, đặc biệt là một số khoa mới thành lập vài năm gần đây như khoa Xây Dựng, Du lịch – Khách sạn thì mức độ đáp ứng tài liệu còn hạn chế do chưa được bổ sung tài liệu.

+ Loại hình tài liệu: vốn tài liệu của thư viện hiện nay chủ yếu là sách, còn đối với loại hình tài liệu điện tử còn hạn chế chủ yếu là số hoá nguồn tài liệu tham khảo (số hoá trang bìa, mục lục) và nguồn tài liệu nội sinh (do các khoa biên soạn).

+ Ngôn ngữ tài liệu: chủ yếu là sách tiếng Việt nên chưa đáp ứng được nhu cầu tin cho sinh viên khoa ngoại ngữ hiện đang giảng dạy tiếng Hàn và tiếng Nhật.

2.3.2. Thực trạng về công tác phát triển vốn tài liệu của thư viện

2.3.2.1. Công tác bổ sung vốn tài liệu

Công tác bổ sung vốn tài liệu là một trong những khâu quyết định chất lượng hoạt động của thư viện. Nó không chỉ có ý nghĩa đặc biệt trong việc nâng cao chất lượng phục vụ bạn đọc, mà còn là tiêu chí cơ bản trong việc xác định vị thế của thư viện và vai trò của sách báo trong đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội,... Chọn lựa và bổ sung tài liệu kịp thời, có nội dung tốt, phù hợp, có hình thức phong phú sẽ giúp nâng cao chất lượng kho sách, đáp ứng tối ưu nhu cầu của bạn đọc trong và ngoài thư viện.

- Thời gian bổ sung:

Căn cứ vào nhiệm vụ của năm học, ngay từ đầu năm Thư viện đã lập kế hoạch trang bị tài liệu mới cho cả năm học. Để thực hiện việc bổ sung tài liệu theo kế hoạch đề ra, thư viện thực hiện công tác bổ sung tài liệu 2 lần/năm vào mỗi đầu học kỳ của năm học. Tuy nhiên, việc lập kế hoạch bổ sung vốn tài liệu của thư viện hiện nay chưa có một văn bản mang tính hệ thống và cụ thể làm căn cứ cho hoạt động bổ sung tài liệu mà Thư viện xây dựng kế hoạch bổ sung chủ yếu dựa trên kế hoạch chung của nhà Trường. Điều này làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới việc đảm bảo chất lượng cũng như số lượng của nguồn tài liệu và sự đáp ứng nhu cầu của người dùng tin.

- Phương thức bổ sung:

Hiện nay thư viện có 2 hình thức bổ sung chủ yếu đó là nguồn trả tiền và nguồn không phải trả tiền.

+ **Nguồn trả tiền:** Đây được coi là nguồn bổ sung chủ yếu của thư viện. Thư viện sẽ tiến hành bổ sung tài liệu bằng cách mua tại các nhà xuất bản, các nhà sách, các công ty phát hành sách và theo trình tự như sau:

- Thư viện gửi danh mục giới thiệu tài liệu tới từng khoa để yêu cầu lựa chọn tài liệu theo danh mục hoặc thư viện khảo sát nhu cầu của các khoa để có danh mục họ cần làm căn cứ bổ sung.

- Thư viện nhận phiếu yêu cầu của bạn đọc; tổng hợp danh mục tài liệu theo yêu cầu.
- Thư viện lập danh mục bổ sung trình Ban giám hiệu.
- Triển khai việc mua tài liệu.
- Nhập kho tài liệu
- Xử lý nghiệp vụ tài liệu.
- Đưa tài liệu vào lưu hành.

+ Nguồn không phải trả tiền:

Bên cạnh nguồn bổ sung phải trả tiền, nguồn bổ sung không phải trả tiền đóng một vai trò quan trọng, góp phần làm tăng nguồn vốn tài liệu được nhập vào Thư viện. Từ đó làm phong phú và đa dạng thêm loại hình cũng như số lượng của các loại tài liệu tại Thư viện. Phương thức này bao gồm các dạng sau:

- Nguồn biếu tặng: Đây là hình thức vận động quyền góp tài liệu từ CB-GV-NV và SV trong nhà trường. Tuy nhiên do chưa có quy định cũng như tiêu chí lựa chọn cụ thể nên việc tiếp nhận tài liệu quà tặng còn nhiều hạn chế làm ảnh hưởng đến chất lượng của nguồn tài liệu.

- Nguồn nộp lưu chiểu: chủ yếu là nguồn tài liệu nội sinh – đây là sản phẩm của hoạt động nghiên cứu, giảng dạy, học tập như các giáo trình, luận văn, luận án, các bài viết nghiên cứu khoa học, các đề tài tốt nghiệp, ... do các CB-GV-NV và sinh viên trong trường thực hiện. Đây được xem là nguồn bổ sung hữu ích cho thư viện vì đáp ứng

được nhu cầu học tập và nghiên cứu của bạn đọc. Đối với nguồn tài liệu nội sinh này thì hiện nay thư viện chủ yếu lưu trữ luận văn, luận án và giáo trình/bài giảng do giảng viên các khoa biên soạn.

Tuy nhiên, đối với nguồn bổ sung này thì hiện tại nhà Trường chưa có văn bản chính thức quy định nộp tài liệu lưu chiểu cho thư viện cho nên số lượng tài liệu nội sinh hiện nay có trong thư viện không nhiều mà thư viện chủ yếu thu thập được qua công tác kiểm định do nhà trường yêu cầu các khoa nộp về cho thư viện. Đây được coi là một hạn chế rất lớn đối với thư viện trong việc thu thập nguồn tài liệu này.

➤ Một số nhận xét về công tác phát triển vốn tài liệu của thư viện hiện nay:

Ưu điểm:

- Kho tài liệu của thư viện hiện có hơn 33.000 tài liệu thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau như khoa học kỹ thuật, văn học nghệ thuật, kỹ năng sống, ... đáp ứng được nhu cầu sử dụng thông tin rất lớn cho bạn đọc trong toàn Trường.

- Không gian thư viện rộng rãi, thoáng mát, bao gồm 01 phòng nghỉ cho HSSV, 01 phòng tự học và 01 phòng máy tính đáp ứng tốt nhu cầu học tập, nghỉ ngơi, giải trí của bạn đọc.

- Đội ngũ cán bộ thư viện nhiệt tình, trình độ chuyên môn vững vàng, có khả năng nhanh chóng thích ứng trong việc sử dụng và khai thác các sản phẩm và dịch vụ thông tin - thư viện theo hướng hiện đại.

- Thư viện có mối quan hệ tốt với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài trường nên thường xuyên nhận được một số lượng tài liệu ổn định từ các cá nhân, tổ chức để làm gia tăng thêm nguồn tài liệu của thư viện.

Nhược điểm:

- Chưa xây dựng chính sách bổ sung tài liệu để làm căn cứ cho công tác bổ sung tài liệu cũng như định hướng phát triển nguồn tài liệu. Đây được xem là kim chỉ nam để xây dựng nguồn thông tin trong hoạt động tư liệu thư viện.

- Nguồn bổ sung chủ yếu dựa vào nguồn biếu tặng, lưu chiểu nên ảnh hưởng lớn tới chất lượng của nguồn tài liệu, từ đó dẫn đến chưa đáp ứng được nhu cầu tài liệu cho người đọc.

- Chưa có quy trình bổ sung tài liệu, sự gắn kết giữa thư viện với các khoa/giáo viên/sinh viên còn hạn chế làm ảnh hưởng đến việc lựa chọn tài liệu phù hợp với nhu cầu và chương trình giảng dạy.

- Do hạn hẹp về kinh phí do vậy thư viện không thể tiến hành bổ sung được ngay sau khi đã lập danh mục đề nghị bổ sung điều này làm ảnh hưởng đến quá trình phục vụ người đọc.

- Tài liệu điện tử thì hầu như không được bổ sung. Nguyên nhân là kinh phí mua các nguồn tài liệu điện tử cao và để quản lý nguồn tài liệu điện tử này thì cơ sở vật chất phải được tăng cường đầu tư.

- Nguồn tài liệu trong thư viện không được cập nhật thường xuyên, các tài liệu cũ, lỗi thời chưa được thanh lý kịp thời làm ảnh hưởng đến quá trình phục vụ người đọc. Người đọc không được thoả mãn về tài liệu nên dần không còn nhu cầu đến thư viện mượn tài liệu, đặc biệt là các tài liệu chuyên ngành.

Trước những khó khăn và thách thức trên, để nâng cao công tác phát triển vốn tài liệu thì cần phải có những giải pháp phù hợp nhằm đáp ứng được nhu cầu tài liệu của bạn đọc.

2.2.3. Các giải pháp để phát triển vốn tài liệu trong thời đại số

Công tác phát triển vốn tài liệu trong thời đại số là một nhiệm vụ quan trọng nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của người dùng. Công tác này cần phải được thực hiện thường xuyên và liên tục theo từng thời kỳ, giai đoạn cụ thể do đó mỗi thư viện cần phải có kế hoạch và phương hướng hợp lý nhằm đổi mới và nâng cao chất lượng vốn tài liệu của thư viện.

Để góp phần làm phong phú và đa dạng nguồn tài liệu cũng như để công tác phát triển vốn tài liệu đạt hiệu quả cao thì Thư viện cần có các giải pháp sau:

2.2.3.1. Xây dựng chính sách bổ sung tài liệu

Chính sách bổ sung tài liệu thư viện là yếu tố quan trọng đảm bảo nguồn tài nguyên thông tin luôn được cập nhật và đáp ứng nhu cầu người đọc. Việc bổ sung tài liệu cần được thực hiện một cách khoa học, hiệu quả và phù hợp với ngân sách. Một chính sách bổ sung tài liệu thư viện rõ ràng và hiệu quả giúp thư viện đáp ứng nhu cầu thông tin đa dạng của người đọc. Nó giúp tối ưu hóa nguồn lực, đảm bảo sự cân bằng giữa các loại tài liệu và đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập và giải trí. Việc bổ sung tài liệu thư viện cũng đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ và thu hút người đọc.

Chính sách bổ sung tài liệu cần dựa trên các nguyên tắc cơ bản như: đáp ứng nhu cầu người đọc, đảm bảo tính đa dạng và cân đối của nguồn tài liệu, phù hợp với ngân sách và định hướng phát triển của thư viện. Việc xây dựng chính sách cần có sự tham gia của các bên liên quan, bao gồm cả người dùng và cán bộ thư viện. Nội dung của chính sách phát triển gồm các nội dung sau:

- Về nội dung: cần phù hợp với yêu cầu của bạn đọc. Ưu tiên những ngành nghề đang được đào tạo chính trong nhà trường.

- Về ngôn ngữ: Ưu tiên bổ sung tài liệu theo ngôn ngữ mà người dùng tin sử dụng nhiều nhất. Bên cạnh đó cũng nên bổ sung thêm các tài liệu ngoại văn cho Thư viện để đáp ứng yêu cầu của bạn đọc có nhu cầu nghiên cứu, tham khảo phục vụ cho việc giảng dạy.

- Về loại hình: Thư viện cần tăng cường bổ sung thêm nhiều loại hình khác nhau để làm phong phú đa dạng thêm nguồn tin cho thư viện như: tạp chí chuyên ngành, tài liệu ngoại văn và đặc biệt là tài liệu điện tử. Bởi trong thời đại số, tài liệu điện tử ngày càng phát triển và chiếm ưu thế. Trong tương lai, nguồn tài liệu trực tuyến trong các TV sẽ phát triển rộng về số lượng, sâu về nội dung, chuyên nghiệp về công nghệ. Chính vì thế, để phát triển vốn tài liệu trong thời đại số như hiện nay thì thư viện phải chú trọng hơn nữa việc tăng cường nguồn lực tài liệu số bao gồm việc bổ sung các tài liệu xuất bản số, bổ sung các loại hình tài liệu đa phương tiện như sách in có tương tác kỹ thuật số,...; Đầu tư phát triển các loại hình dịch vụ thư viện trực tuyến; Tăng cường công tác truyền thông trong hoạt động thư viện nhằm quảng bá hoạt động của thư viện, giới thiệu vốn tài liệu, thu hút và kích thích nhu cầu đọc sách,... Bên cạnh việc mua các cơ sở dữ liệu thì thư viện có thể bổ sung nguồn dữ liệu điện tử bằng cách số hoá nguồn tài liệu có sẵn trong thư viện hoặc thu thập nguồn tài liệu điện tử từ cán bộ, giáo viên và nhân viên trong trường.

- Đánh giá nhu cầu tin của bạn đọc:

Để việc bổ sung tài liệu có hiệu quả, tránh không để sách chết, sách nằm im trên giá gây lãng phí, cán bộ phụ trách công tác bổ sung tài liệu phải tìm hiểu nhu cầu bạn đọc bằng cách phối hợp với cán bộ phụ trách công tác lưu hành để nhận những phản hồi từ bạn đọc và thực hiện khảo sát để lấy ý kiến bạn đọc, từ đó nắm bắt được nhu cầu đọc và sở thích của từng đối tượng, từ đó bổ sung tài liệu hợp lý. Nội dung khảo sát sẽ xoay quanh các câu hỏi mang tính trắc nghiệm và mở, chẳng hạn như tần suất đến Thư viện, mục đích sử dụng Thư viện, tần suất sử dụng tài liệu thư viện; mức độ hài lòng của bạn đọc đối với nguồn tài nguyên thông tin; và các kiến nghị đề xuất của bạn đọc đối với nguồn tài nguyên của Thư viện. Có thể nói, việc đánh giá nhu cầu người đọc là bước đầu tiên và quan trọng nhất trong việc xây dựng chính sách bổ sung tài liệu.

- Lập danh sách tài liệu: Xác định các loại tài liệu cần bổ sung, như sách, báo, tạp chí, tài liệu điện tử.

Việc lựa chọn tài liệu cần dựa trên các tiêu chí rõ ràng, bao gồm: nội dung, chất lượng, độ tin cậy, ngôn ngữ và hình thức trình bày. Thư viện cần ưu tiên lựa chọn các tài liệu có giá trị khoa học cao, phù hợp với nhu cầu người đọc và định hướng phát triển của thư viện.

Như vậy việc xây dựng một chính sách bổ sung hợp lý là điều kiện giúp cho công tác phát triển vốn tài liệu của thư viện ngày càng hoàn thiện và phát triển.

2.2.3.2. Tăng cường kinh phí bổ sung tài liệu

Trong thời kỳ chuyển đổi số như hiện nay, các loại hình tài liệu liên tục phát triển, các công nghệ kỹ thuật thay đổi nhanh chóng. Chính vì thế, muốn đáp ứng được nhu cầu tin của bạn đọc một cách nhanh chóng và hiệu quả, vấn đề kinh phí vẫn là mối quan tâm hàng đầu của các thư viện. Tuy nhiên không phải thư viện nào cũng có kinh phí thường xuyên cho hoạt động bổ sung tài liệu cho nên thư viện cần phải khai thác nhiều nguồn bổ sung khác nhau thì công tác bổ sung tài liệu mới hiệu quả, vốn tài liệu trong thư viện mới phong phú và đa dạng.

Để khắc phục những vấn đề khó khăn về tài chính, thư viện đã khai thác thêm các nguồn bổ sung tài liệu như sau:

+ Tìm nguồn tài trợ: Thư viện tìm kiếm các quỹ hỗ trợ từ các cá nhân, tổ chức phi lợi nhuận hoặc các doanh nghiệp.

+ Tham khảo trang web: Thư viện cần tìm hiểu và truy cập các trang web chuyên cung cấp thông tin về các chương trình tài trợ hiện có.

+ Hợp tác với các tổ chức: Kết nối với các trường học, đại học hoặc thư viện khác để chia sẻ tài liệu.

2.2.3.3. Đa dạng hoá các nguồn bổ sung

Nguồn bổ sung chính của thư viện hiện nay dựa vào 2 phương thức chủ yếu đó là: nguồn bổ sung trả tiền và nguồn bổ sung không phải trả tiền.

- Nguồn mua: dựa vào kinh phí của nhà trường cấp cho thư viện. Thư viện cần phải có mối liên hệ với các nhà xuất bản để có thể nắm bắt kịp thời những ấn phẩm đã xuất bản và đã phát hành. Từ đó, thư viện có thể chọn mua những cuốn sách tốt nhất, mới nhất mà phù hợp với nhu cầu của bạn đọc.

- Nguồn biếu tặng: Thư viện cần mở rộng mối quan hệ với các trường đại học, các nhà xuất bản, các nhà nghiên cứu, và các cá nhân quan tâm đến việc phát triển thư viện, để từ đó thư viện có thể tiếp nhận các nguồn tài liệu phục vụ cho hoạt động giảng dạy, học tập, đào tạo, nghiên cứu khoa học của Nhà trường. Ngoài ra, để việc biếu tặng hiệu quả, thư viện nên có chính sách khuyến khích và quản lý nguồn biếu tặng, đồng thời đảm bảo chất lượng và phù hợp với nhu cầu của bạn đọc.

- Nguồn nộp lưu chiểu: là tài liệu nội sinh do chính các cán bộ, giảng viên và nhân viên trong nhà trường biên soạn. Đây được xem là nguồn bổ sung tài liệu rất lớn cho Thư viện, giúp thư viện xây dựng và bảo quản một nguồn tài liệu phong phú, đa dạng, phục vụ cho việc nghiên cứu, học tập và giải trí của cán bộ, giáo viên và sinh viên trong trường. Chính vì thế việc thu thập và khai thác nguồn tài liệu này thì cần phải có những quy định như: nâng cao nhận thức về vai trò của nguồn tài liệu nội sinh trong việc giáo dục và đào tạo; cần ban hành quy chế thu nộp tài liệu nội sinh nhằm đảm bảo cho việc thu thập được đầy đủ và có kiểm soát; nơi nhận tài liệu cần có chính sách hiệu quả trong việc quản lý, sử dụng và khai thác.

- Hợp tác, chia sẻ nguồn tài liệu giữa các thư viện cả tài liệu giấy lẫn tài liệu điện tử:

Hiện nay, hầu hết các trường đại học, cao đẳng đều dạy và học theo tín chỉ, bắt buộc người học phải tham khảo nhiều tài liệu hơn, cần nhiều thông tin hơn, tần suất sử dụng tài liệu lớn hơn, đòi hỏi các thư viện phải đưa ra nhiều giải pháp khả thi trong việc cung cấp tài liệu cho người học một cách tốt nhất, nhanh, hiệu quả và chính xác nhất. Với mục đích là bổ sung được các nguồn tin phù hợp cho nhiều đơn vị và giảm áp lực về nguồn kinh phí thì Thư viện trường đã tính đến phương án bổ sung chia sẻ nguồn lực thông tin bằng cách liên kết với một số đơn vị như Thư viện ĐH Công nghiệp Tp.HCM, STINET (Mạng thông tin khoa học và công nghệ Tp.HCM) và tham gia vào Liên chi hội Thư viện đại học phía Nam (VILASAL) để tăng thêm nguồn học liệu số cho Thư viện, từ đó đáp ứng được nhu cầu sử dụng tài liệu của bạn đọc.

- Số hoá nguồn tài liệu hiện có:

Số hóa tài liệu trong thư viện không chỉ giúp nâng cao khả năng truy cập và bảo tồn tài liệu mà còn góp phần hiện đại hóa thư viện, đáp ứng nhanh chóng nhu cầu của người dùng trong thời đại số. Bên cạnh nguồn tài liệu truyền thống (sách in) thì thư viện cũng cần chú trọng đến nguồn tài liệu số hoá từ kho sách sẵn có của thư viện để làm tăng thêm nguồn tài liệu cũng như làm đa dạng hoá nguồn tài nguyên thông tin cho thư viện. Trong năm học vừa qua, bằng sự nỗ lực không mệt mỏi của tập thể cán bộ thư viện mà đến nay thư viện đã số hoá được khoảng 5.000 tài liệu. Đây được xem là một bước quan trọng để xây dựng thư viện số và cho phép người dùng truy cập tài liệu mọi lúc, mọi nơi thông qua internet, từ đó mở rộng phạm vi tiếp cận tài nguyên thư viện.

2.2.3.4. Ứng dụng công nghệ thông tin trong phát triển vốn tài liệu

Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác bổ sung tài liệu là một xu hướng ngày càng trở nên quan trọng trong các thư viện hiện đại. Việc ứng dụng phần mềm quản lý thư viện trong công tác bổ sung tài liệu sẽ có những ưu điểm sau:

+ Giúp cán bộ làm công tác bổ sung tài liệu tìm kiếm và truy cập các nguồn tài liệu mới từ các nhà xuất bản, tạp chí khoa học và các nguồn tài liệu trực tuyến khác.

+ Cho phép người dùng đăng ký nhận thông báo khi có tài liệu mới phù hợp với nhu cầu của họ. Để từ đó giúp bạn đọc nắm bắt được những tài liệu mới cập nhật vào thư viện, tạo điều kiện cho bạn đọc cập nhật thông tin được kịp thời, nhanh chóng.

+ Giúp thư viện lưu trữ được nguồn tài liệu số hoá. Điều này giúp thư viện có thể bảo tồn tài liệu và mở rộng khả năng tiếp cận cho người dùng.

+ Ngoài ra, phần mềm quản lý thư viện còn giúp cán bộ làm công tác bổ sung tài liệu phân tích quá trình mượn tài liệu của bạn đọc từ đó có thể theo dõi xu hướng sử dụng tài liệu và đưa ra những nhu cầu bổ sung tài liệu một cách hiệu quả, phù hợp với bạn đọc.

Vì vậy, nhà trường cần trang bị cho thư viện phần mềm quản lý để thư viện có thể xây dựng hoặc tham gia vào các nền tảng thư viện điện tử để mở rộng nguồn tài liệu, cũng như sử dụng phần mềm quản lý thư viện để dễ dàng theo dõi và bổ sung tài liệu.

2.2.3.5. Nâng cao trình độ cho cán bộ

Ngày nay, công nghệ thông tin phát triển, các tài liệu điện tử được sử dụng rộng rãi hơn và càng nhiều bạn đọc có nhu cầu sử dụng nguồn tin này. Việc bổ sung nguồn tài liệu này là điều tất yếu. Để bổ sung được nguồn tài liệu này thì cán bộ làm công tác bổ sung tài liệu phải kiểm tra, tìm hiểu xem nguồn tài liệu này có phù hợp với thư viện mình hay không, học và nắm vững nguồn tin này để khai thác và hướng dẫn cho bạn đọc.

Chính vì thế, đòi hỏi cán bộ làm công tác phát triển tài liệu phải được đào tạo, nâng cao trình độ tin học, các kiến thức về mạng, cách tạo lập và khai thác các tài liệu điện tử cũng như có khả năng về ngoại ngữ. Cụ thể như sau:

- Thứ nhất, cần phải tổ chức hoặc khuyến khích cán bộ tham gia các khóa học về quản lý thư viện, bổ sung tài liệu, và công nghệ thông tin. Bên cạnh đó, cần phải tổ chức các buổi đào tạo nội bộ giữa các nhân viên thư viện để chia sẻ kiến thức về quy trình và kỹ năng bổ sung tài liệu.

- Thứ hai, Thư viện cần phải khuyến khích hoặc động viên cán bộ tham gia các hội thảo, hội nghị trong lĩnh vực thư viện để cập nhật xu hướng mới và chia sẻ kinh nghiệm.

- Thứ 3, Cán bộ làm công tác bổ sung tài liệu phải được đào tạo về công nghệ thông tin để có thể nắm vững các công cụ và phần mềm quản lý thư viện hiện đại. Ngoài ra, cán bộ thư viện cần học hỏi qua các nền tảng trực tuyến bằng cách truy cập vào các khóa học trực tuyến và tài nguyên học tập về công nghệ thư viện để tự trau dồi và nâng cao kỹ năng công nghệ thông tin cho bản thân, đảm bảo đủ kiến thức để thực hiện công việc mà mình đảm nhận.

- Thứ 4, Thư viện cần thực hiện đánh giá định kỳ về hiệu quả công việc của cán bộ làm công tác bổ sung tài liệu, để từ đó Thư viện có thể nhìn nhận được bức tranh tổng thể về công tác bổ sung tài liệu. Dựa trên đánh giá, thư viện có thể điều chỉnh quy trình làm việc và chương trình đào tạo để nâng cao hiệu quả công việc.

3. KẾT LUẬN

Vốn tài liệu được xem là di sản văn hoá, tiềm lực và niềm tự hào của một thư viện. Công tác phát triển vốn tài liệu phù hợp với mục tiêu của hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của nhà Trường chính là nhiệm vụ hàng đầu của thư viện. Để đáp ứng nhu cầu tin ngày càng lớn của bạn đọc ngày nay thì thư viện cần phải hiểu rõ về vốn tài liệu cũng như cách khai thác triệt để giá trị thông tin mà tài liệu đem lại. Khi bạn đọc cảm thấy những yêu cầu tin mình đưa ra được thoả mãn thì thư viện bước đầu đã có thể thu hút được bạn đọc đến với thư viện một ngày nhiều hơn nữa. Các giải pháp đề xuất trong bài viết này sẽ hữu ích cho công tác quản lý, phát triển vốn tài liệu và nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ của thư viện, từ đó đóng góp vào sự nghiệp phát triển trường học thông minh của nhà Trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Phạm, V. R, Nguyễn, V. Ngh. (2017). *Phát triển vốn tài liệu trong thư viện và cơ quan thông tin*. NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội
- [2]. Lê, V. V (2001). *Cẩm nang nghề thư viện*. NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội.
- [3]. Vũ, D. H (2019). Phát triển thư viện số thông minh trong kỷ nguyên cách mạng công nghiệp 4.0. *Tạp chí Thư viện Việt Nam*, số 3. - Tr. 3-10. <https://nlv.gov.vn/nganh-vu-thu-vien/phan-trien-thu-vien-so-thong-minh-trong-ky-nguyen-cach-mang-cong-nghe-4.0.html>
- [4]. Đỗ, V. H. (2017). Chia sẻ tài nguyên thông tin giữa các thư viện đại học: nhận diện các yếu tố tác động và đề xuất mô hình hợp tác/ *Tạp chí Thông tin và Tư liệu*, số 1. - Tr. 4-14.
- [5]. Trần, Th. Q. (2009). “Chia sẻ nguồn lực thông tin - Yếu tố quan trọng để các cơ quan TT-TV đại học phát triển bền vững”. *Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Trung tâm TT-TV ĐHQG, Hà Nội*, tr.47-50.
- [6]. Lê, Th. M. (2020, 12/01). Công tác bổ sung tài liệu tại Thư viện tỉnh Vĩnh Phúc. Cổng thông tin điện tử Thư viện tỉnh Vĩnh Phúc. <http://thuvien.vinhphuc.gov.vn/ContentBrowser.aspx?contentid=228>
- [7]. Nguyễn, Th. M. (2015, 10/14). Thư viện tỉnh Đồng Nai với công tác bổ sung vốn tài liệu. *Thuviendongnai.gov.vn*. <https://www.thuvienvinhduong.org.vn/?ArticleId=c5ab2be8-c77b-44e6-a106-670e945ca2ca>

CÁC GIẢI PHÁP GẮN KẾT NHÀ TRƯỜNG VÀ DOANH NGHIỆP TRONG ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC

SOLUTIONS TO CONNECT SCHOOLS AND ENTERPRISES IN HUMAN RESOURCE TRAINING

Nhân viên Trung tâm Thư viện Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM

Email: ludiemphuc@lttc.edu.vn.

Lư Diễm Phúc

TỪ KHÓA: Liên kết nhà trường và doanh nghiệp, đào tạo song hành, liên kết đào tạo, gắn kết nhà trường và doanh nghiệp, thực tập doanh nghiệp.

KEY WORDS: Linking schools and businesses, parallel training, training links, linking schools and businesses, business internships.

TÓM TẮT: Hàng năm các trường đại học, cao đẳng đã đào tạo ra một nguồn nhân lực phong phú dồi dào, góp phần phát triển kinh tế, xã hội. Tuy nhiên trong bối cảnh cách mạng công nghệ ngày càng phát triển, công nghệ sản xuất ngày càng tiên tiến dẫn đến việc Nhà trường bắt kịp xu hướng với sự phát triển của doanh nghiệp ngày càng khó khăn, chất lượng đào tạo sinh viên ra trường thấp, sinh viên thiếu các kỹ năng cần thiết để thích ứng với sự đòi hỏi thực tế công việc.

Bối cảnh: Hoạt động liên kết giữa các trường cao đẳng, đại học với doanh nghiệp hiện nay là cơ sở để phát triển thế mạnh của Nhà trường và doanh nghiệp nhằm đào tạo ra nguồn lao động có tay nghề, kỹ năng, tri thức cao, đáp ứng nhu cầu của của kinh tế hiện đại.

Kết quả: Sự gắn kết giữa Nhà trường và doanh nghiệp sẽ giúp Nhà trường xây dựng được chương trình đào tạo phong phú, sát với thực tế, nhận được sự hỗ trợ từ doanh nghiệp về cơ sở vật chất, trang thiết bị nhằm phục vụ cho việc giảng dạy, thực hành cho sinh viên, bảo đảm sinh viên ra trường có đủ trình độ, kinh nghiệm, kỹ năng doanh nghiệp cần và được tuyển dụng sau khi thực tập tại doanh nghiệp.

Bàn luận: Bài viết trình bày một số giải pháp, những lợi ích của việc liên kết đào tạo giữa Nhà trường với doanh nghiệp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, xây dựng thương hiệu của Nhà trường phục vụ cho công tác tuyển sinh, qua đó, đóng góp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các doanh nghiệp, các tập đoàn và các cơ quan trực thuộc Nhà nước.

ABSTRACT: Every year, universities and colleges have trained a rich and abundant human resource, contributing to the development of the economy and society. However, in the context of the increasingly developing technological revolution, production technology is increasingly advanced, leading to the fact that schools are increasingly difficult to catch up with the development of enterprises, the quality of training of graduates is low, students lack the necessary skills to adapt to the actual demands of work.

Context: The current cooperation between colleges, universities and enterprises is the basis for developing the strengths of schools and enterprises to train a workforce with high skills, knowledge and expertise to meet the needs of the modern economy.

Result: The connection between the School and businesses will help the School build a rich and practical training program, receive support from businesses in terms of facilities and equipment to serve the teaching and practice of students, ensure that students graduate with the qualifications, experience and skills that businesses need and are recruited after internship at businesses.

Discussion: The article presents some solutions and benefits of training cooperation between schools and businesses to improve training quality and build the school's brand to serve enrollment work.

1. Mở đầu

Hiện nay, hoạt động hợp tác giữa các trường đại học, cao đẳng và doanh nghiệp đang trở nên ngày càng phổ biến, bởi những lợi ích to lớn mang lại cho cả hai bên. Nhà trường có lợi vì khi sinh viên ra trường có nơi làm việc ổn định và Nhà trường có thể nắm bắt được cụ thể yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ, phẩm chất nghề nghiệp, quy mô cần đào tạo nguồn nhân lực phù hợp với các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, việc liên kết với doanh nghiệp còn góp phần giúp nhà trường xây dựng thương hiệu tốt nhằm thu hút nhiều sinh viên đăng ký học tập tại Trường. Doanh nghiệp đạt lợi ích là có được nguồn nhân lực phù hợp với nhu cầu phát triển của công ty, họ không phải mất nhiều thời gian và chi phí để tìm kiếm nguồn nhân lực trên thị trường tự do và đào tạo lại.

Đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động có một vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển của đất nước nói chung và đối với sự phát triển của các trường đại học, cao đẳng nói riêng. Hiện nay có rất nhiều trường cao đẳng – đại học được thành lập để đào tạo sinh viên và sinh viên ra trường hàng năm rất nhiều, tạo nên nguồn nhân lực phong phú cho doanh nghiệp khắp cả nước. Tuy nhiên số lượng sinh viên có kỹ năng, có tay nghề thành thạo rất ít, đa số các em khi ra trường, kiến thức mà các em nắm được là lý thuyết nhiều hơn kinh nghiệm thực tế, cho nên để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động thì các trường đại học, cao đẳng cần phải luôn đổi mới và cập nhật chương trình đào tạo sao cho vừa đảm bảo chương trình khung, vừa đáp ứng những đòi hỏi cụ thể về chuyên môn nghề nghiệp đối với đầu ra. Hơn thế nữa trong những năm gần đây, vấn đề gắn kết giữa nhà trường và doanh nghiệp được Đảng và Nhà nước hết sức quan tâm, vì vậy sự gắn kết, hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp là rất cần thiết, vì lý do này, tác giả chọn đề tài “Các giải pháp gắn kết nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực” để nghiên cứu nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM và thúc đẩy sự gắn kết với các doanh nghiệp đạt hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của thị trường và nhu cầu của kinh tế - xã hội đang phát triển hiện nay.

2. Kết quả nghiên cứu

Những lợi ích đạt được khi liên kết giữa các trường cao đẳng, đại học với doanh nghiệp.

- Đối với các trường cao đẳng, đại học.

Các trường cao đẳng, đại học được các doanh nghiệp hỗ trợ tư vấn xây dựng chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu tay nghề nguồn nhân lực mà doanh nghiệp cần, Nhà trường được doanh nghiệp tư vấn ứng dụng và chuyên giao công nghệ phù hợp với thực tiễn sản xuất, góp phần giúp Nhà trường đào tạo sinh viên ra trường 100% có việc làm. Từ đó, nâng cao vị thế, uy tín, thương hiệu của Nhà trường và góp phần tăng thế mạnh trong công tác tuyển sinh.

- Đối với doanh nghiệp.

Khi doanh nghiệp cùng các trường cao đẳng, đại học tham gia, trao đổi các thông tin nghiên cứu khoa học và doanh nghiệp hỗ trợ Nhà trường nhân lực, tài lực, vật lực xây dựng mục tiêu, chương trình đào tạo, tham gia hỗ trợ giảng dạy sẽ giúp cho doanh nghiệp tiếp thu được những thành tựu nghiên cứu khoa học chất lượng áp dụng vào công nghệ sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, giúp doanh nghiệp có sẵn nguồn nhân lực chất lượng cao để tuyển dụng và mang lại lợi ích lâu dài cho doanh nghiệp quảng bá thương hiệu, uy tín của mình.

- Đối với người học.

Việc liên kết đào tạo giữa nhà trường và doanh nghiệp giúp cho sinh viên có môi trường vừa học tập, vừa thực hành thực tế, rèn được các kỹ năng làm việc, giúp sinh viên có kiến thức, tay nghề vững chắc, sinh viên sẽ luôn tự tin, sẵn sàng tiếp nhận công việc khi vừa tốt nghiệp.

2.1. Hiện trạng các yếu tố đảm bảo để triển khai các giải pháp nhằm gắn kết nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực tại Trường Cao Đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM.

Thuận lợi

Trong những năm qua Trường cao Đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM đã thực hiện thành công nhiều mô hình hợp tác – đào tạo kép với doanh nghiệp như Juki Việt Nam, Đạt Vĩnh Tiến, Nakycos... Trường còn chủ động phối hợp với nhiều đối tác, ký kết chiến lược với CEO Việt Nam – nghiên cứu, chia sẻ tri thức, mở khóa đào tạo kỹ năng khởi nghiệp.

Trường liên tục cập nhật chương trình sát với yêu cầu doanh nghiệp, có sự tham gia của các chuyên gia – doanh nghiệp trong xây dựng, thẩm định chương trình. Có định hướng chuẩn đầu ra dựa trên nhu cầu doanh nghiệp, với hoạt động giao lưu, hội thảo nâng cao chuyên môn.

Hiện nay, Trường đã có các xưởng thực hành hỗ trợ cho ngành kỹ thuật cơ khí, điện, ô tô môi trường học tập này giúp sinh viên dễ dàng áp dụng lý thuyết vào thực tiễn, các phòng máy tính hỗ trợ cho ngành công nghệ thông tin, xưởng may hỗ trợ cho ngành thiết kế thời trang, phòng làm bánh hỗ trợ cho ngành làm bánh... Tuy nhiên còn nhiều ngành khác chưa có nơi thực hành thực tế, các xưởng cần có đại diện doanh nghiệp đến hướng dẫn sinh viên học và thực hành theo nhu cầu kỹ thuật của doanh nghiệp.

Đội ngũ giảng viên Nhà trường hiện có hơn 300 người, 100% đạt chuẩn chuyên môn và sư phạm, có kinh nghiệm thực tế, nhiệt huyết. Trường thành lập "Câu lạc bộ doanh nhân đồng hành" giúp kết nối giảng viên, sinh viên và doanh nghiệp và có chính sách cử giảng viên tham gia thực tập tại các doanh nghiệp nhằm nâng cao trình độ thực tế cho giảng viên, giúp giảng viên cập nhật đúng nhu cầu chuyên môn mà doanh nghiệp đang cần để đào tạo sinh viên.

Khó khăn

Nhà nước đã ban hành một số chính sách, văn bản pháp luật khuyến khích hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp như: Luật Giáo dục nghề nghiệp (2014), Nghị định 15/2019/NĐ-CP, các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề.

Tuy nhiên, còn thiếu các cơ chế cụ thể, ràng buộc trách nhiệm và quyền lợi rõ ràng giữa các bên, đặc biệt trong giáo dục cao đẳng, đại học.

Việc triển khai các chính sách còn mang tính hình thức, thiếu đồng bộ và chưa thực sự khuyến khích được sự tham gia tích cực từ phía doanh nghiệp.

Một số ngành của Nhà trường còn thiếu trang thiết bị thực hành hiện đại, sát với thực tế sản xuất của doanh nghiệp.

Chương trình đào tạo phần lớn còn mang tính lý thuyết, chậm cập nhật theo yêu cầu thực tế của doanh nghiệp.

Việc xây dựng chương trình có sự tham gia của doanh nghiệp vẫn chưa phổ biến, thường chỉ dừng lại ở mức tham khảo.

Chưa phổ biến mô hình giảng dạy kết hợp giữa giảng viên nhà trường và chuyên gia từ doanh nghiệp.

Doanh nghiệp ngại cử chuyên gia tham gia giảng dạy tại Nhà trường do vướng mắc về cơ chế, thù lao, và khối lượng công việc, cho nên doanh nghiệp chỉ tham gia ở giai đoạn tuyển dụng, chưa chủ động trong khâu đào tạo tại Nhà trường.

Nhà trường đã có một số mô hình hợp tác hiệu quả: chương trình đào tạo theo đặt hàng, thực tập, tuyển dụng sinh viên sau khi tốt nghiệp. Tuy nhiên, đa phần mối quan hệ này còn lỏng lẻo, mang tính tự phát, thiếu bền vững, chưa có chiến lược dài hạn.

Kinh phí cho hợp tác đào tạo như: Tổ chức thực tập, trả chi phí cho chuyên gia doanh nghiệp, nâng cấp thiết bị còn hạn chế.

Các mô hình tài trợ từ doanh nghiệp cho trường còn ít và chủ yếu tập trung ở một số ngành hot như điện tử, cơ khí, ô tô...

Để thực hiện sự gắn kết với doanh nghiệp, Nhà trường sẽ phải sử dụng nhiều phương án và việc tìm kiếm các doanh nghiệp phù hợp, thiết kế chương trình đào tạo, xây dựng liên kết lâu dài, xây dựng cơ sở vật chất phục vụ đào tạo nguồn nhân lực phù hợp với doanh nghiệp là những yêu cầu cần được đặt ra, để việc liên kết giữa Nhà trường và doanh nghiệp đạt hiệu quả, tác giả xin đưa ra một số giải pháp.

2.2. Các giải pháp:

Giải pháp 1: Doanh nghiệp tham gia xây dựng chương trình đào tạo

Nhà trường cần thực hiện phương pháp mời đại diện doanh nghiệp như: Chuyên gia, quản lý nhân sự, kỹ thuật trưởng... tham gia vào các hội đồng xây dựng, cập nhật chương trình đào tạo để đảm bảo chương trình đào tạo sát với nhu cầu thực tế, giúp sinh viên có kỹ năng và kiến thức đáp ứng yêu cầu công việc ngay sau khi ra trường.

Nhà trường tạo điều kiện cho các doanh nhân, các chuyên gia trực tiếp tham gia giảng dạy một số học phần hoặc chuyên đề phù hợp với năng lực và thể mạnh của họ, thông qua đó họ chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn của mình cho sinh viên nhằm tạo điều kiện cho sinh viên tìm hiểu về thực tiễn hoạt động kinh doanh, sản xuất của doanh nghiệp.

Giải pháp 2: Xây dựng chương trình đào tạo linh hoạt.

Nhà trường cần tham khảo nhu cầu của thị trường và doanh nghiệp, thường xuyên cập nhật các môn học, các kỹ năng theo yêu cầu thực tế của thị trường lao động, luôn đảm bảo chương trình đào tạo luôn bắt kịp xu hướng và công nghệ mới, tiên tiến, hiện đại.

Cử các giảng viên, cán bộ quản lý đến doanh nghiệp học tập, trao đổi kinh nghiệm, vướng mắc trong quá trình đào tạo.

Cần có sự tham gia của doanh nghiệp trong hoạt động biên soạn, sửa đổi chương trình đào tạo, chương trình môn học cần thiết, vì chỉ có doanh nghiệp mới hiểu rõ mình cần những kiến thức, kỹ năng gì ở nguồn nhân lực doanh nghiệp cần tuyển để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả.

Nhà trường thực hiện mời các chuyên gia, chuyên viên, kỹ sư, công nhân lành nghề từ doanh nghiệp tham gia trực tiếp giảng dạy, hướng dẫn thực hành, chia sẻ kinh nghiệm thực tế trong một số học phần chuyên môn tại Nhà trường hoặc tại doanh nghiệp.

Nhà trường xây dựng khung đánh giá chuẩn hóa và quy trình góp ý, rà soát chương trình đào tạo định kỳ hàng năm, khuyến khích doanh nghiệp cùng tham gia đánh giá kết quả đào tạo và cung cấp thông tin cho Nhà trường về nhu cầu lao động, yêu cầu về phẩm chất và năng lực đối với người lao động, cho mỗi vị trí việc làm.

Mời đại diện của doanh nghiệp đến Nhà trường quay các video nói về các chuyên đề liên quan đến các ngành đào tạo của Nhà trường như: Chuyên đề marketing sản phẩm của doanh nghiệp, chuyên đề tuyển dụng, chuyên đề quảng bá thương hiệu, chuyên đề quy trình sản xuất... trình chiếu trong các buổi học trên lớp cho sinh viên.

Giải pháp 3: Phân công công việc thực tế và có ý nghĩa.

Việc hợp tác, liên kết với Nhà trường, doanh nghiệp đạt được lợi ích là tuyển dụng được nguồn lao động chất lượng, được đào tạo bài bản theo nhu cầu đã đề ra của doanh nghiệp, doanh nghiệp tiết kiệm được chi phí và thời gian tuyển dụng và đào tạo mới nếu thực hiện tuyển dụng bằng các hình thức khác.

Doanh nghiệp cần tránh giao những công việc nhàn chán, không liên quan đến chuyên ngành, bố trí các cán bộ có kinh nghiệm, nhiệt tình để hướng dẫn, hỗ trợ và giải đáp thắc mắc cho sinh viên trong suốt quá trình thực tập. Cho sinh viên tham gia vào mọi công đoạn của quy trình sản xuất, quy trình tạo ra sản phẩm.v.v..để sinh viên có cơ hội học hỏi và đóng góp trong doanh nghiệp.

Cần có giảng viên thường xuyên đến doanh nghiệp kiểm tra tình hình thực tập của sinh viên, để nắm bắt tâm tư nguyện vọng của sinh viên trong quá trình thực tập và nắm bắt kịp thời những điểm mạnh, điểm yếu của sinh viên đang thực tập, đồng thời nắm được yêu cầu thực tiễn của doanh nghiệp đối với sinh viên thực tập để giảng viên phổ biến, yêu cầu sinh viên thực hiện đúng.

Giải pháp 4. Hợp tác nghiên cứu – chuyển giao công nghệ

Nhà trường thường xuyên tổ chức nghiên cứu khoa học, nghiên cứu phát triển công nghệ, phát triển sản phẩm cho giảng viên, sinh viên và ký kết chuyển giao công nghệ mới, sản phẩm mới của giảng viên, sinh viên với doanh nghiệp nhằm thương mại hóa và nâng cao chất lượng tay nghề cho sinh viên.

Nhà trường khuyến khích, tạo điều kiện cho sinh viên sáng tạo, chế tạo sản phẩm mới, khám phá các ứng dụng công nghệ tiên tiến đang thịnh hành, cần mở rộng các buổi học thực hành nhiều hơn, xây dựng các tiết học thực tế như: Tiết học phòng vận tuyển dụng, tiết học sáng tạo mẫu mã mới, tiết học thực hành kế toán doanh nghiệp, tiết học sáng tạo thiết kế đồ họa...

Giải pháp 5. Kêu gọi doanh nghiệp tài trợ, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị.

Để có được trang thiết bị hiện đại, máy móc tiên tiến nhằm thực hiện quy trình sản xuất phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp, Nhà trường thực hiện kêu gọi doanh nghiệp tài trợ trang thiết bị, máy móc, phòng thí nghiệm, học bổng, nhà xưởng, quỹ khởi nghiệp cho sinh viên. Nhà trường cần gắn thương hiệu doanh nghiệp vào trang thiết bị, cơ sở vật chất doanh nghiệp tài trợ để tạo sự gắn kết lâu dài, tăng tính chủ động và trách nhiệm của doanh nghiệp trong liên kết đào tạo nguồn nhân lực với Nhà trường.

Nhà trường cần thiết lập các hình thức công nhận doanh nghiệp đồng hành như: Giấy chứng nhận, bảng vàng tri ân, truyền thông tên tuổi doanh nghiệp trên kênh truyền thông chính thức, tạo điều kiện cho doanh nghiệp

được ưu tiên tuyển dụng sinh viên của Nhà trường sau tốt nghiệp, doanh nghiệp được miễn giảm chi phí tham gia hội chợ việc làm, quảng bá thương hiệu tại Nhà trường.

Giải pháp 6. Định hướng nghề nghiệp từ sớm cho sinh viên.

Để sinh viên hiểu rõ thị trường lao động, trang bị những kỹ năng, trình độ cần thiết sau khi tốt nghiệp, Nhà trường cần tổ chức định kỳ các buổi chia sẻ nghề nghiệp từ các chuyên gia, quản lý cấp cao từ các doanh nghiệp uy tín chia sẻ về xu hướng ngành nghề, yêu cầu tuyển dụng, văn hóa doanh nghiệp và những kinh nghiệm thực tế. Điều này giúp sinh viên có cái nhìn sâu sắc về môi trường làm việc và định hướng nghề nghiệp phù hợp.

Tổ chức các buổi tuần lễ nghề nghiệp, để doanh nghiệp giới thiệu về mình, các vị trí tuyển dụng, quy trình làm việc và thực hiện các hoạt động như: Phỏng vấn thử, các buổi workshop chuyên sâu về kỹ năng mềm như: Giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề và kỹ năng chuyên môn cần thiết theo yêu cầu của doanh nghiệp, tuyển dụng trực tiếp, giúp sinh viên làm quen với quy trình phỏng vấn, nhận phản hồi từ nhà tuyển dụng để cải thiện kỹ năng và tạo điều kiện cho sinh viên ứng tuyển và có cơ hội được tuyển dụng ngay tại sự kiện.

Giải pháp 7. Tổ chức thực tập tập trung cho sinh viên.

Nhà trường tổ chức các hoạt động thực tập, thực tế, ngoại khóa cho sinh viên một cách có hệ thống, triển khai các chương trình thực tập có hỗ trợ tài chính và tích hợp hoạt động thực tập vào chương trình đào tạo chính thức. Tạo mối quan hệ thật chặt giữa Nhà trường và đơn vị sử dụng lao động để sinh viên có môi trường thực tập lâu dài và cần thiết kể những kỳ thực tập có mục tiêu cụ thể, có người dẫn dắt sinh viên đến doanh nghiệp.

Do sinh viên của Nhà trường chủ yếu là hệ T4 và hệ T4 liên thông cao đẳng, cho nên các em còn ham chơi, ít ngoan hơn sinh viên hệ cao đẳng, đại học chính quy, khi đi thực tập các em thường hay mắc các lỗi như: Nghỉ không xin phép, đi trễ về sớm, trốn việc, không tuân thủ theo quy định của doanh nghiệp, không thực hiện theo người hướng dẫn. Để giữ được sự gắn bó lâu dài với doanh nghiệp, mỗi khi Nhà trường gửi sinh viên đi thực tập tại doanh nghiệp, Nhà trường cần có những quy định rõ ràng cho sinh viên thực hiện cam kết thực tập nghiêm túc, không vi phạm quy định của doanh nghiệp trước khi đưa các em đến doanh nghiệp thực tập.

3. Kết luận

Mối gắn kết bền vững giữa Nhà trường và doanh nghiệp có vị trí đặc biệt quan trọng trong việc đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên của Nhà trường, đồng thời là nguồn nhân lực chất lượng đầu vào của doanh nghiệp.

Nhà trường cần ưu tiên chuyển giao công nghệ, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao và hỗ trợ doanh nghiệp trong tư vấn, giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp và doanh nghiệp cần tạo điều kiện tiếp nhận sinh viên kiến tập, thực tập, tham quan, khảo sát, tuyển dụng và sử dụng sinh viên tốt nghiệp của nhà trường. Sự kết nối giữa doanh nghiệp, nhà trường sẽ rút ngắn được khoảng cách giữa học viên và môi trường thực tế, tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện khả năng tư duy, thực hành ngay khi còn trên ghế nhà trường, việc được học và đào tạo trong một môi trường chuyên nghiệp sẽ nâng cao năng lực chuyên môn, giúp Nhà trường nâng cao được chất lượng đào tạo cũng như tìm được đầu ra phong phú cho người học, từ đó nâng cao uy tín của nhà trường trước những yêu cầu của thị trường lao động đa dạng và luôn biến động. Nhà trường tạo được tiếng vang trong giáo dục và đào tạo, có thể tăng cường tính tự chủ về nguồn tài chính cũng như cơ sở vật chất ở hiện tại và tương lai. Giúp sinh viên có địa điểm thực tập phù hợp, sinh viên nắm bắt được môi trường thực tế, phát triển được kỹ năng giải quyết những vấn đề phát sinh, các đợt thực tập mang lại cho sinh viên nhiều cơ hội phát triển, có cơ hội tìm kiếm học bổng và tiếp cận sớm với các tổ chức tuyển dụng, tạo cơ hội có việc làm sau khi tốt nghiệp.

Vì vậy, xây dựng và củng cố mối gắn kết bền vững giữa Nhà trường và doanh nghiệp trong việc phát triển nguồn nhân lực là yêu cầu cấp bách, là nhiệm vụ bắt buộc và là đòi hỏi của xã hội, là xu hướng đào tạo hiệu quả, thiết thực, kịp thời cung cấp nguồn nhân lực có trình độ và chất lượng phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tài liệu tham khảo

1. Hoàng Thị Thu Thủy - Dương Thị Thu Thủy (2023). TĂNG CƯỜNG LIÊN KẾT GIỮA DOANH NGHIỆP VÀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO TRONG ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC HIỆN NAY. 91389-Article Text-198754-1-10-20240219.pdf

2. TS. Nguyễn Đình Luận (2015). Sự gắn kết giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam: Thực trạng và khuyến nghị. 12-so-22.pdf
3. Nguyễn Thị Lan. XÂY DỰNG QUAN HỆ HỢP TÁC GIỮA CÁC DOANH NGHIỆP VÀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC- TỪ LÝ LUẬN ĐẾN THỰC TIỄN Ở VIỆT NAM. 166-Article Text-496-2-10-20180816.pdf
4. Khánh Khoa :Gắn kết nhà trường - doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực: <https://tuoitrethudo.vn/gan-ket-nha-truong-doanh-nghiep-trong-dao-tao-nguon-nhan-luc-238092.html>
5. Đào tạo kép: Mô hình hợp tác hiệu quả giữa Nhà trường và Doanh nghiệp:
<https://dansinh.dantri.com.vn/nhan-luc/dao-tao-kep-mo-hinh-hop-tac-hieu-qua-giua-nha-truong-va-doanh-nghiep-20240407144834211.htm>
6. Giải pháp phát triển liên kết nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao:
<https://taichinhdoanhnghiep.net.vn/giai-phap-phat-trien-lien-ket-nha-truong-va-doanh-nghiep-trong-dao-tao-nguon-nhan-luc-chat-luong-cao-d41597.html>
7. TS. Nguyễn Thị Tuyết Nga - Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng: Giải pháp nâng cao hiệu quả kết nối doanh nghiệp và các trường đại học tại Việt Nam: <https://tapchitaichinh.vn/giai-phap-nang-cao-hieu-qua-ket-noi-doanh-nghiep-va-cac-truong-dai-hoc-tai-viet-nam.html>
8. Nguyễn Phương Anh (2016), Quan điểm của các doanh nghiệp trong hợp tác với trường đại học.
<http://www.tc-consulting.com.vn/vi/thuvien/bai-viet-chuyen-gia/>

GIẢNG VIÊN GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ TRONG KỶ NGUYÊN TRÍ TUỆ NHÂN TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

LECTURER OF POLITICAL EDUCATION IN THE ERA OF ARTIFICIAL INTELLIGENCE AND DIGITAL TRANSFORMATION

Lê Thị Hồng Vân¹

Đỗ Thị Ngát²

¹Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM

Email: lethihongvan@lttc.edu.vn

dothingat@lttc.edu.vn

Keywords:

Political education, lecturers,
artificial intelligence, digital
transformation

TÓM TẮT:

Bối cảnh: Trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số đang làm thay đổi mạnh mẽ giáo dục và cách con người tiếp cận tri thức. Trong bối cảnh đó, giảng viên Giáo dục chính trị vừa truyền đạt lý luận, vừa định hướng tư tưởng, bồi dưỡng bản lĩnh và đạo đức số cho sinh viên. Thực tiễn mới đặt ra yêu cầu mỗi giảng viên cần đổi mới nội dung, phương pháp và ứng dụng công nghệ trong giảng dạy.

Kết quả: Ứng dụng trí tuệ nhân tạo và thực hiện chuyển đổi số trong dạy học góp phần tạo ra môi trường học tập hiện đại, linh hoạt và tăng khả năng tương tác, hứng thú và phát triển tư duy phản biện của sinh viên.

Bàn luận: Để đáp ứng yêu cầu mới, giảng viên cần không ngừng nâng cao năng lực số, chuyên môn và khả năng kết nối lý luận với thực tiễn. Đây chính là nền tảng để hình thành thế hệ công dân có bản lĩnh và trách nhiệm trong thời đại số.

ABSTRACT:

Context: Artificial intelligence and digital transformation are dramatically changing education and the way people approach knowledge. In this context, political education lecturers both impart theory and orient their thinking, fostering digital courage and ethics for students. The new reality requires each lecturer to innovate content, methods and apply technology in teaching.

Result: Applying artificial intelligence and implementing digital transformation in teaching contributes to creating a modern, flexible learning environment and increasing students' interaction, interest and critical thinking development.

Discussion: To meet new requirements, lecturers need to continuously improve their digital skills, expertise and the ability to connect theory with practice. This is the foundation for forming a generation of responsible and courageous citizens in the digital age.

1. Mở đầu

Thế giới đang bước vào kỷ nguyên của trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số – một thời đại mà công nghệ không chỉ thay đổi phương thức sản xuất, giao tiếp và quản lý, mà còn tác động sâu sắc đến học tập, tư duy và hành xử của con người. Những tiến bộ của công nghệ không chỉ tạo ra cơ hội mà còn đặt ra nhiều thách thức đối với người dạy và người học trong thời đại mới. Trong bối cảnh đó, giảng viên Giáo dục chính trị không chỉ giữ vai trò truyền đạt tri thức lý luận mà còn là người định hướng tư tưởng, bồi dưỡng bản lĩnh

chính trị, đạo đức số - những phẩm chất cần thiết của công dân trong thời đại số. Điều này đòi hỏi mỗi giảng viên phải không ngừng đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và chủ động ứng dụng công nghệ số vào quá trình dạy học. Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn ấy, bài viết tập trung phân tích vai trò và những yêu cầu đặt ra đối với giảng viên Giáo dục chính trị trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số, nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục chính trị và đào tạo nguồn nhân lực có năng lực số, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Vai trò của giảng viên môn Giáo dục chính trị trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số

Theo Bộ thông tin và truyền thông “Chuyển đổi số là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên công nghệ số”, “con người nỗ lực làm cho máy móc có những năng lực trí tuệ của con người và gọi đó là trí tuệ nhân tạo” (Bộ thông tin và truyền thông (2021). *Cẩm nang chuyển đổi số*. Nxb. Thông tin và truyền thông, tr16 – tr30). Trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số, giảng viên môn Giáo dục chính trị giữ vai trò đặc biệt quan trọng, thể hiện:

Định hướng tư tưởng và hình thành bản lĩnh chính trị cho sinh viên. Giảng viên giảng dạy môn Giáo dục chính trị giữ vai trò quan trọng trong việc trang bị cho sinh viên hệ thống tri thức nền tảng và toàn diện về chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đây là cơ sở tư tưởng khoa học giúp sinh viên có nhận thức đúng đắn về lịch sử dân tộc, hiện thực xã hội và xác định rõ vai trò, trách nhiệm của bản thân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thông qua hoạt động giảng dạy và tương tác trên lớp, giảng viên không chỉ truyền đạt tri thức lý luận mà còn góp phần quan trọng trong việc hình thành thế giới quan, nhân sinh quan cách mạng cho sinh viên. Với nội dung học gắn liền với thực tiễn và phương pháp dạy học tích cực, giảng viên giúp sinh viên rèn luyện tư duy phản biện, phát triển năng lực nhận diện, phân tích và phản bác các luận điệu sai trái, thù địch – đặc biệt trong bối cảnh “diễn biến hòa bình” và môi trường số hiện nay. Không chỉ dừng lại ở vai trò cung cấp tri thức, giảng viên Giáo dục chính trị còn là người dẫn dắt sinh viên rèn luyện bản lĩnh chính trị vững vàng, sống có lý tưởng, nuôi dưỡng khát vọng cống hiến và tinh thần trách nhiệm xã hội. Thông qua quá trình học tập và rèn luyện, sinh viên phát triển tư duy độc lập, bản lĩnh nghề nghiệp và đạo đức công dân – những phẩm chất cần thiết trong thời đại hội nhập và đổi mới toàn diện hiện nay.

Giáo dục đạo đức số và trách nhiệm công dân thời đại AI. Trong kỷ nguyên số, đặc biệt với sự phát triển mạnh mẽ của AI, đạo đức số và trách nhiệm công dân trở thành những phẩm chất không thể thiếu đối với sinh viên. Trong bối cảnh đó, giảng viên Giáo dục chính trị có vai trò quan trọng trong việc định hướng giá trị, hình thành ý thức và nuôi dưỡng phẩm chất công dân số có trách nhiệm. Trước hết, giảng viên là người giúp sinh viên nhận thức được các chuẩn mực đạo đức trong môi trường mạng như: không xâm phạm, không phát tán thông tin cá nhân của người khác khi chưa được phép; không lan truyền tin giả, không xuyên tạc, bịa đặt thông tin trên mạng; không sao chép hay sử dụng trái phép sản phẩm trí tuệ số của người khác ... Thông qua giảng dạy môn Giáo dục chính trị, giảng viên sẽ lồng ghép các tình huống thực tiễn để sinh viên hiểu và vận dụng các giá trị đạo đức trong không gian số; hiểu rõ quyền và nghĩa vụ trong không gian mạng, cách thức bảo mật thông tin cá nhân, đảm bảo an ninh mạng cho đến ứng xử văn minh trên các nền tảng số; nhận diện các thông tin sai lệch, có khả năng phản biện và đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, góp phần giữ vững ổn định xã hội trên môi trường mạng.

Kết nối lý luận chính trị với thực tiễn cuộc sống và nghề nghiệp. Giảng viên dạy môn Giáo dục chính trị là người giúp sinh viên tiếp cận và hiểu đúng các quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, từ đó vận dụng những tri thức đã học vào nhận thức và thực tiễn cuộc sống. Đây là nền tảng lý luận vững chắc để sinh viên không chỉ học để biết, mà còn hiểu để hành động, để sống có trách nhiệm và có lý tưởng. Với đặc thù là trường đào tạo các ngành kinh tế, kỹ thuật - nơi người học được đào tạo để nhanh chóng thích ứng với thị trường lao động và giải quyết các vấn đề thực tiễn của xã hội, việc giảng viên giúp sinh viên vận dụng các tri thức chính trị – pháp lý vào đời sống và nghề nghiệp càng trở nên quan trọng. Lý luận chỉ thực sự có giá trị khi nó được soi chiếu vào thực tế và giảng viên Giáo dục chính trị chính là người đưa những kiến thức lý luận đó vào thực tiễn cuộc sống. Ngoài việc truyền đạt lý thuyết, việc giảng viên chủ động lồng ghép các tình huống thời sự, đạo đức nghề, vấn đề xã hội liên quan đến ngành nghề sinh viên đang theo học góp phần tạo môi trường học tập gần gũi,

sinh động và sát với đời sống. Sinh viên ngành kỹ thuật có thể được thảo luận về đạo đức trong sản xuất, bảo vệ môi trường lao động; sinh viên ngành công nghệ thông tin có thể tìm hiểu về an ninh mạng, quyền công dân trong không gian số; sinh viên ngành du lịch có thể học về truyền thống văn hóa – lịch sử gắn với lòng yêu nước và trách nhiệm công dân...

Tấm gương về chuyển đổi số và thích nghi với AI. Trong bối cảnh giáo dục đang chuyển mình mạnh mẽ dưới tác động của công nghệ và trí tuệ nhân tạo, giảng viên không chỉ là người truyền đạt tri thức, mà còn là người truyền cảm hứng học tập và đổi mới không ngừng. Đặc biệt với giảng viên môn Giáo dục chính trị – người có vai trò dẫn dắt tư tưởng, giá trị sống và nhân cách nghề nghiệp – thì việc trở thành hình mẫu về học tập suốt đời lại càng quan trọng. Việc giảng viên tích cực học hỏi, cập nhật công nghệ mới và chủ động tích hợp các nền tảng số vào bài giảng như công cụ trình chiếu tương tác, phần mềm tạo bài tập trực tuyến, công cụ mô phỏng tình huống chính trị – xã hội, hay các ứng dụng AI để hỗ trợ đánh giá sinh viên... chính là minh chứng cho sự đổi mới không ngừng. Khi giảng viên chủ động học hỏi và tích hợp công nghệ vào bài giảng, chính họ sẽ truyền cảm hứng cho sinh viên trong hành trình tiếp cận tri thức.

2.2. Thực trạng ứng dụng trí tuệ nhân tạo và công nghệ số trong dạy học tại khoa Lý luận chính trị

Thực tiễn quá trình công tác tại khoa Lý luận chính trị - trường Cao đẳng Lý Tự Trọng trong thời gian qua, bản thân tôi nhận thấy giảng viên đã bước đầu triển khai việc ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo vào hoạt động dạy học, phù hợp với định hướng chuyển đổi số chung của nhà trường, thể hiện:

Giảng viên đã tích cực tham gia khóa học về Chuyển đổi số trong Giáo dục nghề nghiệp tại Việt Nam; tham gia lớp học tìm hiểu về tài nguyên giáo dục mở, các khóa học đào tạo về năng lực sử dụng công nghệ thông tin; khóa học thiết kế lấy con người làm trung tâm nhằm thực hiện chuyển đổi số.

Giảng viên trong khoa đều sử dụng các nền tảng dạy học trực tuyến như Zoom, Google Meet, MS Teams. Các bài giảng được thiết kế sinh động bằng các phần mềm PowerPoint, Canva, Prezi... góp phần đổi mới phương pháp truyền đạt và tăng tính tương tác với người học. Học liệu phục vụ cho dạy học đều được số hóa và đăng tải lên hệ thống cá nhân của sinh viên trước mỗi học kỳ, giúp sinh viên có điều kiện tiếp cận và chuẩn bị bài học một cách chủ động, linh hoạt.

Một số giảng viên đã và đang thực hiện bài giảng số giúp sinh viên có thể linh hoạt được thời gian học tập và truy cập lại bài giảng khi cần thiết. Trong mỗi giờ giảng, giảng viên đã linh hoạt kết hợp các công cụ AI như ChatGPT, Canva AI và một số phần mềm kiểm tra đánh giá như Quizizz, Google Form, Azota để tạo nên những giờ giảng sinh động và hỗ trợ quá trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Ngoài ra trong quá trình dạy học, giảng viên cũng đã tạo các nhóm Zalo, Gmail, Message... để thuận lợi cho trao đổi kiến thức, chia sẻ tài liệu cũng như kết nối thông tin một cách nhanh nhất.

Sinh viên bước đầu đã ứng dụng công nghệ số vào việc tìm kiếm thông tin tài liệu học tập, chuẩn bị bài tập cá nhân, bài tập nhóm; tích cực tham gia thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng với giảng viên và các bạn thông qua các công cụ số.

Bên cạnh những hiệu quả mang tính tích cực như đã phân tích ở trên, việc ứng dụng công nghệ và AI trong dạy học thời gian qua cũng vẫn còn một số hạn chế:

Một số giảng viên còn thiếu kiến thức và kỹ năng ứng dụng công nghệ số, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo trong dạy học. Việc tiếp cận các công cụ hỗ trợ như ChatGPT, Canva AI, hoặc các nền tảng tạo bài giảng số vẫn còn hạn chế. Giảng viên có tâm lý ngại thay đổi, quen với phương pháp giảng dạy truyền thống, dẫn đến chưa mạnh dạn đổi mới. Ngoài ra, việc tiếp cận và sử dụng các phần mềm hỗ trợ chủ yếu dựa vào tự nghiên cứu hoặc chia sẻ kinh nghiệm từ đồng nghiệp chưa có nhiều cơ hội được bồi dưỡng chuyên sâu về công nghệ giáo dục. Việc thiết kế bài giảng số hóa, xây dựng học liệu tương tác hay tổ chức lớp học tích hợp AI còn khá mới mẻ nên đạt hiệu quả còn thấp.

Học liệu số phục vụ cho giảng dạy vẫn còn hạn chế, chủ yếu dừng lại ở các file bài giảng dạng PDF hoặc bài giảng trình chiếu truyền thống, thiếu các tài nguyên số hóa hiện đại như video bài giảng có tương tác, mô phỏng trực quan hay các hoạt động học tập tương tác phù hợp với đặc thù của môn học lý luận – chính trị. Chưa có ngân hàng câu hỏi trực tuyến, hệ thống đánh giá năng lực theo hướng cá thể hóa bằng AI hoặc chatbot hỗ trợ ôn luyện. Các diễn đàn hoặc nhóm lớp do giảng viên tạo ra phần lớn chỉ được sử dụng để đăng tải thông báo khi cần thiết, chưa được khai thác hiệu quả như một không gian trao đổi kiến thức, thảo luận học thuật hay hỗ trợ học tập thường xuyên cho sinh viên

Một số sinh viên thiếu kỹ năng sử dụng các công cụ số phục vụ học tập, chưa chủ động khám phá các nền tảng học tập hiện đại, một số sinh viên lạm dụng AI để làm bài thay vì tự tư duy. Ngoài ra, điều kiện thiết bị và kết nối Internet chưa đồng đều, gây khó khăn trong việc tiếp cận học liệu số.

2.3. Cơ hội và những thách thức đặt ra của giảng viên cho Giảng viên giáo dục chính trị

Trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số, vai trò của giảng viên Giáo dục chính trị đang mở ra nhiều cơ hội mới, cụ thể:

Nâng cao năng lực sử dụng công nghệ số và chất lượng giảng dạy. Nhờ vào nền tảng số, giảng viên có thể soạn bài, thiết kế kịch bản giảng dạy, quay video minh họa, xây dựng ngân hàng câu hỏi và bài tập kiểm tra dưới nhiều hình thức phong phú, trực quan. Việc này không chỉ giúp bài giảng trở nên sinh động mà còn tạo cơ hội để giảng viên rèn luyện và nâng cao kỹ năng số. Quá trình thường xuyên tiếp cận và cập nhật công nghệ giúp giảng viên chủ động đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng linh hoạt các công cụ số vào hoạt động dạy – học. Từ đó, sinh viên được khơi gợi tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập, nâng cao khả năng nghiên cứu, phân tích và vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Đây là yếu tố quan trọng góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ hiện nay.

Mở ra cơ hội cá nhân hóa quá trình dạy học. Thông qua các hệ thống phân tích dữ liệu học tập, giảng viên có thể xây dựng lộ trình học tập phù hợp với năng lực, sở thích và tiến độ riêng của từng sinh viên. Thay vì áp dụng một chương trình cho tất cả sinh viên, giảng viên có thể thiết kế hoạt động học tập linh hoạt theo thể mạnh cá nhân và tránh được tình trạng học lệch, quá tải hoặc kém hiệu quả. Đặc biệt, AI còn hỗ trợ giảng viên trong việc phát hiện kịp thời điểm mạnh – điểm yếu của sinh viên, từ đó điều chỉnh phương pháp giảng dạy phù hợp. Sự hỗ trợ này không chỉ giúp nâng cao chất lượng giáo dục mà còn mở ra khả năng cá thể hóa trong môi trường học tập, góp phần xây dựng một nền giáo dục toàn diện và thích ứng cao trong thời đại số.

Tăng cường kết nối giữa giảng viên – sinh viên – phụ huynh. Thông qua các nền tảng học tập trực tuyến, giảng viên có thể dễ dàng chia sẻ bài giảng, tài liệu học tập và nhận phản hồi nhanh chóng từ sinh viên. Nhờ trí tuệ nhân tạo hỗ trợ ghi nhận và phân tích tiến trình học tập, giảng viên có thể kịp thời điều chỉnh phương pháp giảng dạy khi phát hiện dấu hiệu sa sút của sinh viên. Phụ huynh cũng được tạo điều kiện truy cập hệ thống để theo dõi điểm số, thời lượng học và mức độ hoàn thành các nhiệm vụ của con em mình. Bên cạnh đó, các công cụ giao tiếp số như email, nhóm Zalo, số liên lạc điện tử... giúp phụ huynh nắm bắt tình hình học tập và rèn luyện của con một cách thường xuyên. Nhờ vậy, gia đình và nhà trường có thể phối hợp chặt chẽ trong việc uốn nắn hành vi, định hướng tư tưởng, giáo dục con tránh xa những ảnh hưởng tiêu cực, khơi dậy khát vọng học tập, thái độ sống tích cực và nhiệt huyết tuổi trẻ.

Bên cạnh những cơ hội, trong bối cảnh AI và chuyển đổi số cũng đặt ra cho giảng viên dạy học môn Giáo dục chính trị những thách thức to lớn:

Năng lực công nghệ của giảng viên chưa đồng đều. Thực tế cho thấy vẫn còn không ít giảng viên gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận và sử dụng có hiệu quả các thiết bị công nghệ, phần mềm hỗ trợ giảng dạy cũng như tổ chức lớp học trực tuyến. Một số giảng viên chưa thành thạo trong việc thiết kế bài giảng điện tử, xây dựng học liệu số, hoặc khó khăn khi tích hợp các ứng dụng công nghệ vào bài giảng một cách phù hợp, hiệu quả. Việc sử dụng các công cụ như hệ thống quản lý học tập phần mềm tương tác, hoặc công cụ AI hỗ trợ đánh giá người học vẫn còn hạn chế, thiếu tính hệ thống.

Thách thức trong đổi mới tư duy dạy học, thể hiện ở việc một bộ phận giảng viên vẫn duy trì phương pháp giảng dạy truyền thống, chủ yếu sử dụng bảng đen và phấn trắng, chưa quan tâm đến việc đáp ứng nhu cầu cá nhân hóa và học tập linh hoạt của sinh viên trong môi trường số. Nhiều giảng viên chưa chủ động hướng dẫn sinh viên khai thác thiết bị và công cụ số để hỗ trợ việc học tập. Tư duy dạy học theo lối “đọc – chép”, “chiếu – chép” vẫn phổ biến, trong khi tư duy “dạy – gợi mở – khám phá” chưa được áp dụng rộng rãi. Chính điều này đã làm chậm lại quá trình chuyển đổi sang mô hình giáo dục hiện đại, lấy người học làm trung tâm và phát triển năng lực toàn diện của người học.

Khó khăn trong việc kiểm soát và định hướng tư tưởng cho sinh viên. Trước đây, nội dung học tập chủ yếu được tiếp nhận qua bài giảng trực tiếp và tài liệu chính thống do giảng viên cung cấp. Tuy nhiên sinh viên ngày nay có thể dễ dàng tìm kiếm thông tin từ nhiều nguồn khác nhau nhưng phần lớn sinh viên chưa có đủ năng lực chọn lọc và kiểm chứng độ tin cậy của các nguồn thông tin, trong khi các thông tin sai lệch,편견 (phẩm kiến) hoặc mang tính kích động chính trị, xuyên tạc lịch sử lại có xu hướng lan truyền nhanh và hấp dẫn hơn thông tin chính thống. Điều này khiến quá trình giáo dục chính trị - tư tưởng gặp nhiều khó khăn,

khi niềm tin, thái độ và nhận thức của sinh viên dễ bị chi phối bởi luồng thông tin lệch lạc. Đặc biệt trong môi trường học tập trực tuyến hoặc với sự hỗ trợ của AI, vai trò định hướng trực tiếp của giảng viên bị hạn chế hơn so với hình thức giảng dạy truyền thống. Việc phát hiện, can thiệp và điều chỉnh kịp thời những lệch chuẩn trong nhận thức tư tưởng của người học trở nên khó khăn hơn.

Khó khăn trong đảm bảo an toàn thông tin và chất lượng học tập trong môi trường trực tuyến. Việc sử dụng các nền tảng số nếu không được kiểm soát và thiết lập bảo mật đúng cách có thể dẫn đến nguy cơ rò rỉ dữ liệu cá nhân, bao gồm thông tin tài khoản, nội dung bài giảng và kết quả học tập của cả giảng viên lẫn sinh viên. Bên cạnh đó, giảng viên cũng phải đối mặt với tình trạng gian lận khi sinh viên dễ dàng sao chép nội dung từ các công cụ AI hoặc tìm kiếm trên Internet mà không có kỹ năng trích dẫn và đánh giá thông tin làm ảnh hưởng đến công bằng trong dạy học. Ngoài ra, môi trường học trực tuyến khiến việc quản lý hành vi học tập của sinh viên trở nên khó khăn hơn. Việc sinh viên tắt camera, làm việc riêng, thiếu hợp tác... làm ảnh hưởng đến chất lượng bài giảng và hiệu quả của việc giáo dục tư tưởng – đạo đức.

2.4. Giải pháp phát triển đội ngũ giảng viên Giáo dục chính trị trong thời đại mới

Thứ nhất, nâng cao năng lực chuyên môn – tư tưởng – lý luận. Trong bối cảnh xã hội và công nghệ thay đổi nhanh chóng, giảng viên cần chủ động học tập, nghiên cứu để bắt kịp sự vận động không ngừng của tri thức chuyên ngành và liên ngành. Việc thường xuyên đọc sách, theo dõi báo chí, cập nhật thông tin thời sự – chính trị – xã hội trong nước và quốc tế là điều kiện cần thiết để nội dung giảng dạy luôn gắn với thực tiễn sinh động, thiết thực và đáng tin cậy. Trong thời đại số, khi sinh viên có thể tiếp cận thông tin nhanh và đa dạng nên giảng viên cần trở thành người dẫn dắt có hiểu biết sâu rộng, có chính kiến rõ ràng, có khả năng phân tích các vấn đề xã hội một cách thuyết phục và phù hợp.

Với vị trí là người truyền bá nền tảng tư tưởng của Đảng trong môi trường giáo dục, giảng viên phải là người kiên định lập trường, có niềm tin vững chắc vào chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Muốn vậy giảng viên cũng cần không ngừng tự rèn luyện bản lĩnh chính trị và đạo đức cách mạng để có thể đấu tranh hiệu quả với các quan điểm sai trái, xuyên tạc, phản động đang ngày càng tinh vi, đặc biệt trên không gian mạng.

Giảng viên cũng cần thể hiện bản lĩnh và phẩm chất của mình thông qua hành vi, lối sống và thái độ chuẩn mực, trở thành tấm gương sáng cho sinh viên noi theo. Như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng căn dặn: *“Một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”*. Chính sự mẫu mực và tận tâm trong từng hành động, lời nói, phong cách làm việc của người giảng viên sẽ là minh chứng sinh động và thuyết phục nhất cho những giá trị mà họ đang truyền đạt.

Thứ hai, nâng cao năng lực công nghệ và chuyển đổi số cho giảng viên. Trong kỷ nguyên chuyển đổi số và phát triển mạnh mẽ của trí tuệ nhân tạo, việc nâng cao năng lực công nghệ và chuyển đổi số cho giảng viên không còn là lựa chọn mang tính khuyến khích, mà là yêu cầu bắt buộc nhằm đảm bảo chất lượng và hiệu quả giảng dạy, đặc biệt đối với những môn học có tính chất định hướng như Giáo dục chính trị. Giảng viên cần được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng sử dụng thành thạo các công cụ công nghệ số để thiết kế, tổ chức và quản lý hoạt động học tập một cách linh hoạt, hiện đại. Các phần mềm như Canva, Hot Potatoes, ClassPoint, Padlet, Quizizz... đang ngày càng phổ biến và hỗ trợ hiệu quả trong việc trình bày nội dung, xây dựng hệ thống bài tập tương tác, đánh giá nhanh và tạo hứng thú cho người học.

Giảng viên cũng cần biết cách khai thác các công cụ AI như ChatGPT, Canva AI... những công cụ này sẽ giúp rút ngắn thời gian soạn giảng, tạo ra hệ thống câu hỏi tư duy, học liệu cá nhân hóa phù hợp với từng nhóm đối tượng sinh viên. Trí tuệ nhân tạo cũng có thể hỗ trợ giảng viên trong phản hồi nhanh, xây dựng kịch bản lớp học linh hoạt, khơi gợi tư duy phản biện và nâng cao mức độ tương tác của người học. Tuy nhiên, năng lực công nghệ không chỉ dừng lại ở thao tác kỹ thuật mà còn đòi hỏi giảng viên có khả năng lựa chọn linh hoạt và ứng dụng công cụ phù hợp với đặc điểm người học (trung cấp, liên thông, cao đẳng), mục tiêu bài học, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường... việc ứng dụng công nghệ cần đảm bảo hiệu quả sư phạm, không chạy theo hình thức.

Thứ ba, đổi mới phương pháp giảng dạy. Với đặc thù giảng dạy môn học lý luận nền tảng – đóng vai trò then chốt trong việc thích ứng và dẫn dắt đổi mới phương pháp giảng dạy, giảng viên giảng dạy môn Giáo dục chính trị cần thay đổi phương pháp giảng dạy từ dạy học truyền thống – lấy giảng viên làm trung tâm sang phương pháp dạy học hiện đại – lấy người học làm trung tâm như: áp dụng mô hình lớp học đảo ngược. Theo mô hình này, giảng viên sẽ tạo các bài giảng video ngắn kèm các tài nguyên học liệu khác cung cấp

cho người học để tự học trước ở nhà. Trong thời gian tiếp xúc đồng bộ giảng viên sẽ hướng dẫn người học thảo luận, hỏi đáp và trả lời những thắc mắc dưới sự hướng dẫn của giảng viên hoặc áp dụng mô hình học tập kết hợp (Blended Learning) là sự kết hợp giữa hình thức học truyền thống (trực tiếp trên lớp) và học trực tuyến (online). Sự đổi mới này không chỉ giúp sinh viên hiểu sâu nội dung mà còn phát triển cho sinh viên kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng hợp tác, kỹ năng làm việc nhóm; đặc biệt là phát triển kỹ năng tư duy phản biện và sáng tạo cho sinh viên khi các em phải chủ động tìm hiểu nội dung và tham gia vào các hoạt động tương tác, khả năng phân tích và đánh giá thông tin cũng được nâng cao khi sinh viên phải liên tục đặt câu hỏi và tìm kiếm câu trả lời.

Thứ năm, gắn lý luận với thực tiễn và hoạt động trải nghiệm. Giảng viên cần tích cực tham gia các hoạt động thực tế tại cơ sở chính trị, doanh nghiệp, tổ chức xã hội, cũng như tích cực nghiên cứu, khai thác các tình huống, sự kiện thời sự nhằm mở rộng hiểu biết và cập nhật các vấn đề thực tế đặt ra trong đời sống chính trị – xã hội; chủ động nghiên cứu, khai thác và tích hợp các tình huống thực tiễn, sự kiện thời sự có giá trị giáo dục vào nội dung bài giảng một cách phù hợp và sinh động. Bên cạnh đó, giảng viên cần lồng ghép các hoạt động trải nghiệm cho sinh viên như hành trình về nguồn, tham quan cơ sở chính trị, tổ chức truyền thông pháp luật, thực hành dự án vì cộng đồng. Việc tăng cường kết nối thực tiễn theo hướng này sẽ góp phần giúp giảng viên làm giàu nội dung giảng dạy, nâng cao năng lực vận dụng lý luận vào đời sống, đồng thời xây dựng tư duy công dân tích cực cho sinh viên trong thời đại mới.

Thứ sáu, xây dựng và chia sẻ học liệu số. Để việc xây dựng học liệu số đạt hiệu quả và sát với thực tiễn giảng dạy, giảng viên cần: thiết kế hệ thống học liệu số hóa theo từng chủ đề bài giảng, với nguồn tài nguyên đa dạng, chất lượng, dễ tiếp cận và phù hợp với trình độ người học. Học liệu nên bao gồm: tài liệu tóm tắt, slide trình chiếu kết hợp video ngắn, bài đọc chọn lọc, bài tập tương tác, câu hỏi tư duy mở... nhằm đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của sinh viên ở các cấp đào tạo (trung cấp, liên thông, cao đẳng). Giảng viên cần chú ý phân đoạn học liệu thành các phần nhỏ để dễ dàng tái sử dụng ở nhiều ngữ cảnh giảng dạy khác nhau, đồng thời phù hợp với khả năng tiếp nhận thông tin của người học trong môi trường số. Học liệu nên đảm bảo tính linh hoạt, truy cập mọi lúc – mọi nơi, thích ứng với nhiều thiết bị học tập. Bên cạnh đó, cần tích hợp học liệu mở từ các nguồn chính thống và đáng tin cậy như Cổng thông tin Chính phủ, Tạp chí Cộng sản, Tạp chí Lý luận chính trị... để bảo đảm tính chính xác, tính thời sự và tính định hướng trong nội dung chính trị – pháp luật – xã hội và xây dựng ngân hàng tình huống thực tiễn gắn với các chủ đề chính trị – xã hội – đạo đức nghề nghiệp, có thể chia theo nhóm ngành đào tạo (kỹ thuật, du lịch, công nghệ thông tin, kinh tế...) nhằm tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống, từ đó gắn lý luận với nghề nghiệp một cách cụ thể và hiệu quả.

3. Kết luận

Trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số đã làm thay đổi sâu sắc nội dung, phương pháp dạy học và cách tiếp cận tri thức. Trong bối cảnh ấy, giảng viên dạy học môn Giáo dục chính trị có vai trò quan trọng trong việc định hướng tư tưởng, khơi dậy lý tưởng, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội của sinh viên. Việc ứng dụng công nghệ và AI vào giảng dạy không làm thay đổi bản chất định hướng tư tưởng của môn học, mà ngược lại, giúp nội dung bài học trở nên gần gũi, trực quan và hiệu quả hơn. Để hoàn thành tốt sứ mệnh này, giảng viên cần không ngừng học hỏi, nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực số, kết hợp lý luận với thực tiễn và hoạt động trải nghiệm đại nhằm góp phần xây dựng thế hệ công dân trẻ có bản lĩnh, tri thức và trách nhiệm trong thời đại mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ thông tin và truyền thông (2021). *Cẩm nang chuyển đổi số*. Nxb. Thông tin và truyền thông

Thủ tướng chính phủ (2021). *Quyết định số 2222/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 về phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030*.

Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM, Khoa Lý Luận Chính Trị (2023). *Kỷ yếu hội thảo khoa học “Ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động dạy và học các môn Lý luận chính trị, Pháp luật đào ứng yêu cầu đào tạo mô hình chất lượng cao tại trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM”*

Nguyễn Thị Phương Thảo. *Trí tuệ nhân tạo trong giáo dục – cơ hội và thách thức tương lai cho việc dạy và học ở trường đại học*, Tạp chí Nghiên cứu khoa học công đoàn, số 30 tháng 5/2023

Nguyễn Văn Sỹ. *Chuyển đổi số để nâng cao chất lượng giảng dạy lý luận chính trị ở các trường chính trị tỉnh, thành phố hiện nay*, Tạp chí điện tử Lý luận chính trị, tháng 5/2025

VẬN DỤNG KỸ THUẬT MẢNH GHÉP TRONG GIẢNG DẠY MÔN GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ NHẪM PHÁT TRIỂN MỘT SỐ KỸ NĂNG MỀM CHO SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG TP. HCM
APPLYING JIGSAW IN POLITICAL EDUCATION TO ENHANCE SOFT SKILLS OF STUDENTS AT LY TU TRONG COLLEGE, HO CHI MINH CITY

Đỗ Thị Thơm

¹Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM
Email: dothithom@lttc.edu.vn

Keywords:

Political education; Jigsaw soft skills; active teaching methods; college students.

TÓM TẮT:

Bối cảnh: Trong bối cảnh đổi mới giáo dục toàn diện, giảng dạy không chỉ chú trọng tới truyền đạt kiến thức mà còn hướng đến phát triển phẩm chất và năng lực người học. Môn Giáo dục chính trị đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng tư tưởng, hình thành nhân cách và nâng cao nhận thức chính trị – xã hội cho sinh viên. Tuy nhiên, nhiều sinh viên vẫn chưa hứng thú với môn học, một phần do giảng viên chưa khai thác hiệu quả các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực. Trong khi đó, kỹ năng mềm như giao tiếp, hợp tác, thuyết trình, tư duy phản biện lại ngày càng cần thiết trong môi trường làm việc hiện đại. Vì vậy, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát triển năng lực, lấy người học làm trung tâm là yêu cầu tất yếu hiện nay.

Kết quả: Việc vận dụng kỹ thuật mảnh ghép trong giảng dạy môn Giáo dục chính trị đã mang lại nhiều chuyển biến tích cực. Sinh viên không chỉ tiếp thu kiến thức chủ động hơn mà còn tích cực tham gia trao đổi, thảo luận, phát triển các kỹ năng như làm việc nhóm, trình bày, tư duy phản biện và giao tiếp. Kết quả khảo sát và quan sát lớp học cho thấy sự gia tăng đáng kể về mức độ tương tác, sự hứng thú học tập và tinh thần trách nhiệm của sinh viên.

Bàn luận: Việc áp dụng kỹ thuật mảnh ghép không chỉ phù hợp với mục tiêu phát triển năng lực người học mà còn góp phần đổi mới phương pháp dạy học trong các môn lý luận chính trị. Tuy nhiên, để đạt hiệu quả cao, giảng viên cần đầu tư vào khâu thiết kế hoạt động, kiểm soát thời gian và linh hoạt trong điều hành lớp học. Đây là một hướng đi khả thi và cần được nhân rộng trong bối cảnh giáo dục hiện nay.

ABSTRACT:

Context: In the context of comprehensive educational reform, teaching is not only focused on knowledge transmission but also on developing learners' qualities and competencies. Political Education plays a vital role in orienting ideology, shaping personality, and enhancing students' political and social awareness. However, many students remain uninterested in the subject, partly because instructors have not effectively applied active teaching methods and techniques. Meanwhile, soft skills such as communication, collaboration, presentation, and critical thinking are increasingly essential in the modern workplace. Therefore, renewing teaching approaches toward competency development and learner-centeredness has become an urgent necessity.

Result: The application of the Jigsaw in teaching Political Education has brought about many positive changes. Students not only acquired knowledge more actively but also participated enthusiastically in discussions and

collaborative activities, thereby developing skills such as teamwork, presentation, critical thinking, and communication. Survey results and classroom observations indicated a significant increase in student interaction, learning motivation, and sense of responsibility.

Discussion: The application of Jigsaw not only aligns with the goal of developing learner competencies but also contributes to innovating teaching methods in political theory courses. However, to ensure high effectiveness, instructors need to invest in designing learning activities, managing time effectively, and being flexible in classroom facilitation. This is a feasible and promising approach that should be expanded in the current educational context.

2. Mở đầu

Môn Giáo dục chính trị có vai trò quan trọng trong việc bồi dưỡng tư tưởng, đạo đức và ý thức công dân cho sinh viên. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy việc dạy học môn này vẫn còn gặp nhiều thách thức, nhất là trong việc thu hút sự quan tâm, chủ động học tập từ phía người học. Trước yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và rèn luyện kỹ năng toàn diện cho sinh viên, việc đổi mới phương pháp giảng dạy là điều cần thiết.

Kỹ thuật mảnh ghép – một kỹ thuật dạy học tích cực dựa trên tinh thần chủ động, hợp tác và chia sẻ – cho phép người học đóng vai trò trung tâm. Kỹ thuật này với đặc trưng phân chia nhiệm vụ và hợp tác giữa các thành viên, không chỉ giúp sinh viên đào sâu kiến thức trong từng lĩnh vực mà còn phát huy hiểu biết cá nhân, kịp thời điều chỉnh những nhận thức chưa đúng. Quá trình tham gia thảo luận, chia sẻ và trình bày nội dung không chỉ thúc đẩy sự chủ động, tinh thần trách nhiệm mà còn góp phần hình thành và phát triển nhiều phẩm chất, kỹ năng quan trọng như: trách nhiệm cá nhân, tự tin, tôn trọng người khác; kỹ năng giao tiếp, hợp tác, trình bày, tư duy phản biện và giải quyết vấn đề. Những phẩm chất và kỹ năng này là nền tảng cần thiết để sinh viên thích nghi và phát triển hiệu quả trong học tập cũng như trong môi trường làm việc sau này.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Mục tiêu triển khai đề tài

Việc vận dụng kỹ thuật mảnh ghép trong giảng dạy môn Giáo dục chính trị được triển khai nhằm góp phần đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực, lấy người học làm trung tâm. Thông qua đó, sinh viên không chỉ tiếp cận nội dung bài học một cách chủ động, tích cực mà còn có cơ hội rèn luyện các kỹ năng mềm thiết yếu như: giao tiếp, hợp tác, thuyết trình, tư duy phản biện và làm việc nhóm. Đồng thời, hoạt động học tập theo kỹ thuật mảnh ghép giúp tăng cường sự tương tác giữa các thành viên trong lớp, khơi dậy hứng thú học tập và nâng cao trách nhiệm cá nhân của sinh viên đối với nhiệm vụ được giao.

2.2. Quy trình vận dụng kỹ thuật mảnh ghép

“Kỹ thuật mảnh ghép là một hình thức học tập hợp tác, trong đó học sinh được tổ chức thành các nhóm ban đầu (nhóm chuyên gia) để tìm hiểu từng phần nội dung riêng biệt. Sau đó, các em được sắp xếp lại thành nhóm mới (nhóm mảnh ghép), mỗi thành viên có nhiệm vụ chia sẻ lại phần nội dung mình đã học cho các thành viên khác. Hoạt động này giúp học sinh phát huy tính tích cực, rèn luyện khả năng giao tiếp, hợp tác và tư duy logic trong quá trình học tập.” [1. 49]. Với kỹ thuật này phát huy tính chủ động, khả năng trình bày, hợp tác và tư duy phản biện của người học, đồng thời tạo môi trường học tập tích cực, bình đẳng và hỗ trợ lẫn nhau. Kỹ thuật này không chỉ tạo cơ hội cho người học tiếp cận kiến thức một cách sâu sắc mà còn khuyến khích sự tham gia tích cực, phát huy vai trò và trách nhiệm của từng cá nhân trong quá trình học tập.

Kỹ thuật này được tiến hành qua những bước như sau:

2.2.1. Phân chuẩn bị

Giảng viên xác định nội dung bài học và phân chia thành các phần riêng biệt, đảm bảo tính độc lập giữa các chủ đề, tránh quan hệ nhân – quả. Đây là nội dung quan trọng khi sử dụng kỹ thuật mảnh ghép. Nội dung bài mới thường được sử dụng với những nội dung mang tính độc lập. Tuy nhiên, những bài ôn tập, nội dung phụ thuộc kỹ thuật này vẫn phát huy tác dụng hiệu quả cao.

Dụng cụ học tập: Mỗi sinh viên cần có giấy và bút để ghi chép và trình bày nội dung của mình và nhóm.

Sơ đồ tổ chức nhóm: Giảng viên cần tiến hành xây dựng cấu trúc nhóm ban đầu (nhóm chuyên gia) và nhóm mảnh ghép sau khi tách.

2.2.2. Tiến trình thực hiện

Vòng 1: Làm việc theo nhóm chuyên gia

Ở vòng đầu tiên – vòng chuyên gia: sinh viên được chia thành các nhóm chuyên gia, mỗi cá nhân hoặc nhóm đảm nhận nghiên cứu một phần nội dung khác nhau đã được giảng viên giao.

Trong quá trình làm việc, các thành viên sẽ cùng nhau thảo luận, ghi chép lại các ý chính, làm rõ những điểm khó hiểu và xây dựng phần trình bày chung của nhóm. Giảng viên cần theo sát quá trình này để hỗ trợ nhóm khi cần thiết và kịp thời điều chỉnh hướng tiếp cận nếu nội dung thảo luận bị sai lệch hoặc chưa đầy đủ. Việc làm việc nhóm ở giai đoạn này không chỉ giúp sinh viên đào sâu kiến thức, mà còn tạo điều kiện để các em chia sẻ quan điểm, đối thoại học thuật và phát huy tư duy phản biện trong nội bộ nhóm.

Quan trọng hơn, mỗi sinh viên trong nhóm đều phải *nắm vững nội dung được giao* và *có khả năng tự trình bày lại kiến thức của nhóm* một cách mạch lạc, bởi ở vòng sau, các em sẽ trở thành đại diện truyền đạt kiến thức cho các nhóm khác. Điều này buộc mỗi thành viên không thể học tập thụ động mà phải tích cực tiếp cận, ghi nhớ và làm chủ phần nội dung của mình, từ đó hình thành trách nhiệm cá nhân và năng



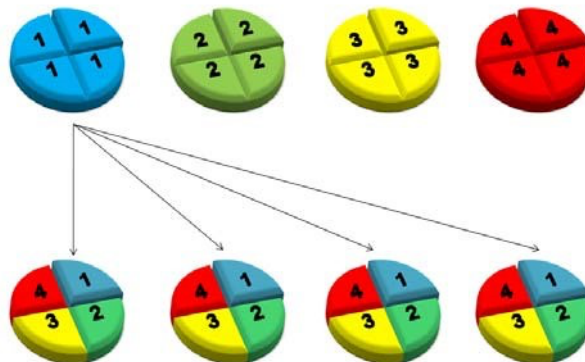
lực tự học.

Vòng 2: Tổ chức nhóm mảnh ghép

Sau khi hoàn thành thảo luận ở nhóm chuyên gia, các sinh viên được tái bố trí thành các nhóm mảnh ghép, trong đó mỗi nhóm mới gồm các thành viên đến từ các nhóm chuyên gia khác nhau. Việc tái cấu trúc nhóm này nhằm đảm bảo rằng mỗi thành viên trong nhóm mới sẽ là người đại diện cho một phần nội dung cụ thể, đóng vai trò như một “giảng viên nhỏ” để truyền đạt lại kiến thức cho các bạn cùng nhóm.

Tại nhóm mảnh ghép, từng sinh viên lần lượt trình bày phần nội dung mà mình đã nắm vững từ nhóm chuyên gia trước đó. Quá trình chia sẻ không chỉ là hoạt động truyền đạt thông tin một chiều, mà còn bao gồm cả việc trả lời câu hỏi, giải thích thêm các điểm khó hiểu và lắng nghe góp ý từ các thành viên khác. Qua đó, các em rèn luyện kỹ năng giao tiếp, trình bày và phản biện trong môi trường học tập thân thiện, bình đẳng.

Sau khi tất cả các thành viên đã hoàn tất phần trình bày, cả nhóm sẽ cùng nhau tổng hợp và hoàn thiện nội dung bài học, đảm bảo rằng mọi thành viên đều nắm được toàn bộ kiến thức trọng tâm. Nhóm có thể hoàn thành một sản phẩm chung như sơ đồ tư duy, bảng tổng hợp, bài trình bày ngắn hoặc trả lời bộ câu hỏi tổng kết theo hướng dẫn của giảng viên. Đây là giai đoạn quan trọng giúp sinh viên kết nối kiến thức phân mảnh thành một chỉnh thể thống nhất, đồng thời phát triển kỹ năng tổng hợp và hợp tác hiệu quả trong nhóm đa dạng.



2.2.3. Vai trò của giảng viên

Trong quá trình triển khai kỹ thuật mảnh ghép, giảng viên không giữ vai trò truyền thụ kiến thức một chiều mà đóng vai trò là người “tạo lòng” tổ chức, hướng dẫn và hỗ trợ hoạt động học tập của sinh viên. Ngay từ khâu chuẩn bị, giảng viên cần xây dựng hệ thống câu hỏi, nhiệm vụ học tập phù hợp với nội dung bài học, phân chia nhóm hợp lý, sơ đồ lớp học và cung cấp tài liệu định hướng rõ ràng.

Trong suốt quá trình thực hiện, giảng viên theo dõi sát sao diễn biến hoạt động của các nhóm, kịp thời hỗ trợ khi sinh viên gặp khó khăn, đồng thời quan sát sự tương tác giữa các thành viên để đánh giá mức độ tham gia, khả năng hợp tác và tinh thần trách nhiệm của từng cá nhân.

Việc đánh giá được tiến hành cả ở phương diện quá trình và kết quả. Ở phương diện quá trình, giảng viên ghi nhận sự chuẩn bị của sinh viên, khả năng nắm bắt nội dung, trình bày trước nhóm và tinh thần tham gia thảo luận. Ở phương diện kết quả, sản phẩm học tập của nhóm (phiếu tổng hợp, sơ đồ tư duy, bài thuyết trình...) được sử dụng để đánh giá mức độ lĩnh hội kiến thức, khả năng vận dụng và trình bày logic của sinh viên.

Cuối cùng, giảng viên thực hiện phần tổng kết bài học bằng cách đưa ra những nhận xét mang tính định hướng: nêu rõ các nội dung trọng tâm, phân tích ưu – nhược điểm trong cách tổ chức hoạt động, đồng thời khích lệ những điểm tích cực và góp ý những mặt còn hạn chế để sinh viên điều chỉnh trong các buổi học sau. Phản hồi từ giảng viên có ý nghĩa quan trọng trong việc giúp sinh viên hoàn thiện kỹ năng học tập và phát triển tư duy phản biện một cách có hệ thống.

2.2.4. Một số lưu ý khi tổ chức

Để kỹ thuật mảnh ghép phát huy tối đa hiệu quả trong giảng dạy, giảng viên cần lưu ý một số điểm quan trọng trong quá trình tổ chức hoạt động:

Trước hết, cần đảm bảo chất lượng thảo luận ở vòng 1 (vòng chuyên gia). Mỗi sinh viên phải thực sự nắm chắc phần nội dung được giao trước khi chuyển sang nhóm mảnh ghép. Nếu người học chưa hiểu rõ nội dung, việc truyền đạt ở vòng sau sẽ gặp khó khăn, ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng học tập chung của nhóm. Chất lượng làm việc ở vòng chuyên gia có ý nghĩa quyết định đến hiệu quả hoạt động ở vòng mảnh ghép. Nếu sinh viên không nắm vững phần nội dung được phân công, việc trình bày và chia sẻ với các thành viên khác trong nhóm mảnh ghép sẽ trở nên lúng túng, thiếu chính xác, làm gián đoạn quá trình học tập chung và ảnh hưởng đến khả năng lĩnh hội kiến thức của cả nhóm. Do đó, giảng viên cần đặc biệt chú trọng hướng dẫn, theo dõi và hỗ trợ sinh viên ở vòng chuyên gia, nhằm đảm bảo mỗi người đều có đủ hiểu biết và sự tự tin để đóng vai trò “chuyên gia” khi chuyển sang vòng mảnh ghép.

Thứ hai, việc lựa chọn nội dung bài học cần được cân nhắc kỹ lưỡng. Các chủ đề phân chia cho từng nhóm nên rõ ràng, độc lập tương đối với nhau, tránh các mối quan hệ nhân – quả hoặc phụ thuộc chặt chẽ, nhằm giúp sinh viên dễ tiếp cận, dễ ghi nhớ và thuận lợi trong việc trình bày lại cho nhóm khác.

Cuối cùng, quản lý thời gian là yếu tố then chốt để đảm bảo hoạt động diễn ra trọn vẹn và hiệu quả. Giảng viên cần thiết kế khung thời gian hợp lý cho từng vòng hoạt động, tránh kéo dài một bước làm ảnh hưởng đến bước kế tiếp hoặc bỏ sót phần tổng kết, phản hồi. Việc kiểm soát thời gian chặt chẽ cũng giúp duy trì sự tập trung và nhịp độ học tập tích cực trong lớp.

2.2.5. Ví dụ minh họa:

Vận dụng kỹ thuật mảnh ghép trong đối với “Ba quy luật của phép biện chứng duy vật”

- **Phần chuẩn bị:**

Giảng viên xác định nội dung, phân chia sơ đồ lớp.

Mỗi nhóm được cung cấp tài liệu, câu hỏi gợi mở và nhiệm vụ cụ thể.

Phân tích ví dụ minh họa trong thực tiễn (có thể tự chọn hoặc theo gợi ý của giảng viên)

Chuẩn bị phần trình bày (bằng giấy A0, sơ đồ tư duy hoặc trình chiếu)

Giảng viên quy định rõ về thời gian và quy trình làm việc của các nhóm và tại vòng 1, vòng 2.

- **Tiến trình thực hiện:**

Giảng viên chia nhóm chuyên gia (vòng 1)

Giảng viên chia lớp thành ba nhóm chuyên gia, mỗi nhóm phụ trách nghiên cứu một quy luật.

Nhóm 1: Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập

Nhóm 2: Quy luật lượng – chất

Nhóm 3: Quy luật phủ định của phủ định

Yêu cầu quan trọng: Mỗi thành viên trong nhóm đều phải nắm vững nội dung để trình bày lại khi chuyển sang nhóm mảnh ghép.

Tổ chức nhóm mảnh ghép (vòng 2)

Sau khi các nhóm chuyên gia hoàn tất phần nghiên cứu:

Mỗi nhóm được tách ra, sinh viên được xếp vào nhóm mới sao cho mỗi nhóm mảnh ghép có đủ 3 đại diện – mỗi người phụ trách 1 quy luật.

Tại nhóm mảnh ghép, từng sinh viên lần lượt trình bày nội dung quy luật mà mình đã nghiên cứu tại nhóm chuyên gia.

Nhóm sau đó thảo luận chung, trả lời câu hỏi tổng hợp do giảng viên chuẩn bị.

- Đánh giá và tổng kết của giảng viên

Giảng viên quan sát quá trình làm việc, ghi nhận mức độ hiểu bài, kỹ năng trình bày và khả năng hợp tác của từng sinh viên. Việc đánh giá được thực hiện cả quá trình và kết quả, thông qua mức độ tham gia ngay tại vòng 1, khả năng trình bày và sản phẩm học tập của sinh viên sau vòng 2.

2.3. Đối tượng và thời gian thực hiện

Đối tượng thực hiện:

Kỹ thuật mảnh ghép được vận dụng trong giảng dạy môn Giáo dục chính trị đối với sinh viên năm nhất tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM. Đây là nhóm sinh viên vừa chuyển sang môi trường học tập bậc cao đẳng, đang trong giai đoạn hình thành nhận thức chính trị – xã hội, rèn luyện kỹ năng học tập và thích nghi với phương pháp học chủ động, hợp tác.

Thời gian thực hiện:

Hoạt động giảng dạy theo kỹ thuật mảnh ghép được triển khai trong hai năm học liên tiếp 2023–2024 và 2024–2025, tập trung vào một số tiết học cụ thể. Quá trình thực hiện được lồng ghép vào kế hoạch giảng dạy chính khóa, với sự chuẩn bị chu đáo về nội dung, hình thức tổ chức và phương pháp đánh giá. Dữ liệu đánh giá được thu thập thông qua quan sát trực tiếp, khảo sát phản hồi sau tiết học và phân tích sản phẩm học tập. Đặc biệt, có sự tham gia khảo sát của hơn 100 sinh viên từ nhiều lớp học khác nhau. Các kết quả thu được là cơ sở quan trọng để phân tích hiệu quả của việc áp dụng kỹ thuật mảnh ghép trong việc nâng cao chất lượng học tập và phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên.

2.4. Kết quả thu được

Sau quá trình triển khai kỹ thuật mảnh ghép trong giảng dạy môn Giáo dục chính trị, những kết quả thu được cho thấy hiệu quả rõ rệt trên cả ba phương diện: *kiến thức, kỹ năng và thái độ học tập* của sinh viên. Đặc biệt, kỹ năng mềm – mục tiêu trọng tâm của đề tài – đã có những chuyển biến tích cực và rõ nét.

2.4.1. Về mặt kiến thức:

Sinh viên tiếp cận nội dung bài học chuyên tự thụ động một chiều sang chủ động hơn thông qua việc tự nghiên cứu, thảo luận và truyền đạt lại kiến thức cho người khác. Việc học không còn thụ động mà chuyển thành quá trình “tự học – tự dạy – cùng học”, giúp sinh viên hiểu sâu, nhớ lâu và hạn chế tình trạng học vẹt. Khả năng phân tích, khái quát và liên hệ thực tiễn của sinh viên cũng được cải thiện.

2.4.2. Về kỹ năng:

Đây là phương diện đạt được nhiều kết quả nổi bật nhất. Qua các vòng hoạt động, sinh viên được rèn luyện đồng thời nhiều kỹ năng mềm thiết yếu trong môi trường học tập và nghề nghiệp, đặc biệt là:

- Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình:

Trong quá trình làm việc nhóm và trình bày trước các thành viên khác, sinh viên được rèn luyện khả năng diễn đạt rõ ràng, sử dụng ngôn ngữ phù hợp, tự tin thể hiện ý kiến cá nhân cũng như phản hồi ý kiến từ người khác. Việc trình bày trước nhóm mảnh ghép với vai trò “người truyền đạt kiến thức” đã giúp các em nâng cao sự chủ động trong giao tiếp, cải thiện khả năng sử dụng lập luận logic và phát triển phong cách diễn đạt trước đám đông.

- Kỹ năng hợp tác – làm việc nhóm:

Hoạt động nhóm yêu cầu sinh viên biết phân công nhiệm vụ hợp lý, phối hợp hiệu quả và cùng nhau hoàn thành sản phẩm chung. Trong suốt quá trình học, sinh viên hình thành được tinh thần trách nhiệm đối với tập thể, học cách lắng nghe, tôn trọng sự khác biệt và hỗ trợ lẫn nhau. Những trải nghiệm thực tiễn này giúp các em phát triển năng lực làm việc nhóm một cách tự nhiên và bền vững.

- Tư duy phản biện và giải quyết vấn đề:

Trong môi trường học tập mở, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi, tranh luận, so sánh các cách hiểu khác nhau và phân biện lại các lập luận chưa rõ ràng. Việc thường xuyên tiếp xúc với các tình huống đa chiều trong thảo luận giúp sinh viên hình thành thói quen suy nghĩ sâu, nhìn nhận vấn đề từ nhiều góc độ và đưa ra giải pháp phù hợp trên cơ sở lập luận chặt chẽ.

- *Kỹ năng tự học – tự quản lý bản thân:*

Khi mỗi sinh viên đảm nhận một phần nội dung như một “chuyên gia”, các em buộc phải chủ động tìm hiểu, hệ thống hóa kiến thức và chuẩn bị kỹ càng trước khi chia sẻ với nhóm khác. Điều này góp phần phát triển ý thức tự học, năng lực sắp xếp thời gian, chuẩn bị tài liệu và kiểm soát quá trình học của bản thân – những kỹ năng không thể thiếu trong môi trường học tập và làm việc hiện đại.

2.4.3 Về thái độ học tập:

Sau quá trình triển khai kỹ thuật mảnh ghép, sinh viên thể hiện sự thay đổi rõ rệt trong thái độ học tập. Môn Giáo dục chính trị – vốn thường bị xem là trừu tượng, khô khan – trở nên gần gũi và hấp dẫn hơn thông qua hình thức học tập tích cực, có tương tác. Không khí lớp học trở nên sinh động, cởi mở, các em tham gia học tập với tinh thần chủ động, trách nhiệm và gắn kết hơn.

Tinh thần trách nhiệm cá nhân được nâng cao, thể hiện qua việc chuẩn bị kỹ lưỡng nội dung, chủ động trình bày và tích cực hỗ trợ bạn học. Đặc biệt, nhiều sinh viên chia sẻ rằng việc được đóng vai trò “**chuyên gia**” trong một phần kiến thức khiến họ cảm thấy được “**trao quyền**”, có vị trí rõ ràng trong quá trình học tập, thay vì chỉ là người tiếp nhận thụ động.

Không chỉ dừng lại ở việc giảng viên tổng kết nội dung chuyên môn, mỗi tiết học còn là cơ hội để lồng ghép những bài học giá trị về tinh thần trách nhiệm, sự tôn trọng lẫn nhau và vai trò cá nhân trong tập thể. Hình ảnh mỗi sinh viên là một “mảnh ghép” – dù lớn hay nhỏ – nhưng đều quan trọng trong việc tạo nên bức tranh tri thức hoàn chỉnh đã để lại ấn tượng sâu sắc. Qua đó, sinh viên hiểu rằng nếu tách rời, mỗi cá nhân có thể mờ nhạt, nhưng khi cùng nhau hợp tác, giá trị của từng người được khẳng định và lan tỏa. Chính ý thức ấy giúp các em hình thành thái độ học tập tích cực, biết trân trọng kiến thức, bản thân và bạn bè – những nền tảng quan trọng cho sự trưởng thành trong học tập và cuộc sống.

2.5. Về kết quả khảo sát

Trong hai năm học 2023–2024 và 2024–2025, tôi đã tiến hành khảo sát phản hồi từ **137 sinh viên** ở nhiều lớp khác nhau sau khi tham gia tiết học theo kỹ thuật mảnh ghép trong môn Giáo dục chính trị. Kết quả cho thấy có đến **130 phản hồi** có nội dung cụ thể, **chiếm 95%**, phản ánh sự quan tâm và ý thức học tập nghiêm túc của người học.

Phần lớn sinh viên bày tỏ sự hứng thú với hình thức học nhóm, trong đó **trên 85%** đánh giá cao hiệu quả của phương pháp mảnh ghép, đặc biệt trong việc giúp các em chủ động nắm bắt kiến thức, phát triển kỹ năng mềm và tăng khả năng tương tác trong lớp học. Nhiều phản hồi thể hiện sự chuyển biến tích cực trong thái độ học tập, cảm giác được “trao quyền”, được tham gia, được lắng nghe và có trách nhiệm hơn với nội dung mình đảm nhận.

Đáng chú ý, nhiều sinh viên chia sẻ cảm nhận sâu sắc rằng mỗi cá nhân đều là một mảnh ghép quan trọng, dù nhỏ bé nhưng không thể thiếu để tạo nên một tập thể hoàn chỉnh. Họ nhận ra giá trị của mình trong nhóm, học cách tôn trọng, lắng nghe và hỗ trợ lẫn nhau. Một số em viết: “Lần đầu tiên em thấy mình có vai trò thực sự trong tiết học”, hay “Nhờ hoạt động nhóm mà em tự tin chia sẻ, em cảm thấy mình thuộc về lớp học này”.

Những kết quả khảo sát này không chỉ minh chứng cho tính khả thi và hiệu quả của kỹ thuật mảnh ghép, mà còn khẳng định vai trò của phương pháp dạy học tích cực trong việc hình thành thái độ học tập tích cực, kỹ năng giao tiếp, hợp tác, tư duy phân biện và tinh thần trách nhiệm – những năng lực cốt lõi trong môi trường giáo dục hiện đại.

2.6. Thuận lợi và khó khăn

Thuận lợi:

Quá trình triển khai kỹ thuật mảnh ghép trong giảng dạy môn Giáo dục chính trị nhận được một số điều kiện thuận lợi quan trọng.

Trước hết, bản thân giảng viên trực tiếp thực hiện đề tài là người đã và đang tích cực tham gia các lớp học trực tiếp (offline) và trực tuyến (online) thuộc chương trình Dạy học tích cực, qua đó có điều kiện tiếp cận và trải nghiệm nhiều phương pháp sư phạm hiện đại, lấy người học làm trung tâm. Việc được cập nhật

kiến thức, kỹ thuật dạy học mới đã góp phần nâng cao năng lực tổ chức lớp học, xây dựng hoạt động phù hợp với nội dung và đối tượng sinh viên.

Bên cạnh đó, sinh viên – đặc biệt là nhóm năm nhất – thể hiện tinh thần học hỏi, thái độ hợp tác và sẵn sàng tham gia các hình thức học tập mới. Sự chủ động, cởi mở của người học là yếu tố thuận lợi quan trọng để kỹ thuật mảnh ghép phát huy hiệu quả.

Khó khăn:

Dù có sự chuẩn bị kỹ lưỡng, quá trình triển khai vẫn gặp một số khó khăn nhất định.

Về phía người học, một bộ phận sinh viên vẫn còn tâm lý thụ động, chưa quen với việc học theo nhóm hoặc chưa có kỹ năng làm việc hợp tác, gây ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng thảo luận nhóm.

Về phía người dạy, một trong những thách thức lớn là việc giảng viên chưa thực sự nhận được sự đánh giá, quan tâm đúng mức từ đồng nghiệp hoặc cấp quản lý khi triển khai các hình thức dạy học mới. Điều này phần nào ảnh hưởng đến động lực và tâm lý của người giảng dạy trong quá trình đổi mới.

Ngoài ra, việc quản lý thời gian và điều phối hoạt động trong lớp học đông cũng là thách thức không nhỏ. Nếu không có sự điều chỉnh linh hoạt và kiểm soát chặt chẽ, dễ dẫn đến tình trạng hoạt động quá dài hoặc thiếu cân đối giữa các nhóm, ảnh hưởng đến hiệu quả chung của tiết học.

4. Kết luận

Việc vận dụng kỹ thuật mảnh ghép trong giảng dạy môn Giáo dục chính trị tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM đã cho thấy hiệu quả thiết thực trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát triển năng lực người học. Hoạt động học tập được tổ chức theo hướng tích cực, lấy sinh viên làm trung tâm, giúp người học chủ động chiếm lĩnh kiến thức, đồng thời phát triển các kỹ năng mềm quan trọng như: giao tiếp, thuyết trình, hợp tác, tư duy phản biện và giải quyết vấn đề.

Thông qua hình thức làm việc theo nhóm chuyên gia và nhóm mảnh ghép, sinh viên không chỉ nâng cao kiến thức mà còn hình thành tinh thần trách nhiệm, ý thức cá nhân trong tập thể và thái độ học tập tích cực. Không khí lớp học trở nên sôi nổi, cởi mở, mang lại sự gắn kết và động lực cho cả người học lẫn người dạy. Đặc biệt, kỹ thuật mảnh ghép đã khơi gợi trong sinh viên tinh thần tự học, tự quản lý bản thân – những năng lực cốt lõi trong bối cảnh giáo dục hiện đại.

Kết quả thực nghiệm với hơn 100 sinh viên cho thấy đa số người học đánh giá cao tính hiệu quả và tính nhân văn của phương pháp này. Điều đó cho thấy kỹ thuật mảnh ghép không chỉ phù hợp với đặc thù môn Giáo dục chính trị mà còn có thể được mở rộng ứng dụng trong nhiều môn học khác, góp phần hiện thực hóa mục tiêu giáo dục toàn diện, phát triển phẩm chất và năng lực người học theo định hướng chương trình giáo dục mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Dự án Việt Bỉ (2010), *Dạy và học tích cực – Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực*, NXB Đại học sư phạm.
 2. Công đoàn Lâm Đồng. (2021, tháng 8 số 30). *32 kỹ thuật dạy học tích cực hiệu quả nhất mà giáo viên thường xuyên sử dụng*. Công đoàn Lâm Đồng.
 3. Phạm Thị Hồng Thắm. (2021). *Thực trạng và một số giải pháp nâng cao năng lực sử dụng kỹ thuật dạy học tích cực cho giáo viên phổ thông*. Tạp chí Giáo dục, số 2.
 4. Trần Thị Ái Luyện & Nguyễn Thị Kim Anh. (2024). *Phương pháp dạy học tích cực – xu hướng của nền giáo dục hiện đại*. Tạp san Thông tin – Khoa học, số 2, 49–60.
 5. Nguyễn Minh Thiên Hoàng (2020) *Một số kỹ thuật dạy học tích cực trong nhà trường phổ thông*. Tài liệu tập huấn.
 6. Nguyễn Văn Hùng. (2022). *Một số kỹ thuật dạy học tích cực giúp phát triển tư duy*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
 7. Trường THPT Nguyễn Khuyến Tân Bình. (2017). *Phương pháp dạy học kỹ thuật các mảnh ghép (Jigsaw)*. Website chuyên môn. <https://thptnguyenkhuyen.hcm.edu.vn>.
 8. Tập san Giáo dục Đào tạo (2020). *Phát huy tính tích cực nhận thức của sinh viên trong dạy học môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin qua kỹ thuật dạy học tích cực*. Tạp chí Đại học Sư phạm.
- Triệu Đại Đôn & Nguyễn Văn Thao. (2021). *Các phương pháp dạy học tích cực trong giáo dục đại học*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ VẬN DỤNG HỌC TẬP TRẢI NGHIỆM TRONG DẠY HỌC GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ NHẪM KẾT NỐI NHÀ TRƯỜNG, DOANH NGHIỆP VÀ SINH VIÊN TRONG THỜI ĐẠI SỐ

ENHANCING THE EFFECTIVENESS OF EXPERIENTIAL LEARNING IN POLITICAL EDUCATION TO FOSTER CONNECTIONS AMONG EDUCATIONAL INSTITUTIONS, ENTERPRISES, AND STUDENTS IN THE DIGITAL ERA

Hoàng Thị Trang¹
Cao Thị Hồng Thắm²

^{1,2} Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Tp. HCM;
Email: hoangthittrang@lttc.edu.vn; caothihongtham@lttc.edu.vn

Keywords:

experiential learning,
project-based learning,
Political Education, Digital Age.

TÓM TẮT:

Bối cảnh: Trong bối cảnh giáo dục nghề nghiệp chuyển đổi theo hướng gắn kết thực tiễn và số hóa, việc đổi mới phương pháp giảng dạy môn Giáo dục Chính trị nhằm kết nối nhà trường, doanh nghiệp và sinh viên trở nên đặc biệt quan trọng.

Kết quả: Việc vận dụng phương pháp học tập trải nghiệm trong giảng dạy môn Giáo dục Chính trị không chỉ góp phần nâng cao hứng thú học tập của sinh viên mà còn thúc đẩy phát triển tư duy phản biện, kỹ năng làm việc nhóm, ý thức trách nhiệm xã hội, đồng thời tạo cầu nối hiệu quả giữa nhà trường, doanh nghiệp và sinh viên.

Bàn luận: Trên cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn, thực trạng vận dụng học tập trải nghiệm trong dạy học môn Giáo dục Chính trị, bài viết đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả vận dụng học tập trải nghiệm trong dạy học Giáo dục Chính trị nhằm kết nối nhà trường, doanh nghiệp và sinh viên trong thời đại số.

ABSTRACT:

Context: In the context of vocational education transitioning toward practical relevance and digitalization, the innovation of teaching methods in Political Education to foster connections among educational institutions, enterprises, and students becomes particularly crucial.

Result: The application of experiential learning methods in teaching Political Education not only enhances students' learning engagement but also promotes the development of critical thinking, teamwork skills, and social responsibility, while serving as an effective bridge between educational institutions, enterprises, and students.

Discussion: Based on theoretical foundations, practical contexts, and the current state of applying experiential learning in Political Education, this paper proposes several solutions to enhance the effectiveness of experiential learning in teaching Political Education, with the aim of fostering stronger connections among educational institutions, enterprises, and students in the digital era.

1. Mở đầu

Chuyển đổi số đã và đang làm thay đổi căn bản cấu trúc lao động và yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực trong kỷ nguyên số. Đối với giáo dục nghề nghiệp, đây không chỉ là xu thế tất yếu mà còn là động lực để đổi mới nội dung và phương pháp dạy học theo hướng tích hợp, thực tiễn và số hóa. Trong bối cảnh đó, môn học Giáo dục Chính trị (GDCT), với vai trò giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống và hình thành năng lực công dân, cần được tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực toàn diện cho người học.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy việc giảng dạy môn GDCT ở nhiều cơ sở giáo dục nghề nghiệp hiện nay vẫn thiên về lý thuyết, thiếu sự kết nối với thực tiễn và đời sống xã hội, dẫn đến tình trạng sinh viên (SV) học thụ động, thiếu hứng thú và gặp khó khăn trong việc vận dụng kiến thức vào nghề nghiệp tương lai. Việc thiếu kênh kết nối hiệu quả giữa nhà trường, doanh nghiệp và SV là một trong những rào cản lớn trong việc nâng cao hiệu quả GDCT trong đào tạo nghề. Trong bối cảnh đó, học tập trải nghiệm (HTTN) được coi là một hướng tiếp cận tiềm năng, giúp người học kết nối lý thuyết với thực tiễn nghề nghiệp. Thông qua các hoạt động trải nghiệm (HĐTN), SV không chỉ được vận dụng kiến thức vào tình huống cụ thể mà còn phát triển những năng lực cần thiết như tư duy phản biện, làm việc nhóm và trách nhiệm xã hội. Khi được thiết kế sát với nhu cầu của doanh nghiệp và có sự hỗ trợ của công nghệ số, hình thức HTTN sẽ trở thành cầu nối hiệu quả giữa nhà trường, doanh nghiệp và SV. Chính vì vậy, nghiên cứu, đề xuất giải pháp “Nâng cao hiệu quả vận dụng học tập trải nghiệm trong dạy học Giáo dục Chính trị nhằm kết nối nhà trường, doanh nghiệp và sinh viên trong thời đại số” là vấn đề mang ý nghĩa lý luận và thực tiễn thiết thực.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn về vận dụng học tập trải nghiệm trong dạy học Giáo dục Chính trị

2.1.1. Cơ sở lý luận

Học tập trải nghiệm được xem là một trong những triết lý giáo dục hiện đại, nhấn mạnh vai trò của trải nghiệm thực tiễn trong quá trình hình thành và phát triển tri thức, kỹ năng và thái độ. Theo Kolb (1984), quá trình học tập này diễn ra thông qua sự chuyển hóa kinh nghiệm cá nhân thành tri thức, với bốn giai đoạn cơ bản hình thành nên chu trình học tập: trải nghiệm cụ thể, quan sát phản tư, khái niệm hóa trừu tượng và thử nghiệm tích cực.

Các nghiên cứu gần đây tiếp tục phát triển và khẳng định hiệu quả của HTTN, đặc biệt khi phương pháp này được triển khai theo những nguyên tắc cốt lõi. Kolb (2005) nhấn mạnh HTTN cần được thiết kế như một quá trình liên tục, có định hướng rõ ràng, trong đó người học đóng vai trò trung tâm và chủ động. Ông cũng coi phản tư là yếu tố thiết yếu giúp kết nối kinh nghiệm thực tế với lý thuyết, đồng thời môi trường học tập phải đảm bảo an toàn, hỗ trợ và khuyến khích sự sáng tạo. Bổ sung cho quan điểm này, Miettinen (2000) cũng làm rõ vai trò của tư duy phản tư trong triết lý giáo dục của Dewey. Ông xem đây là yếu tố trung tâm tạo nên sự phát triển bền vững trong học tập thông qua trải nghiệm.

Các nghiên cứu sau này tiếp tục phát triển và khẳng định hiệu quả của HTTN, đặc biệt là khi phương pháp này được triển khai dựa trên những nguyên tắc cốt lõi. Kolb (2005) cho rằng HTTN cần được thiết kế như một quá trình liên tục, có định hướng rõ ràng trong đó người học đóng vai trò trung tâm và chủ động; phản tư đóng vai trò thiết yếu giúp kết nối kinh nghiệm với lý thuyết; đồng thời môi trường học tập cần đảm bảo an toàn, hỗ trợ và khuyến khích sáng tạo. Miettinen (2000) cũng nhấn mạnh vai trò tư duy phản tư trong triết lý giáo dục của Dewey như một yếu tố trung tâm tạo nên sự phát triển bền vững trong học tập thông qua trải nghiệm.

Trong giảng dạy môn GDCT, HTTN có thể được triển khai qua nhiều hình thức đa dạng: tham quan thực tế, thực hành nghề nghiệp, học qua dự án, học tập phục vụ cộng đồng, mô phỏng – đóng vai, phân tích tình huống điển hình. Những hình thức này không chỉ tạo điều kiện để SV vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn mà còn thúc đẩy sự phát triển tư duy phản biện, kỹ năng mềm và ý thức công dân. Trong thời đại số, việc tích hợp công nghệ vào HTTN càng làm tăng khả năng kết nối giữa nhà trường, doanh nghiệp và người học, đồng thời làm nổi bật vai trò của giảng viên (GV) như những người thiết kế, tổ chức và hỗ trợ quá trình học tập một cách linh hoạt và sáng tạo.

2.1.2. Cơ sở thực tiễn

Trong thời đại số, HTTN đang ngày càng được áp dụng rộng rãi trong giảng dạy môn GDCT nhờ những điều kiện thực tiễn thuận lợi sau:

Thứ nhất, thị trường lao động thế kỷ 21 đặt ra yêu cầu cao về các năng lực toàn diện cho người học, không chỉ dừng lại ở kiến thức chuyên môn mà còn bao gồm các kỹ năng mềm như tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, giao tiếp, làm việc nhóm và khả năng thích ứng. Báo cáo Future of Jobs Report 2023 của Diễn đàn Kinh tế Thế giới dự báo rằng đến năm 2027, các kỹ năng như tư duy phân tích và sáng tạo sẽ là nhu cầu hàng đầu của nhà tuyển dụng (World Economic Forum, 2023). Trong khi các phương pháp giảng dạy truyền thống chủ yếu chú trọng lý thuyết thì HTTN với phương châm “học qua làm”, tạo điều kiện để SV phát triển năng lực nghề nghiệp thông qua tương tác trực tiếp với môi trường xã hội và doanh nghiệp.

Thứ hai, thế hệ người học hiện nay – đặc biệt là thế hệ Gen Z có xu hướng tìm kiếm trải nghiệm cá nhân, thích tham gia vào quá trình HTTN hơn là tiếp thu một chiều. Các em quan tâm đến tính thực tiễn và sự linh hoạt trong học tập, đồng thời có khả năng sử dụng công nghệ thành thạo. Phương pháp HTTN với khả năng tích hợp công nghệ và thiết kế hoạt động tương tác, phù hợp với phong cách học tập mới này, đồng thời làm tăng mức độ hứng thú và hiệu quả tiếp thu của SV đối với môn GDCT – một môn học vốn bị SV coi là khô khan và trừu tượng.

Thứ ba, quá trình chuyển đổi số trong giáo dục đang mở ra nhiều cơ hội đổi mới phương pháp giảng dạy. Việc ứng dụng các công cụ công nghệ như mô phỏng ảo, lớp học trực tuyến, trò chơi nhập vai hay phân tích dữ liệu xã hội không chỉ giúp mở rộng không gian trải nghiệm mà còn tăng cường hiệu quả tổ chức và đánh giá kết quả học tập.

Thứ tư, xu hướng tăng cường liên kết giữa nhà trường, doanh nghiệp và SV trong đào tạo nhân lực là một yêu cầu tất yếu trong giáo dục nghề nghiệp hiện đại. Doanh nghiệp có thể cung cấp tình huống thực tiễn cho SV phân tích và phản tư, đồng thời đóng vai trò là đối tác định hướng nghề nghiệp. Mỗi quan hệ hợp tác này không chỉ giúp rút ngắn khoảng cách giữa lý luận và thực tiễn mà còn góp phần hình thành hệ sinh thái đào tạo linh hoạt, hỗ trợ người học phát triển toàn diện cả về năng lực chuyên môn lẫn phẩm chất công dân.

2.2. Thực trạng vận dụng học tập trải nghiệm trong dạy học môn Giáo dục Chính trị

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục và xu hướng chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, việc áp dụng HTTN trong dạy học GDCT tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đang trở nên cần thiết hơn bao giờ hết (Kolb, 1984). Mặc dù phương pháp này “giúp tăng tính hấp dẫn và thực tiễn cho môn học, góp phần phát triển tư duy phản biện, kỹ năng mềm và trách nhiệm công dân” (Dewey, 1938) nhưng vẫn tồn tại một số hạn chế đáng kể:

Thứ nhất, hình thức triển khai còn đơn điệu, các hoạt động HTTN phổ biến chủ yếu là tham quan thực tế (di tích lịch sử, bảo tàng), thảo luận nhóm, nghiên cứu tài liệu và tiểu luận/báo cáo nhóm - những hình thức dễ tổ chức và ít tốn kém. Trong khi đó, các hoạt động yêu cầu đầu tư thời gian và công sức lớn hơn như thực tập chuyên môn hay tình nguyện định hướng chính trị - xã hội, lại ít được triển khai hoặc chỉ diễn ra rời rạc, chưa có tính liên kết và chưa được lồng ghép vào chương trình chính khóa.

Thứ hai, mục tiêu học tập cụ thể, gắn với chuẩn đầu ra môn GDCT chưa được xác định rõ ràng cho từng hoạt động, dẫn đến việc trải nghiệm đôi khi chỉ mang tính "tham quan" hơn là học tập thực sự. Giai đoạn phản tư – giai đoạn quan trọng để biến trải nghiệm thành kiến thức thường bị lược bỏ hoặc chỉ thực hiện qua loa do hạn chế về thời gian và kỹ năng hướng dẫn của GV.

Thứ ba, việc đánh giá thường chỉ tập trung vào sản phẩm cuối cùng (báo cáo, thuyết trình), ít chú trọng quá trình học tập, năng lực và thái độ của SV trong suốt quá trình học tập. Sự thiếu gắn kết với các vấn đề thời sự cũng khiến việc học thiếu chiều sâu và hấp dẫn. Trải nghiệm chủ yếu vẫn còn mang tính lý thuyết, ít chạm đến các vấn đề "nóng", có tính thời sự trong đời sống chính trị - xã hội thực tế.

Thứ tư, mối liên kết giữa nhà trường, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội là yếu tố then chốt cung cấp môi trường trải nghiệm thực tiễn. Tuy nhiên, mối liên kết này trong dạy học GDCT còn yếu và chưa bền vững, mang tính cá nhân. Doanh nghiệp thường quan tâm, ưu tiên cho các ngành nghề, ít quan tâm đến lĩnh vực GDCT. Việc tổ chức trải nghiệm cũng đòi hỏi nguồn lực lớn, khiến GV gặp nhiều áp lực, tiềm năng từ các đơn vị đoàn thể hay chính quyền chưa được tận dụng hiệu quả.

Thứ năm, công nghệ số chưa được khai thác triệt để trong HTTN. Chuyển đổi số mở ra nhiều cơ hội nhưng việc sử dụng công nghệ vẫn chỉ dừng lại ở powerpoint, video, quản lý học tập online. Các công cụ như VR/AR, mô phỏng phức tạp, cơ sở dữ liệu tương tác hoặc video 360° ít được áp dụng trong dạy học. Năng lực ứng dụng công nghệ số của một bộ phận GV còn chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học; việc đầu tư trang thiết bị hiện đại cũng gặp không ít trở ngại do hạn chế về nguồn lực tài chính.

Tại trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh, việc vận dụng HTTN trong giảng dạy môn GDCT bước đầu đã được triển khai với nhiều hình thức đa dạng. Một số GV đã chủ động tổ chức các hoạt động thực tế như tham quan các di tích lịch sử, bảo tàng và cơ quan hành chính (Bảo tàng chứng tích chiến tranh, Dinh Độc Lập, Chiến khu Rừng Sác – cần Giờ, Địa đạo Củ Chi...) giúp SV tiếp cận trực tiếp với các giá trị lịch sử, chính trị và hiểu sâu hơn về hệ thống chính trị – xã hội của đất nước. Ngoài ra, phương pháp mô phỏng - đóng vai, thảo luận nhóm và tranh biện cũng được áp dụng nhằm rèn luyện tư duy phản biện, kỹ năng trình bày quan điểm và tăng cường khả năng phản xạ trong các tình huống xã hội cụ thể.

Hoạt động cộng đồng thông qua các chương trình tình nguyện do Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên tổ chức được xem như một phần của HTTN, nơi SV có cơ hội vận dụng kiến thức môn học GDCT để tham gia xây dựng cộng đồng, qua đó phát huy vai trò và trách nhiệm xã hội của bản thân. Những hoạt động này không chỉ giúp giảm cảm giác khô khan vốn có của môn học mà còn góp phần phát triển kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm, tổ chức sự kiện và xử lý thông tin.

Dữ liệu khảo sát về mức độ hài lòng của SV đối với HTTN cho thấy đa số SV đánh giá cao phương pháp HTTN. Các em cho rằng đây là hình thức học tập hiệu quả, sinh động, giúp tăng cường khả năng tiếp thu kiến thức và kết nối lý luận GDCT với thực tiễn nghề nghiệp. Tuy nhiên, một bộ phận SV vẫn còn gặp khó khăn khi tiếp cận các yêu

cầu của hình thức học này, đặc biệt là tính chủ động và kỹ năng nghiên cứu độc lập. Thực trạng này phản ánh ảnh hưởng của thói quen học tập thụ động từ bậc phổ thông đòi hỏi phải được thay đổi trong môi trường học tập mới.

Về phía GV, phần lớn đều nhận thức được vai trò tích cực của HTTN trong nâng cao chất lượng giảng dạy môn học GDCT và thể hiện mong muốn được bồi dưỡng thêm về kỹ năng thiết kế, tổ chức HTTN có hiệu quả. Tuy nhiên, vẫn tồn tại những rào cản nhất định, đặc biệt đối với những GV lớn tuổi vốn đã quen với phương pháp truyền thống, khiến họ e ngại thay đổi, nhất là khi phải ứng dụng công nghệ số. Đây là một thách thức không nhỏ trong quá trình đổi mới phương pháp giảng dạy, đòi hỏi nhà trường cần có chính sách hỗ trợ đào tạo chuyên sâu, đồng thời tạo dựng môi trường sư phạm tích cực và khuyến khích sự đổi mới.

Bên cạnh đó, việc triển khai HTTN tại trường hiện vẫn mang tính tự phát, chưa được thiết kế thành hệ thống chương trình tích hợp và thiếu cơ chế phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp và tổ chức xã hội. Nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất, thời gian triển khai cũng là những hạn chế phổ biến, ảnh hưởng đến quy mô và chất lượng của các HĐTN. Sự tham gia của doanh nghiệp còn khiêm tốn, chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực kỹ thuật – nghề nghiệp, chưa chú trọng đến các nội dung mang tính giáo dục chính trị – xã hội. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết trong việc xây dựng mô hình liên kết ba bên nhà trường, doanh nghiệp và SV để phát huy đầy đủ tiềm năng của HTTN trong GDCT hiện đại.

2.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả vận dụng học tập trải nghiệm trong dạy học Giáo dục Chính trị nhằm kết nối nhà trường, doanh nghiệp và sinh viên trong thời đại số

2.3.1. Đổi mới chương trình và nội dung môn học Giáo dục Chính trị theo hướng thực tiễn và liên ngành

Chương trình và nội dung là nền tảng cốt lõi để triển khai các phương pháp dạy học đổi mới. Theo PACE (2025), chuyển đổi số trong giáo dục tạo điều kiện cập nhật chương trình đào tạo sát với thực tiễn thị trường lao động và xu hướng kinh tế số. Do đó, chương trình GDCT cần được tái cấu trúc nhằm nâng cao tính thực tiễn, gắn kết với các vấn đề kinh tế - xã hội - chính trị nổi bật trong nước và quốc tế. Đồng thời, cần tích hợp kỹ năng số, tư duy phân biện và khả năng thích ứng với môi trường số để sinh viên thấy được sự liên hệ giữa lý luận và thực tiễn, từ đó khơi gợi hứng thú tìm hiểu. Ví dụ, có thể lồng ghép các nội dung về đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội, chính sách phát triển bền vững hoặc ứng phó biến đổi khí hậu dưới góc độ chính trị.

Việc thiết kế chương trình theo hướng liên ngành là rất cần thiết. Điều này giúp kết nối các kiến thức GDCT với các môn học chuyên ngành của SV (kinh tế, kỹ thuật, công nghệ thông tin, du lịch – khách sạn...), từ đó giúp SV nhìn nhận vấn đề một cách đa chiều và tổng thể, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thiết kế các dự án học tập mang tính thực tiễn và ứng dụng cao. Ví dụ, một dự án về "Chính sách hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên" có thể tích hợp kiến thức về chính trị, đường lối kinh tế của Đảng và kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh.

Để nâng cao tính cá nhân hóa và chủ động trong học tập, bên cạnh nội dung tích hợp, cần bổ sung các module hoặc chuyên đề tự chọn. Ví dụ: Chuyên đề "Tìm hiểu về hệ thống chính trị cơ sở" có thể kèm theo hoạt động tham quan và phỏng vấn tại Ủy ban nhân dân phường/xã; Chuyên đề "Đạo đức nghề nghiệp và văn hóa công" có thể gắn liền với trải nghiệm tại bộ phận một cửa của các cơ quan hành chính công. Đặc biệt, việc tăng cường tính mở và linh hoạt của chương trình sẽ tạo điều kiện cho GV và SV điều chỉnh, bổ sung các ví dụ và tình huống thực tiễn phù hợp với đặc thù ngành nghề, bối cảnh địa phương, trình độ người học cũng như sự phát triển không ngừng của xã hội. Ví dụ: Chuyên đề "Tư duy phân biện và kỹ năng ra quyết định trong bối cảnh nghề nghiệp" nhằm phát triển năng lực tư duy độc lập, ra quyết định đạo đức – chính trị trong công việc, phù hợp với mọi nhóm ngành, nhất là logistics, kỹ thuật. Chuyên đề "Kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết xung đột trong môi trường đa văn hóa" chuẩn bị cho SV làm việc trong môi trường nghề nghiệp đa dạng và toàn cầu hóa, phù hợp với ngành, du lịch, nhà hàng – khách sạn...

2.3.2. Tích hợp công nghệ số để mở rộng không gian trải nghiệm học tập

Trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ, việc tích hợp công nghệ vào giảng dạy môn GDCT không chỉ là xu thế tất yếu mà còn là giải pháp chiến lược nhằm nâng cao hiệu quả học tập, đặc biệt đối với SV cao đẳng nghề – nhóm người học thiên về trải nghiệm trực quan và hành động thực tiễn. Công nghệ số giúp mở rộng không gian học tập vượt khỏi khuôn khổ lớp học truyền thống, tạo điều kiện để SV được trải nghiệm, nhập vai, tương tác và phản tư trong môi trường mô phỏng gần với thực tế, phù hợp với đặc điểm tâm lý, phong cách học tập và nhu cầu nghề nghiệp của SV cao đẳng nghề. Một số công nghệ có thể tích hợp hiệu quả gồm: (1) Nền tảng học tập trực tuyến tương tác: Tích hợp bài tập tình huống, mô phỏng, trò chơi nhập vai giúp SV hiểu sâu hơn về các chuẩn mực chính trị – xã hội; (2) Công nghệ VR/AR: Tái hiện các bối cảnh chính trị – xã hội, mô phỏng hoạt động của cơ quan, doanh nghiệp, hỗ trợ SV hình dung và kết nối lý thuyết với thực tiễn; (3) Truyền thông xã hội và dự án kỹ thuật số: Khuyến khích SV thực hiện các chiến dịch giáo dục qua nền tảng số quen thuộc như TikTok, Facebook, YouTube; (4) Học liệu số tương tác: Sử dụng video hoạt hình, infographic, podcast, quiz để tăng tính hấp dẫn, giảm áp lực lý thuyết và nâng cao khả năng vận dụng kiến thức.

2.3.3. Thiết kế các hoạt động trải nghiệm gắn kết thực tiễn doanh nghiệp

Để tăng cường hiệu quả HTTN trong giảng dạy GDCT, việc thiết kế hoạt động cần có định hướng rõ ràng, phù hợp với đặc điểm ngành nghề, bối cảnh doanh nghiệp và năng lực người học. Các hoạt động này không chỉ giúp SV tiếp cận nội dung chính trị – đạo đức một cách sinh động mà còn thúc đẩy khả năng vận dụng kiến thức vào hành vi nghề nghiệp cụ thể, một yếu tố thiết yếu trong đào tạo nhân lực thời kỳ mới.

Thứ nhất, xác định nhu cầu HTTN theo ngành nghề. Không phải mọi doanh nghiệp hay lĩnh vực đều tối ưu cho HTTN. Do đó, cần "thiết kế riêng" các tình huống sát với đặc trưng ngành nghề. Ví dụ: Sinh viên ngành Cơ khí có thể tham gia xử lý tình huống liên quan đến an toàn lao động, đạo đức sản xuất và trách nhiệm xã hội trong công nghiệp; Sinh viên ngành Du lịch – Khách sạn có thể học qua tình huống ứng xử văn hóa, phục vụ khách hàng quốc tế và tôn trọng sự đa dạng văn hóa. Trên cơ sở này, GV sẽ xây dựng kịch bản trải nghiệm tích hợp kiến thức GDCT, đồng thời phát huy vai trò tư duy đạo đức – chính trị trong môi trường nghề nghiệp đặc thù.

Thứ hai, kết hợp tham quan thực tế và mô phỏng ảo trong chuyên đổi số. Hoạt động tham quan doanh nghiệp giúp SV quan sát môi trường làm việc, từ đó phân tư về hành vi đạo đức và chính trị trong thực tiễn. Trong bối cảnh số hóa, các mô hình mô phỏng bằng công nghệ thực tế ảo (VR) hoặc thực tế tăng cường (AR) có thể thay thế hoặc bổ sung hiệu quả.

Ví dụ, Khoa Lý luận chính trị có thể phối hợp với các khoa chuyên môn để xây dựng dây chuyền sản xuất ảo, trong đó sinh viên tham gia vào các tình huống mô phỏng như: "Phát hiện linh kiện lỗi – nên báo cáo, xử lý hay bao che?". Tình huống này góp phần rèn luyện tư duy phản biện, đạo đức nghề nghiệp và năng lực ra quyết định phù hợp với chuẩn mực nghề nghiệp và văn hóa doanh nghiệp.

Thứ ba, tổ chức dự án học tập gắn với nhu cầu thực tiễn từ doanh nghiệp

Dự án học tập là một hình thức HTTN hiệu quả, đặc biệt khi xuất phát từ các vấn đề thực tế mà doanh nghiệp quan tâm. GV có thể giao cho SV thực hiện các dự án nhóm theo đặc thù ngành nghề, đồng thời tích hợp nội dung GDCT vào bối cảnh cụ thể. Ví dụ, SV ngành Công nghệ thông tin xây dựng bộ quy tắc đạo đức lập trình viên khi làm việc nhóm, gắn với chuẩn mực đạo đức nghề và văn hóa doanh nghiệp; SV ngành Quản trị Nhà hàng xây dựng kịch bản ứng xử với khách quốc tế, tích hợp kiến thức về văn hóa đối ngoại và chính sách hội nhập. Các dự án này không chỉ giúp SV vận dụng kỹ năng chuyên môn mà còn góp phần hình thành tư duy công dân, đạo đức nghề nghiệp và năng lực phản tư thông qua hành động thực tiễn.

Để triển khai hiệu quả, hoạt động cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa GV – doanh nghiệp – SV, cùng với hệ thống tiêu chí đánh giá rõ ràng về kỹ năng, thái độ và tư duy. Đây là hướng đi chiến lược nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy GDCT trong môi trường giáo dục nghề nghiệp hiện đại.

2.3.4. Triển khai đa dạng các hình thức học tập trải nghiệm

Đa dạng hóa hình thức HTTN là giải pháp then chốt nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy môn GDCT trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Để triển khai hiệu quả việc đa dạng hóa HTTN, các hình thức trải nghiệm cần được thiết kế linh hoạt, phù hợp với đặc thù ngành nghề và thực tiễn doanh nghiệp, tạo điều kiện để SV phát triển tư duy đạo đức, kỹ năng nghề nghiệp và ý thức công dân như:

(1) Xây dựng tình huống học tập gắn với ngành nghề. GV cần thiết kế tình huống phản ánh các vấn đề chính trị – đạo đức trong môi trường nghề nghiệp. Ví dụ: SV ngành kỹ thuật giải quyết tình huống vi phạm an toàn lao động; SV ngành du lịch xử lý xung đột văn hóa; SV ngành kinh tế đối mặt với trách nhiệm đạo đức khi sản phẩm lỗi. Các tình huống cần gắn kết tự nhiên với nội dung GDCT.

(2) Kết hợp linh hoạt nhiều hình thức trải nghiệm. Tùy điều kiện thực tế, GV có thể sử dụng các hình thức như: Tham quan cơ sở hành chính, doanh nghiệp; mô phỏng bằng công nghệ VR/AR hoặc nền tảng số (Padlet, ClassPoint...); phỏng vấn nhân sự doanh nghiệp, trình bày kết quả qua infographic hoặc video. Đặc biệt, khuyến khích SV tham gia hoạt động cộng đồng để vận dụng nguyên lý GDCT vào thực tiễn. Theo Kolb (1984), sự đa dạng trải nghiệm giúp hình thành kiến thức thông qua chu trình: trải nghiệm – phản tư – khái niệm hóa – thử nghiệm.

(3) Giao nhiệm vụ học tập với sản phẩm đầu ra cụ thể. Sản phẩm cần thể hiện khả năng vận dụng lý luận GDCT vào thực tiễn, đồng thời khuyến khích sáng tạo và tư duy phản biện. Một số hình thức sản phẩm gồm: Video clip/phim ngắn (Mô phỏng tình huống đạo đức nghề nghiệp, làm phim tài liệu về vấn đề chính trị – xã hội); Infographic/poster (Truyền thông về giá trị đạo đức, văn hóa doanh nghiệp, phát triển bền vững); Sản phẩm phản tư (Nhật ký, bài phân tích tình huống dưới góc độ GDCT).

GV cần cung cấp rubric đánh giá rõ ràng, bao gồm: nội dung kiến thức GDCT; liên hệ thực tiễn nghề; hình thức sáng tạo, phù hợp công nghệ; thể hiện tư duy phản biện, kỹ năng mềm; phản ánh đạo đức nghề nghiệp và tinh thần công dân tích cực.

Việc triển khai đa dạng HTTN không chỉ đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của SV cao đẳng nghề mà còn góp phần làm cho môn học GDCT trở nên gần gũi, thiết thực và giàu giá trị giáo dục trong thời đại số.

2.3.5. Nâng cao năng lực số và bồi dưỡng năng lực tổ chức học tập trải nghiệm cho giảng viên Giáo dục Chính trị

Giảng viên là nhân tố then chốt quyết định thành công của HTTN. Trong bối cảnh chuyển đổi số, GV giảng dạy GDCT cần phát triển hai nhóm năng lực cốt lõi: năng lực số và năng lực tổ chức HTTN.

Trước hết, GV cần chủ động rèn luyện năng lực số thông qua tự học và khai thác các nền tảng như LMS (Moodle, Google Classroom, Canvas) và công cụ tương tác như Padlet, Kahoot!, Mentimeter, Mural/Miro. Ví dụ: Thiết kế bài kiểm tra với Kahoot!, bảng ý tưởng trên Padlet về chủ đề “Trách nhiệm của thanh niên trong chuyển đổi số”. Ngoài ra, GV cần hiểu biết cơ bản về công nghệ mới như VR, AR, AI để tích hợp tài nguyên số vào bài giảng, ví dụ sử dụng Google Arts & Culture tạo chuyến tham quan ảo các di tích lịch sử.

Tuy nhiên, năng lực số chỉ là công cụ; điều cốt lõi là khả năng chuyển hóa công cụ thành trải nghiệm học tập có ý nghĩa. GV cần am hiểu các mô hình HTTN, tiêu biểu là chu trình Kolb (Trải nghiệm – Phản tư – Khái niệm hóa – Vận dụng), từ đó thiết kế hoạt động đảm bảo SV vừa “làm” vừa “học”. Ví dụ: Với dự án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong doanh nghiệp”, GV cần hướng dẫn SV thực hiện – phản tư – khái quát nguyên tắc – đề xuất vận dụng. GV cũng cần rèn luyện kỹ năng thiết kế HDTN: xây dựng tình huống sát thực tiễn, giao nhiệm vụ có sản phẩm cụ thể, tạo không khí khuyến khích chia sẻ, hướng dẫn phản tư, đặt câu hỏi, quản lý nhóm và phản hồi tích cực.

Ngoài ra, GV nên tích cực tham gia cộng đồng chuyên môn, như nhóm Zalo/Microsoft Teams để chia sẻ tài liệu, nghiên cứu tình huống, công cụ số; dự giờ các tiết học có ứng dụng HTTN hiệu quả; học hỏi kinh nghiệm từ đồng nghiệp.

Với sự chủ động trong phát triển năng lực số và tổ chức HTTN, GV bộ môn GDCT sẽ thực sự trở thành những “kiến trúc sư” của tri thức, góp phần đổi mới hiệu quả giảng dạy GDCT trong thời đại số.

3. Kết luận

Trong thời đại số, nâng cao hiệu quả vận dụng HTTN trong giảng dạy GDCT không còn là lựa chọn mà là yêu cầu tất yếu nhằm góp phần đổi mới giáo dục nghề nghiệp, gắn kết lý luận với thực tiễn và thúc đẩy hợp tác giữa nhà trường, doanh nghiệp và SV. Các giải pháp đề xuất không chỉ giúp môn GDCT trở nên gần gũi, thiết thực với SV cao đẳng nghề mà còn trang bị cho các em kỹ năng và phẩm chất cần thiết, góp phần hình thành năng lực công dân, đạo đức nghề nghiệp và bản lĩnh chính trị. Việc triển khai HTTN hiệu quả đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ, sáng tạo giữa ba chủ thể: nhà trường, doanh nghiệp và SV. Khi công nghệ và thực tiễn được tích hợp một cách hợp lý trong quá trình giảng dạy, đặc biệt qua HDTN, sẽ tạo nền tảng cho việc hình thành nguồn nhân lực chất lượng cao – vừa vững chuyên môn, vừa có trách nhiệm xã hội – đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trong kỷ nguyên số.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Dewey, J. (1938). *Experience and education*. Macmillan.
- Johnson, L., Smith, R., Willis, H., Levine, A., & Haywood, K. (2016). *NMC Horizon report: 2016 higher education edition*. The New Media Consortium.
- Kolb, A. Y., & Kolb, D. A. (2005). Learning styles and learning spaces: Enhancing experiential learning in higher education. *Academy of Management Learning & Education*, 4(2), 193–212. <https://doi.org/10.5465/amle.2005.17268566>.
- Kolb, D. A. (1984). *Experiential learning: Experience as the source of learning and development*. Prentice-Hall.
- Lê Trần Hoàng Duy, Nguyễn Thị Thu Hà, & Trang Thanh Nhã. (2021). Tính cách, động cơ, sở thích học tập của thế hệ Z: Những gợi ý về một tư duy thế hệ trong giáo dục đại học. Trong *Kỷ yếu Hội thảo phương pháp giảng dạy lần IV – Năm 2021*. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Miettinen, R. (2000). The concept of experiential learning and John Dewey’s theory of reflective thought and action. *International Journal of Lifelong Education*, 19(1), 54–72. <https://doi.org/10.1080/026013700293458>.
- Nguyễn Tiến Hùng. (2020). Quản lý học tập trải nghiệm. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, (27), 10–14.
- PACE. (2025). *Chuyển đổi số trong giáo dục: Thực trạng, vai trò & giải pháp*. <https://www.pace.edu.vn/tin-kho-tri-thuc/chuyen-doi-so-trong-giao-duc#>.

Phạm Minh Đường, & Phạm Thị Trúc Mai. (2022). Vận dụng phương pháp dạy học trải nghiệm trong đào tạo theo hướng phát triển năng lực tại Đại học Trà Vinh. *Tạp chí Giáo dục*, 22(5), 59–64.

Siemens, G. (2005). Connectivism: A learning theory for the digital age. *International Journal of Instructional Technology and Distance Learning*, 2(1), 3–10.

Vũ Thị Tuyết Lan. (2024). Chuyển đổi số trong giáo dục Việt Nam: Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Việt Nam Hội nhập*, (339), 51–54.

World Economic Forum. (2023). *Future of jobs report 2023*. <https://www.weforum.org/reports/future-of-jobs-report-2023>

NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN TRONG ỨNG DỤNG AI DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ADVANTAGES AND DISADVANTAGES IN APPLYING AI TO TEACH POLITICAL EDUCATION AT LY TU TRONG COLLEGE IN HO CHI MINH CITY

Trần Thị Hồng Thu

Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM;
Email: tranthihongthu@lttc.edu.vn

Keywords:

Advantages and disadvantages, AI applications, Political Education, Ly Tu Trong college.

TÓM TẮT:

Bối cảnh: Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ, trí tuệ nhân tạo (AI) đang đóng vai trò ngày càng quan trọng trong giáo dục và đào tạo.

Kết quả: Ứng dụng AI vào môn Giáo dục chính trị – một môn học đặc thù với nội dung định hướng tư tưởng và giá trị – mở ra cơ hội đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn Giáo dục chính trị tại trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh.

Bàn luận: Phân tích vai trò của AI, chỉ ra những thuận lợi và khó khăn trong ứng dụng AI vào dạy học môn Giáo dục chính trị, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp phù hợp.

ABSTRACT:

Context: In the context of the strong development of the Fourth Industrial Revolution, artificial intelligence (AI) is playing an increasingly important role in education and training.

Result: Applying AI to Political Education – a specific subject with ideological and value orientation content – opens up opportunities to innovate teaching methods to improve the quality of teaching Political Education at Ly Tu Trong College in Ho Chi Minh City.

Discussion: Analyze the role of AI, point out the advantages and difficulties in applying AI to teaching Political Education, assess the current situation and propose appropriate solutions.

1. Mở đầu

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang tác động sâu rộng đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có giáo dục. Trí tuệ nhân tạo được xem là một trong những thành tựu nổi bật, với khả năng thay đổi cách dạy và học theo hướng thông minh, cá nhân hóa và linh hoạt hơn. Trong bối cảnh đó, môn Giáo dục chính trị – vốn được xem là nền tảng trong việc hình thành thế giới quan, nhân sinh quan và bồi dưỡng tư tưởng, đạo đức cho học sinh – sinh viên – cũng đứng trước yêu cầu đổi mới mạnh mẽ để đáp ứng đòi hỏi của thời đại. Việc ứng dụng AI vào giảng dạy môn Giáo dục chính trị không chỉ là xu thế mà còn là giải pháp quan trọng nhằm nâng cao tính hấp dẫn, tăng cường hiệu quả truyền đạt tư tưởng, lý luận chính trị đến người học và tăng khả năng tương tác trong lớp học đồng thời đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo mà Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) đã đề ra.

Bài viết này, tác giả phân tích vai trò của AI trong giáo dục nói chung và trong dạy học môn Giáo dục chính trị nói riêng, đánh giá thực trạng ứng dụng, nhận diện các thuận lợi và khó khăn đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tích hợp công nghệ AI vào công tác giảng dạy lý luận chính trị trong bối cảnh hiện nay.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. AI và vai trò của AI trong dạy học

Trí tuệ nhân tạo (TTNT) (tiếng Anh: Artificial intelligence, viết tắt: AI) là khả năng của các hệ thống máy tính thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến trí thông minh của con người, như học tập, suy luận, giải quyết vấn đề, nhận thức và đưa ra quyết định. Đây là một lĩnh vực nghiên cứu thuộc khoa học máy tính, tập trung phát triển và nghiên cứu các phương pháp cùng phần mềm giúp máy móc có khả năng nhận thức môi trường xung quanh, sử dụng học tập và trí tuệ để thực hiện hành động nhằm tối đa hóa khả năng đạt được các mục tiêu đã định¹.

Theo các chuyên gia về trí tuệ nhân tạo, AI có 8 đặc tính cơ bản sau: (1) tính sáng tạo, (2) tính không thể dự đoán trước, (3) tính độc lập, tự chủ trong hoạt động, không có sự can thiệp của con người; (4) tính hợp lý; (5) khả năng tự học tập và không ngừng cải tiến, phát triển thông qua sự tương tác với môi trường; (6) khả năng thu thập dữ liệu và truyền đạt, (7) tính hiệu quả, chính xác; (8) khả năng tự do sử dụng các phương án thay thế².

Tóm lại, trí tuệ nhân tạo là "sự tư duy" của máy móc – trong đó các thiết bị được lập trình để mô phỏng quá trình suy nghĩ tự nhiên của con người nhằm giải quyết vấn đề ở nhiều cấp độ khác nhau, từ đơn giản đến phức tạp. Cụ thể, AI là thành quả do con người thiết kế, giúp máy móc có thể học tập, suy luận, giao tiếp bằng ngôn ngữ, tự thích nghi với hoàn cảnh, và dần hoàn thiện khả năng của mình – tương tự như trí thông minh của con người.

Vai trò của AI trong dạy học:

Trong kỷ nguyên số, trí tuệ nhân tạo (AI) đang trở thành động lực trung tâm tái định hình toàn diện lĩnh vực giáo dục. Không chỉ là một công cụ hỗ trợ, AI góp phần đổi mới sâu sắc phương pháp giảng dạy, cách học và đánh giá kết quả học tập. Với khả năng phân tích dữ liệu, học hỏi liên tục và cá nhân hóa trải nghiệm học tập, AI mở ra cơ hội nâng cao chất lượng giáo dục trên mọi cấp học. Trong bối cảnh chuyển dịch mạnh mẽ sang mô hình giáo dục số hóa và cá nhân hóa, AI chính là nền tảng công nghệ cốt lõi thúc đẩy đổi mới và phát triển bền vững. Hiện nay, các ứng dụng AI trong lĩnh vực giáo dục đang ngày càng trở nên đa dạng hơn như:

- Cá nhân hóa quá trình học tập: AI phân tích dữ liệu học tập của từng người học để đưa ra các lộ trình phù hợp về thời gian, tốc độ và hình thức học tập. Các hệ thống học tập thông minh (Intelligent Tutoring Systems – ITS) có thể gợi ý bài học bổ trợ, nhắc nhở ôn tập những kiến thức chưa vững, tăng hiệu quả học tập.

- Tự động hóa quá trình đánh giá: AI hỗ trợ chấm điểm trắc nghiệm, bài tập ngắn, thậm chí cả bài luận qua xử lý ngôn ngữ tự nhiên. Phân tích hành vi học (learning analytics) giúp nhà trường và giáo viên đánh giá chính xác năng lực, điểm mạnh, điểm yếu của từng sinh viên, từ đó điều chỉnh chiến lược dạy học kịp thời.

- Hỗ trợ giảng dạy đa phương tiện, trực quan hóa kiến thức: AI có thể giúp tạo sơ đồ tư duy, bản đồ khái niệm, biểu đồ thống kê, mô phỏng trực quan... hỗ trợ học sinh nắm bắt thông tin nhanh chóng, đặc biệt với các môn học trừu tượng như tư tưởng chính trị, luật pháp, đạo đức. Một số công cụ AI có khả năng tổng hợp nội dung từ nhiều nguồn và biến chúng thành các bài giảng ngắn gọn, dễ hiểu dưới dạng video hoặc bản trình chiếu.

- Tăng tính tương tác và động lực học tập: AI giúp thiết kế trò chơi hóa bài học (gamification), tạo nên trải nghiệm học tập thú vị hơn, kích thích hứng thú học. Trợ lý ảo có thể tương tác trực tiếp với sinh viên, giải đáp câu hỏi tức thời, gợi ý nội dung tiếp theo dựa trên kết quả học tập.

- Hỗ trợ giảng viên trong công tác chuyên môn: AI hỗ trợ phân tích kết quả học tập, lên kế hoạch giảng dạy tự động, cảnh báo nguy cơ bỏ học hoặc giảm sút học lực. AI giúp tiết kiệm thời gian soạn bài, tìm tài liệu, từ đó giảng viên có thể tập trung hơn vào vai trò cố vấn, truyền cảm hứng và định hướng giá trị cho người học.

- Định hình mô hình học tập linh hoạt, học mọi lúc – mọi nơi: Nhờ AI, học sinh – sinh viên có thể học tập không giới hạn thời gian, không gian thông qua các nền tảng học tập thông minh, được hỗ trợ bởi trợ lý

¹ https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%C3%AD_tu%E1%BB%87_nh%C3%A2n_t%E1%BA%A1o

² https://tapchicongthuong.vn/co-hoi-va-thach-thuc-cua-tri-tue-nhan-tao-trong-giao-duc-dai-hoc--mot-so-khuyen-nghi-doi-voi-hoat-dong-dao-tao-nghe-luat-o-viet-nam-122067.htm?utm_source=chatgpt.com

học tập ảo. Đặc biệt trong giai đoạn hậu Covid-19, vai trò của AI giúp chuyển đổi từ học tập truyền thống sang học tập kết hợp (blended learning) hoặc học trực tuyến toàn phần (online learning) một cách hiệu quả.

Như vậy, sự phát triển của AI đã góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và tạo ra môi trường học tập linh hoạt, phù hợp với nhu cầu của từng học sinh. Đồng thời, trở thành công cụ hỗ trợ đắc lực trong quá trình giảng dạy của các thầy cô. AI giúp thay đổi vai trò người dạy – từ người truyền đạt kiến thức sang người hướng dẫn, hỗ trợ phát triển năng lực tư duy, phản biện, sáng tạo cho người học.

2.2. Những thuận lợi và khó khăn trong ứng dụng AI vào dạy học môn Giáo dục chính trị tại trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh.

Thuận lợi:

Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào giảng dạy môn Giáo dục chính trị mang lại nhiều lợi ích thiết thực, giúp nâng cao chất lượng dạy và học, đổi mới phương pháp tiếp cận, đồng thời tăng tính thực tiễn, tính cá nhân hóa và khả năng ứng dụng kiến thức. Cụ thể:

Một là, nâng cao hiệu quả truyền đạt nội dung chính trị – tư tưởng:

Một trong những đặc thù lớn nhất của môn Giáo dục chính trị là nội dung kiến thức khô khan, trừu tượng và nhiều thuật ngữ lý luận, AI có thể hỗ trợ giảng viên minh họa những nội dung trừu tượng như các khái niệm, phạm trù chính trị, xã hội, đạo đức, tư tưởng thông qua hình ảnh, video, sơ đồ tư duy, giúp sinh viên dễ hình dung và tiếp cận vấn đề một cách trực quan. Hệ thống AI có thể thiết kế các mô hình giả lập tình huống như mô phỏng tình huống đạo đức, chính trị, xã hội bằng hoạt hình hoặc ứng dụng thực tế ảo, từ đó làm cho môn học trở nên sinh động, trực quan hơn, giúp người học hiểu rõ bản chất vấn đề và phát triển tư duy phản biện. Kết hợp các nền tảng AI tạo nội dung (như Canva AI, ChatGPT, Pictory) để xây dựng bài giảng hấp dẫn, dễ tiếp cận hơn với sinh viên Gen Z.

Hai là, cá nhân hóa quá trình học tập:

Mỗi sinh viên có thể có phong cách học tập khác nhau. AI giúp phân tích hành vi học tập của từng sinh viên thông qua lịch sử truy cập, tần suất làm bài, kết quả kiểm tra... Từ đó AI cho phép tùy chỉnh tốc độ, dạng nội dung, cách kiểm tra phù hợp từng cá nhân, góp phần làm giảm khoảng cách trình độ trong lớp. Đồng thời, gợi ý cho sinh viên tài liệu học phù hợp, khắc phục điểm yếu và phát huy điểm mạnh. Hỗ trợ sinh viên ôn luyện những nội dung chưa vững hoặc luyện tập lại các chủ đề khó. Đây là bước tiến quan trọng trong việc chuyển từ dạy học đại trà sang tiếp cận lấy người học làm trung tâm.

Ba là, tăng khả năng tương tác và chủ động học tập:

Để học tốt môn Giáo dục chính trị, yêu cầu đối với sinh viên là cần tích cực tham gia thảo luận, phản biện và có khả năng liên hệ thực tiễn – thì việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) có thể mang lại nhiều đột phá trong việc phát triển kỹ năng này. AI cho phép tạo ra môi trường học tập linh hoạt, giúp sinh viên có thể tương tác trực tiếp với các hệ thống chatbot học tập, trợ lý học tập ảo để đặt câu hỏi, giải đáp thắc mắc về nội dung bài học, tham gia vào các diễn đàn thảo luận tự động, nơi AI hỗ trợ tổ chức, tóm tắt và phản hồi. Nhờ đó, sinh viên không còn phụ thuộc hoàn toàn vào giảng viên và thời gian trên lớp, mà có thể học tập chủ động và liên tục.

Bốn là, giảm tải công việc cho giảng viên:

Ứng dụng AI trong dạy học môn Giáo dục chính trị giúp cho giảng viên dễ dàng, nhanh chóng trong thiết kế bài giảng tích hợp đa phương tiện, cập nhật tình huống thời sự, đạo đức – xã hội thực tế để liên hệ bài học, tạo ra bộ câu hỏi trắc nghiệm, tình huống mô phỏng phù hợp với từng chuyên đề, tự động chấm điểm trắc nghiệm, tổng hợp điểm số, giúp giảng viên có nhiều thời gian hơn để nghiên cứu chuyên môn và hỗ trợ sâu cho những học sinh yếu. Đồng thời AI cũng giúp giảng viên phân tích kết quả học tập của từng sinh viên để điều chỉnh phương pháp dạy phù hợp hơn với nhu cầu sinh viên. AI trở thành một “trợ giảng thông minh” giúp giảng viên tiết kiệm thời gian, tăng tính sáng tạo và hiệu quả trong giảng dạy.

Năm là, tăng tính hấp dẫn và gắn kết bài học với thực tiễn xã hội và nghề nghiệp:

Với sự hỗ trợ của AI, Giáo dục chính trị không còn là môn học khô khan, khó hiểu mà trở nên sinh động hơn. Việc sử dụng nội dung số, video ngắn dạng TikTok học thuật, gameshow chính trị... giúp tăng độ thu hút đối với sinh viên thế hệ Gen Z. AI có khả năng thu thập và cập nhật dữ liệu thời sự, chính trị, hành vi xã hội, các số liệu thực tế... giúp giảng viên dễ dàng kết nối lý luận chính trị với các sự kiện thực tiễn như chuyển đổi số, đạo đức nghề nghiệp, pháp luật lao động, văn hóa công sở,...gợi mở các tình huống thực tế trong nghề nghiệp để sinh viên vận dụng chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đạo đức cách mạng, đường lối

của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào giải quyết. Điều này giúp môn học không còn xa rời thực tế mà trở nên “sống động”, gần gũi với cuộc sống và công việc tương lai của sinh viên.

Khó khăn:

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong dạy học môn Giáo dục chính trị đã mở ra nhiều cơ hội và mang lại những thuận lợi đáng kể, giúp nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập. Tuy nhiên, bên cạnh những lợi ích đó, việc ứng dụng AI vào quá trình giảng dạy cũng đối mặt với không ít khó khăn và thách thức, từ việc đảm bảo chất lượng nội dung học liệu đến sự thích ứng của giảng viên và sinh viên với công nghệ mới. Cụ thể:

Một là, thách thức trong kiểm soát nội dung mang tính định hướng tư tưởng chính trị:

Môn Giáo dục chính trị là một môn học có vai trò quan trọng trong việc định hướng tư tưởng chính trị, hình thành và phát triển thế giới quan, nhân sinh quan khoa học và cách mạng cho người học. Môn học này giúp sinh viên hiểu rõ về các nguyên lý chính trị, pháp lý, đồng thời bồi dưỡng những phẩm chất đạo đức, tư tưởng cách mạng, góp phần xây dựng những công dân có trách nhiệm với xã hội và đất nước. Tuy nhiên, việc ứng dụng AI vào môn học hiện nay vẫn còn hạn chế trong việc phân biệt đúng – sai về mặt tư tưởng chính trị. Nếu không được kiểm duyệt kỹ lưỡng, nội dung từ AI có thể vô tình lan truyền thông tin sai lệch, trái định hướng tư tưởng. Do vậy, việc giao cho AI hỗ trợ cần xây dựng bộ lọc nội dung riêng, phù hợp với đặc thù của môn Giáo dục chính trị và định hướng của Đảng, tránh để các thuật toán học máy “sai đường”.

Hai là, khả năng tiếp cận công nghệ chưa đồng đều:

Sự không đồng đều trong khả năng tiếp cận công nghệ chính là một thách thức lớn khi ứng dụng AI vào dạy học môn Giáo dục chính trị. Điều này xuất phát từ nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm:

Hạ tầng công nghệ không đồng nhất, thiếu các thiết bị hỗ trợ dạy học như máy tính, máy chiếu, hệ thống đường truyền internet hoặc các phần mềm học tập chuyên dụng, khiến việc triển khai AI gặp khó khăn. Sinh viên và giảng viên không phải ai cũng có thể truy cập vào các nền tảng học trực tuyến hoặc sử dụng các công cụ AI để học và giảng dạy hiệu quả.

Khả năng sử dụng công nghệ của giảng viên và sinh viên: Mặc dù AI có thể mang lại những lợi ích lớn trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy, nhưng không phải giảng viên nào cũng có đủ kỹ năng công nghệ để sử dụng và khai thác AI một cách hiệu quả. Tương tự, một bộ phận sinh viên thiếu sự quen thuộc với các công cụ học tập số hoặc không có đủ thiết bị như điện thoại thông minh, máy tính để tham gia vào các hoạt động học tập hỗ trợ AI.

Ba là, một số giảng viên chưa sẵn sàng chuyển đổi số:

Một số giảng viên, đặc biệt là các giảng viên lớn tuổi vẫn duy trì thói quen giảng dạy theo phương pháp truyền thống và có sự dè dặt khi tiếp cận các phương pháp giảng dạy hiện đại. Việc này xuất phát từ tâm lý ngại thay đổi, thiếu sự tự tin khi sử dụng các công cụ công nghệ như phần mềm hỗ trợ giảng dạy hay các ứng dụng AI. Ngoài ra, một phần giảng viên chưa được đào tạo đầy đủ về kỹ năng số, khiến họ gặp khó khăn trong việc làm quen và áp dụng công nghệ mới vào giảng dạy. Sự kết hợp giữa các yếu tố này đã tạo thành một rào cản lớn đối với việc ứng dụng AI trong giảng dạy môn Giáo dục chính trị, và cần phải có các biện pháp giải tỏa tâm lý e ngại, đồng thời đào tạo và nâng cao kỹ năng số cho đội ngũ giảng viên để họ có thể chủ động và hiệu quả trong việc ứng dụng công nghệ mới.

Bốn là, thiếu nguồn học liệu chuẩn hóa phục vụ AI:

Việc thiếu nguồn học liệu chuẩn hóa cho môn Giáo dục chính trị phục vụ AI là một vấn đề lớn. Xây dựng một kho học liệu số chất lượng cao, mang tính chính thống về chính trị và tư tưởng, là một quá trình đòi hỏi thời gian và sự phối hợp chặt chẽ giữa các nhà giáo dục, chuyên gia công nghệ và các nhà quản lý. Hiện nay, hầu hết các tài nguyên AI hiện có đều mang tính phổ quát, chưa có nhiều công cụ hoặc hệ thống học liệu được thiết kế riêng biệt để phục vụ cho lĩnh vực Giáo dục chính trị, điều này tạo ra một khoảng trống lớn trong việc áp dụng AI vào giảng dạy môn học này.

Năm là, chi phí đầu tư ban đầu cao:

Chi phí đầu tư ban đầu cho việc ứng dụng AI trong dạy học môn Giáo dục chính trị là một khó khăn lớn. Để áp dụng AI hiệu quả, nhà trường cần phải đầu tư vào phần cứng mạnh mẽ, như máy chủ, thiết bị tính toán với hiệu suất cao, và các hệ thống lưu trữ dữ liệu đủ lớn để xử lý khối lượng thông tin lớn. Bên cạnh phần cứng, việc sử dụng phần mềm bản quyền cũng là một yếu tố quan trọng. Các công cụ và phần mềm AI chuyên dụng thường có giá thành cao và yêu cầu giấy phép sử dụng chính thức. Thêm vào đó, việc triển khai và duy trì hệ thống AI yêu cầu có đội ngũ kỹ thuật hỗ trợ chuyên môn cao. Các chuyên gia công nghệ cần được đào

tạo và duy trì để đảm bảo rằng hệ thống AI hoạt động hiệu quả và không gặp phải sự cố trong quá trình giảng dạy. Đội ngũ kỹ thuật này cần phải liên tục cập nhật kiến thức về công nghệ mới và xử lý các vấn đề kỹ thuật phát sinh, điều này cũng làm tăng thêm chi phí vận hành.

Như vậy, bên cạnh những thuận lợi mà AI mang lại trong việc dạy học môn Giáo dục chính trị, vẫn tồn tại không ít khó khăn, thách thức. Chính vì vậy, cần có cái nhìn toàn diện, khách quan về những thuận lợi và khó khăn trong quá trình ứng dụng AI vào giảng dạy môn Giáo dục chính trị, từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp và khả thi.

2.3. Thực trạng dạy học môn Giáo dục chính trị tại trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh

Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. Hồ Chí Minh luôn chú trọng việc ứng dụng công nghệ số, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo (AI) trong giảng dạy, đặc biệt là môn Giáo dục chính trị. Nhà trường đã triển khai kế hoạch chuyển đổi số mạnh mẽ, bao gồm việc nâng cấp hạ tầng công nghệ số, cải tiến công thông tin điện tử, xây dựng thư viện số và điện tử, cũng như triển khai trung tâm điều hành thông minh. Cùng với đó, hệ thống đường truyền internet được nâng cấp, và các phần mềm như Zoom, Google Meet, Microsoft Teams được mua bản quyền để phục vụ giảng dạy. Nhà trường cũng sử dụng phần mềm quản lý học tập PMT-EMS Education, tạo tài khoản Gmail đồng bộ cho giảng viên và sinh viên, tổ chức các lớp tập huấn về chuyển đổi số cho đội ngũ giảng viên và sinh viên. Các hệ thống quản lý nội bộ như Egov, One Uni, chữ ký số, cùng với hệ thống camera an ninh và máy chiếu tại các phòng học đã góp phần quan trọng vào việc cải thiện chất lượng đào tạo và chuyển đổi số.

Khoa Lý luận chính trị đã bắt đầu xây dựng kho học liệu số phục vụ giảng dạy, bao gồm các chương trình, giáo trình, tài liệu học tập và bài giảng điện tử, với tổng cộng 117 bài giảng cho hệ cao đẳng, 78 bài giảng cho hệ liên thông và 65 bài giảng cho hệ trung cấp. Đồng thời, khoa cũng phát triển một hệ thống câu hỏi trắc nghiệm gồm 500 câu cho hệ trung cấp và 850 câu cho hệ cao đẳng. Trong học kỳ 1 năm học 2024-2025, khoa đã triển khai giảng dạy trực tuyến hoàn toàn môn Giáo dục chính trị cho sinh viên các hệ C1, C2 và T4. Đến học kỳ 2 năm học 2024-2025, việc dạy trực tuyến được thực hiện cho sinh viên hệ C1 trên nền tảng Microsoft Teams.

Tất cả giảng viên môn Giáo dục chính trị đều nhận thức rõ vai trò của AI trong giảng dạy. Mỗi giảng viên đều thành thạo các công cụ dạy học trực tuyến như Zoom, Google Meet, Microsoft Teams, và sử dụng phần mềm PowerPoint để thiết kế bài giảng điện tử. Khoảng 80% giảng viên sử dụng các phần mềm hỗ trợ thiết kế bài giảng và phục vụ học tập, kiểm tra, như iMindMap, Azota, MyAloha, Quizizz, Canva, Google Forms, ChatGPT, Chatbot AI, AI ClassPoint. Các giảng viên cũng biết sử dụng phần mềm lưu trữ dữ liệu như Google Drive và Google Classroom. Một số giảng viên đang tích cực xây dựng bài giảng số và đăng tải chúng lên trang web nội bộ cùng kênh YouTube của khoa. Một số giảng viên đang sử dụng AI để thiết kế bài giảng tương tác, bài tập trắc nghiệm, chatbot AI, video và câu chuyện tranh giúp sinh viên dễ dàng tiếp thu kiến thức một cách thú vị và hiệu quả hơn.

Về phía sinh viên, hầu hết đều nhận thức được lợi ích của việc ứng dụng AI trong học tập, giúp tiếp cận tài nguyên học liệu phong phú từ cộng đồng toàn cầu. Sinh viên đã trang bị cho mình các thiết bị thông minh và công cụ cần thiết để phục vụ quá trình học tập hiệu quả.

2.4. Đề xuất giải pháp ứng dụng AI để nâng cao chất lượng dạy học môn Giáo dục chính trị tại trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh

Để ứng dụng hiệu quả trí tuệ nhân tạo AI vào giảng dạy môn Giáo dục chính trị, tác giả đề xuất một số giải pháp cụ thể như sau:

Một là, nâng cao năng lực số cho đội ngũ giảng viên và sinh viên

Để đẩy mạnh ứng dụng AI trong giảng dạy môn Giáo dục chính trị, việc nâng cao năng lực số cho giảng viên và sinh viên là yếu tố then chốt. Giảng viên cần tham gia các lớp tập huấn chuyên sâu về AI phù hợp với yêu cầu đặc thù của môn học giúp họ áp dụng hiệu quả công nghệ AI vào giảng dạy. Cần xây dựng chương trình bồi dưỡng kỹ năng số bắt buộc để giảng viên sử dụng thành thạo các công cụ học trực tuyến và AI. Cũng cần hình thành cộng đồng chuyên môn để chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng và phương pháp giảng dạy sáng tạo sử dụng công nghệ, đặc biệt là AI. Đối với sinh viên, nhà trường tạo điều kiện để họ tiếp cận các công cụ học tập số và đào tạo kỹ năng số, giúp sinh viên chủ động học qua nền tảng trực tuyến và phát triển

kỹ năng tự học. Nâng cao năng lực số là nền tảng giúp giảng viên và sinh viên đáp ứng yêu cầu dạy học trong thời đại số, nâng cao chất lượng môn Giáo dục chính trị.

Hai là, xây dựng kho học liệu số tích hợp AI cho môn học Giáo dục chính trị

Một giải pháp quan trọng để nâng cao chất lượng dạy học môn Giáo dục chính trị là phát triển hệ thống học liệu mở tích hợp AI, bao gồm các video giảng dạy, bài kiểm tra, bài tập tình huống, và các tình huống mô phỏng về chính trị – xã hội. Các học liệu này sẽ được kiểm duyệt kỹ lưỡng để đảm bảo đúng đắn về mặt nội dung, quan điểm tư tưởng, giúp sinh viên tiếp cận kiến thức một cách chính xác và toàn diện. Bên cạnh đó, việc ứng dụng Chatbot để trả lời các câu hỏi thường gặp của sinh viên về bài học, pháp luật, đạo đức và tư tưởng là một giải pháp hiệu quả để tạo ra môi trường học tập chủ động và linh hoạt. Hệ thống AI còn giúp tích hợp cơ chế đánh giá tự động dựa trên hành vi học tập của sinh viên, từ đó điều chỉnh và cá nhân hóa nội dung học sao cho phù hợp với từng nhu cầu và khả năng tiếp thu của mỗi sinh viên.

Ba là, phát triển phần mềm chuyên dụng hỗ trợ giảng dạy môn Giáo dục chính trị

Để nâng cao chất lượng giảng dạy môn Giáo dục chính trị, việc thiết kế một nền tảng dạy học riêng biệt, tích hợp trí tuệ nhân tạo (AI) là một bước tiến quan trọng. Nền tảng này sẽ giúp tạo ra các sơ đồ tư duy và bản đồ khái niệm (mind map) để sinh viên dễ dàng hình dung và tổ chức các kiến thức lý thuyết phức tạp. Bằng cách này, sinh viên có thể kết nối các khái niệm, phạm trù chính trị, đạo đức, và pháp luật thành một hệ thống logic, giúp tăng khả năng tiếp thu và ghi nhớ lâu dài. Ngoài ra, nền tảng cũng sẽ cung cấp các bài kiểm tra tương tác, giúp sinh viên tham gia vào quá trình học một cách chủ động hơn. Các bài kiểm tra này không chỉ đơn thuần là câu hỏi trắc nghiệm mà còn có các tình huống mô phỏng, giúp sinh viên áp dụng lý thuyết vào thực tế, từ đó phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề và tư duy phản biện. Một ứng dụng quan trọng khác trong nền tảng là công nghệ xử lý ngôn ngữ tự nhiên, giúp phân tích bài viết và bài phát biểu của sinh viên. Công nghệ này có thể tự động nhận diện và đánh giá tư duy lập luận, cũng như quan điểm chính trị của sinh viên một cách khách quan, dựa trên các tiêu chí cụ thể như sự rõ ràng, logic và tính nhất quán trong lập luận. Điều này không chỉ giúp giảng viên đánh giá sinh viên một cách chính xác hơn mà còn tạo cơ hội để sinh viên nhận được phản hồi kịp thời, từ đó cải thiện khả năng lập luận và tư duy chính trị.

Bốn là, tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng số

Để ứng dụng hiệu quả công nghệ AI trong giảng dạy môn Giáo dục chính trị, trường cần ưu tiên đầu tư vào các trang thiết bị hiện đại như bảng tương tác, phòng học thông minh và hệ thống máy chủ hỗ trợ xử lý AI ngay tại chỗ. Bảng tương tác và phòng học thông minh sẽ giúp giảng viên dễ dàng truyền tải kiến thức một cách sinh động và trực quan, đồng thời khuyến khích sự tham gia chủ động từ sinh viên. Các hệ thống máy chủ xử lý AI tại chỗ sẽ giúp đảm bảo tốc độ và tính ổn định khi triển khai các ứng dụng công nghệ trong giảng dạy mà không gặp phải sự cố kết nối hoặc chậm trễ. Bên cạnh đó, việc phát triển một mạng nội bộ ổn định là yếu tố quan trọng để đảm bảo quá trình học tập trực tuyến và các nền tảng học liệu số luôn được vận hành mượt mà. Một nền tảng LMS (Hệ thống Quản lý Học tập) được tích hợp công nghệ AI sẽ giúp tối ưu hóa quá trình dạy và học. Sinh viên có thể truy cập vào nền tảng học tập mọi lúc, mọi nơi, nhận được những gợi ý cá nhân hóa về nội dung học, bài tập, và bài kiểm tra. Đồng thời, giảng viên cũng có thể dễ dàng theo dõi tiến độ học tập của sinh viên, đưa ra các điều chỉnh kịp thời, từ đó nâng cao chất lượng dạy học và tạo ra một môi trường học tập linh hoạt, hiện đại.

Năm là, bảo đảm kiểm duyệt nội dung và định hướng chính trị

Một giải pháp quan trọng để nâng cao chất lượng giảng dạy môn Giáo dục chính trị khi ứng dụng AI là đảm bảo kiểm duyệt nội dung và định hướng chính trị chính xác. Việc ứng dụng AI trong giảng dạy có thể mang lại nhiều lợi ích, nhưng cũng đặt ra thách thức về tính chính xác và tính phù hợp của thông tin, đặc biệt đối với các môn học có tính nhạy cảm cao như Giáo dục chính trị. Do vậy, thành lập hội đồng thẩm định học liệu số và nội dung AI bao gồm các chuyên gia về lý luận chính trị và các chuyên gia công nghệ để thẩm định, đánh giá và kiểm tra các tài liệu học tập, các tình huống mô phỏng, cũng như các ứng dụng AI trước khi đưa vào giảng dạy. Đồng thời, cần ban hành quy chế giám sát chặt chẽ nội dung do AI tạo ra, đặc biệt đối với các chủ đề nhạy cảm như đường lối của Đảng, pháp luật, chính trị, chủ quyền và lịch sử dân tộc, để tránh sai lệch và đảm bảo tính chính xác trong giảng dạy.

Sáu là, huy động sự tham gia của các bên liên quan

Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong giảng dạy môn Giáo dục chính trị đòi hỏi sự hợp tác chặt chẽ giữa nhà trường, các chuyên gia công nghệ và giảng viên lý luận chính trị. Sự phối hợp này sẽ tạo điều kiện

nguyên cứu và phát triển các công cụ, phần mềm, nền tảng AI và học liệu chính thống, đảm bảo chúng phù hợp với mục tiêu giảng dạy và chương trình đào tạo của môn học. Đồng thời, các giải pháp công nghệ này không chỉ cần đạt hiệu quả về mặt kỹ thuật mà còn phải đáp ứng yêu cầu về nội dung học thuật và tư tưởng chính trị. Ngoài ra, để các giải pháp AI thực sự đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên, việc khuyến khích sinh viên tham gia vào quá trình thiết kế học liệu và phản hồi về hệ thống AI là rất quan trọng. Điều này không chỉ giúp hệ thống học liệu và ứng dụng AI trở nên thân thiện và dễ tiếp cận hơn, mà còn đảm bảo rằng nội dung giảng dạy được xây dựng phù hợp với thực tiễn, đáp ứng nhu cầu và thói quen học tập của sinh viên trong kỷ nguyên số.

3. Kết luận

AI là xu thế không thể đảo ngược trong giáo dục hiện đại. Việc ứng dụng AI vào dạy học môn Giáo dục chính trị tại trường cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh là bước đi cần thiết nhằm đổi mới phương pháp giảng dạy, phát huy tính tích cực, chủ động và tư duy phản biện của sinh viên. Tuy nhiên, để thành công, cần nhận diện rõ những đặc thù của môn học, xây dựng giải pháp phù hợp và có chiến lược ứng dụng bền vững, phù hợp với định hướng giáo dục toàn diện con người Việt Nam trong thời đại mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), *Hướng dẫn triển khai chuyển đổi số trong giáo dục đại học*.
2. Minh Hoài. (2023), *Ứng dụng CN số vào giảng dạy LLCT*. Báo Thừa Thiên Huế.
3. Lê Thị Mỹ Hạnh (2021), *Đổi mới phương pháp giảng dạy môn lý luận chính trị trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0*. Tạp chí Giáo dục Lý luận, số 324.
4. Trần Văn Nam (2022), *Giáo dục chính trị tư tưởng thời đại số*. Tạp chí Cộng sản.
5. Hồ Bảo, Lê Thị Thừa, Võ Thị Tuyết Như (2024), *Ứng dụng công nghệ AI trong giảng dạy các môn Lý luận chính trị*. Tạp chí Thiết bị Giáo dục
6. https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%C3%ADnh_t%C3%A0i_li%E1%BB%87_nh%C3%A2n_t%C3%A0i_li%E1%BA%A1o
7. https://tapchicongthuong.vn/co-hoi-va-thach-thuc-cua-tri-tue-nhan-tao-trong-giao-duc-dai-hoc--mot-so-khuyen-nghi-doi-voi-hoat-dong-dao-tao-nghe-luat-o-viet-nam-122067.htm?utm_source=chatgpt.com.

CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC TRONG VIỆC ỨNG DỤNG SÁNG TẠO CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀO GIẢNG DẠY CÁC MÔN LỊCH SỬ, GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ, PHÁP LUẬT TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG TP.HCM

OPPORTUNITIES AND CHALLENGES IN THE CREATIVE APPLICATION OF DIGITAL TRANSFORMATION TO THE TEACHING OF HISTORY, CIVIC EDUCATION, AND LAW AT LY TU TRONG COLLEGE, HO CHI MINH CITY

Đinh Thị Huyền¹

¹Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM; ²Đại học Sư phạm Hà Nội 2;
Email: Dinhthihuyen@lttc.edu.vn

Keywords:

awareness, student, primary student (Từ khóa: Tối đa 05, tối thiểu 04 cụm từ khóa)

TÓM TẮT:

Bối cảnh: Chuyển đổi số đang là xu thế tất yếu, tác động sâu rộng tới giáo dục, đặc biệt với các môn học Lịch sử, Giáo dục chính trị, Pháp luật tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM.

Kết quả: Việc ứng dụng bước đầu chuyển đổi số tại Trường đã góp phần nâng cao hứng thú học tập, tăng tính tương tác và hiệu quả tiếp thu kiến thức của sinh viên. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những hạn chế như hạ tầng công nghệ chưa đồng bộ, năng lực số của một bộ phận giảng viên và sinh viên còn hạn chế, học liệu số chuyên sâu cho từng môn học chưa thực sự phong phú.

Bàn luận: Đề phát huy hiệu quả chuyển đổi số sáng tạo, cần đồng bộ các giải pháp: Nâng cao năng lực số cho giảng viên, xây dựng hệ thống học liệu số chất lượng, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng sáng tạo, lấy người học làm trung tâm, đồng thời xây dựng lộ trình chuyển đổi số toàn diện gắn với đặc thù của các môn Lịch sử, Giáo dục chính trị, Pháp luật và bối cảnh của nhà trường.

ABSTRACT:

Context: Digital transformation is an inevitable trend profoundly impacting education, especially in teaching History, Political Education, and Law at Ly Tu Trong College, Ho Chi Minh City.

Result: The initial implementation of digital transformation at the college has contributed to enhancing students' learning motivation, increasing interaction, and improving knowledge acquisition. However, limitations remain, such as insufficient technological infrastructure, limited digital competencies among some lecturers and students, and a lack of high-quality, specialized digital learning resources for these subjects.

Discussion: To effectively promote creative digital transformation, it is essential to implement synchronized solutions: enhancing digital competencies for lecturers, developing high-quality digital learning resources, innovating teaching methods towards creativity and learner-centered approaches, and building a comprehensive digital transformation roadmap aligned with the characteristics of History, Political Education, Law subjects, and the specific context of the institution.

1. Mở đầu

Chuyển đổi số đã và đang trở thành xu thế tất yếu trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là trong ngành giáo dục và đào tạo. Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ, việc ứng dụng công nghệ số vào quá trình giảng dạy không chỉ góp phần đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng đào tạo mà còn đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước. Thực tiễn cho thấy, việc tích hợp các công cụ, nền tảng số một cách sáng tạo đang mở ra nhiều cơ hội nâng cao hiệu quả dạy và học ở các bậc học. Tại Việt Nam, chuyển đổi số trong giáo dục không còn là khái niệm xa lạ mà đã trở thành yêu cầu cấp thiết. Tại Hội nghị triển khai Kết luận số 91/KL-TW ngày 12/8/2024, Bộ GD&ĐT đã nhấn mạnh: **“đẩy mạnh chuyển đổi số trong GDDT”** là một trong các nhiệm vụ trọng tâm, cùng với hiện đại hóa giáo dục nghề nghiệp, nâng cao tiềm lực nghiên cứu, và tăng cường hội nhập quốc tế.

Bên cạnh đó, các môn học như Lịch sử, Giáo dục Chính trị và Pháp luật đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hình thành phẩm chất, tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và ý thức pháp luật cho người học, góp phần xây dựng thế hệ công dân có trách nhiệm, hiểu biết và bản lĩnh. Tuy nhiên, do đặc thù nội dung trừu tượng, khô khan, hình thức giảng dạy các môn này ở nhiều cơ sở giáo dục còn nặng tính truyền thống, thiếu hấp dẫn, chưa khai thác hiệu quả tiềm năng của công nghệ số.

Riêng đối với Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM, việc ứng dụng chuyển đổi số trong giảng dạy các môn Lịch sử, Giáo dục Chính trị và Pháp luật tại Trường đã có những bước chuyển tích cực bước đầu. Tuy nhiên, thực tế triển khai vẫn còn tồn tại những khó khăn, thách thức nhất định về hạ tầng công nghệ, năng lực số của đội ngũ giảng viên, cũng như sự chủ động và kỹ năng số của sinh viên. Do đó, việc nghiên cứu, đánh giá thực trạng, nhận diện cơ hội, thách thức và đề xuất giải pháp ứng dụng sáng tạo chuyển đổi số trong giảng dạy các môn học này tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM là yêu cầu cấp thiết, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước hiện nay.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1 Khái niệm và vai trò của chuyển đổi số sáng tạo trong giáo dục

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự bùng nổ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số đã và đang trở thành xu thế tất yếu trong mọi lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực giáo dục. Theo Hội thảo khoa học “Chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo” do Bộ GD&ĐT tổ chức ngày 9/12/2020, Bộ trưởng Phùng Xuân Nhạ nêu rõ: “Chuyển đổi số được ngành xác định là khâu đột phá, nhiệm vụ quan trọng... Làm tốt chuyển đổi số không chỉ giúp nâng cao chất lượng giáo dục, mà quan trọng hơn là góp phần nâng cao năng suất lao động, tạo cơ hội lớn để hội nhập quốc tế”³. Còn tổ chức OECD định nghĩa *chuyển đổi số trong giáo dục* là: “sử dụng công nghệ số, trong đó có AI, để cá nhân hóa giáo dục bao gồm giảng dạy, học tập và các dịch vụ giáo dục khác nhằm tăng hiệu quả, chất lượng, bao gồm khả năng tiếp cận và tính bao trùm”⁴.

Tuy nhiên, nếu chỉ dừng lại ở việc ứng dụng công nghệ một cách cơ học, giáo dục khó có thể tạo ra những đột phá thực chất. Chính vì vậy, khái niệm “chuyển đổi số sáng tạo trong giáo dục” đã được nhấn mạnh trong những nghiên cứu gần đây. **Chuyển đổi số sáng tạo trong giáo dục** là quá trình tích hợp và ứng dụng **hệ thống** các công nghệ số (như AI, AR/VR, dữ liệu lớn) không chỉ để số hóa các hoạt động giảng dạy, học tập và quản lý, mà còn **đổi mới toàn diện tư duy, thiết kế và phương pháp** học nhằm xây dựng môi trường học tập **linh hoạt, cá nhân hóa, đa dạng, sáng tạo**, phù hợp với đặc thù người học và yêu cầu của thời đại.

Cụ thể, khi nói đến chuyển đổi số sáng tạo trong giảng dạy, cần hiểu đó là việc giảng viên không chỉ tận dụng các công nghệ hiện đại như học tập trực tuyến (E-learning), trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), lớp học ảo, mô phỏng tương tác (simulation)... mà còn phải chủ động thiết kế những trải nghiệm học tập hấp dẫn, sinh động, kích thích khả năng tư duy phản biện, sáng tạo và tự học của người học. Theo 1 báo cáo của UNESCO (2021) đã chỉ ra rằng, chuyển đổi số sáng tạo không đơn thuần là câu chuyện của công nghệ, mà cốt lõi là sự đổi mới tư duy tư phạm, tái cấu trúc phương pháp giảng dạy và xây dựng môi trường học tập mở, linh hoạt, lấy người học làm trung tâm. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh giáo dục hiện đại

³ Ngô Thị Thu Dung (2021), Chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo - xu hướng tất yếu trong bối cảnh hiện nay, *Khoa học và Công nghệ - Trường Đại học Hòa Bình*, Số 01/2021, Tr. 60-66

⁴ Organisation for Economic Co-operation and Development (2023), *Digital Education Outlook 2023: Pushing the boundaries with AI*. OECD Publishing.

khi người học cần được trang bị không chỉ kiến thức mà cả năng lực tự học, khả năng thích ứng và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo⁵.

Tại Việt Nam, chuyển đổi số trong giáo dục đã được Chính phủ xác định là một trong những nhiệm vụ chiến lược nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững. Minh chứng rõ nét là Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/1/2022 phê duyệt *Chương trình Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022–2025, định hướng đến năm 2030*, trong đó nhấn mạnh việc phát triển hệ sinh thái học tập số, xây dựng nguồn tài nguyên mở, đổi mới phương thức tổ chức dạy học và tăng cường năng lực số cho đội ngũ giáo viên, giảng viên.

Như vậy, có thể khẳng định, chuyển đổi số sáng tạo trong giáo dục không chỉ là xu thế tất yếu mà còn là chìa khóa giúp nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển toàn diện năng lực người học, đồng thời tạo tiền đề vững chắc cho sự hội nhập và cạnh tranh của nền giáo dục quốc gia trong kỷ nguyên số.

2.2 Tầm quan trọng và đặc thù của việc giảng dạy các môn Lịch sử, Giáo dục Chính trị và Pháp luật

Trong hệ thống giáo dục hiện đại, các môn học như Lịch sử, Giáo dục Chính trị và Pháp luật không chỉ cung cấp tri thức nền tảng về lịch sử, pháp luật và xã hội mà còn giữ vai trò then chốt trong việc bồi dưỡng phẩm chất công dân, năng lực tư duy phản biện và ý thức trách nhiệm xã hội cho người học. Đây là những yếu tố cốt lõi góp phần hình thành thế hệ trẻ có hiểu biết sâu sắc về lịch sử, pháp luật, đồng thời có khả năng tham gia tích cực, có trách nhiệm vào đời sống xã hội, phù hợp với yêu cầu xây dựng đất nước “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” và hội nhập quốc tế. Bởi thực tiễn cho thấy, một xã hội phát triển bền vững không chỉ đòi hỏi nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao mà còn cần những công dân có phẩm chất chính trị vững vàng, hiểu biết sâu sắc về pháp luật, có ý thức tôn trọng lịch sử và các giá trị xã hội cốt lõi. Các môn học như Giáo dục Chính trị, Pháp luật và Lịch sử giữ vai trò then chốt trong việc hình thành những năng lực và phẩm chất đó. Thông qua quá trình giảng dạy các môn học này, người học không chỉ được trang bị tri thức nền tảng mà còn được bồi dưỡng năng lực tư duy phản biện, kỹ năng phân tích các vấn đề xã hội và khả năng tham gia tích cực, có trách nhiệm vào đời sống cộng đồng. Đây chính là tiền đề quan trọng để xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Tuy nhiên, việc giảng dạy các môn học này theo hướng hấp dẫn, hiệu quả vẫn là một thách thức không nhỏ. Đặc thù nội dung mang tính lý luận cao, nhiều khái niệm trừu tượng khiến sinh viên, đặc biệt là sinh viên các cơ sở đào tạo nghề, gặp khó khăn trong việc tiếp cận và vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Bên cạnh đó, phương pháp giảng dạy truyền thống với cách tiếp cận một chiều, thiếu tính tương tác và sáng tạo ngày càng bộc lộ những hạn chế, không đáp ứng được nhu cầu học tập của thế hệ sinh viên trong kỷ nguyên số với những người đã quen với môi trường học tập mở, đa phương tiện và đề cao tính cá nhân hóa.

Chính vì vậy, việc ứng dụng sáng tạo các công nghệ số vào giảng dạy các môn Lịch sử, Giáo dục Chính trị và Pháp luật được xem là giải pháp tất yếu, nhằm góp phần nâng cao hiệu quả truyền đạt kiến thức, tăng cường tính trực quan và sinh động cho bài giảng, đồng thời kích thích khả năng tư duy phản biện, sáng tạo và tiếp cận thông tin đa chiều của người học.

Như vậy có thể thấy, việc đổi mới phương pháp giảng dạy các môn Lịch sử, Giáo dục Chính trị và Pháp luật trên nền tảng chuyển đổi số sáng tạo là xu thế tất yếu, góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện cho sinh viên. Tuy nhiên, để có những giải pháp phù hợp và khả thi, việc nhận diện đúng thực trạng giảng dạy các môn học này tại từng cơ sở đào tạo cụ thể là vô cùng cần thiết. Thực tế cho thấy, mỗi trường có những đặc điểm riêng về đội ngũ giảng viên, trình độ sinh viên, cơ sở vật chất và mức độ ứng dụng công nghệ số khác nhau, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng và hiệu quả giảng dạy.

Xuất phát từ yêu cầu đó, nội dung tiếp theo của bài viết tác giả sẽ tập trung phân tích thực trạng giảng dạy các môn Lịch sử, Giáo dục Chính trị và Pháp luật tại Trường cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay. Thông qua việc đánh giá khách quan những kết quả đạt được cũng như những khó khăn, hạn chế còn tồn tại, tác giả đề xuất các giải pháp thiết thực, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy các môn học mang tính nền tảng, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong thời đại số.

2.3 Thực trạng tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM

⁵ UNESCO (2021), *Steering the digital transformation of education: A policy guide*. United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization

Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. Hồ Chí Minh là một trong những cơ sở đào tạo nghề trọng điểm quốc gia, có bề dày trong xây dựng và phát triển, với sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động trong nước và khu vực. Bên cạnh nhiệm vụ đào tạo chuyên môn, Nhà trường luôn chú trọng giáo dục toàn diện, đặc biệt là bồi dưỡng phẩm chất chính trị, đạo đức, ý thức pháp luật và tinh thần trách nhiệm công dân cho sinh viên thông qua các môn học như Lịch sử, Giáo dục Chính trị và Pháp luật.

Tuy nhiên, thực tiễn giảng dạy các môn học này trong những năm gần đây cho thấy vẫn còn tồn tại một số hạn chế, nhất là trong bối cảnh chuyển đổi số sáng tạo đang diễn ra mạnh mẽ trong toàn hệ thống giáo dục.

Thứ nhất, về nhận thức của người học, phần lớn sinh viên còn có xu hướng tập trung vào các môn chuyên ngành kỹ thuật, trong khi các môn Lịch sử, Giáo dục Chính trị và Pháp luật chưa thực sự được chú trọng đúng mức. Nhận thức của sinh viên về vai trò nền tảng của các môn học này trong việc hình thành nhân cách, bản lĩnh chính trị và ý thức pháp luật còn hạn chế.

Thứ hai, về phương pháp giảng dạy, mặc dù Nhà trường đã định hướng đổi mới, nhưng trên thực tế, phương pháp truyền thống như thuyết trình một chiều, đọc - chép vẫn chiếm tỷ lệ lớn. Việc ứng dụng công nghệ số còn mang tính hình thức, chủ yếu dừng lại ở sử dụng trình chiếu PowerPoint hoặc tài liệu số cơ bản, chưa khai thác hiệu quả các hình thức học tập trực tuyến tương tác, mô phỏng tình huống thực tiễn hay tích hợp các nền tảng công nghệ như lớp học ảo, học liệu mở.

Thứ ba, về điều kiện hạ tầng và nguồn lực hỗ trợ, mặc dù Nhà trường đã từng bước đầu tư trang thiết bị phục vụ chuyển đổi số như hệ thống máy tính, mạng Internet, phòng học đa phương tiện, song so với yêu cầu đổi mới toàn diện, cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật vẫn còn thiếu đồng bộ. Đặc biệt, đội ngũ giảng viên giảng dạy các môn Lịch sử, Giáo dục Chính trị và Pháp luật chủ yếu xuất phát từ chuyên ngành khoa học xã hội truyền thống, kỹ năng khai thác, ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy còn nhiều hạn chế.

Thứ tư, về hoạt động hỗ trợ ngoài giờ, các chương trình ngoại khóa, chuyên đề, hội thảo liên quan đến lịch sử, chính trị, pháp luật còn hạn chế về số lượng và thiếu tính sáng tạo. Nhà trường chưa khai thác tối đa lợi thế của môi trường học tập số và các nền tảng trực tuyến nhằm tăng tính hấp dẫn và hiệu quả của các hoạt động này.

Bên cạnh đó, cần nhìn nhận một cách khách quan rằng, sinh viên của Trường đến từ nhiều địa phương khác nhau, trình độ học tập và nhận thức xã hội không đồng đều, đây là yếu tố khách quan ảnh hưởng đến chất lượng tiếp thu các môn học lý luận có tính trừu tượng như Lịch sử, Giáo dục Chính trị và Pháp luật.

Từ những phân tích trên cho thấy, mặc dù Nhà trường đã có những bước đi bước đầu trong việc đổi mới giảng dạy các môn học nền tảng này, song quá trình triển khai chuyển đổi số sáng tạo vẫn còn nhiều thách thức. Để nâng cao hiệu quả giảng dạy, cần có những giải pháp đồng bộ, sáng tạo và phù hợp với điều kiện thực tiễn, góp phần bồi dưỡng thế hệ sinh viên không chỉ vững chuyên môn mà còn có bản lĩnh chính trị, hiểu biết pháp luật và tinh thần trách nhiệm xã hội, đáp ứng yêu cầu của thời đại hội nhập và chuyển đổi số hiện nay.

2.3. Cơ hội khi ứng dụng chuyển đổi số sáng tạo trong giảng dạy các môn Lịch sử, Giáo dục Chính trị và Pháp luật

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang trở thành động lực quan trọng thúc đẩy đổi mới giáo dục, việc tích hợp công nghệ số một cách sáng tạo vào giảng dạy các môn học Lịch sử, Giáo dục Chính trị và Pháp luật không chỉ góp phần nâng cao tính trực quan, tính tương tác của bài giảng mà còn giúp người học tiếp cận các kiến thức lý luận một cách sinh động, dễ hiểu hơn. Tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. Hồ Chí Minh, đây chính là cơ hội để từng bước khắc phục những hạn chế truyền thống trong giảng dạy các môn học mang tính lý luận, đồng thời tạo tiền đề cho việc nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện, phù hợp với yêu cầu của xã hội số hiện nay.

a) Đối với người học

Một trong những lợi thế rõ nét nhất của chuyển đổi số sáng tạo là khả năng cá nhân hóa và trực quan hóa nội dung học tập. Các nền tảng học liệu số, video mô phỏng, bản đồ tư duy, trò chơi tương tác như Kahoot, Quizizz, Wordwall, <https://yourhomework.net...> đã giúp sinh viên tiếp cận kiến thức một cách sinh động, hấp dẫn hơn. Đặc biệt, với đặc thù của sinh viên trường nghề, vốn quen thiên về thực hành, việc áp dụng các công nghệ số vào giảng dạy các môn lý luận như Lịch sử, Giáo dục Chính trị, Pháp luật đã góp phần đáng kể trong việc phá vỡ rào cản tâm lý “ngại học lý thuyết”, từ đó nâng cao hứng thú và hiệu quả tiếp thu của người học.

Theo như Nghiên cứu phân tích của Sitmann (2011) cho thấy: việc sử dụng mô phỏng trò chơi trong giảng dạy giúp sinh viên tăng 11 % kiến thức sự kiện, 14 % kỹ năng và 9 % khả năng ghi nhớ so với phương pháp truyền thống⁶. Điều này chứng tỏ việc ứng dụng mô phỏng trò chơi trong giảng dạy mang lại hiệu quả đáng kể, giúp sinh viên cải thiện cả kiến thức, kỹ năng và khả năng ghi nhớ. Đây là minh chứng rõ ràng cho thấy, chuyển đổi số không chỉ là công cụ hỗ trợ mà còn là chìa khóa kích thích tinh thần tự học, tư duy phản biện và khả năng kết nối kiến thức với thực tiễn của người học.

b) Đối với giảng viên

Chuyển đổi số sáng tạo mở ra không gian sáng tạo mới cho giảng viên trong thiết kế, tổ chức và quản lý hoạt động giảng dạy. Các công cụ số giúp giảng viên dễ dàng cập nhật nội dung bài giảng, tích hợp học liệu đa dạng, tổ chức lớp học theo mô hình tích cực như lớp học đảo ngược, lớp học ảo, qua đó nâng cao hiệu quả truyền đạt và tạo môi trường học tập lấy người học làm trung tâm. Đặc biệt, trong bối cảnh hiện nay khi mà công nghệ phát triển thì việc giảng dạy các môn Lịch sử, Giáo dục Chính trị và Pháp luật sẽ trở nên sinh động, hấp dẫn hơn khi giảng viên biết khai thác thế mạnh của công nghệ.

c) Đối với nhà trường

Đối với Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. Hồ Chí Minh, đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong giảng dạy các môn Lịch sử, Giáo dục Chính trị và Pháp luật không chỉ góp phần hiện đại hóa môi trường dạy học mà còn nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của xã hội và doanh nghiệp về nguồn nhân lực toàn diện. Việc tích hợp học liệu số, các nền tảng học tập trực tuyến, phần mềm hỗ trợ đánh giá tự động giúp Nhà trường tăng cường khả năng quản lý quá trình đào tạo, đồng thời nâng cao tính minh bạch và kiểm soát chất lượng học tập.

Bên cạnh đó, chuyển đổi số tạo điều kiện để đổi mới phương pháp giảng dạy các môn học lý luận vốn được xem là khô khan, trừu tượng. Thông qua các hình thức học tập trực tuyến tương tác, mô phỏng tình huống thực tiễn, ứng dụng công nghệ đa phương tiện, Nhà trường có thể góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục phẩm chất chính trị, ý thức công dân và hiểu biết pháp luật cho người học. Thực tiễn tại nhiều cơ sở giáo dục triển khai hiệu quả chuyển đổi số cho thấy, tỷ lệ sinh viên tích cực tham gia và hài lòng với các môn học lý luận xã hội được cải thiện đáng kể.

Chuyển đổi số cũng là cơ hội để Nhà trường đổi mới chương trình đào tạo theo hướng hiện đại, thực tiễn, phù hợp với yêu cầu của xã hội số và hội nhập quốc tế. Qua đó, Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. Hồ Chí Minh có điều kiện nâng cao năng lực cạnh tranh và khẳng định uy tín, vị thế trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp.

d. Các điều kiện thuận lợi thúc đẩy chuyển đổi số sáng tạo

Bối cảnh hiện nay đang tạo ra nhiều điều kiện thuận lợi để Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. Hồ Chí Minh đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số sáng tạo trong giảng dạy các môn học lý luận xã hội, bao gồm:

Hạ tầng công nghệ ngày càng hoàn thiện: Nhà trường chú trọng đầu tư hệ thống thiết bị, nền tảng số, học liệu điện tử, tạo nền tảng vững chắc cho quá trình đổi mới.

Chính sách hỗ trợ mạnh mẽ từ Nhà nước: Các chủ trương của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về chuyển đổi số tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho các cơ sở giáo dục triển khai.

Nguồn tài nguyên số phong phú: Kho học liệu mở toàn cầu, internet, các nền tảng học tập số cung cấp nguồn tài nguyên dồi dào, giúp giảng viên và sinh viên tiếp cận kiến thức một cách linh hoạt, sáng tạo.

⁶ Sitzmann, T. (2011). *A meta-analytic examination of the instructional effectiveness of computer-based simulation games*. *Personnel Psychology*, 64(2), 489–528.

Ý thức và nhu cầu đổi mới của giảng viên, sinh viên tăng cao: Phần lớn giảng viên, sinh viên đều nhận thức rõ vai trò của chuyển đổi số và sẵn sàng tiếp cận các phương pháp giảng dạy hiện đại.

Đặc thù môn học phù hợp với môi trường số: Các môn Lịch sử, Giáo dục Chính trị và Pháp luật có nhiều nội dung có thể số hóa dưới dạng hình ảnh, video, mô phỏng tình huống, giúp tăng tính hấp dẫn, trực quan khi giảng dạy trên nền tảng số.

Tóm lại, việc ứng dụng chuyển đổi số sáng tạo trong giảng dạy các môn Lịch sử, Giáo dục Chính trị và Pháp luật mở ra nhiều cơ hội quan trọng, góp phần đổi mới phương pháp giảng dạy, tăng cường tính tương tác, trực quan và nâng cao hiệu quả tiếp thu kiến thức cho người học. Đồng thời, đây cũng là động lực thúc đẩy các cơ sở giáo dục, trong đó có Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. Hồ Chí Minh, nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện, đáp ứng yêu cầu của xã hội số và hội nhập quốc tế.

Mặc dù đã có những bước chuyển tích cực và nắm bắt được các cơ hội mà chuyển đổi số sáng tạo mang lại, song thực tế triển khai tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. Hồ Chí Minh vẫn còn tồn tại nhiều khó khăn, thách thức. Do đó, để nâng cao hiệu quả giảng dạy các môn Lịch sử, Giáo dục Chính trị và Pháp luật trong bối cảnh hiện nay, cần thiết phải xây dựng và thực hiện các giải pháp đồng bộ, phù hợp với điều kiện thực tiễn của Nhà trường.

2.4 ***Giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lịch sử, Giáo dục Chính trị và Pháp luật thông qua chuyển đổi số sáng tạo tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. Hồ Chí Minh***

Trước những thách thức nêu trên, để phát huy tối đa tiềm năng của chuyển đổi số sáng tạo và nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lịch sử, Giáo dục Chính trị và Pháp luật, Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. Hồ Chí Minh cần triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp sau:

Thứ nhất, tăng cường đầu tư hạ tầng kỹ thuật và phát triển học liệu số chuyên sâu. Nhà trường cần ưu tiên xây dựng hệ thống học liệu số đa dạng, hiện đại, bao gồm tài liệu đa phương tiện, video tương tác, mô phỏng lịch sử, pháp luật, cũng như tích hợp yếu tố trò chơi hóa nội dung giảng dạy. Song song đó là hoàn thiện hệ thống phòng học thông minh, nền tảng quản lý học tập trực tuyến và các công cụ hỗ trợ tổ chức lớp học kết hợp linh hoạt giữa hình thức trực tiếp và trực tuyến.

Thứ hai, nâng cao năng lực số và đổi mới tư duy sư phạm cho đội ngũ giảng viên. Trọng tâm là tổ chức các khóa bồi dưỡng kỹ năng thiết kế học liệu số, sử dụng công cụ dạy học trực tuyến, mô phỏng tình huống thực tiễn và trò chơi hóa bài giảng. Khuyến khích giảng viên chủ động tham gia các diễn đàn học thuật, hội thảo chuyên môn về chuyển đổi số trong giảng dạy các môn lý luận, qua đó cập nhật xu hướng, chia sẻ kinh nghiệm và tăng cường năng lực triển khai thực tế.

Thứ ba, đổi mới phương pháp dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm, khai thác hiệu quả công nghệ số. Cần kết hợp linh hoạt các mô hình lớp học đảo ngược, lớp học ảo, thảo luận nhóm trực tuyến, tình huống mô phỏng và diễn đàn học tập mở nhằm tăng tính tương tác, phát triển tư duy phản biện, kỹ năng tự học và khả năng vận dụng kiến thức của sinh viên.

Thứ tư, thúc đẩy hợp tác giữa Nhà trường với doanh nghiệp và tổ chức xã hội trong quá trình triển khai chuyển đổi số. Việc huy động nguồn lực, chuyên gia và công nghệ từ các đơn vị bên ngoài không chỉ hỗ trợ nâng cao chất lượng giảng dạy mà còn tạo điều kiện cho sinh viên tham gia các hoạt động trải nghiệm thực tế, dự án cộng đồng hoặc tình huống pháp lý được hỗ trợ bởi công nghệ số.

Thứ năm, tăng cường truyền thông và nâng cao nhận thức của sinh viên về vai trò và ý nghĩa của các môn học lý luận xã hội trong bối cảnh chuyển đổi số. Các hoạt động như hội thảo trực tuyến, diễn đàn trao đổi, cuộc thi tìm hiểu kiến thức trên nền tảng số cần được tổ chức thường xuyên nhằm khơi gợi hứng thú học tập, thay đổi tư duy và thái độ tích cực của sinh viên đối với các môn học này.

Thứ sáu, Nhà trường cần tích cực tham gia các chương trình, dự án chuyển đổi số cấp Bộ, ngành và xây dựng lộ trình chuyển đổi số sáng tạo phù hợp với điều kiện thực tiễn. Lộ trình này cần xác định rõ từng giai đoạn cụ thể, từ nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, phát triển nguồn nhân lực đến xây dựng học liệu số và đổi mới chương trình đào tạo. Đồng thời, Nhà trường cần chủ động kết nối với các đơn vị công nghệ và cơ sở giáo dục có kinh nghiệm để học hỏi mô hình triển khai hiệu quả, tránh tình trạng đầu tư thiếu đồng bộ hoặc áp dụng hình thức mang tính hình thức mà không đem lại giá trị thực chất cho hoạt động giảng dạy.

3. **Kết luận**

Ứng dụng sáng tạo chuyển đổi số trong giảng dạy các môn Lịch sử, Giáo dục Chính trị và Pháp luật là xu hướng tất yếu, phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo trong bối cảnh xã hội số và hội nhập quốc

tế. Đây không chỉ là giải pháp kỹ thuật mà còn là động lực quan trọng góp phần nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện, hình thành thể hệ sinh viên vừa có bản lĩnh chính trị vững vàng, hiểu biết pháp luật, vừa có tư duy sáng tạo và năng lực thích ứng với môi trường học tập, làm việc hiện đại.

Tuy nhiên, để chuyển đổi số thực sự mang lại hiệu quả thiết thực, đòi hỏi sự vào cuộc đồng bộ, quyết liệt từ phía Nhà trường, đội ngũ giảng viên, sinh viên và các bên liên quan. Nhà trường cần xác định rõ đây là nhiệm vụ chiến lược, xây dựng lộ trình triển khai cụ thể, chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ và phát triển học liệu số. Đội ngũ giảng viên cần chủ động đổi mới tư duy, nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ và sáng tạo trong tổ chức dạy học. Sinh viên cần thay đổi thói quen học tập, phát huy tinh thần tự học, chủ động khai thác hiệu quả các nền tảng học tập số.

Bên cạnh đó, việc tăng cường liên kết với doanh nghiệp, tổ chức xã hội và tranh thủ các chính sách hỗ trợ từ Bộ, ngành sẽ tạo điều kiện thuận lợi để Nhà trường triển khai chuyển đổi số một cách đồng bộ, hiệu quả. Chỉ khi có sự phối hợp chặt chẽ và tinh thần đổi mới từ tất cả các chủ thể trong và ngoài Nhà trường, việc ứng dụng sáng tạo chuyển đổi số mới thực sự trở thành động lực nâng cao chất lượng giáo dục, khẳng định uy tín và vị thế của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. Hồ Chí Minh trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp hiện nay.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2022). *Báo cáo tổng kết công tác chuyển đổi số ngành giáo dục*. Hà Nội.
2. Ngô Thị Thu Dung. (2021). Chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo - xu hướng tất yếu trong bối cảnh hiện nay. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Trường Đại học Hòa Bình*, (01), 60-66.
3. Nguyễn Thị Lan. (2020). *Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy lịch sử ở trường đại học*. NXB Giáo dục Việt Nam.
4. Lê Văn Phước. (2021). *Kinh nghiệm số hóa học liệu các môn xã hội ở một số trường đại học*. NXB Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.
5. Trần Minh Tuấn. (2023). Đổi mới phương pháp dạy học các môn khoa học xã hội trong bối cảnh chuyển đổi số sáng tạo. *Tạp chí Giáo dục*, (2), 40-45. (Bổ sung trang nếu có cụ thể).
6. Organisation for Economic Co-operation and Development. (2023). *Digital education outlook 2023: Pushing the boundaries with AI*. OECD Publishing. Truy cập tại: <https://www.oecd.org/education/digital-education-outlook-2023.pdf>
7. UNESCO. (2021). *Steering the digital transformation of education: A policy guide*. United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization.

GIẢI PHÁP TRONG LIÊN KẾT ĐÀO TẠO VỚI DOANH NGHIỆP TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG TP. HỒ CHÍ MINH

SOLUTIONS IN TRAINING LINKAGE WITH ENTERPRISES AT LY TU TRONG COLLEGE, HO CHI MINH CITY

Lê Thị Mai Hương¹

¹Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM
Email: maihuonglegv@gmail.com

Keywords:

Teaching quality,
High quality human
resources.
Business links
Ly Tu Trong College

TÓM TẮT:

Bối cảnh: Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng kỷ nguyên vươn mình là một xu thế hiện nay. Sự liên kết đào tạo với nhu cầu thực tiễn của các doanh nghiệp, cơ quan góp phần nâng cao chất lượng nguồn lao động, rút ngắn khoảng cách lý thuyết và thực hành tại cơ sở, đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội.

Kết quả: Cung cấp thực trạng hoạt động đào tạo liên kết doanh nghiệp tại trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Tp. HCM

Bàn luận: Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy tại khoa Lý luận chính trị theo mô hình liên kết doanh nghiệp đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao.

ABSTRACT:

Context: Training high-quality human resources to meet the growing era is a current trend. Linking training with the practical needs of businesses and agencies contributes to improving the quality of labor resources, shortening the gap between theory and practice at the grassroots level, meeting the development requirements of society.

Result: Providing the current status of business-linked training activities at Ly Tu Trong College, Ho Chi Minh City

Discussion: Proposing some solutions to improve the quality of teaching at the Faculty of Political Theory according to the business linkage model to meet the demand for high-quality human resources.

1. Mở đầu

Trong kỷ nguyên vươn mình Việt Nam trở thành điểm sáng của khu vực và thế giới về sự ổn định về chính trị, môi trường kinh doanh thuận lợi, thị trường lao động dồi dào. Việt Nam đang thiếu lao động có tay nghề cũng như nguồn nhân lực đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp. Để tránh phải đào tạo lại, nhiều doanh nghiệp có xu thế liên kết, hợp tác với các cơ sở giáo dục đại học trong đào tạo để tìm kiếm, đặt hàng nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao. Để đáp ứng nhu cầu yêu cầu cơ bản và tiếp tục phát huy những lợi thế về nguồn nhân lực thì mô hình liên kết liên kết doanh nghiệp là xu hướng của nhiều cơ sở giáo dục nghề nghiệp hiện nay. Sự liên kết đào tạo với nhu cầu thực tiễn của các doanh nghiệp, cơ quan góp phần nâng cao chất lượng nguồn lao động, rút ngắn khoảng cách lý thuyết và thực hành tại cơ sở, đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực có kỹ năng nghề, tăng năng suất lao động, năng lực cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Việt Nam đang trải qua quá trình xã hội hóa, dẫn đến việc hình thành ba định hướng phát triển của các cơ sở giáo dục đại học gồm nghiên cứu, ứng dụng và thực hành, trong đó, hầu hết các trường đại học ở Việt Nam hiện đang hướng tới loại hình cơ sở giáo dục có thể đáp ứng nhu cầu việc làm của xã hội

Về phía nhà trường, đây là cơ hội để thực hiện phương châm “học đi đôi với hành”. Sự tham gia của các doanh nghiệp trong quá trình đào tạo là yếu tố bắt buộc. Có như vậy, sinh viên mới hiểu rõ những yêu cầu của thị trường lao động, tích lũy kiến thức cần thiết, bước chân vào thế giới việc làm một cách chủ động”.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1 Cơ sở lý luận

Liên kết đào tạo với doanh nghiệp là sự phối hợp với doanh nghiệp để tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp, chứng chỉ sơ cấp và các chứng chỉ đào tạo khác thông qua hợp đồng liên kết đào tạo. Cơ sở GDNN là đơn vị chủ trì liên kết đào tạo, doanh nghiệp là đơn vị phối hợp liên kết đào tạo; (CV số 589/TCGDNN-ĐTCQ, 2018)

Định hướng phát triển đào tạo giữa nhà trường và Doanh nghiệp được trình bày trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 khoá VII (tháng 7-1994): “xây dựng quan hệ chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo với các cơ quan quản lý nhân lực và việc làm, giữa cơ sở đào tạo với cơ sở sử dụng nhân lực”.

Theo nội dung văn kiện Đại hội XIII, đặt ra mục tiêu Việt Nam tham gia thị trường đào tạo nhân lực quốc tế, vì vậy yêu cầu hoàn thiện cơ chế, chính sách để đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của các cơ sở giáo dục và đào tạo. “Gắn kết chặt chẽ giáo dục và đào tạo với nghiên cứu, triển khai, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ mới; hình thành các trung tâm nghiên cứu xuất sắc, các nhóm đổi mới sáng tạo mạnh”. Thực hiện đào tạo theo nhu cầu của thị trường lao động. Nhấn mạnh, giáo dục và đào tạo thích ứng với Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế, do vậy phải đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao. Phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành; chú trọng đội ngũ nhân lực kỹ thuật, nhân lực số, nhân lực quản trị công nghệ, nhân lực quản lý, quản trị doanh nghiệp; nhân lực quản lý xã hội và tổ chức cuộc sống, chăm sóc con người. Trước đây chỉ đề cập: “chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, phát huy nhân tài; đào tạo nhân lực cho phát triển kinh tế tri thức”, điểm mới lần này nhấn mạnh đổi mới chế độ tuyển dụng, sử dụng, trọng dụng nhân tài trong quản lý, quản trị nhà nước, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đặc biệt, chú ý phát hiện, bồi dưỡng, đãi ngộ, thu hút nhân tài cho phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt; bảo đảm thống nhất với chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động, nhất là ở nông thôn; giảm tỉ lệ lao động khu vực phi chính thức. Hình thành đội ngũ lao động lành nghề, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và sử dụng lao động

Theo số liệu của Cục Việc làm (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội), có hơn 1,06 triệu người trong độ tuổi lao động không có hoặc thiếu việc làm, không tham gia lao động, trong khi các doanh nghiệp vẫn tuyển không được người với hơn 836.000 việc làm lao động phổ thông cần tuyển.

Thông tư số 05/2022/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định về liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp: “Đơn vị phối hợp liên kết đào tạo là cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có nhu cầu liên kết đào tạo, tham gia hoạt động đào tạo với vai trò phối hợp với đơn vị chủ trì liên kết đào tạo trong quản lý đào tạo, tham gia giảng dạy lý thuyết, thực hành và đảm bảo các điều kiện thực hiện liên kết đào tạo hoặc chỉ đảm bảo các điều kiện thực hiện liên kết đào tạo”. Việc gắn kết giữa doanh nghiệp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học là việc cần thiết và cấp bách của cả Nhà trường và doanh nghiệp để đáp ứng được nhu cầu phát triển của nhà trường và doanh nghiệp. Vấn đề này không chỉ là hợp tác thông thường mà còn quyết định đến sự phát triển và khẳng định thương hiệu của các trường cao đẳng và các doanh nghiệp.

Hình thức liên kết doanh nghiệp

Hoạt động liên kết doanh nghiệp trong đào tạo ở các cơ sở giáo dục hiện nay theo 02 hình thức cơ bản sau:

Một là, liên kết phối hợp đào tạo: Đơn vị phối hợp liên kết đào tạo trực tiếp tham gia giảng dạy, phối hợp quản lý quá trình đào tạo và đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị để thực hiện liên kết đào tạo hoặc chỉ tham gia vào hoạt động giảng dạy trong chương trình liên kết đào tạo;

Hai là, liên kết đặt lớp đào tạo: Đơn vị phối hợp liên kết đào tạo không tham gia giảng dạy, chỉ phối hợp quản lý và đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị để thực hiện liên kết đào tạo.

2.2 Sự cần thiết của việc liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp

2.2.1 Về phía nhà Trường

Nhà trường có môi trường thực tiễn để điều chỉnh các chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu thực tiễn, tạo sự phong phú trong chương trình giảng dạy nâng cao lợi ích của người học.

Nâng cao uy tín thương hiệu của nhà trường đối với người học và nhà tuyển dụng

Có cơ sở vật chất để sinh viên học nghề từ thực tế môi trường doanh nghiệp.

Xây dựng và điều chỉnh chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu thực tế Doanh nghiệp. Trong hoạt động liên kết, Doanh nghiệp tham gia gợi ý hoặc góp ý xây dựng chương trình đào tạo.

Đào tạo và cung cấp nguồn lao động có chất lượng đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp tránh hiện tượng đào tạo lại như hiện nay.

2.2.2 Về phía doanh nghiệp

Có nhiều cơ hội tuyển dụng được nguồn lao động chất lượng cao, phù hợp có kỹ năng, tác phong công nghiệp, đáp ứng được những kỹ thuật an toàn trong quá trình làm việc.

Tiết kiệm nguồn chi phí đào tạo lại nguồn lao động chưa có kỹ năng công việc.

Có nguồn lao động có tay nghề, có trình độ chuyên môn, có trải nghiệm trong quá trình tham gia thực tập, kiến tập.

2.2.3 Về phía sinh viên

Sinh viên có cơ hội tích lũy kinh nghiệm từ khi còn tham gia học tập tại trường thông qua các chương trình đào tạo liên kết, đào tạo song hành.

Có cơ hội có nguồn thu nhập khi tham gia kiến tập, thực tập tại doanh nghiệp.

Sinh viên có cơ hội áp dụng những kiến thức nghề nghiệp đang học tập tại trường vào môi trường doanh nghiệp. Từ đó, sinh viên hoàn thiện dần những kiến thức nghề nghiệp và có những điều chỉnh về phương pháp học tập phù hợp.

Trong quá trình tham gia các chương trình đào tạo liên kết, chương trình đào tạo, sinh viên có thể nhận được những suất học bổng từ doanh nghiệp.

Sinh viên hoàn toàn có thể trở thành nhân viên chính thức sau khi hoàn thành thời gian thực tập hoặc có cơ hội trở thành những du học sinh từ các dự án liên kết với doanh nghiệp nước ngoài.

2.3 Thực trạng liên kết doanh nghiệp trong đào tạo hiện nay

2.3.1 Thực trạng chung

Sự liên kết chưa chặt chẽ, còn mang tính đối phó, chắp vá giữa doanh nghiệp và cơ sở đào tạo đại học đang trở thành lực cản các trường trong lộ trình nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời góp phần làm khó khăn thêm cho các doanh nghiệp trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh hiện nay (Trịnh Thị Hoa Mai, 2008).

Theo một Báo cáo khảo sát vào tháng 6/2021 của Vụ Giáo dục đại học – Bộ Giáo dục và Đào tạo cho thấy:

Trong số 135 cơ sở giáo dục đại học có báo cáo gửi về (chiếm khoảng 50% số các cơ sở giáo dục đại học hiện có) thì 40,7% cơ sở đào tạo có hoạt động hợp tác với doanh nghiệp cả trong lĩnh vực công nghệ thông tin và các lĩnh vực khác (55/135 cơ sở đào tạo); 44,4% chỉ có hợp tác trong các lĩnh vực khác (66/135); 8,1% chỉ có hợp tác trong lĩnh vực công nghệ thông tin (11/135); 6,7% không có hoạt động hợp tác nào với doanh nghiệp (9/135 cơ sở đào tạo).

Tổng số doanh nghiệp có hợp tác với 135 cơ sở giáo dục đại học được khảo sát là 6.126 doanh nghiệp, đạt tỷ lệ trung bình là 60 doanh nghiệp/cơ sở đào tạo.

Việc các doanh nghiệp tham gia góp ý cho chương trình đào tạo, tham gia giảng dạy đưa ra tiêu chí đánh giá chuẩn đầu ra cho sinh viên là việc hết sức cần thiết để có thể đào tạo ra những nhân lực đáp ứng được những đòi hỏi của thị trường lao động nhưng doanh nghiệp chưa thực sự quan tâm đến vai trò của mình đối với quá trình đào tạo nhân lực, chủ yếu dừng lại ở mức độ 30%, tập trung chủ yếu vào việc chia sẻ kinh nghiệm và đào tạo kỹ năng cho sinh viên, đánh giá đầu ra và xây dựng chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo; tương tự, số lượng thỉnh giảng từ các doanh nghiệp đạt tỷ lệ dưới 30%.

Không nhiều cơ sở giáo dục đại học có hợp tác trong nghiên cứu khoa học: hầu hết mỗi liên kết nhà trường và doanh nghiệp đều xuất phát từ nhu cầu trước mắt, kế hoạch ngắn hạn của doanh nghiệp chứ không phải là từ chiến lược dài hạn (78% so với 22%); mức độ hợp tác chủ yếu là ở "sự hiểu biết phát triển ban

đầu" (214 trong tổng số 493 trường đại học mà các doanh nghiệp ghi là "có sự hợp tác với..."), hoặc "hợp tác ngắn hạn" (174 trong tổng số 493); chỉ có 58 và 47 trường đại học đang lần lượt được coi là "đối tác lâu dài" và "đối tác chiến lược" của các doanh nghiệp.

2.3.2 Thực trạng liên kết doanh nghiệp trong đào tạo tại trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Tp. Hồ Chí Minh

Liên kết và hợp tác đào tạo

Hằng năm Nhà trường xem xét và chủ động điều chỉnh tiến độ đào tạo, đưa 100% SV đi thực tập tốt nghiệp theo tiến độ của khoá học và theo yêu cầu của doanh nghiệp. Trường phối hợp với doanh nghiệp tổ chức hội thảo, tham quan thực tế tại doanh nghiệp cho giảng viên, SV nhằm tăng cường hoạt động giao lưu, giảng viên và SV được tiếp xúc với thiết bị công nghệ mới để phát triển kỹ năng nghề nghiệp. Sau mỗi đợt thực tập, ý kiến phản hồi của các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp là kênh thông tin quan trọng để Nhà trường đổi mới mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu của các nhà sử dụng lao động và hoàn thiện chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra của từng ngành nghề. Trong hoạt động liên kết và hợp tác đào tạo với Doanh nghiệp của trường Cao đẳng Lý Tự trọng Tp. Hồ Chí Minh, có những hình thức có bản như:

Một là, Hợp tác trong xây dựng chương trình đào tạo linh hoạt: Các khoa nghề tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM vẫn tổ chức rà soát và biên soạn lại chương trình đào tạo theo quy định trong Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, *(từ năm học 2024 – 2025, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên toàn quốc áp dụng nội dung này theo Thông tư số 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, quy định về quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng)*, thành phần các Hội đồng biên soạn và Hội đồng thẩm định chương trình luôn luôn có đại diện doanh nghiệp tham gia. Với số chương trình đào tạo đã ban hành áp dụng từ năm 2023 là 164 chương trình *(trong đó trình độ cao đẳng 101 chương trình và trình độ trung cấp 63 chương trình)*, thuộc 49 ngành nghề đang đào tạo, các khoa trực thuộc Trường và chuyên gia đến từ doanh nghiệp đã liên tục rà soát và xây dựng, hoàn thiện các chương trình đào tạo linh hoạt, cập nhật thường xuyên theo nhu cầu thị trường. Thông qua hoạt động này, các khoa cũng tạo mối quan hệ chặt chẽ với các doanh nghiệp để đảm bảo cho sinh viên được tiếp cận với những cơ hội thực tập và việc làm tốt nhất.

Hai là, liên kết đào tạo song hành các doanh nghiệp cấp giấy chứng nhận đào tạo ngắn hạn: Đây là chương trình đào tạo liên kết nhà trường và doanh nghiệp nhằm cung cấp lực lượng lao động có tay nghề cao phù hợp với yêu cầu thực tế của từng nghiệp. Chương trình đào tạo ngắn hạn và cấp chứng chỉ chuyên môn thông qua liên kết giữa trường và doanh nghiệp đang đây là một hình thức đào tạo hiệu quả trong đào tạo liên kết tại Trường, được sự quan tâm của nhiều Doanh nghiệp quan. Một số khóa học Trường đang liên kết Doanh nghiệp thực hiện tổ chức để đào tạo lần đầu và đào tạo lại cho lực lượng lao động đến từ doanh nghiệp như là khóa Tin học, Cơ khí CNC, Điện công nghiệp, sửa chữa Ô tô, kỹ thuật làm bánh, ngành lễ hành...



Hình 1: GV, NV, NLD tham gia hội thi trang trí bánh kem do Công ty Tân Nhất Hương tài trợ (tháng 5/2025)
Nguồn: Fanpage Trường

Ba là, hợp tác nghiên cứu và ứng dụng: Mục đích của sự hợp tác của trường với các doanh nghiệp trong nghiên cứu là để mang lại lợi ích thiết thực cho hoạt động đào tạo nghề nghiệp. Trong thời gian qua, các doanh nghiệp và các khoa trực thuộc trường đã tích cực hợp tác, cùng nghiên cứu và phát triển các công nghệ mới, sản phẩm mới, tiến hành nghiên cứu thực hiện các mô hình thiết bị tự làm (*đối với giảng viên*) và các dự án ý tưởng khởi nghiệp (*đối với sinh viên*) chủ yếu là các sản phẩm số hóa.

Bảng 1: Hoạt động hợp tác nghiên cứu và ứng dụng của Giảng viên và sinh viên của Trường

Nội dung	Phạm vi	Đối tượng	Giải thưởng
Hội thi "Mô hình thiết bị tự làm"	Thành phố	Giảng viên	02 giải Nhất, 02 giải Ba, 02 giải Khuyến khích
	Cấp toàn quốc		02 giải Nhất, 02 giải Nhì, 02 giải Khuyến khích
Cuộc thi "Ý tưởng khởi nghiệp học sinh, sinh viên giáo dục nghề nghiệp - Startup Kite"	Cấp toàn quốc	Sinh viên	1 giải Nhất; 2 giải Nhì; 1 giải Ba; 04 giải Khuyến khích, giải đội thi được yêu thích nhất

Nguồn: Tác giả tổng hợp



Hình 2: Sinh viên và GV tham gia hội thi Startup- Kite. Nguồn: Fanpage Trường

Bên cạnh đó các khoa nghệ tích cực trong hoạt động chia sẻ những kiến thức thực tiễn môi trường doanh nghiệp thông qua các diễn đàn và tọa đàm về những kỹ năng viết và chuẩn bị hồ sơ tìm việc, tác phong công nghiệp trong môi trường Doanh nghiệp.



Hình 3: Đại diện Doanh nghiệp tham gia workshop ở một số khoa nghệ, Nguồn: Fanpage Trường

Tổ chức ngày Hội việc làm tại trường, chủ động mời các doanh nghiệp đến trường gặp gỡ, trao đổi trực tiếp với SV để giới thiệu về các ngành nghề đào tạo của trường với các doanh nghiệp, cũng như giúp SV có thể tiếp nhận và trao đổi thông tin cần thiết về điều kiện tuyển dụng của các doanh nghiệp, về cơ hội nghề nghiệp.



Hình 4: Sinh viên khoa Điện Điện Tử tham gia tham quan Doanh nghiệp (4,2025) Nguồn: Fanpage Trường



Hình 5: Sinh viên tham gia các cuộc thi do các khoa nghề của Trường tổ chức, Nguồn: Fanpage Trường

Nhà trường đã thu thập thông tin tuyển dụng của hơn 1.000 doanh nghiệp, là nguồn dữ liệu tư vấn việc làm, các thông tin được cập nhật đầy đủ, chính xác trên website giới thiệu việc làm của trường để cung cấp cho SV được biết, cung cấp thông tin tuyển dụng đến giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập và giảng viên bộ môn để thông tin việc làm cho SV.

Liên kết đào tạo và hợp tác quốc tế

Tiếp tục thực hiện mô hình “Đào tạo kép” của chương trình nâng cao chất lượng GDNN của Thành phố. Mô hình “đào tạo kép” gắn kết Nhà trường với doanh nghiệp nhằm giúp cho SV được học tập, thực tập trên các trang thiết bị, máy móc hiện đại của doanh nghiệp, vừa học vừa làm ra các sản phẩm thực tế. Khi SV hoàn thành chương trình đào tạo có thể làm việc ngay không cần thời gian đào tạo lại.

Nhà trường đã được UBND Thành phố phê duyệt khoản viện trợ phi dự án “Đào tạo kỹ thuật viên xanh trong nền công nghiệp 4.0” với Quyết định số 5558/QĐ-UBND ngày 28/11/2023 và Quyết định số 4785/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 về điều chỉnh, bổ sung khoản viện trợ dự án. Thực hiện chủ trương khuyến khích xã hội hóa GDNN, Nhà trường đã liên hệ và nhận được sự hỗ trợ, hợp tác, tài trợ của nhiều doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước cho công tác đào tạo.

Nhà trường thực hiện liên kết đào tạo với Trường Cao đẳng Thành phố Glasgow, Vương quốc Anh cho 5 ngành: Công nghệ kỹ thuật Cơ khí, Điện công nghiệp, Quản trị mạng máy tính, Lập trình máy tính và Tiếng Anh. Và kết nối với trường Đại học Quốc gia GYEONGSANG, Hàn Quốc. Cơ hội sinh viên tham gia học tại trường được học tập và làm việc với môi trường quốc tế.



Hình 6: Ban Lãnh đạo nhà Trường đón tiếp đoàn đại biểu trường Đại học Quốc gia GYEONGSANG, Hàn Quốc

Thực trạng liên doanh nghiệp tại khoa Lý luận Chính trị

Khoa Lý luận Chính trị được thành lập từ tổ Lý luận Chính trị thuộc Khoa Khoa học cơ bản với 14 giảng viên, với 11 nữ 04 nam trong đó có 01 Tiến sĩ, 12 Thạc sĩ, 01 cử nhân, có 02 tổ bộ môn (Tổ Giáo dục chính trị và Pháp luật), khoa phụ trách giảng dạy lý luận chính trị cho sinh viên trong trường nhằm hình thành cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học, ý thức tổ chức kỷ luật, phẩm chất đạo đức, ý thức chấp hành đường lối chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước. Khoa Lý luận chính trị là khoa tham gia giảng dạy khá đặc thù dẫn đến gặp nhiều khó khăn và hạn chế trong việc tham gia thực tập doanh nghiệp vì liên quan đến vấn đề chuyên môn. Hoạt động liên kết trong chương trình đào tạo với Doanh nghiệp hiện nay về cơ bản chưa hình thành, tuy nhiên hoạt động kết nối doanh nghiệp hoạt động ở hình thức tổ chức diễn đàn, Doanh nghiệp tham gia với vai trò chia sẻ những kiến thức thực tiễn, hay ban giám khảo của các cuộc thi như: bầu lĩnh sinh viên, cuộc thi chào mừng ngày pháp luật Việt Nam 9/11. Hoặc những hoạt động trải nghiệm cũng cố niềm tin, ý thức trách nhiệm của thế hệ trẻ thông qua những hoạt động về nguồn tại Rừng Sác – Cần Giờ, Trung ương cục Miền Nam – Tây Ninh (cũ), Địa đạo Củ Chi, Đền Bến Dược, tham quan bảo tàng di Tích Chiến Tranh....

2.4. Giải pháp:

2.4.1 Về phía nhà trường

Phát triển mối quan hệ mật thiết với các doanh nghiệp, các đơn vị sản xuất kinh doanh để đẩy mạnh công tác thực tập, thực hành tại doanh nghiệp của GV và SV, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học ứng dụng trong sản xuất. Xây dựng những dự án về chuyên môn hoặc những dự án truyền thông về hoạt động văn hóa doanh nghiệp để các bạn sinh viên có cơ hội thử sức với nhiều vai trò khác nhau, rèn luyện tư duy và kỹ năng một cách toàn diện. Doanh nghiệp sẽ thiết kế những dự án riêng phù hợp với năng lực của sinh viên để các bạn được tham gia trọn vẹn quá trình và tự tin sáng tạo ý tưởng

Sử dụng hiệu quả các khoản tài trợ và học bổng của doanh nghiệp để giúp đỡ SV vượt khó học tập.

Hoàn thiện cơ chế quản lý trong hoạt động liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp hướng đến bảo vệ lợi ích của sinh viên khi tham gia học tập, tham quan thực tế, kiến tập và thực tập Doanh nghiệp

Xây dựng quy định thi đua khen thưởng phù hợp kịp thời đối với sinh viên, giảng viên, người lao động của nhà trường trong hoạt động kết nối với doanh nghiệp nhằm tạo động lực khuyến khích.

Tăng dần số lượng và chất lượng các hoạt động đào tạo song hành, đào tạo kép giữa Nhà trường và doanh nghiệp.

Tổ chức các Hội thảo cấp khoa, cấp trường có sự tham gia của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp tham gia ngày càng sâu rộng vào hoạt động biên soạn chuẩn đầu ra, phát triển chương trình đào tạo và đánh giá kết quả học tập của SV.

Hoàn thiện các tiêu chí hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp, hướng đến chọn lọc những doanh nghiệp đủ quy mô và chất lượng trong hoạt động liên kết,

Thực hiện chọn lọc trong kết nối doanh nghiệp hướng đến mục tiêu phù hợp với ngành nghề đào tạo tại trường, tránh sự đại trà chạy theo số lượng.

2.4.2 Về phía khoa và Giảng viên

Thứ nhất, Xây dựng kế hoạch kết nối doanh nghiệp phù hợp với chuyên ngành đào tạo mà giảng viên của khoa tham gia giảng dạy.

Thứ hai, liên hệ doanh nghiệp hoặc cơ quan doanh nghiệp liên quan đến chuyên môn ngành nghề hoặc kỹ năng đào tạo để hình thành hoạt động học tập trải nghiệm kiến thức thực tế.

Thứ ba, Đề xuất kế hoạch đặc thù về hoạt động tập huấn kỹ năng kiến thức thực tiễn từ doanh nghiệp cung cấp những thế giới quan phù hợp với vai trò giảng dạy của giảng viên.

Thứ tư, Tổ chức tham quan thực tế tại các doanh nghiệp sản xuất, làng nghề truyền thống, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nhằm cung cấp thế giới quan cho người học và kiến thức thực tiễn của môi trường làm việc đối với giảng viên.

Thứ năm, giảng viên thiết kế nội dung bài giảng theo hướng liên kết doanh nghiệp từ đó người học có cơ hội được những kiến thức kỹ năng khi còn tham gia học tập tại trường, từ đó, sinh viên có góc nhìn, dần hoàn thiện những kỹ năng nghề nghiệp và tác phong công nghiệp phù hợp yêu cầu của Doanh nghiệp

3. Kết luận

Liên kết doanh nghiệp trong đào tạo là một hình thức đào tạo cung cấp cho xã hội nguồn lao động đáp ứng được tiêu chí của thị trường lao động. Với sự phát triển của khoa học, công nghệ và chuyên đòi hỏi nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao được đào tạo những kỹ năng cơ bản như là kỹ năng chuyên môn, kỹ năng tư duy, kỹ năng thích ứng với sự thay đổi của xã hội, kỹ năng hội nhập quốc tế là một yêu cầu cấp bách với các cơ sở giáo dục đào tạo.

Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Tp. Hồ Chí Minh thực hiện hình thức đào tạo liên kết doanh nghiệp đã cung cấp cho các doanh nghiệp nguồn nhân lực chất lượng cao phù hợp với xu thế của thị trường lao động. Tuy nhiên, trong quá trình đào tạo liên kết với Doanh nghiệp còn gặp một số hạn chế như là chương trình đào tạo chưa cập nhật kịp so với sự thay đổi của khoa học công nghệ hiện nay.

Tóm lại, thực hiện đào tạo liên kết với doanh nghiệp là một xu hướng chung của các cơ sở giáo dục vào đào tạo. Điều này sẽ giúp nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên và xây dựng chương trình đào tạo chuẩn hóa theo yêu cầu phát triển của đất nước trong kỷ nguyên vươn mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Công văn Số: 589/TCGDNN-ĐTCQ Về việc đẩy mạnh hợp tác giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp

Dự thảo Báo cáo chính trị Đại hội Đảng viên Đảng bộ trường Cao đẳng Lý Tự Trọng lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030

Đoàn Thị Yến, Nguyễn Thị Hồng, & Đoàn Tố Như, 2023, Lao động kỹ năng số ngành bán lẻ trong bối cảnh chuyển đổi số: Một số khuyến nghị, Bản B của Tạp Chí Khoa học Và Công nghệ Việt Nam, 65(4), 36-40.

Nguyễn Kim Dung, & Phạm Thị Hương, 2017, Thực trạng hợp tác của các trường đại học với doanh nghiệp ở Việt Nam, Tạp Chí Khoa Học ĐHQG TP HCM, 14(4), 29-41.

Trịnh Thị Hoa Mai, 2008, Liên kết đào tạo giữa nhà trường đại học với doanh nghiệp ở Việt Nam, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Kinh tế - Luật, 24(4), 30-34.

Fanpage trường: <http://lttc.edu.vn>, <https://www.facebook.com/groups/GTVL.LTT/>

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I, NXB CTQGST, H. 2021, tr 138

CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC MÔN GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP HIỆN NAY

DIGITAL TRANSFORMATION IN INNOVATING TEACHING AND LEARNING METHODS OF POLITICAL EDUCATION AT CURRENT VOCATIONAL EDUCATION INSTITUTIONS

Nguyễn Thị Dinh

Giảng viên Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM

Email: nguyenthidinh@lttc.edu.vn

TỪ KHÓA:

Chuyển đổi số,
Phương pháp dạy,
Phương pháp học,
Đào tạo nghề.

KEY WORDS:

Digital transformation,
Teaching method,
Methodology,
Vocational education.

TÓM TẮT:

Bối cảnh: Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số trở thành xu thế tất yếu, đòi hỏi đổi mới phương pháp dạy và học môn Giáo dục Chính trị tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để nâng cao hiệu quả giáo dục.

Kết quả: Kết quả cho thấy chuyển đổi số góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính linh hoạt trong dạy và học môn Giáo dục Chính trị tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hiện nay.

Bàn luận: Việc chuyển đổi số trong giảng dạy môn Giáo dục Chính trị giúp nâng cao hiệu quả tiếp thu, tăng tính tương tác và cá nhân hóa học tập. Tuy nhiên, cần đảm bảo hạ tầng, kỹ năng số và nội dung phù hợp với thực tiễn đào tạo nghề.

ABSTRACT:

Context: In the context of the 4.0 industrial revolution, digital transformation has become an inevitable trend, requiring innovation in teaching and learning methods of Political Education at vocational training institutions to improve educational effectiveness.

Result: The results show that digital transformation contributes to improving the quality, efficiency and flexibility in teaching and learning Political Education at vocational education institutions today.

Discussion: Digital transformation in teaching Political Education helps improve learning efficiency, increase interactivity and personalize learning. However, it is necessary to ensure infrastructure, digital skills and content that are suitable for vocational training practices.

1. Mở đầu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0) đang tác động mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, chuyển đổi số đã và đang trở thành xu thế tất yếu, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo. Chuyển đổi số trong giáo dục không chỉ đơn thuần là ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy, mà còn là quá trình tái cấu trúc toàn bộ hoạt động dạy học theo hướng linh hoạt, cá nhân hóa và hiệu quả hơn. Đặc biệt, trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nơi tập trung đào tạo lực lượng lao động trực tiếp cho thị trường, việc ứng dụng chuyển đổi số càng có ý nghĩa quan trọng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của doanh nghiệp và xã hội.

Trong hệ thống chương trình giáo dục nghề nghiệp, các môn học lý luận chính trị có vai trò đặc biệt quan trọng. Đây là những môn học nền tảng, góp phần hình thành thế giới quan, nhân sinh quan, đạo đức nghề nghiệp và ý thức công dân cho người học. Tuy nhiên, việc giảng dạy các môn Giáo dục Chính trị trong nhiều cơ sở giáo dục nghề nghiệp hiện nay vẫn còn gặp nhiều khó khăn: nội dung mang tính trừu tượng, phương pháp truyền đạt còn nặng tính truyền thống, ít tương tác; sinh viên thường thiếu hứng thú tiếp thu; giảng viên nhiều nơi chưa được trang bị kỹ năng công nghệ phù hợp. Điều đó dẫn đến hiệu quả giảng dạy - học tập chưa cao, ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục toàn diện.

Trong bối cảnh đó, việc gắn kết giữa chuyển đổi số với đổi mới phương pháp dạy và học môn Giáo dục Chính trị tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp là một đòi hỏi mang tính cấp thiết và có ý nghĩa chiến lược. Việc ứng dụng công nghệ số, xây dựng bài giảng đa phương tiện, sử dụng các nền tảng học tập trực tuyến, tổ chức hoạt động tương tác qua môi trường số... sẽ góp phần làm cho việc tiếp cận các vấn đề lý luận trở nên sinh động, gần gũi, dễ hiểu và hấp dẫn hơn đối với sinh viên. Đồng thời, đây cũng là một trong những bước đi cụ thể góp phần thực hiện thắng lợi các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Từ những lý do trên, việc lựa chọn đề tài: “Chuyển đổi số trong đổi mới phương pháp dạy và học môn Giáo dục Chính trị ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hiện nay” có ý nghĩa cả về lý luận lẫn thực tiễn. Đề tài không chỉ góp phần làm rõ hơn cơ sở khoa học của vấn đề, mà còn hướng tới đề xuất các giải pháp thiết thực nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy môn Giáo dục Chính trị, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục nghề nghiệp trong thời đại số.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Khái niệm Chuyển đổi số và đổi mới phương pháp dạy học

Chuyển đổi số trong giáo dục là quá trình ứng dụng công nghệ số nhằm thay đổi căn bản cách thức tổ chức, quản lý và thực hiện các hoạt động dạy - học, kiểm tra - đánh giá, quản trị nhà trường và phát triển năng lực người học. Chuyển đổi số không chỉ dừng lại ở việc sử dụng thiết bị công nghệ mà còn bao gồm việc tái cấu trúc quy trình, nội dung và phương pháp để đạt hiệu quả cao hơn trong giáo dục và đào tạo.

Đổi mới phương pháp dạy học là việc cải tiến, cập nhật và áp dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và năng lực tự học của người học. Trong bối cảnh chuyển đổi số, việc đổi mới phương pháp không còn giới hạn ở thay đổi kỹ thuật giảng dạy mà còn đòi hỏi tích hợp công nghệ, sử dụng các nền tảng số như hệ thống quản lý học tập (LMS), lớp học ảo, bài giảng điện tử, thực tế ảo (VR), video tương tác, ...

Như vậy, chuyển đổi số và đổi mới phương pháp dạy học là hai quá trình có mối quan hệ chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, đặc biệt trong việc hình thành và phát triển năng lực toàn diện cho người học trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0.

2.1.2. Đặc điểm môn Giáo dục Chính trị trong khung chương trình giáo dục nghề nghiệp

Môn Giáo dục chính trị trong chương trình giáo dục nghề nghiệp bao gồm các học phần như: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, và các nội dung giáo dục công dân. Mục tiêu là giúp người học hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học và bản lĩnh chính trị vững vàng, từ đó vận dụng vào thực tiễn nghề nghiệp và cuộc sống.

Tuy nhiên, môn học này thường gặp khó khăn do nội dung mang tính trừu tượng, khái niệm khô khan, khó gắn kết trực tiếp với thực tiễn nghề nghiệp của sinh viên. Đồng thời, phương pháp truyền thống - chủ yếu là thuyết giảng một chiều - dễ gây nhàm chán, thiếu sự tương tác và chủ động từ phía người học.

Do đó, yêu cầu đặt ra là phải đổi mới phương pháp giảng dạy môn Giáo dục Chính trị theo hướng tích cực hóa vai trò người học, tăng cường ứng dụng công nghệ và gắn kết kiến thức lý luận với thực tiễn nghề nghiệp để môn học trở nên sinh động, hấp dẫn và thiết thực hơn.

2.1.3. Mối quan hệ giữa Chuyển đổi số và đổi mới phương pháp dạy học môn Giáo dục Chính trị

Chuyển đổi số là điều kiện và phương tiện để thúc đẩy đổi mới phương pháp dạy học môn Giáo dục Chính trị. Việc ứng dụng công nghệ số như học liệu số hóa, các nền tảng LMS, lớp học trực tuyến, phần mềm tương tác hay công cụ AI có thể giúp giảng viên triển khai các phương pháp dạy học tích cực như: dạy học dự án, dạy học qua tình huống, thảo luận nhóm trực tuyến, học tập cá nhân hóa...

Ngược lại, đổi mới phương pháp là động lực để lựa chọn, khai thác và sử dụng hiệu quả các công cụ chuyển đổi số. Việc thay đổi cách thức tổ chức hoạt động dạy học sẽ mở ra nhu cầu và cơ hội ứng dụng công nghệ phù hợp, làm cho quá trình chuyển đổi số trong giảng dạy môn Giáo dục chính trị trở nên hiệu quả và thực chất.

2.2. Thực trạng Chuyển đổi số trong dạy - học môn Giáo dục Chính trị tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

2.2.1. Khung pháp lý và chủ trương của Đảng, Nhà nước

Trong những năm gần đây, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách quan trọng nhằm thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo, trong đó có hoạt động dạy - học môn Giáo dục Chính trị tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Nghị quyết số 52-NQ/TW năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm. Tiếp theo đó, Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã tạo nền tảng pháp lý vững chắc cho các hoạt động đổi mới phương pháp giảng dạy nói chung và môn Giáo dục Chính trị nói riêng.

Các văn bản hướng dẫn từ Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cũng khuyến khích mạnh mẽ việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, phát triển tài liệu số, tổ chức lớp học trực tuyến, xây dựng bài giảng e-learning nhằm tăng cường tính linh hoạt và hiệu quả trong đào tạo.

2.2.2. Hạ tầng kỹ thuật và trang thiết bị giáo dục thông minh

Hạ tầng kỹ thuật đóng vai trò then chốt trong việc triển khai chuyển đổi số. Hiện nay, phần lớn các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã từng bước đầu tư vào hạ tầng công nghệ thông tin, đặc biệt là hệ thống mạng Internet, phòng học thông minh, nền tảng học tập trực tuyến (LMS), thư viện số...

Tuy nhiên, mức độ đầu tư không đồng đều giữa các cơ sở, nhất là giữa các thành phố lớn và khu vực nông thôn hoặc các tỉnh miền núi, vùng sâu vùng xa. Một số trường còn gặp khó khăn về đường truyền, thiếu máy tính phục vụ học tập, chưa có trung tâm điều hành chuyển đổi số hoặc bộ phận chuyên trách về CNTT.

Việc đồng bộ hóa hệ thống, tích hợp dữ liệu, xây dựng kho học liệu mở cũng còn ở mức sơ khai. Điều này phần nào ảnh hưởng đến chất lượng và tiến độ triển khai chuyển đổi số trong dạy - học môn Giáo dục Chính trị.

Trang thiết bị giáo dục thông minh như bảng tương tác, máy chiếu đa năng, phần mềm mô phỏng, phòng học trực tuyến, studio ghi hình bài giảng... đã được một số trường nghề trang bị và đưa vào khai thác trong giảng dạy môn Giáo dục Chính trị. Các công cụ này hỗ trợ giảng viên trình bày sinh động nội dung, tăng cường tương tác với người học, tích hợp được các hình ảnh, video, tài liệu thực tiễn để minh họa cho các khái niệm trừu tượng trong môn học Giáo dục Chính trị.

Tuy nhiên, việc sử dụng các công nghệ này còn mang tính tự phát, thiếu chiến lược tổng thể. Nhiều thiết bị được trang bị nhưng chưa phát huy tối đa hiệu quả do giảng viên chưa thành thạo kỹ năng sử dụng hoặc thiếu tài liệu số hóa phù hợp. Một số thiết bị lỗi thời, hư hỏng nhưng không được bảo trì hoặc thay thế kịp thời.

Ngoài ra, nhiều phần mềm phục vụ giảng dạy môn Giáo dục Chính trị hiện chưa được Việt hóa hoàn chỉnh hoặc không tương thích với nội dung chương trình đào tạo hiện hành.

2.2.3. Năng lực của giảng viên và học viên

Một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự thành công của chuyển đổi số là năng lực số của giảng viên và sinh viên.

Với giảng viên, phần lớn đã ý thức được vai trò của chuyển đổi số và tích cực học hỏi, ứng dụng công nghệ trong giảng dạy, tuy nhiên, trình độ không đồng đều. Một số giảng viên còn lúng túng trong việc sử dụng các công cụ thiết kế bài giảng số, chưa quen với việc quản lý lớp học trực tuyến, đánh giá qua hệ thống học tập số.

Về phía sinh viên, đặc biệt là tại các trường nghề ở vùng sâu vùng xa, nhiều em còn hạn chế về kỹ năng sử dụng máy tính, chưa có thói quen học tập trực tuyến, hoặc thiếu thiết bị học tập cá nhân như máy tính xách tay, máy tính bảng, điện thoại thông minh. Ngoài ra, sự thiếu tự chủ và tính kỷ luật khi học online cũng là thách thức lớn.

2.2.4. Những thành tựu, tồn tại và hạn chế

Thành tựu:

- Nhiều cơ sở đào tạo nghề đã bước đầu xây dựng được hệ thống bài giảng Giáo dục Chính trị dưới dạng số hóa như bài giảng video, bài giảng e-learning, tài liệu số kèm tương tác.

- Một số mô hình lớp học kết hợp (blended learning) đã được triển khai hiệu quả, giúp nâng cao chất lượng dạy và học.
- Các hội thảo, tập huấn, chuyên đề về ứng dụng CNTT trong giảng dạy Giáo dục Chính trị được tổ chức thường xuyên, góp phần nâng cao nhận thức và kỹ năng cho giảng viên.

Tồn tại và hạn chế:

- Hạ tầng công nghệ và trang thiết bị chưa đồng bộ, nhiều nơi vẫn còn thiếu thốn, ảnh hưởng đến khả năng triển khai học tập số.
- Tài liệu học tập số hóa còn nghèo nàn, thiếu tính hệ thống, chưa cập nhật theo yêu cầu thực tiễn.
- Giảng viên và học viên đều gặp khó khăn trong việc tiếp cận và làm chủ công nghệ mới; thiếu chương trình đào tạo chuyên sâu, bài bản.
- Thiếu cơ chế đánh giá hiệu quả chuyển đổi số trong dạy học Giáo dục Chính trị, dẫn đến tình trạng hình thức, phong trào.
- Việc chia sẻ tài nguyên số giữa các cơ sở còn hạn chế, thiếu liên thông.

2.3. Giải pháp đẩy mạnh chuyển đổi số trong đổi mới phương pháp dạy và học Giáo dục Chính trị

Chuyển đổi số trong giáo dục nói chung và trong giảng dạy môn Giáo dục Chính trị nói riêng là xu thế tất yếu của thời đại, đặc biệt trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang phát triển mạnh mẽ. Môn Giáo dục Chính trị có vai trò then chốt trong việc hình thành tư tưởng, đạo đức, lối sống, bản lĩnh chính trị cho sinh viên tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Để nâng cao hiệu quả giảng dạy, việc đổi mới phương pháp dạy và học thông qua chuyển đổi số là yêu cầu cấp thiết. Dưới đây là một số giải pháp trọng tâm nhằm đẩy mạnh quá trình này:

2.3.1. Hoàn thiện thể chế, chính sách và chiến lược chuyển đổi số trong Giáo dục Chính trị

Một trong những yếu tố quyết định sự thành công của chuyển đổi số là sự định hướng đúng đắn về mặt chính sách. Do đó, cần:

- **Xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý** liên quan đến chuyển đổi số trong giáo dục, cụ thể hóa chủ trương của Đảng, Nhà nước về đổi mới giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực số.
- **Ban hành các hướng dẫn chuyên môn, các tiêu chuẩn kỹ thuật** áp dụng trong xây dựng tài liệu số, phần mềm giảng dạy Giáo dục Chính trị.
- **Thiết lập lộ trình Chuyển đổi số cụ thể**, gắn với điều kiện thực tiễn của từng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
- **Khuyến khích và tạo điều kiện** cho các cơ sở giáo dục được tự chủ trong việc ứng dụng công nghệ và phát triển các mô hình giảng dạy mới phù hợp với môn Giáo dục Chính trị.

2.3.2. Tăng cường đầu tư hạ tầng công nghệ và trang thiết bị dạy học số

Chuyển đổi số chỉ hiệu quả khi có nền tảng công nghệ đủ mạnh. Vì vậy, các cơ sở đào tạo cần:

- **Đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ**, bao gồm: máy chủ, đường truyền internet tốc độ cao, máy tính cho giảng viên và sinh viên, hệ thống phòng học thông minh, thiết bị ghi hình - phát sóng trực tuyến.
- **Phát triển nền tảng dạy học trực tuyến (LMS)** ổn định, dễ sử dụng, tích hợp đa phương tiện và công cụ tương tác giữa người học – người dạy.
- **Ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data)** để cá nhân hóa việc học lý luận chính trị theo nhu cầu, năng lực và tiến độ của từng sinh viên.
- **Xây dựng hệ thống bài giảng số** (video, podcast, bài giảng tương tác, infographic) cho các nội dung cốt lõi của môn học như: chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam...
- **Tạo lập kho tài nguyên số mở**, chia sẻ giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhằm tiết kiệm chi phí, nâng cao chất lượng.
- **Ứng dụng công nghệ thực tế ảo (VR/AR)** để tái hiện các sự kiện lịch sử, tư tưởng chính trị quan trọng một cách sinh động, trực quan, giúp người học dễ tiếp cận và ghi nhớ.
- **Liên kết với các cơ quan lý luận trung ương, các viện nghiên cứu** để cập nhật kịp thời các tài liệu chuẩn, các vấn đề chính trị – xã hội mới, từ đó nâng cao tính thời sự và tính thực tiễn trong nội dung giảng dạy.

2.3.3. Nâng cao năng lực số cho đội ngũ giảng viên và học viên

Chuyển đổi số sẽ không hiệu quả nếu giảng viên và học viên thiếu kỹ năng sử dụng công nghệ. Do đó, cần:

- **Tổ chức bồi dưỡng kỹ năng số cho giảng viên**, bao gồm: kỹ năng thiết kế bài giảng số, vận hành lớp học trực tuyến, sử dụng các công cụ đánh giá trực tuyến, ứng dụng CNTT vào dạy học tích cực.
- **Khuyến khích giảng viên đổi mới phương pháp**, từ phương pháp truyền thống sang mô hình học tập tích cực như: lớp học đảo ngược, thảo luận nhóm trực tuyến, dự án học tập có yếu tố công nghệ...
- **Trang bị kiến thức kỹ năng sử dụng công nghệ** cho người học từ đầu khóa, đặc biệt là kỹ năng tra cứu tài liệu số, học trực tuyến, quản lý thời gian và tự học.
- **Khuyến khích tinh thần tự học, học tập suốt đời**, tạo động lực học lý luận chính trị không chỉ vì điểm số mà vì nhu cầu phát triển bản thân, xây dựng lý tưởng sống và nghề nghiệp.

2.3.4. Tăng cường hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm và mô hình Chuyển đổi số hiệu quả

Để tránh tình trạng phát triển thiếu đồng bộ, các cơ sở giáo dục cần:

- **Thiết lập các mạng lưới hợp tác giữa các trường**, chia sẻ học liệu, kinh nghiệm triển khai các mô hình chuyển đổi số trong giảng dạy lý luận chính trị.
- **Hợp tác với doanh nghiệp công nghệ**, đặc biệt các công ty chuyên cung cấp giải pháp giáo dục số để xây dựng nền tảng dạy học hiện đại, chuyên biệt cho môn học.
- **Tham gia các hội thảo, tọa đàm chuyên đề**, các lớp tập huấn do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp tổ chức để cập nhật kiến thức và xu hướng mới.
- **Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ hiệu quả chuyển đổi số**, từ đó điều chỉnh kịp thời phương pháp triển khai, tránh hình thức, lãng phí nguồn lực.

2.3.5. Đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá theo hướng số hóa

Song song với việc đổi mới phương pháp dạy học, việc kiểm tra, đánh giá cũng cần có sự thay đổi phù hợp:

- **Ứng dụng các phần mềm đánh giá trực tuyến**, hệ thống trắc nghiệm, thi vấn đáp qua video để kiểm tra kiến thức và kỹ năng tư duy chính trị của người học.
- **Chuyển từ đánh giá ghi nhớ sang đánh giá năng lực**, như: phân tích, lập luận, vận dụng kiến thức lý luận vào thực tiễn cuộc sống và công việc.
- **Tăng cường hình thức đánh giá thông qua sản phẩm số**, bài luận trình bày qua infographic, video thuyết trình, dự án nghiên cứu nhỏ... để phát huy sự sáng tạo và tư duy phản biện của người học.

2.4. Một số mô hình và kinh nghiệm điển hình trong đổi mới phương pháp dạy và học Giáo dục Chính trị

Trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ hiện nay, việc đổi mới phương pháp dạy và học môn Giáo dục Chính trị tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã và đang diễn ra theo nhiều mô hình tiên tiến, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Dưới đây là một số mô hình và kinh nghiệm điển hình đã được triển khai thành công trong thực tiễn.

2.4.1. Mô hình E-learning và hệ thống quản lý học tập LMS

E-learning là hình thức dạy học sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông để cung cấp các bài giảng qua mạng Internet. Học viên có thể học mọi lúc, mọi nơi thông qua các thiết bị có kết nối mạng. Trong khi đó, **LMS (Learning Management System)** là hệ thống quản lý học tập, giúp giảng viên tổ chức, quản lý, đánh giá quá trình học tập của người học một cách hiệu quả.

Việc áp dụng mô hình E-learning và LMS trong giảng dạy môn Giáo dục Chính trị đã giúp khắc phục nhiều hạn chế của hình thức truyền thống. Cụ thể:

- Giảng viên có thể xây dựng kho học liệu điện tử phong phú, bao gồm bài giảng, tài liệu tham khảo, bài tập, video minh họa,...
- Người học chủ động về thời gian, tiến độ học tập, có thể học đi học lại để củng cố kiến thức.
- LMS hỗ trợ đánh giá liên tục, thu thập dữ liệu học tập của sinh viên nhằm cải tiến nội dung và phương pháp giảng dạy.

2.4.2. Giảng dạy kết hợp (Blended Learning)

Blended Learning là phương pháp giảng dạy kết hợp giữa học trực tuyến (online) và học trực tiếp (offline). Mô hình này tận dụng điểm mạnh của cả hai hình thức để tăng cường sự tương tác, tính linh hoạt và hiệu quả học tập.

Trong dạy học môn Giáo dục Chính trị, giảng viên có thể:

- Dạy lý thuyết thông qua video, tài liệu điện tử, bài giảng số trên nền tảng học tập LMS hoặc Google Meet/Zalo Teams.
- Tổ chức thảo luận nhóm, phân biện, giải quyết tình huống thực tiễn trong các buổi học trực tiếp.
- Kiểm tra, đánh giá bằng hình thức trực tuyến kết hợp với các bài kiểm tra truyền thống để đa dạng hóa hình thức kiểm tra năng lực người học.

2.4.3. Ứng dụng thực tế ảo (VR/AR), video tương tác và mạng xã hội giáo dục

Một xu hướng nổi bật trong đổi mới phương pháp giảng dạy hiện nay là ứng dụng **các công nghệ tương tác hiện đại** như thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR), video tương tác và mạng xã hội giáo dục.

- **Thực tế ảo (VR)** và **thực tế tăng cường (AR)** tạo ra không gian học tập mô phỏng, giúp người học trải nghiệm các sự kiện lịch sử, hiện tượng chính trị, tình huống xã hội một cách trực quan, sinh động. Ví dụ, trong bài học về lịch sử Đảng, sinh viên có thể “tham quan” Bảo tàng Hồ Chí Minh ảo, hoặc “trực tiếp” tham gia vào Hội nghị thành lập Đảng qua VR.
- **Video tương tác** cho phép sinh viên lựa chọn nội dung, trả lời câu hỏi, tham gia tình huống giả lập ngay trong quá trình xem. Điều này kích thích sự chủ động, sáng tạo, đồng thời giúp giảng viên đánh giá quá trình học một cách liên tục.
- **Mạng xã hội giáo dục** (như Edmodo, ClassDojo, Facebook Groups chuyên ngành) tạo môi trường học tập mở, nơi người học có thể chia sẻ bài viết, bình luận, hỏi đáp, kết nối học tập ngoài giờ học chính.

2.4.4 Trường nghề triển khai kỹ thuật số thành công

Trong thời gian qua, nhiều cơ sở đào tạo nghề đã triển khai kỹ thuật số thành công trong giảng dạy Giáo dục Chính trị, mang lại những kết quả tích cực và có thể nhân rộng. Một số ví dụ điển hình:

- **Trường Cao đẳng Cơ điện Hà Nội:** Triển khai lớp học thông minh, sử dụng màn hình tương tác, bài giảng số hóa, ứng dụng dữ liệu lớn để đánh giá mức độ tiếp thu của sinh viên theo thời gian thực.
- **Trường Cao đẳng Nghề Công nghệ cao Hà Nội:** Kết hợp Blended Learning và mạng xã hội giáo dục để kết nối sinh viên với các giảng viên giỏi trong nước và quốc tế, tạo điều kiện trao đổi học thuật và cập nhật kiến thức lý luận gắn với thực tiễn hội nhập.

Các trường này không chỉ đầu tư về mặt kỹ thuật mà còn tổ chức tập huấn kỹ năng số cho giảng viên lý luận chính trị, khuyến khích đổi mới phương pháp, chia sẻ học liệu, xây dựng cộng đồng chuyên môn số nhằm lan tỏa văn hóa chuyển đổi số trong nhà trường.

2.5. Trách nhiệm của các bên tham gia chuyển đổi số trong dạy - học môn Giáo dục Chính trị

2.5.1. Nhà trường, lãnh đạo cơ sở đào tạo: Vai trò chỉ đạo và kiến tạo môi trường số

- **Xây dựng chiến lược chuyển đổi số:** Thiết lập kế hoạch tổng thể phù hợp với mục tiêu phát triển giáo dục nghề nghiệp, trong đó tích hợp nội dung chuyển đổi số vào chương trình đào tạo môn Giáo dục Chính trị.
- **Đầu tư hạ tầng kỹ thuật và nền tảng công nghệ:** Trang bị hệ thống LMS, phần mềm dạy học trực tuyến, phòng học thông minh, tài nguyên số... tạo điều kiện để giảng viên và sinh viên tiếp cận công nghệ một cách thuận tiện.
- **Tạo động lực và môi trường khuyến khích đổi mới:** Khuyến khích sáng kiến, cải tiến phương pháp giảng dạy; tổ chức các cuộc thi, hội thảo, lớp tập huấn nhằm lan tỏa tinh thần đổi mới.
- **Đảm bảo cơ chế đánh giá và giám sát:** Thiết lập quy trình đánh giá hiệu quả của việc áp dụng công nghệ vào giảng dạy môn Giáo dục Chính trị, nhằm kịp thời điều chỉnh chính sách và hỗ trợ giảng viên, sinh viên.

2.5.2. Tăng cường vai trò chủ động của giảng viên và sinh viên trong chuyển đổi số

- **Nâng cao năng lực số:** Giảng viên cần chủ động tự học, bồi dưỡng CNTT và làm chủ các công cụ số như LMS, phần mềm thiết kế bài giảng, công nghệ AR/VR, mạng xã hội giáo dục. Đồng thời, sinh viên cũng phải tích cực tiếp cận nền tảng học tập số như Google Classroom, Moodle, Zoom... và rèn luyện kỹ năng sử dụng thiết bị thông minh, phần mềm hỗ trợ học tập.
- **Đổi mới phương pháp và tư duy học tập:** Giảng viên cần chuyển từ phương pháp truyền thống sang kết hợp trực tiếp – trực tuyến, sử dụng đa phương tiện, video tương tác, mô hình mô phỏng để nâng cao hiệu quả truyền đạt. Song song, sinh viên cần thay đổi tư duy từ thụ động sang chủ động, tự tìm kiếm, phân tích và đánh giá thông tin số, qua đó phát triển tư duy phân biện và năng lực tự học.
- **Tạo lập và chia sẻ tri thức số:** Giảng viên thiết kế học liệu số phù hợp với trình độ nghề, gắn với thực tiễn, đồng thời chia sẻ với đồng nghiệp để xây dựng hệ sinh thái giáo dục mở. Về phía sinh viên, việc tham gia

tương tác, diễn đàn học thuật và các nền tảng học tập số sẽ góp phần làm giàu tri thức, nâng cao hiệu quả học tập.

- **Hướng dẫn, hỗ trợ và đạo đức học tập:** Giảng viên đóng vai trò hướng dẫn, hỗ trợ sinh viên khai thác hiệu quả công nghệ, giải đáp khó khăn và tạo điều kiện cho việc học chủ động. Trong khi đó, sinh viên cần tuân thủ đạo đức học tập số, bảo vệ dữ liệu cá nhân, tôn trọng quyền tác giả và tránh hành vi gian lận học thuật trong môi trường trực tuyến.

2.5.3. Cơ quan quản lý - Vai trò hoạch định, hỗ trợ và giám sát

- **Hoàn thiện khung pháp lý và chính sách:** Ban hành các quy định cụ thể về ứng dụng công nghệ số trong dạy học môn Giáo dục Chính trị; công nhận kết quả học tập số; khuyến khích đổi mới sáng tạo trong dạy học.
- **Đầu tư và hỗ trợ tài chính:** Cung cấp ngân sách, triển khai các chương trình mục tiêu, hỗ trợ đào tạo lại đội ngũ giảng viên về công nghệ số.
- **Giám sát và đánh giá:** Xây dựng các bộ tiêu chí kiểm tra, đánh giá chất lượng chuyển đổi số trong từng cơ sở đào tạo; phát hiện điểm yếu, kiến nghị giải pháp phù hợp.
- **Thúc đẩy hợp tác liên ngành:** Kết nối các trường nghề với doanh nghiệp công nghệ, viện nghiên cứu để ứng dụng sản phẩm số hiện đại vào giảng dạy.

2.5.4. Cộng đồng - doanh nghiệp, gia đình học viên: Đồng hành và hỗ trợ

- **Doanh nghiệp:** Cung cấp công nghệ, giải pháp số phục vụ dạy học; hợp tác phát triển phần mềm giáo dục chuyên biệt; hỗ trợ học liệu thực tế và môi trường học tập thực tiễn cho môn lý luận gắn với nghề nghiệp.
- **Gia đình học viên:** Tạo điều kiện cho học viên có thiết bị học tập (máy tính, mạng Internet); định hướng tư tưởng, đồng hành cùng con em thích nghi với học tập hiện đại.
- **Tổ chức xã hội, địa phương:** Góp phần tuyên truyền về lợi ích của chuyển đổi số; tổ chức các hoạt động học tập cộng đồng; hỗ trợ nhà trường về hạ tầng hoặc quỹ học tập cho học viên có hoàn cảnh khó khăn.

3. Kết luận

Chuyển đổi số là xu thế tất yếu trong giáo dục hiện đại, đặc biệt trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy các môn Giáo dục Chính trị tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Việc áp dụng công nghệ số không chỉ giúp nâng cao hiệu quả truyền đạt tri thức, mà còn thúc đẩy tính chủ động, sáng tạo và tư duy phản biện của người học. Thực tiễn triển khai chuyển đổi số đã cho thấy những lợi ích rõ rệt như tăng khả năng tiếp cận tài liệu học tập, cá nhân hóa quá trình học tập, và tăng cường tính tương tác giữa giảng viên và sinh viên. Tuy nhiên, quá trình này cũng đặt ra nhiều thách thức như hạ tầng công nghệ chưa đồng bộ, năng lực số của giảng viên còn hạn chế và tâm lý ngại thay đổi từ phía người học.

Để đảm bảo hiệu quả và bền vững trong quá trình chuyển đổi số, cần sự phối hợp chặt chẽ giữa các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà trường, giảng viên và sinh viên. Đồng thời, cần xây dựng chiến lược dài hạn, đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng, nâng cao năng lực chuyên môn, và phát triển các mô hình giảng dạy linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với đặc thù của môn Giáo dục Chính trị.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn, V. T., & Trần, H. L. (2020). *Chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp tại Việt Nam: Cơ hội và thách thức*. Tạp chí Khoa học Giáo dục Nghề nghiệp, 4(1), 45–53.
2. Nguyễn, T. M. (2021). *Ứng dụng công nghệ số trong dạy học lý luận chính trị tại các trường cao đẳng nghề*. Tạp chí Lý luận chính trị, (6), 89–95.
3. Phạm, H. T., & Lê, V. Q. (2022). *Enhancing teaching methods in political theory through digital transformation in vocational education in Vietnam*. *Journal of Education and e-Learning Research*, 9(2), 123–130. <https://doi.org/10.20448/journal.509.2022.92.123.130>
4. Nguyen, H. P., & Do, M. L. (2021). *Digital transformation in vocational education and training in the context of Industry 4.0 in Vietnam*. *International Journal of Instruction*, 14(4), 927–942. <https://doi.org/10.29333/iji.2021.14454a>
5. Trần, T. H. (2019). *Một số giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận chính trị*. Tạp chí Giáo dục, 466(2), 10–14.

6. World Bank. (2020). *Vietnam: Digital transformation in education – a strategy for accelerated learning*. Retrieved from <https://documents.worldbank.org/en/publication/documents-reports/documentdetail/348051603482699282>
7. UNESCO. (2021). *Digital learning in technical and vocational education and training: A global review*. UNESCO-UNEVOC International Centre for Technical and Vocational Education and Training. https://unevoc.unesco.org/pub/digital_learning_in_tvet.pdf
8. Ministry of Education and Training (MOET). (2021). *Chương trình chuyển đổi số ngành giáo dục đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*. Retrieved from <https://moet.gov.vn>
9. Nguyễn, T. L. (2022). *Nâng cao năng lực số cho giảng viên lý luận chính trị tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp*. Tạp chí Khoa học và Công nghệ, 18(6), 44–51.
10. OECD. (2020). *The digitalisation of education: Promises and risks*. OECD Education Working Papers, No. 224. <https://doi.org/10.1787/4de9f5a4-en>

LỒNG GHÉP GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP VÀO BÀI GIẢNG GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ NHẪM CHUẨN BỊ HÀNH TRANG CHO SINH VIÊN TRONG MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG SỐ

Cao Thị Hồng Thắm, Hoàng Thị Trang¹

¹Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM

Email: caothihongtham@lttc.edu.vn

hoangthitrang@lttc.edu.vn

Keyword: Professional ethics,

corporate culture,

political education,

digital transformation,

labor market readiness

TÓM TẮT:

Bối cảnh: Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số và chuyển đổi mô hình lao động đòi hỏi sinh viên không chỉ có chuyên môn vững mà còn cần đạo đức nghề nghiệp. Trong khi đó, các nội dung này chưa được tích hợp hiệu quả trong chương trình đào tạo nghề.

Kết quả: Bài viết đề xuất việc lồng ghép giáo dục đạo đức nghề nghiệp vào bài giảng Giáo dục Chính trị, thông qua một số nội dung trong chương trình giảng dạy môn giáo dục chính trị góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và năng lực hội nhập cho sinh viên.

Bàn luận: Việc tích hợp này giúp tăng tính thực tiễn của môn học, hỗ trợ sinh viên phát triển toàn diện cả về chuyên môn và phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu của môi trường lao động số. Bài viết kiến nghị một số giải pháp nhằm hiện thực hóa mục tiêu đào tạo toàn diện.

ABSTRACT:

Context: The rapid advancement of digital technology and the transformation of labor models demand that students not only have strong professional expertise but also possess professional ethics. However, these components have not yet been effectively integrated into vocational training programs.

Result: The paper proposes integrating professional ethics education into Political Education lectures through selected content areas of the Political Education curriculum, thereby contributing to improving training quality and enhancing students' integration capacity.

Discussion: This integration enhances the practical relevance of the subject, supports students' comprehensive development in both expertise and ethical character, and meets the requirements of the digital labor market. The paper suggests several solutions to help realize the goal of holistic education.

1. Đặt vấn đề

Sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, với nền tảng là các công nghệ hiện đại như trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây và tự động hóa, đã tạo ra những thay đổi căn bản trong cấu trúc và đặc điểm của thị trường lao động thế kỷ XXI. Thay

vì duy trì các mô hình việc làm truyền thống, nhiều tổ chức đã chuyển sang hình thức làm việc linh hoạt, từ xa, theo dự án hoặc theo năng lực cá nhân. Trước những chuyển dịch đó, người lao động hiện đại cần không chỉ vững chuyên môn mà còn phải phát triển các năng lực mềm như tư duy đổi mới, khả năng thích ứng nhanh, làm việc nhóm hiệu quả và đặc biệt là ý thức đạo đức nghề nghiệp.

Trong bối cảnh chuyển dịch mạnh mẽ của thị trường lao động, việc chuẩn bị hành trang toàn diện cho sinh viên – lực lượng lao động tương lai – trở thành một yêu cầu cấp thiết. Bên cạnh tri thức chuyên ngành, sinh viên cần được bồi dưỡng các giá trị cốt lõi liên quan đến nhân cách, đạo đức nghề nghiệp để có thể hội nhập hiệu quả vào các môi trường làm việc đa dạng, năng động trong thời đại số.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy chương trình đào tạo tại nhiều cơ sở giáo dục nghề nghiệp hiện nay vẫn nặng về truyền đạt kiến thức chuyên môn, trong khi các nội dung về đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm và thái độ nghề nghiệp chuẩn mực chưa được tích hợp một cách hệ thống hoặc chỉ xuất hiện dưới hình thức ngoại khóa, thiếu tính nhất quán và chiều sâu. Hệ quả là một bộ phận sinh viên tuy có năng lực kỹ thuật tốt nhưng lại gặp khó khăn trong việc thích nghi với môi trường làm việc chuyên nghiệp, thiếu khả năng xử lý các tình huống đạo đức, thậm chí rơi vào khủng hoảng giá trị cá nhân trong quá trình lao động thực tế.

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục nghề nghiệp hiện nay, môn Giáo dục Chính trị (GDCT) được nhìn nhận như một kênh giáo dục có nhiều tiềm năng trong việc hình thành phẩm chất toàn diện cho người học. Không chỉ cung cấp kiến thức nền tảng về chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng, môn học còn góp phần quan trọng trong việc định hướng thế giới quan, nhân sinh quan và hệ giá trị đạo đức cho sinh viên. GDCT đóng vai trò như một cầu nối giữa lý luận chính trị với thực tiễn nghề nghiệp, giữa lý tưởng công dân với hành vi nghề nghiệp có trách nhiệm. Trên cơ sở đó, việc tích hợp nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp vào giảng dạy GDCT được xem là một giải pháp thiết thực, phù hợp với yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong bối cảnh môi trường lao động số không ngừng thay đổi.

2. Cơ sở lý luận

Việc lồng ghép giáo dục đạo đức nghề nghiệp vào bài giảng Giáo dục Chính trị (GDCT) có cơ sở lý luận vững chắc từ các khía cạnh: lý thuyết giáo dục, lý luận chính trị – tư tưởng, yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực trong thời đại số, cũng như tiếp cận liên ngành giữa giáo dục đạo đức, phát triển con người.

Thứ nhất, lý luận về đạo đức nghề nghiệp trong giáo dục

Theo UNESCO, giáo dục không chỉ nhằm trang bị kiến thức chuyên môn mà còn có nhiệm vụ hình thành các giá trị đạo đức, năng lực hành vi và trách nhiệm nghề nghiệp cho sinh viên. Giáo dục phải đảm bảo sự phát triển toàn diện cho sinh viên, không chỉ giúp họ làm chủ kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp, mà còn bồi dưỡng những phẩm chất nhân cách thiết yếu để họ trở thành những công dân có trách nhiệm, biết cống hiến và hành xử đúng mực trong môi trường lao động và trong đời sống xã hội.

Đạo đức nghề nghiệp được hiểu là hệ thống các chuẩn mực hành vi và giá trị mà người lao động cần tuân thủ trong quá trình thực hiện công việc, bao gồm: tính trung thực, trách nhiệm, minh bạch, công bằng, tuân thủ quy định chuyên môn, bảo mật thông tin, và tôn trọng lợi ích cộng đồng. Đây là nền tảng để xây dựng niềm tin xã hội đối với người lao động, nâng cao uy tín của nghề nghiệp và góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững trong từng lĩnh vực.

Trong thời đại số, đạo đức nghề nghiệp còn mở rộng sang các lĩnh vực mới như đạo đức dữ liệu, bảo mật thông tin cá nhân, sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) một cách có trách nhiệm, và làm việc từ xa theo đúng chuẩn mực. Điều này đòi hỏi giáo dục đạo đức nghề nghiệp không thể tách rời khỏi chương trình đào tạo mà cần được lồng ghép trong mọi học phần có liên hệ với thực tiễn công việc. Trong đó, môn Giáo dục Chính trị có

thể trở thành một kênh chuyển tải tiềm năng, góp phần hình thành thế giới quan, nhân sinh quan và trách nhiệm công dân cho người học.

Thứ hai, vai trò và tiềm năng của môn Giáo dục Chính trị trong giáo dục nghề nghiệp

Môn GDCT không chỉ trang bị kiến thức chính trị – tư tưởng mà còn góp phần hình thành đạo đức nghề nghiệp, ý thức công dân và trách nhiệm xã hội cho người học. Trong bối cảnh hội nhập và phát triển, môn học này còn giúp người học nâng cao năng lực thích ứng với môi trường làm việc đa dạng, linh hoạt và đầy thách thức.

Theo Chương trình GDCT của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (2021), nội dung môn học bao gồm các chương: Khái quát về chủ nghĩa Mác – Lênin; Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh; Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng; Đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam; Tăng cường quốc phòng an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay; Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt. Đây là những nội dung có mối liên hệ tự nhiên với việc giảng dạy đạo đức nghề nghiệp thông qua nội dung: Tư tưởng Hồ Chí Minh về "Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư" có thể làm nền tảng để phát triển chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong bối cảnh mới; Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt – có thể kết nối với yêu cầu phát triển nhân lực vừa có năng lực chuyên môn, vừa có đạo đức nghề.

Việc lồng ghép các nội dung trên không chỉ làm tăng tính thực tiễn và hấp dẫn cho môn GDCT mà còn giúp khắc phục tình trạng học thụ động, đồng thời góp phần hình thành nguồn nhân lực vừa vững chuyên môn, vừa có đạo đức và bản lĩnh nghề nghiệp trong thời đại mới.

Thứ ba, môi trường lao động số và yêu cầu đối với người lao động tương lai

Môi trường lao động số là không gian làm việc hiện đại được cấu thành bởi sự ứng dụng sâu rộng của công nghệ số, tự động hóa, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT) và các nền tảng kỹ thuật số trong toàn bộ quá trình sản xuất, quản trị và tương tác xã hội. Môi trường này không chỉ làm thay đổi phương thức tổ chức công việc mà còn đặt ra các yêu cầu mới về kỹ năng và cấu trúc nhân lực.

So với mô hình lao động truyền thống, môi trường số đề cao hình thức làm việc từ xa, cộng tác trực tuyến, mô hình linh hoạt (agile) và chuỗi giá trị số hóa. Những đặc điểm như kết nối liên tục, phi cấu trúc, tự động hóa cao, đa văn hóa và liên ngành đang trở thành xu hướng chủ đạo.

Điều đó dẫn đến những yêu cầu toàn diện đối với người lao động tương lai, bao gồm: năng lực số, kỹ năng mềm, khả năng giao tiếp liên văn hóa, tư duy phản biện, sáng tạo, tinh thần học tập suốt đời, cùng với đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội. Trong bối cảnh đó, việc tích hợp giáo dục đạo đức nghề từ sớm, đặc biệt trong các môn học như Giáo dục Chính trị, là định hướng cần thiết nhằm hình thành đội ngũ lao động không chỉ có chuyên môn mà còn có bản lĩnh, đạo đức và khả năng thích ứng hiệu quả với thị trường lao động số.

3. Thực trạng và yêu cầu đổi mới

Thực trạng hiện nay

Thứ nhất, nội dung Giáo dục chính trị chưa gắn kết chặt chẽ với yêu cầu thực tiễn nghề nghiệp

Hiện nay, các chương trình Giáo dục Chính trị (GDCT) tại nhiều cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đại học vẫn chủ yếu tập trung vào việc truyền thụ lý luận chính trị theo hình thức kinh viện, thiếu sự cập nhật và tích

hợp với các vấn đề thực tiễn của môi trường lao động hiện đại. Những nội dung như đạo đức nghề nghiệp vốn rất thiết thực với sinh viên chuẩn bị bước vào thị trường lao động lại chưa được đề cập hoặc chỉ giảng dạy gián tiếp, rời rạc.

Thứ hai, phương pháp giảng dạy còn nặng tính thuyết giảng, thiếu tính tương tác và thực hành

Giảng dạy GDCT hiện nay vẫn còn phổ biến cách tiếp cận “thầy đọc – trò chép”, ít khai thác tình huống thực tiễn hoặc ứng dụng công nghệ hiện đại để mô phỏng bối cảnh nghề nghiệp. Điều này dẫn đến tâm lý nhàm chán, thụ động ở người học và khiến môn học bị đánh giá là khô khan, ít liên hệ đến đời sống và nghề nghiệp thực tế.

Thứ ba, sinh viên thiếu nhận thức và kỹ năng về đạo đức nghề nghiệp
Nhiều sinh viên tuy giỏi kiến thức chuyên môn nhưng lại lúng túng khi tiếp cận môi trường làm việc thực tế. Một số biểu hiện đáng lo ngại như: vi phạm quy tắc ứng xử trong môi trường công sở, thiếu ý thức bảo mật thông tin, sử dụng tài sản doanh nghiệp không đúng mục đích, thiếu tinh thần hợp tác,... cho thấy lỗ hổng về giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong nhà trường.

Thứ tư, chưa có cơ chế phối hợp hiệu quả giữa giảng viên GDCT và doanh nghiệp
Thực tiễn cho thấy mối liên kết giữa nhà trường – giảng viên GDCT – doanh nghiệp trong việc cùng xây dựng nội dung, tình huống mô phỏng hay tổ chức hoạt động trải nghiệm cho sinh viên còn rất hạn chế. Điều này làm giảm khả năng đưa nội dung đạo đức nghề nghiệp vào bài giảng một cách sinh động, phù hợp với nhu cầu xã hội.

Yêu cầu đổi mới trong bối cảnh môi trường lao động số

Thứ nhất, đổi mới nội dung GDCT theo hướng mở, linh hoạt, gắn thực tiễn nghề nghiệp
Trong bối cảnh công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, GDCT cần được thiết kế lại với cách tiếp cận đa ngành, tích hợp các vấn đề đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội của người lao động, văn hóa tổ chức trong môi trường số, nhằm tạo nền tảng đạo đức và nhân cách nghề nghiệp cho sinh viên.

Thứ hai, lồng ghép nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp và văn hóa doanh nghiệp một cách hệ thống
Việc lồng ghép không chỉ dừng ở các bài giảng lẻ tẻ, mà cần có định hướng rõ ràng trong chương trình học. Các chủ đề như “Đạo đức nghề nghiệp trong môi trường số”, cần được cụ thể hóa và tích hợp vào các chuyên đề phù hợp của môn GDCT.

Thứ ba, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát triển năng lực
Thay vì chỉ giảng lý thuyết, giảng viên cần tăng cường áp dụng các phương pháp tích cực như: dạy học qua tình huống (case study), mô phỏng vai trò (role-play), tranh biện, dự án, học qua trải nghiệm... nhằm phát triển tư duy phản biện, kỹ năng phân tích đạo đức nghề nghiệp của sinh viên.

Thứ tư, ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy và đánh giá năng lực sinh viên
Các công cụ như video tình huống, thực tế ảo (VR), mô phỏng doanh nghiệp số, hệ thống học tập trực tuyến có thể hỗ trợ hiệu quả trong việc lồng ghép các nội dung đạo đức nghề nghiệp vào bối cảnh số hóa. Đồng thời, cần đổi mới cách đánh giá sinh viên không chỉ qua bài kiểm tra mà qua năng lực giải quyết tình huống đạo đức, năng lực hợp tác.

4. Đề xuất giải pháp lồng ghép vào bài giảng GDCT

Việc lồng ghép giáo dục đạo đức nghề nghiệp vào bài giảng GDCT là hướng tiếp cận mang tính tích hợp, vừa giúp nâng cao chất lượng môn học, vừa góp phần đào tạo sinh viên phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu của môi trường lao động số. Để triển khai hiệu quả, cần thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp sau:

Thứ nhất: Xác định và tích hợp nội dung phù hợp trong chương trình GDCT

Lồng ghép trong nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư:

Việc giảng dạy tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng trong môn Giáo dục Chính trị (GDCT) không nên dừng lại ở việc truyền đạt các chuẩn mực đạo đức mang tính lý thuyết. Thay vào đó, nội dung này cần được tích hợp một cách có chiều sâu với các tình huống nghề nghiệp cụ thể trong môi trường lao động hiện đại, đặc biệt là trong bối cảnh số hóa, nơi các giá trị đạo đức truyền thống cần được cụ thể hóa bằng hành vi nghề nghiệp phù hợp. Việc lồng ghép này không chỉ góp phần tăng tính thực tiễn của bài giảng, mà còn giúp sinh viên định hình hành vi đạo đức trong quá trình học tập và làm việc sau này.

Cần: tức là lao động cần cù, siêng năng, có kế hoạch, có tinh thần lao động sáng tạo, giữ kỷ luật, năng suất cao, có trách nhiệm và luôn tự lực cánh sinh. Theo đó, đức tính “Cần” không chỉ đơn thuần là lao động chăm chỉ mà còn thể hiện ở tinh thần tự giác, thái độ chủ động trong học tập và công tác, hướng tới hiệu quả và trách nhiệm trong mỗi hành động nghề nghiệp

Trong bối cảnh chuyển đổi số và sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ, nội dung chuẩn mực “Cần” cần được tái định nghĩa và vận dụng phù hợp với đặc điểm của môi trường làm việc hiện đại. Người lao động không chỉ siêng năng trong công việc mà còn phải thể hiện năng lực thích ứng linh hoạt, chủ động học hỏi, cập nhật công nghệ, không phụ thuộc thụ động vào hệ thống kỹ thuật hoặc trí tuệ nhân tạo. Đây chính là biểu hiện cụ thể của đạo đức nghề nghiệp trong thời đại số, thể hiện phẩm chất nghề nghiệp của người lao động có trách nhiệm và cầu tiến.

Để giúp sinh viên hiểu rõ và vận dụng được tinh thần “Cần” vào hành vi nghề nghiệp, nội dung này có thể được lồng ghép hiệu quả trong bài giảng Giáo dục Chính trị thông qua các hình thức dạy học tích cực. Cụ thể, giảng viên có thể tổ chức hoạt động phân tích tình huống: một nhân viên học hỏi mỗi ngày nhằm cập nhật xu hướng công nghệ và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp. Sau khi tiếp cận tình huống, sinh viên được mời thảo luận theo câu hỏi định hướng: *“Theo bạn, phẩm chất ‘Cần’ trong tư tưởng Hồ Chí Minh được thể hiện như thế nào trong hành động của nhân vật trong tình huống trên, và có ý nghĩa ra sao đối với người lao động trong môi trường số hiện nay?”*

Thông qua hình thức giảng dạy này, chuẩn mực đạo đức “Cần” không chỉ được truyền đạt như một khái niệm lý luận, mà còn được cụ thể hóa bằng hành vi nghề nghiệp thực tiễn, giúp người học hình dung rõ hơn về vai trò và giá trị của đạo đức nghề nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số. Đồng thời, phương pháp này góp phần phát triển tư duy phân biện và ý thức tự học của sinh viên – những năng lực cốt lõi của người lao động trong nền kinh tế tri thức.

Kiệm: Hồ Chí Minh khẳng định: Kiệm là tiết kiệm sức lao động, thì giờ, tiền của của mình và của dân, của nước. Kiệm để giúp dân, giúp nước và giúp bản thân mình”. Như vậy, “Kiệm” không đơn thuần là sự tận tụy cá nhân mà là biểu hiện của ý thức trách nhiệm xã hội, của lối sống có tổ chức, biết trân trọng sức lao động và tài nguyên chung.

Trong bối cảnh chuyển đổi số và cách mạng công nghiệp 4.0, chuẩn mực “Kiệm” cần được hiểu và vận dụng phù hợp với môi trường lao động hiện đại, đặc biệt là trong các lĩnh vực gắn liền với công nghệ thông tin, dữ liệu lớn và tự động hóa. Cụ thể, “Kiệm” trong đạo đức nghề nghiệp ngày nay không chỉ là tiết kiệm thời gian, tiền bạc mà còn bao gồm việc sử dụng hiệu quả các tài nguyên số như: dung lượng bộ nhớ máy chủ, năng lượng điện phục vụ vận hành hệ thống, phần mềm bản quyền, hạ tầng mạng,...

Trong giảng dạy Giáo dục Chính trị, chuẩn mực “Kiệm” có thể được tích hợp vào các nội dung liên quan đến đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm công dân trong môi trường lao động số thông qua các tình huống

cụ thể. Một ví dụ điển hình là hoạt động thảo luận tình huống: “Một nhân viên văn phòng để máy chủ vận hành liên tục 24/7 mặc dù không có nhu cầu sử dụng, dẫn đến lãng phí điện năng và chi phí vận hành.” Giảng viên có thể tổ chức sinh viên phân tích hậu quả về mặt đạo đức và kinh tế, từ đó liên hệ với tư tưởng Hồ Chí Minh về đức “Kiệm”. Kết luận của giảng viên sẽ nhấn mạnh rằng hành vi nêu trên vi phạm nguyên tắc sử dụng tài nguyên có trách nhiệm, đồng thời trái với tinh thần tiết kiệm – một chuẩn mực đạo đức cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Việc tổ chức các hoạt động giảng dạy như trên không chỉ giúp sinh viên hiểu sâu sắc hơn giá trị của chuẩn mực “Kiệm” mà còn góp phần hình thành ý thức đạo đức nghề nghiệp trong bối cảnh hiện đại. Đồng thời, đây cũng là một hướng tiếp cận hiệu quả trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy môn Giáo dục Chính trị theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất toàn diện cho sinh viên.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, “Liêm” tức là luôn luôn tôn trọng và bảo vệ của công và của dân, không xâm phạm đồng xu, hạt thóc của nước của dân trong mọi hoàn cảnh

Trong môi trường nghề nghiệp hiện đại, đặc biệt là trong các ngành nghề liên quan đến công nghệ, “Liêm” cần được hiểu là sự trung thực trong sử dụng và quản lý dữ liệu, không lợi dụng thông tin khách hàng hay nguồn lực số vì mục đích cá nhân. Đây là yêu cầu mang tính nguyên tắc trong bối cảnh dữ liệu đang trở thành tài sản quan trọng của tổ chức và xã hội.

Ví dụ giảng dạy: Giảng viên tổ chức hoạt động mô phỏng: một nhân viên IT của công ty tài chính đã trích xuất thông tin khách hàng và bán cho bên thứ ba nhằm thu lợi cá nhân. Sinh viên được chia nhóm thảo luận với câu hỏi: “Hành vi này vi phạm nguyên tắc nghề nghiệp nào và có trái với tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh không?”

Kết luận giảng dạy nhấn mạnh: hành vi trục lợi từ dữ liệu khách hàng là biểu hiện rõ ràng của sự thiếu “Liêm”, trái ngược hoàn toàn với tinh thần đạo đức cách mạng mà Hồ Chí Minh đề cao.

“Chính” tức là thẳng thắn, đứng đắn, quang minh chính đại. Chính là cái tâm thẳng thắn đối với người, với việc, không tự cao, tự đại, luôn thật thà, tự kiểm điểm mình

Trong bối cảnh giáo dục và lao động số, biểu hiện của “Chính” cần được cụ thể hóa thành hành vi báo cáo dữ liệu trung thực, không gian lận kết quả, không đạo văn trong học tập và nghiên cứu, đặc biệt là khi sử dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo như ChatGPT v.v.

Ví dụ giảng dạy: giảng viên đưa ra tình huống: một sinh viên sử dụng công cụ AI để viết bài tiểu luận nhưng không ghi rõ nguồn trích dẫn và đứng tên hoàn toàn. Câu hỏi được đặt ra cho lớp: “Hành vi này có phản ánh đạo đức nghề nghiệp không? Có phù hợp với tư tưởng ‘Chính’ của Hồ Chí Minh không?” Kết luận cho thấy: việc không minh bạch về nguồn gốc thông tin và gian lận trong học thuật là hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp, đồng thời đi ngược với giá trị chính trực, minh bạch mà Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh.

“*Chí công vô tư*” là luôn công bằng, công tâm, không thiên tư thiên vị, nêu cao chủ nghĩa tập thể, từ bỏ chủ nghĩa cá nhân.

Trong môi trường số, “Chí công vô tư” được thể hiện rõ qua tinh thần công tâm trong xử lý hệ thống, dữ liệu và quyền hạn, không thiên vị người thân, bạn bè khi phân quyền hệ thống, hoặc trong các quyết định quản lý và kiểm soát thông tin nội bộ.

Ví dụ giảng dạy: Giảng viên đưa ra tình huống: “Bạn là quản trị hệ thống trong một doanh nghiệp công nghệ. Người thân của bạn đề nghị cấp quyền truy cập vào kho dữ liệu nhạy cảm mặc dù người này không có nhiệm vụ chuyên môn liên quan.”

Sinh viên được yêu cầu thảo luận: “Bạn sẽ xử lý như thế nào? Quyết định đó thể hiện phẩm chất đạo đức gì? Liên hệ với tư tưởng Hồ Chí Minh.”

Kết luận cho thấy: từ chối cấp quyền vì không đúng quy trình là biểu hiện của hành vi “chí công vô tư”, đặt lợi ích tổ chức và nguyên tắc nghề nghiệp lên trên tình cảm cá nhân.

Lồng ghép nội dung giáo dục nghề nghiệp trong nội dung Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt:

Trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế sâu rộng, việc tu dưỡng và rèn luyện phẩm chất người công dân không thể tách rời khỏi việc giáo dục các quy định pháp luật liên quan đến đạo đức nghề nghiệp, quyền và nghĩa vụ của người lao động, cũng như vấn đề bảo vệ thông tin và tài sản trí tuệ trong không gian số. Đây là những yêu cầu thiết yếu để hình thành một công dân có trách nhiệm và người lao động hiện đại, thích ứng với môi trường lao động số.

Trước hết, đạo đức nghề nghiệp ngày nay không chỉ dựa trên lương tâm nghề nghiệp mà còn được thể chế hóa thông qua các bộ luật chuyên ngành. Việc giảng dạy các chuẩn mực hành vi như trung thực, minh bạch, chống lợi ích cá nhân, tuân thủ quy trình nghiệp vụ là cần thiết để xây dựng ý thức nghề nghiệp vững chắc cho sinh viên.

Thứ hai, trong môi trường số, các vấn đề như bảo mật dữ liệu, bảo vệ thông tin cá nhân và quyền sở hữu trí tuệ trở nên cấp thiết. Luật An ninh mạng 2018, Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi 2022 và Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2023 là những căn cứ pháp lý quan trọng cần được đưa vào giảng dạy để trang bị cho sinh viên khả năng ứng xử phù hợp trong không gian số.

Ví dụ giảng dạy

Giảng viên có thể xây dựng tình huống mô phỏng: “Một sinh viên thực tập sử dụng phần mềm công ty để chia sẻ dữ liệu khách hàng cho bên thứ ba mà không xin phép.” Sinh viên thảo luận theo các câu hỏi: Hành vi này vi phạm những quy định pháp luật nào? Có phù hợp với đạo đức nghề nghiệp không? Nếu là bạn, bạn sẽ xử lý ra sao? Qua đó, người học được rèn luyện tư duy đạo đức, hiểu vai trò của pháp luật và phát triển năng lực hành vi nghề nghiệp trong bối cảnh thực tế.

Việc tích hợp các nội dung pháp luật và đạo đức nghề nghiệp như trên không chỉ giúp người học phát triển toàn diện về nhân cách mà còn chuẩn bị cho họ khả năng thích ứng hiệu quả với yêu cầu của thị trường lao động hiện đại và môi trường làm việc toàn cầu hóa

Thứ hai: Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát triển năng lực và trải nghiệm thực tiễn

Một trong những xu hướng đổi mới quan trọng hiện nay là chuyển từ dạy học truyền thụ kiến thức sang phát triển năng lực người học, trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến tư duy phản biện, năng lực xử lý tình huống đạo đức nghề nghiệp và thích ứng với môi trường lao động số.

Dạy học theo tình huống: Giảng viên sử dụng các tình huống điển hình liên quan đến đạo đức nghề nghiệp trong không gian số như lạm dụng AI, làm việc nhóm từ xa thiếu trách nhiệm, hay xung đột văn hóa trong doanh nghiệp. Sinh viên được tổ chức thảo luận, phản biện, từ đó phát triển tư duy đạo đức và khả năng ứng xử chuyên nghiệp.

Học tập dựa trên dự án: Sinh viên được giao nhiệm vụ xây dựng “Bộ quy tắc ứng xử đạo đức nghề nghiệp”. Quá trình xây dựng sản phẩm, thuyết minh và tranh biện là cơ hội để tích hợp hiệu quả kiến thức GDCT với thực tiễn nghề nghiệp.

Thứ ba: Ứng dụng công nghệ số để tăng tính hấp dẫn và hiệu quả

Tổ chức lớp học trực tuyến và nền tảng LMS: Các lớp học theo chủ đề được triển khai trên Moodle, Google Classroom giúp sinh viên tham gia phân tích tình huống, nộp bài, thảo luận trên diễn đàn học thuật một cách linh hoạt và tương tác.

Đổi mới phương pháp đánh giá: Không chỉ dừng ở kiểm tra kiến thức, việc đánh giá năng lực đạo đức được thực hiện qua sản phẩm nhóm, phản biện, nhật ký trải nghiệm nghề nghiệp – giúp phản ánh toàn diện hơn năng lực thực hành chính trị – đạo đức.

Thứ tư: Bồi dưỡng đội ngũ giảng viên GDCT và phát triển học liệu chuyên biệt

Tổ chức tập huấn giảng viên: Các lớp tập huấn chuyên đề về kỹ năng lồng ghép giáo dục nghề nghiệp, ứng dụng công nghệ, xây dựng tình huống dạy học tích hợp,... giúp nâng cao năng lực cho giảng viên GDCT trong tiếp cận mới.

Phát triển ngân hàng học liệu: Xây dựng hệ thống học liệu chuyên biệt gồm: tình huống nghề nghiệp, kịch bản mô phỏng, video minh họa, tài liệu số, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm và tự luận – giúp việc giảng dạy phong phú, sát với thực tiễn.

Thứ năm: Tăng cường phối hợp giữa nhà trường – doanh nghiệp – xã hội

Thiết lập kênh đối thoại ba bên: Sự kết nối giữa giảng viên – doanh nghiệp – sinh viên giúp đồng sáng tạo nội dung bài giảng sát thực tế nghề nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo.

Tổ chức học kỳ doanh nghiệp và hoạt động cộng đồng: Sinh viên được trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp hoặc tham gia dự án cộng đồng, khởi nghiệp xã hội... Qua đó, quá trình tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp được mở rộng từ lớp học ra ngoài xã hội, bám sát yêu cầu công dân thời đại số.

5. Kết luận và kiến nghị

Kết luận:

Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, thị trường lao động hiện đại đang đòi hỏi những yêu cầu mới đối với người lao động, không chỉ về chuyên môn kỹ thuật mà còn về đạo đức nghề nghiệp. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết cho các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp trong việc đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo để chuẩn bị hành trang toàn diện cho sinh viên.

Môn Giáo dục Chính trị (GDCT), với đặc trưng là môn học hình thành thể giới quan, nhân sinh quan, đạo đức và lý tưởng sống cho sinh viên, có tiềm năng lớn để tích hợp các nội dung về đạo đức nghề nghiệp. Việc lồng ghép này không chỉ giúp tăng tính thực tiễn, hấp dẫn và hiệu quả của bài giảng GDCT mà còn góp phần quan trọng vào việc hình thành lớp sinh viên “vừa hồng vừa chuyên” – những người lao động có năng lực, phẩm chất và trách nhiệm trong thời đại số.

Tuy nhiên, thực tiễn triển khai hiện nay cho thấy việc tích hợp các nội dung này còn nhiều hạn chế, cả về nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy lẫn năng lực của giảng viên. Do đó, cần có những đổi mới đồng bộ, bài bản và định hướng chiến lược để nâng cao chất lượng đào tạo và năng lực hội nhập nghề nghiệp cho sinh viên.

Kiến nghị

Thứ nhất: Đối với cơ quan quản lý giáo dục và ban xây dựng chương trình đào tạo:

Cần cập nhật, điều chỉnh chương trình môn GDCT theo hướng mở, tích hợp liên ngành, trong đó bổ sung rõ ràng các nội dung liên quan đến đạo đức nghề nghiệp và văn hóa doanh nghiệp gắn với bối cảnh lao động số.

Xây dựng hệ thống học liệu chính thống, bao gồm ngân hàng tình huống đạo đức nghề, tài liệu giảng dạy tích hợp...

Thứ hai: Đối với cơ sở đào tạo và khoa Giáo dục Chính trị:

Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn định kỳ cho đội ngũ giảng viên GDCT về kỹ năng sư phạm tích hợp, phương pháp dạy học phát triển năng lực, ứng dụng công nghệ.

Phối hợp với các khoa chuyên ngành và doanh nghiệp để xây dựng học phần liên kết, tổ chức hội thảo chuyên đề, tọa đàm đạo đức nghề nghiệp và trải nghiệm thực tế doanh nghiệp.

Khuyến khích các mô hình đổi mới sáng tạo trong dạy học GDCT

Thứ ba: Đối với giảng viên GDCT:

Chủ động đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng lấy người học làm trung tâm, tăng cường dạy học tình huống.

Tích cực cập nhật thông tin thực tiễn từ môi trường lao động, văn hóa doanh nghiệp hiện đại để làm phong phú thêm nội dung bài giảng.

Xây dựng và chia sẻ học liệu mở, các kịch bản mô phỏng, bài tập tình huống có liên hệ đến ngành nghề của sinh viên.

Thứ tư: Đối với sinh viên:

Cần nâng cao nhận thức về vai trò của GDCT không chỉ là môn học lý luận mà là nền tảng tư tưởng, đạo đức và định hướng hành vi trong nghề nghiệp tương lai.

Chủ động tham gia các hoạt động ngoại khóa, thực tập doanh nghiệp, diễn đàn nghề nghiệp để bồi dưỡng kỹ năng ứng xử, văn hóa công sở, đạo đức nghề trong bối cảnh thực tế.

Kết luận:

Việc lồng ghép giáo dục đạo đức nghề nghiệp vào bài giảng Giáo dục Chính trị là một hướng đi cấp thiết và giàu ý nghĩa trong bối cảnh đổi mới giáo dục và chuyển đổi số sâu rộng hiện nay. Trong môi trường lao động số, nơi kiến thức chuyên môn chỉ là một phần và các giá trị đạo đức, kỹ năng thích ứng, hiểu biết văn hóa tổ chức trở thành điều kiện thiết yếu, việc tích hợp các nội dung này vào giảng dạy GDCT góp phần hình thành tư duy nghề nghiệp toàn diện cho sinh viên. Giáo dục Chính trị, với thế mạnh về nền tảng lý luận tư tưởng, đạo đức và trách nhiệm công dân, có tiềm năng lớn trong việc xây dựng năng lực phản tư đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và bản lĩnh chính trị – xã hội cho người học. Nếu được cập nhật, đổi mới cả về nội dung lẫn phương pháp, môn học này có thể trở thành cầu nối hiệu quả giữa thế giới lý luận và thực tiễn nghề nghiệp hiện đại. Do đó, việc tích hợp giáo dục đạo đức nghề nghiệp vào bài giảng GDCT không chỉ góp phần nâng cao chất lượng môn học, mà còn tạo nền tảng tư tưởng – đạo đức vững chắc cho sinh viên, giúp họ trở thành những người lao động có năng lực, có trách nhiệm, thích ứng tốt và hội nhập hiệu quả trong môi trường lao động số, đầy biến động nhưng cũng nhiều cơ hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2014). *Nghị quyết số 33-NQ/TW về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*.
2. Nguyễn Thị Mai. (2023). Văn hóa doanh nghiệp trong chiến lược phát triển bền vững doanh nghiệp Việt Nam. *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*.
3. Nguyễn Thị Mai & Trần Văn Phúc. (2023). Vai trò của văn hóa doanh nghiệp trong phát triển năng lực thích ứng của sinh viên. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*.
4. Nguyễn Thị Phương Thảo. (2020). Đạo đức nghề nghiệp và vai trò trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. *Tạp chí Lý luận Chính trị*.
5. Nguyễn Thị Phương Thảo. (2023). Giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong đào tạo sinh viên: Từ lý luận đến thực tiễn. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*.
6. Trần Thị Hồng & Lê Văn Hùng. (2022). Giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong đào tạo sinh viên thời đại số: Vai trò của môn Giáo dục Chính trị. *Tạp chí Giáo dục*.



NHÂN VĂN

SÁNG TẠO

PHÁT TRIỂN

BỀN VỮNG